Chú giải Ngạ Quỷ Sự (Peter Masefield dịch Anh; TK Minh Huệ dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

THERAVĀDA Phật Giáo Nguyên Thủy

Chú giải Ngạ quỷ sự Dịch từ Pāli sang Anh ngữ: PETER MASEFIELD Việt dịch: Tỳ khưu MINH HUỆ

Ấn bản 2007

Lưu ý: Đọc với phông chữ VU Times (Viet-Pali Unicode)

MỤC LỤC

Lời giới thiệu Lời phi lộ

[01] Chương I. Xà Phẩm (Uragavagga)

I.1 Phước điền quỷ sự (Khettūpamā Petavatthuvaṇṇnanā)
I.2 Trủng quỷ sự (Sūkara Petavatthuvaṇṇnanā)
I.3 Xú khẩu quỷ sự (Pūtimukha Petavatthu-vaṇṇanā)
I.4 Tích chuyện cái bánh đồ chơi (Piṭṭhadhītalika)
I.5 Hộ ngoại quỷ sự (Tirokuḍḍa Petavatthu-vaṇṇanā)
I.6 Thực ngũ nhi quỷ sự (Pañcaputtakhādaka)
I.7 Thực thất nhi quỷ sự (Sattaputtakhādaka)
I.8 Ngưu quỷ sự (Goṇa Petavatthuvaṇṇanā)
I.9 Đại chức vật sư quỷ sự (Mahāpesakāra Petavatthuvaṇṇanā)
I.10 Ngốc đầu quỷ sự (Khallāṭiya Petavatthu-vaṇṇanā)
I.11 Tượng quỷ sự (Nāga Petavatthuvaṇṇanā)
I.12 Xà quỷ sự (Uraga Petavatthuvaṇṇanā)
Chương II. Uất Ba Lợi Phẩm (Ubbarīvagga)

II.1 Ly luân hồi quỷ sự (Saṃsāramocaka Petavatthu-vaṇṇanā) II.2 Xá Lợi Phất Mẫu quỷ sự (Sārīputtattheramātu Petavatthuvaṇṇanā) II.3 Mẫu quỷ sự (Mattā Petavatthuvaṇṇanā) II.4 Nan Đà quỷ sự (Nandā Petavatthuvaṇṇanā) II.5 Nhĩ hoàn nữ quỷ sự (Maṭṭakuṇḍali Petavatthuvaṇṇanā) II.6 Hắc quỷ sự (Kaṇha Petavatthuvaṇṇana) II.7 Tài hộ quỷ sự (Dhanapāla Petavatthuvaṇṇanā) II.8 Tiểu thương quỷ sự (Cūḷaseṭṭhi Petavatthu-vaṇṇanā) II.9 Quỷ sự về Ankura (Aṅkura Petavatthu-vaṇṇanā) II.10 Uất Đa La Mẫu quỷ sự (Uttaramātu Petavatthuvaṇṇanā) II.11 Tư Ngạ quỷ sự (Sutta Petavatthuvaṇṇanā)

II.12 Vô nhĩ khuyển cẩu quỷ sự (Kaṇṇamuṇḍa Petavatthuvaṇṇanā) II.13 Uất Ba Lợi quỷ sự (Ubbarī Petavatthu-vaṇṇanā)

[02] Chương III. Tiểu Phẩm (Cuḷavagga)

III.1 Bất đáng quỷ sự (Abhijjāmāna Petavatthuvaṇṇanā) III.2 Quỷ sự về Sanuvasi (Sānuvāsi Petavatthuvaṇṇanā) III.3 Tạo Xa quỷ sự (Rathakāra Petavatthuvaṇṇanā) III.4 Mạt quỷ sự (Bhusa Petavatthuvaṇṇanā) III.5 Tiểu nhi quỷ sự (Kumāra Petavatthuvaṇṇanā) III.6 Sê Rí Ni quỷ sự (Serinī Petavatthuvaṇṇanā) III.7 Liệp lộc quỷ sự (Migaludda Petavatthuvaṇṇanā) III.8 Đệ nhị Liệp lộc quỷ sự III.9 Trá khi quỷ sự (Kūṭavinicchayika Petavatthu-vaṇṇanā) III.10 Giới bất kỉnh thấp quỷ sự (Dhātuvivaṇṇa Petavatthuvaṇṇanā)

Chương IV. Đại Phẩm (Mahāvagga)

IV.1 Ăm Bá Sắc Khá Rá quỷ sự (Ambasakkhara Petavatthuvaṇṇanā) IV.2 Sê Rít Sá Ká quỷ sự (Serissaka Petavatthu-vaṇṇanā) IV.3 Nan Đà quỷ sự (Nandaka Petavatthuvaṇṇanā) IV.4 Rê Vát Ti quỷ sự (Revatī Petavatthuvaṇṇanā) IV.5 Cam giá quỷ sự (Ucchu Petavatthuvaṇṇanā) IV.6 Tiểu nhi quỷ sự (Kumāra Petavatthuvaṇṇanā) IV.7 Vương nhi quỷ sự (Rājaputta Petavatthu-vaṇṇanā) IV.8 Phẩn thực quỷ sự (Gūthakhādaka Petavatthu-vaṇṇanā) IV.9 Thực phẩn quỷ sự (Gūthakhādaka Petavatthu-vaṇṇanā) IV.10 Quần tập quỷ sự (Gaṇa Petavatthuvaṇṇanā) IV.11 Hoa tử quỷ sự (Pāṭaliputta Petavatthu-vaṇṇanā) IV.12 Âm Ba quỷ sự (Amba Petavatthuvaṇṇanā) IV.13 Mộc trục quỷ sự (Akkharukkha Petavatthu-vaṇṇanā) IV.14 Súc tài quỷ sự (Bhogasaṃharaṇa Petavatthu-vaṇṇanā) IV.15 Thương tử quỷ sự (Seṭṭhiputta Petavatthu-vaṇṇanā) IV.16 Quỷ sự về sáu chục ngàn cái búa (Saṭṭhikūṭasahassa Petavatthuvaṇṇanā)

Kết luận

-ooOoo-

LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, Kính thưa quý Phật tử và quý độc giả uyên thâm.

Tập chú giải Ngạ quỷ sự này được khởi dịch vào khoảng sau mùa Dâng Y năm vừa rồi và hoàn mãn vào ngày 02, tháng 02, năm 1994. Qua bộ chú giải này, chúng tôi có một vài nhận xét như sau:

Những chúng sanh nào trong cõi người mà chưa chứng đắc các tầng thiền, nghĩa là tâm vẫn còn bị chi phối bởi ngũ dục: Đối với những người có Đức tin trong chánh Pháp thường gieo tạo nhiều việc phước như bố thí, trì giới v.v..., nhưng đôi khi vẫn còn phạm phải chút ít các nghiệp về thân, khẩu và ý; Do đó, sau khi chết đều tái sanh trong cõi Dục. Nếu vào lúc lâm chung mà thiện nghiệp

được tích lũy mạnh hơn sanh lên trong tâm thời sẽ được sanh về một trong sáu tầng trời Dục giới hay cõi nhân loại.

Tuy nhiên, nếu có ác nghiệp nào đó đã làm trong quá khứ sanh lên trong tâm vào lúc lâm chung thời người ấy phải tái sanh trong bốn khổ cảnh: Hoặc là Địa ngục, Súc sanh, A-tu-la, hoặc là sanh làm Ngạ quỷ. Nếu ác nghiệp ấy quá nặng nề, thời phải trực tiếp sanh trong địa ngục, rồi sau đó sanh trong cõi Ngạ quỷ, hoặc súc sanh v.v... Nhưng khi

sanh làm người, sẽ chịu nhiều bất hạnh (đây là trường hợp chung chung chứ không tuyệt đối). Bằng ngược lại, nếu ác nghiệp yếu hơn và có tiềm ẩn trong tâm một số thiện nghiệp, nhưng vì lúc mạng chung tâm đi tái sanh là tâm bất thiện, nên người này có thể sanh vào cõi Ngạ quỷ, hoặc nửa Ngạ quỷ nửa chư Thiên, hoặc sanh trực tiếp vào cõi súc sanh.

Trong kinh có dạy rằng: "Giới ngăn ngừa cho chúng sanh không sanh vào các khổ cảnh". Nhưng cái gì khiến cho giới sanh lên trong tâm? Trong tạng Luật có dạy rằng, tàm và quý - hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, là hai trạng thái của tâm thiện. Chúng như hai vị Kiện tướng hùng dũng dẫn đường cho Đạo quân Thiện Pháp vươn tới để người ta thành tựu những việc phước.

Chính bộ Ngạ quỷ này mà sau khi đọc xong, chắc chắn quý vị sẽ không nhiều thì ít thấy rõ nỗi khổ cùng cực mà các Ngạ quỷ phải lãnh chịu trong khổ cảnh ấy. Và do đó, sẽ sanh tâm ghê sợ và hổ thẹn tội lỗi; nhờ vậy mà giới của quý vị sẽ được củng cố và trong sạch. Đó là lợi ích của việc thọ trì bộ Chú giải Ngạ quỷ sự này.

Đức Phật có dạy rằng: Có những nghiệp ác mà do tác ý khéo léo của những thiện nhân khiến cho nó trở thành vô hiệu nghiệp, nghĩa là nó không thể cho quả được như hạt giống không có chỗ đất và những điều kiện thích hợp để cho nó nẩy mầm, đành phải khô héo và tiêu tan. Nhưng có những nghiệp mà dầu chư Thiên có Đại oai lực hay phạm thiên hay ngay cả Chư Phật trong kiếp chót của các Ngài cũng không thể tránh khỏi được. Do vậy, tôi xin lấy lời khuyên mình để thưa với quý vị rằng: Chúng ta không nên khinh thường một ác nghiệp nào cả, dầu nhỏ nhặt đến đâu, bởi vì khi nó cho quả thì sự thọ lãnh của nó thật là cay đắng và đau khổ.

Tuy nhiên, cũng có những kẻ thiếu trí tự cho rằng mình đã làm quá nhiều thiện nghiệp, thì những điều ác nhỏ nhặt có thấm vào đâu, hoặc là nếu nó có cho quả thì ta cũng có thể chịu được, vì một việc thiện lớn. Nhưng đối với họ là nhỏ, còn những người có tàm có quý thì xem những ác nghiệp nhỏ tựa như núi Thái sơn. Ở đây, tôi tán dương những người làm việc thiện dầu ở bất cứ tôn giáo nào. Nhưng tôi không khen ngợi và tán thành câu: "Sát nhất miêu cứu vạn thử", bởi vì đức Phật có dạy rằng, "Điều nào đem lại lợi ích cho người và cho chính mình thì hãy làm, bằng ngược lại thì không nên làm." Do đó, khi làm việc thiện, ta nên cố gắng tránh những điều ác có thể len lỏi vào.

Cha mẹ hay thân bằng quyến thuộc của chúng ta đã quá vãng thì ta nên làm phước về bốn món vật dụng như vật thực v.v... để hồi hướng cho những quyến thuộc ấy của chúng ta. Đó là cách báo đáp ân sâu đối với những bậc hữu ân đã quá vãng, biết đâu những quyến thuộc ấy đã sanh trong cõi Ngạ quỷ hay làm một Vimāna Peta, nghĩa là nửa chư Thiên nửa Ngạ quỷ; nếu không thì phước ấy cũng không vô ích cho chính ta. Ngoài cách cầu siêu ấy ra thì không còn cách nào hơn.

*

"Pháp thí thù thắng hơn tất cả các sự bố thí khác" (Phật ngôn).

Do phước báu của sự phiên dịch bộ kinh này, xin hồi hướng đến chư Thiên ở khắp mười phương, nhất là Vua trời Đế Thích và Tứ Đại Thiên Vương, cầu mong các Ngài hoan hỷ thọ lãnh Pháp Thí ấy. Sau khi đã thọ lãnh rồi; xin hộ trì cho cha mẹ của chúng tôi được an vui, mạnh khỏe, tật bệnh tiêu trừ, tai qua nạn khỏi và được tiến hóa trên đường Phật đạo, xin hộ trì cho chư thí chủ cũng được thành tựu các quả lành như ý nguyện, và cho tất cả chúng sanh được thanh bình hạnh phúc,

mưa thuận gió hoà, người người thương yêu lẫn nhau, dìu dắt nhau vươn tới hạnh phúc tối thượng.

Người ta nói rằng: dịch là phản, nhưng với lòng tha thiết với giáo pháp của Đức Phật mà trình độ phiên dịch thì có hạn, nên không thể tránh khỏi thiếu sót; mong chư Đại Đức Tăng và chư học giả uyên thâm hãy niệm tình hỷ xả.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Mong thay! Tỳ khưu Minh Huệ.

-ooOoo-

CHÚ GIẢI VỀ NHỮNG CÂU CHUYỆN NGẠ QUỶ

Con xin thành kính tán dương Đức Thế Tôn, Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

*

LỜI PHI LỘ

1. Con xin đảnh lễ Đấng cứu tinh có lòng từ bi quảng đại, Bậc đã vượt qua Đại Dương của các Pháp có thể biết được, và bằng nhiều phương tiện đã thuyết giảng các pháp vi diệu và thâm sâu.

2. Con xin đảnh lễ Pháp cao thượng, được đức Chánh Biến Tri tôn trọng, nhờ đó mà những người có trí tuệ và giới đức đều được dẫn dắt ra khỏi thế gian này.

3. Con xin đảnh lễ Chư Thánh Tăng, là Phước điền vô thượng gồm những bậc có những đức tánh về giới đức v.v... đã đứng vững trong các thánh Đạo.

4. Do phước báu của sự làm lễ ba ngôi Tam Bảo, do hồng ân chói lọi của Tam Bảo, xin giúp con diệt trừ những chướng ngại ở khắp mọi nơi.

5. Chính do sự khác biệt về sự hưởng quả của nghiệp này hay nghiệp khác mà các Ngạ quỷ đã gieo tạo trong những kiếp quá khứ, khiến cho kiếp sống này hay kiếp sống nọ sanh làm một Ngạ quỷ đã xảy đến cho chúng.

6. Sự giải rõ điều này là giáo pháp ấy của chư Phật, làm cho thấy rõ sự thọ lãnh quả của các nhiệp, đặc biệt khiến cho sự kinh cảm sanh lên.

7. Và điều ấy có cơ sở trên một sự hiểu biết hoàn toàn (về chủ đề), tức là những câu chuyện Ngạ quỷ được trùng tuyên bởi những vị Thầy vĩ đại trong bộ Khuddaka-Nikāya.

8. Hoàn toàn dựa vào đó theo cách chú giải cổ xưa về những câu chuyện Ngạ quỷ và giải thích chủ đề đặc biệt ở nhiều chỗ.

9. Giải rõ một cách rõ ràng và không có lộn xộn những ý nghĩa vi tế theo đúng với những quan điểm của người trú ngụ trong Tịnh xá Mahāvihāra.

10. Tôi sẽ trình bày bằng hết khả năng của mình một bài giải thích sáng chói về ý nghĩa của chúng. Với lòng tôn kính đúng mức, xin hãy chú tâm theo dõi điều mà tôi sẽ giải ra.

Ở đây câu chuyện Ngạ quỷ (kể) về điều này hay điều nọ là nghiệp làm nguyên nhân cho sự đạt đến kiếp sống sanh làm Ngạ quỷ của chúng, Bắt đầu bằng câu chuyện về đứa con trai của vị thương nhân giàu có. Do đó, những câu chuyện Ngạ quỷ từ bài kinh mà bắt đầu bằng câu kệ, "Những vị A-la-hán như một thửa ruộng". Diễn ra bằng lối giải thích rõ ràng ý nghĩa của chúng. Bây giờ những câu chuyện Ngạ quỷ này, được nói ra cho ai, được nói ở đâu, khi nào, và tại sao những câu chuyện ấy được nói ra? Tương truyền rằng những câu chuyện Ngạ quỷ này tiếp diễn trong hai phần, do nhân cần thiết đã sanh lên và do những câu hỏi và những câu trả lời. Ở đây, cái mà diễn ra do nhân cần thiết đã sanh lên, chừng này được nói ra bởi đức Thế Tôn, trong khi phần kia khi được hỏi bởi Trưởng lão Nārada và những vị khác, và được trả lời bởi Ngạ quỷ này hay Ngạ quỷ khác. Tuy nhiên, bởi vì phần này hay phần kia của những câu hỏi và những câu trả lời khi đã được nêu lên bởi Trưởng lão Nārada và những vị khác thì bậc Đạo sư sẽ lấy phần này hay phần nọ làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng giáo pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó; do đó toàn thể những câu chuyện Ngạ quỷ được xem là đã được nói ra bởi chính bậc Đạo sư. Khi bậc Đạo sư đã chuyển bánh xe của Giáo Pháp cao thượng và đang lưu trú ở chỗ này hay chỗ nọ, như ở Rājagaha và những nơi khác. Theo lệ thường, bài pháp nầy hay bài Pháp khác bao gồm một câu chuyện Ngạ quỷ đã xảy ra với mục đích làm cho thấy rõ sự thọ lãnh quả của nghiệp của những chúng sanh do bởi những câu hỏi và những câu trả lời mà điều này hay điều khác (đã tình cờ) sanh lên nguyên nhân cần thiết. Tới chừng mức như vậy, đây là câu trả lời chung cho những câu hỏi nói về "do ai mà chúng được nói ra" v.v... Tuy nhiên, vấn đề này sẽ xuất hiện đặc biệt trong bài giải thích về ý nghĩa của câu chuyện này hay câu chuyện khác.

Về Tam tạng Piṭaka, tức là Luật tạng, Kinh tạng, và tạng Abhidhamma, những câu chuyện Ngạ quỷ này được bao gồm trong Kinh tạng. Đối với năm bộ Nikāya, tức là Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, và Tiểu Bộ Kinh, chúng được bao gồm trong Tiểu Bộ Kinh. Về chín chi phần của giáo pháp, tức là những bài pháp văn xuôi, văn xuôi và kệ, những bài thuyết giảng, những câu kệ, những câu kệ cảm hứng, Kinh Phật thuyết như vậy, những câu Chuyện Bổn sanh, những điều kỳ diệu, linh tinh, chúng được phân loại là những câu kệ. Về Tám Mươi Bốn Ngàn Pháp Môn của Giáo Pháp được thừa nhận bởi vị quan giữ kho Chánh Pháp như vầy:

"Tám Mươi Hai Ngàn tôi đã lãnh hội từ Đức Phật, và Hai Ngàn từ vị Tỳ khưu, là Sārīputta. Tám Mươi Bốn Ngàn Pháp Môn này là pháp luân chuyển". Chuyện Ngạ quỷ

được phân loại là một số ít trong những pháp Môn này. Bằng những phần tụng đọc, có đến bốn phần tụng đọc. Về phẩm thì chúng được phân loại thành bốn phẩm: Xà Phẩm, Phẩm Ubbarī (Uất-ba-lợi), Tiểu Phẩm và Đại Phẩm. Về những phẩm này, có mười hai câu chuyện trong phẩm đầu, mười ba câu chuyện trong phẩm thứ hai, mười câu chuyện trong phẩm thứ ba, và mười sáu câu chuyện trong phẩm thứ tư. Như vậy, bộ kinh này được tô điểm bởi năm mươi mốt câu chuyện cả thảy. Ở đây, về phẩm thì Xà phẩm là Phẩm thứ nhứt; về những câu chuyện thì chuyện Ngạ quỷ như thửa ruộng là câu chuyện thứ nhứt, hơn nữa, trong câu chuyện này câu kệ đầu tiên là: "Những vị A-la-hán giống như một thửa ruộng". Bây giờ, đây là câu chuyện ấy.

-ooOoo-

CHƯƠNG I

XÀ PHẨM (URAGAVAGGA)

*

I.1 PHƯỚC ĐIỀN QUỶ SỰ (KHETTŪPAMĀ PETTAVATTHUVAṆṆANĀ)

Đức Thế Tôn, khi đang ngụ ở chỗ nuôi ăn của những con sóc, trong khu rừng Trúc tại Rājagaha, đã kể lại câu chuyện này liên quan đến một Ngạ quỷ nọ mà trước kia là con trai của một vị thương Nhân giàu có.

Tương truyền rằng, tại Rājagaha có một vị Thương nhân giàu có nọ, có của cải lớn, vật sở hữu lớn, nhiều nguồn vật chất và vô số Koṭi của cải tích lũy. Chính vì ông ta có của cải lớn mà ông ta đơn giản được nổi danh là Mahā Dhanasetthi (Đại Trưởng giả). Ông ta chỉ có một đứa con trai duy nhất, được ái nịch nhiều và được chiều chuộng. Khi cậu ta đến tuổi thành niên thì cha mẹ của cậu nghĩ rằng, "nếu con trai của chúng ta tiêu xài một ngàn đồng mỗi ngày trong một trăm năm thì cả số của cải này cũng không hết. Hãy cho nó hưởng tài sản này theo ý thích của nó với một thân và tâm không mỏi mệt, vì không cần phải học một nghề nào". Họ đã không để cho cậu ta học nghề và khi cậu đến tuổi thành niên, họ đem về cho cậu một nàng dâu thuộc một gia đình tốt, trẻ trung, xinh đẹp và duyên dáng, nhưng là người ưa khoái lạc nhục dục và không quan tâm đến lối sống tâm linh. Khi cậu ta hưởng những khoái lạc tình yêu với nàng, cậu chẳng hề có một ý nghĩ về chánh Pháp và trở nên bất kính với những vị Sa-môn, Bà-la-môn và những bậc đáng kính, và lại được vây quanh những người ác. Và được bám sát như thế, cậu ta vui thích trong ngũ dục bằng tánh si mê của cậu, cậu mải mê đắm chìm trong khoái lạc và trải qua cuộc đời như thế.

Khi Cha mẹ qua đời, anh ta hoang phí của cải của mình, vung vải tiền bạc đến những vũ nữ những ca sĩ và những người khác theo ý thích của anh ta. Chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả của cải của anh ta dần dần cạn hết, anh ta bắt đầu sống bằng cách cấn nợ vay tiền. Khi anh ta không thể kiếm thêm tiền vay và bị thúc ép bởi những chủ nợ, anh ta cho họ đất trồng trọt, nhà cửa và những thứ khác, rồi đến sống trong phước xá dành cho những người nghèo túng trong cùng thành phố ấy, ăn (cái gì anh ta kiếm được) bằng cách đi lang thang cầm bát xin ăn.

Một hôm nọ, có một số tên cướp kéo đến và nói với anh ta rằng, "Hãy nhìn đây, này người kia, tại sao cuộc sống của anh lại vất vả đến như thế này? Anh còn trẻ lại có sức mạnh, nhanh nhẹn và có khả năng. Tại sao phải sống như người mất tay mất chân vậy? Nào! Nhờ đi ăn cắp với chúng ta, anh có thể kiếm về của cải của những người khác và sống thoải mái!" "Tôi không biết cách ăn cắp". Anh ta đáp lại. "Chúng ta sẽ chỉ cách cho anh. Anh chỉ cần làm theo mọi điều mà chúng ta bảo," những tên cướp nói. "Thôi được", anh ta đồng ý và đi chung với chúng. Rồi những tên cướp đặt một cây gậy lớn vào tay anh ta rồi đột nhập vào nhà. Khi chúng đi vào, chúng để anh ta đứng ở cửa ngạch, dặn rằng, "nếu có ai khác đến đây thì cầm cây gậy này đánh vào người ấy một cú cho chết". Đầy si mê rồ dại và không biết cái gì là tốt hay xấu đối với anh ta, anh ta đứng ở đó, nhìn quanh chờ những người lạ đi đến, trong khi đó những tên cướp đi vào nhà lấy bất cứ cái gì chúng có thể rớ tới, và chạy đi loạn xạ ngay khi những người trong nhà biết được việc làm của chúng. Những người trong nhà đứng lên, chạy rất nhanh và lùng sục tìm kiếm chúng khắp mọi hướng, trông thấy người đàn ông đứng ở cửa, nơi mà chúng đã đột nhập vào. "Nó đó kìa, tên cướp." Họ nói, và rồi tóm lấy anh ta và đánh anh ta bằng cây gậy và những thứ khác trên hai tay và hai chân của anh ta. Họ đưa anh ta đến trước đức vua và nói rằng "Tâu Bệ hạ", đây là tên cướp đã bị tóm bắt ở cửa miệng ngạch". "Truyền chém đầu nó!" Đức vua truyền lệnh cho đội binh bảo vệ thành phố. "Xin tuân lệnh, tâu bệ hạ", Đội lính canh thành phố nói và sai trói chặt hai cánh tay của anh ta ra sau lưng. Với một tràng hoa Kanavīra màu đỏ được buộc quanh cổ của anh ta và cái đầu của anh ta bị làm vấy bẩn bởi bụi gạch, người ta đánh anh ta bằng roi trong khi dẫn anh ta đến pháp trường theo con đường đã được công bố bằng tiếng trống xử trảm. Họ dẫn anh ta đi từ con đường này đến con đường khác, và từ ngã tư đường này đến ngã tư đường khác, trong khi đó tiếng la ó từ hai bên đường vang lên rằng, "đây là tên cướp đã bị tóm bắt trong thành phố này!"

Bấy giờ trong thành phố ấy, vào trường hợp ấy, có cô gái điếm của thành phố, tên là Sulasā, đang đứng trong cung điện nhìn ra qua cửa sổ mắt cáo, và trông thấy anh ta bị dẫn đi như thế. Do đã làm quen với anh ta trong quá khứ, lòng thương xót đối với anh ta khởi lên trong nàng vì nàng nghĩ rằng: "Người đàn ông này mà đã thường thọ hưởng sự hưng thịnh lớn trong cùng thành phố này, nay phải rơi vào tình cảnh bất hạnh như thế, đi đến cảnh ngộ khốn đốn như vậy". Nàng gởi ra bốn loại đồ ngọt và một ít nước, và sai công bố với đội lính canh của Thành phố rằng, "Xin các

ngài hãy tạm dừng một chút cho đến khi người đàn ông này đã ăn xong những thứ đồ ngọt này và uống nước này". Bấy giờ, trong khoảng thời gian xảy ra sự việc này, Đại đức Moggallāna trông thấy cảnh ngộ của anh ta khi Ngài dò xét thế gian bằng thiên nhãn của Ngài, tâm của Ngài bị kích động bởi lòng bi mẫn và Ngài nghĩ rằng, "Người đàn ông này đã không làm những việc phước, anh ta chỉ gây ra những ác nghiệp mà thôi. Vì lý do này anh ta sẽ anh vào trong Địa Ngục. Nhưng nếu ta đi đến đó và anh ta chịu cho ta những thứ đồ ngọt và nước uống, thời anh ta sẽ ra đi cọng trú với những vị chư Thiên địa cầu. Lành thay, nếu ta giúp đỡ người ấy", Và Ngài xuất hiện trước mặt người đàn ông khi những thứ đồ ngọt và nước uống đang được đem đến cho anh ta. Khi anh ta trông thấy Trưởng lão, với lòng tịnh tín, anh ta suy nghĩ rằng "Nếu ta ăn

những thứ đồ ngọt này thì có ích gì cho người sắp bị giết chết? Nhưng chúng có thể làm hành trang cho người đi sang thế giới bên kia". Và anh ta nhờ người dâng những thứ đồ ngọt và nước uống đến Trưởng lão. Với mục đích làm gia tăng lòng tịnh tín của anh ta, Trưởng lão ngồi xuống ở một chỗ để anh ta có thể trông thấy Ngài, và ăn những thứ đồ ngọt và uống nước, rồi đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra đi. Người đàn ông bị những Đao Phủ thủ dẫn đến pháp trường và chém đầu. Dầu anh ta đáng được sanh vào cõi Devaloka thù thắng nhờ việc phước mà anh ta đã gieo tạo nơi Trưởng Lão Mahā Moggallāna, là phước điền vô thượng, nhưng vì anh ta đã nghĩ rằng, "Chính nhờ ơn của Sulasā nên ta có được phước này", nên những ý nghĩ vào lúc lâm chung của anh ta bị lấm nhơ bởi những cảm nghĩ về tình thương đối với Sulasā, và vì thế anh ta sanh lên ở cấp độ thấp, làm một vị thọ Thần trong một cây đa lớn giữa một đám cây rừng có bóng mát dầy đặc.

Tương truyền rằng, Nếu trong thời thanh xuân của anh ta mà anh ta làm việc chăm chỉ và trông nom gia hệ, thời chắc chắn anh ta sẽ là một người tối thắng trong những vị thương nhân giàu có trong cùng thành phố ấy; nhưng trái lại, nếu khi ở tuổi trung niên, thời anh ta sẽ là người tối thắng trong những vị thương nhân giàu có bực trung; và nếu ở tuổi già, thời anh ta sẽ là một trong những vị thương nhân bực thấp nhứt. Tuy nhiên, nếu trong thời thanh niên của anh ta mà anh ta đi xuất gia, thời anh ta sẽ trở thành một vị A-la-hán; nhưng trái lại, nếu trong thời trung niên, thời anh ta sẽ trở thành một vị Bất lai hay Nhất lai; và nếu trong tuổi già của anh ta, thì anh ta sẽ trở thành một vị Tu-đà-huờn (Sotāpanna). Nhưng người ta nói rằng, do sự kết hợp của anh ta với bạn ác, anh ta đã trở nên ngang ngạnh và xu hướng theo hạnh kiểm xấu, và chơi bời trụy lạc với những nữ nhân, uống rượu, và đến một lúc nào đó anh ta đã tiêu phí hết tất cả tài sản của mình và đi đến cảnh ngộ bi đát to lớn ấy.

Rồi về sau vị chư Thiên ấy trông thấy Sulasā đang đi đến công viên. Đầy tham ái và dục vọng, vị ấy làm cho nàng mê mờ, rồi đưa nàng đến cõi của chính vị ấy, và sống gắn bó với nàng trong bảy ngày và rồi cho nàng trông thấy chơn tướng của mình. Mẹ của nàng, vì không thể trông thấy nàng ở đâu, bèn rảo đi khắp các nơi mà khóc lóc. Khi mọi người trông thấy bà ta, họ nói rằng: "Đức Mahā Moggallāna tôn quý là Người có đại thần thông và đại uy lực, sẽ biết được chỗ ở của nàng. Bà nên đi hỏi Ngài" "Tốt lắm, thưa các người", Bà ta nói, đoạn đi đến Trưởng lão và hỏi Ngài về vấn đề ấy. Trưởng lão nói rằng Bà sẽ trông thấy nàng ở mé góc của hội chúng khi Đức Thế Tôn đang thuyết giảng Chánh Pháp ở Mahā vihāra, trong khu rừng trúc, trong bảy ngày kể từ hôm nay". Rồi Sulasā nói với vị Devaputta rằng, "Thật không thích hợp để tôi sống trong trú xứ của ngài, ngày hôm nay là ngày thứ bảy, và mẹ của tôi vì không thể trông thấy tôi, sẽ rất nóng lòng và buồn khổ, xin hãy đưa tôi về lại chỗ đó, Deva ạ!" vị ấy đưa nàng đi khi đức Thế Tôn đang thuyết giảng Chánh Pháp ở khu rừng trúc, và đặt nàng ở mé góc của hội chúng, rồi đứng ẩn mình. Nhân đó mọi người, khi trông thấy Sulasā, bèn nói rằng, "Sulasā cưng, cô đã ở đâu trong nhiều ngày như vậy? Mẹ của cô, vì không thể trông thấy cô, đầy mong ngóng và buồn khổ như người đảng trí". Nàng kể cho mọi người biết biến cố đã xảy ra. Và khi mọi người hỏi rằng, "Làm sao mà người đàn ông ấy, là người đã đắm chìm trong những hành động ác như thế, và cũng là người chưa hề làm việc

thiện nào, lại được sanh làm một vị Deva?" Salasā đáp lại rằng: "Anh ta đã cúng đến Trưởng lão cao quý Mahā Moggallāna những loại đồ ngọt và nước uống mà tôi đã cho anh ta; chính do việc phước nầy mà anh ta được sanh làm một vị Deva". Sau khi mọi người nghe được điều này thì họ lấy làm ngạc nhiên; và họ cảm thấy hoan hỷ lớn và thoả mãn khi nghĩ rằng: "Những bậc A-la-hán quả thật là phước điền vô thượng của thế gian - Ngay cả một việc thiện nhỏ nhất được làm đến cho các ngài cũng khiến cho những chúng sanh ấy được sanh làm chư thiên".

Các vị Tỳ khưu nêu lên vấn đề này với đức Thế Tôn; và do nhân cần thiết đã sanh lên, đức Thế Tôn bèn nói những câu kệ này:

1. Thánh Tăng như ruộng tốt tươi,
Những kẻ dâng cúng như người trồng cây;
Hạt giống như phước thí đây:
Từ những nhân ấy quả này cho ra.
2. Hạt này với thuở ruộng này,
Với công trồng trọt kết xây quả lành
Cho người quá vãng của mình
Và cho người đã tạo thành phước kia;
Ngạ quỷ hưởng phước được chia,
Người cho nhờ đó sanh về cõi vui.
3. Ở đây, khi phước tạo rồi,
Và cho Ngạ quỷ đứng ngồi chờ mong.
Phước lành khi đã tạo xong,
Người kia khi chết sanh trong cõi trời.
Vào lúc kết thúc Pháp thoại này, Tuệ quán sanh đến cho tám mươi bốn ngàn chúng sanh bắt đầu từ vị Devaputta ấy và nàng Sulasā.

Bằng sự giải thích này về ý nghĩa bên trong, bằng sự trình bày này rõ câu chuyện Ngạ quỷ này, Phước điền Ngạ quỷ sự được kết thúc.

*

I.2 TRỦNG QUỶ SỰ (SŪKARA PETAVATṬHUVAṆṆANĀ)

"Thân của ngươi hoàn toàn có màu vàng".

Pháp thoại nầy được bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở chỗ nuôi ăn của những con sóc trong khu rừng Trúc, gần Rājagaha, liên quan đến một Ngạ quỷ nọ có mặt heo.

Tương truyền rằng, cách đây đã lâu, trong thời kỳ của Đức Thế Tôn Kassapa có một vị Tỳ khưu có thân được thu thúc, nhưng khẩu thì không được thu thúc và thường lăng mạ chửi mắng các vị Tỳ khưu. Khi vị ấy chết, tái sanh trong địa ngục; ở đó vị ấy bị thiêu đốt trong suốt thời gian giữa hai vị Phật, đến thời gian này vị ấy chết đi ở đó, như là kết quả dư báo của nghiệp ấy, sanh làm một Ngạ quỷ ở dưới chân núi Kỳ-Xà-Quật gần

Rājagaha. Thân của nó có màu huỳnh kim, nhưng mặt của nó giống như mặt của con lợn. Vào thời ấy, Đại đức Nārada đang lưu trú ở núi Kỳ-Xà-Quật. Khi đã làm xong mọi nhu cầu về thân, vào lúc sáng sớm, trưởng lão mặc y và mang bát, và khi vị ấy đang đi vào thành Rājagaha để khất thực, trên đường đi trông thấy Ngạ quỷ ấy, trưởng lão bèn đọc lên câu kệ này để dò hỏi nhiệp mà nó đã tạo nên:

1. "Thân ngươi mang sắc huỳnh kim,
Toả ra ánh sáng lung linh bốn bề;
Nhưng mặt ngươi giống lợn xề.
Nghiệp gì ngươi đã nặng nề tạo nên?"
Ngạ quỷ ấy được hỏi như vậy bởi Trưởng lão về nghiệp mà nó đã tạo, bèn trả lời bằng cách thốt lên câu kệ này:

2. Tôi đã thu thúc về thân; về lời nói thì tôi không thu thúc. Vì lý do này, thưa Ngài (Nārada), sắc tướng của tôi như Ngài thấy đó."

Tôi đã thu thúc về thân,
Nhưng còn lời nói thì không hộ phòng;
Nên thân sáng đẹp vô ngần,
Còn mặt giống lợn muôn phần xấu xa.
Khi Ngạ quỷ đã trả lời như vậy vấn đề mà nó được hỏi đến bởi Trưởng lão, khi nương vào lý do này, nó thốt lên câu kệ này để khuyên Trưởng lão:

3. "Do đo tôi xin nói với Ngài, Thưa Ngài (Nārada), chính Ngài đã trông thấy điều này; đừng tạo nghiệp ác về khẩu, đừng kết thúc bằng cái mặt heo!"

Vậy, hỡi (Nārada):

Tôi xin được nói rằng
Điều này Ngài đã thấy,;
Ác khẩu chớ tạo ra,
Đừng để kiếp sau phải
Có mặt heo như ta!
Rồi Trưởng lão Nārada đi tiếp đến Rājagaha để khất thực. Sau khi thọ thực xong, vị ấy trở về và nêu vấn đề với Bậc Đạo sư khi Ngài đang ngồi ở giữa tứ chúng. Bậc Đạo sư nói rằng: "Nầy Nārada Như Lai cũng đã trông thấy chúng sanh ấy trong quá khứ", và rồi thuyết Pháp khi giải thích bằng vô số cách về những quả liên quan đến ác hạnh . Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng đã hội họp ở đó.

*

I.3 XÚ KHẨU QUỶ SỰ (PŪTIMUKKHA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Ngươi có nước da đẹp như chư Thiên".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở chỗ nuôi ăn của những con sóc trong khu rừng trúc, liên quan đến một Ngạ quỷ nọ có miệng thúi.

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, trong thời của Đức Thế Tôn Kassapa,có hai chàng thanh niên thuộc gia đình danh giá, đã xuất gia theo giáo pháp của Ngài và có đầy đủ giới hạnh, sống thọ trì các hạnh đầu đà và trú ngụ với nhau trong sự hoà hợp ở trong một ngôi làng nọ. Rồi một vị Tỳ khưu nọ, có xu hướng theo những việc làm ác và thích đâm thọc, đã đến tại chỗ ngụ của họ. Hai vị Trưởng lão đã tiếp đón vị ấy một cách thân mật và lo cho vị ấy nơi ăn chốn ở. Vào ngày hôm sau, hai vị trưởng lão cùng với vị Tỳ khưu kia đi vào làng để khất thực. Khi trông thấy những vị này, dân chúng tỏ sự tôn kính tột bậc đến ba vị Trưởng lão và dâng cúng đến họ một bữa ăn bằng cơm dẻo và những thứ khác. Khi vị Tỳ khưu ấy đã đi vào Tịnh xá, vị ấy suy nghĩ, "Ngôi làng này là một nguồn vật thực hấp dẫn, vì những người của nó có đầy niềm tin, lại dâng cúng vật thực ngon, và tịnh xá nầy mát mẽ, lại có nước đầy đủ . Ta có thể sống hạnh phúc ở đây; Nhưng chừng nào hai vị Tỳ khưu này còn sống ở đây thì Tịnh xa này sẽ không đem lại cho ta sự thoả mái nào- Ta sẽ sống ở đây như một môn đệ thường trú. Thôi được, ta phải làm cho họ phải xa lìa nhau và khiến họ không thích sống ở đây nữa".

Bởi vậy vào hôm nọ, khi vị Trưởng lão lớn đã giáo giới hai vị kia rồi thì vị Tỳ khưu đâm thọc đi vào chỗ ngụ của vị ấy, ở lại đó một chốc lát và rồi đi đến vị Trưởng lão lớn ấy. Trưởng lão hỏi vị

ấy rằng: "Này hiền giả, tại sao hiền giả đến vào lúc phi thời như thế?" "Thưa ngài, tôi có chuyện cần nói ra", (vị ấy đáp lại); Và khi Trưởng lão đã cho phép vị ấy (nói) thì vị ấy nói rằng: "Thưa Ngài, vị Trưởng lão bạn này của Ngài khoe mình như một người bạn trước mặt của Ngài, nhưng sau lưng thì nói những chuyện về Ngài như là một địch thủ". Khi được hỏi đó là điều gì, vị ấy nói rằng: " Hãy lắng nghe, thưa Ngài, vị ấy nói về điều mang tai tiếng của Ngài, rằng: "Vị Trưởng lão lớn láo cá, xảo quyệt và gian dối; vị ấy kiếm sống bằng những phương tiện bất chánh". "Đừng nói như vậy, này hiền giả, vị Tỳ khưu này không nói những chuyện như thế về tôi. Vị ấy đã biết tánh của tôi từ lúc chúng tôi còn là cư sĩ. Tôi luôn luôn có tánh thân ái và dễ thương". "Nếu Ngài nghĩ như vậy do bởi tấm lòng thanh tịnh của Ngài, thời điều ấy xem như xong đối với Ngài. Nhưng tôi thì không có cảm nghĩ xấu đối với vị ấy như vậy, thế thì tại sao tôi lại nói cho Ngài biết rằng vị ấy đã nói như vậy nếu vị ấy không nói điều đó? Tốt lắm, thưa Ngài, nhưng chính Ngài sẽ tự mình hiểu về điều ấy sau một thời gian", vị ấy nói. Nhưng vị Trưởng lão ấy, vì vẫn còn là một Puthujjana, trở nên bán tín bán nghi, tự hỏi rằng' "Có đúng như vị ấy nói không?" Và sự ngờ vực khởi lên trong tâm của vị ấy, lòng tin cậy của vị ấy bị lay động một ít. Sau khi đã làm ly gián vị Trưởng lão lớn, kẻ ngu ấy cũng đưa vị Trưởng lão kia vào tình trạng như đã nói ở trên. Vào ngày hôm sau, vị trưởng lão lớn chẳng nói chuyện với vị Trưởng lão kia khi mang y và bát, và đi vào ngôi làng ấy để khất thực. Khi họ đem về vật thực khất thực của họ, mỗi người ăn nó trong chỗ ngụ riêng của mỗi người và không trao đổi một sự xã giao nào, dầu nhỏ nhặt nhất, trãi qua ngày ngay tại chỗ đó; Trong khi vào lúc rạng sáng, mỗi người đi đến bất cứ chỗ nào mà người ấy thấy thuận tiện và không báo cho vị kia biết. Khi họ trông thấy vị Tỳ khưu đâm thọc đã đi vào ngôi làng ấy, là nơi có thể làm thành tựu tất cả những ước muốn của vị ấy, mọi người hỏi rằng: "Thưa Ngài, các vị Trưởng lão đã đi đâu rồi?" "Họ cãi lộn nhau suốt đêm. Tôi đã khuyên họ đừng cãi cọ mà hãy sống trong sự hoà hợp và rằng sự

cãi vã ấy dẫn đến sự bất hạnh, đem lại sự đau khổ trong tương lai và đưa đến những việc làm bất thiện; Hơn nữa, bấy nhiêu điều có lợi ích mà đã được làm rồi xem như bị tiêu tan bởi sự tranh cãi và những điều khác. Nhưng họ đã bỏ đi và không quan tâm đến những lời khuyên của tôi". Khi nghe điều này, dân chúng nài nỉ rằng: "Hãy để những vị Trưởng lão ấy đi, nếu họ muốn nhu vậy. Nhưng Ngài phải ở lại đây vì lòng bi mẫn đối với chúng tôi. Ngài sẽ không có sự hối tiếc nào!" "Tốt lắm" Vị ấy đồng ý. Khi đã ở lại đó trong vài ngày, vị ấy suy nghĩ, "ta đã gây bất hoà cho những vị Tỳ khưu có giới đức và có tánh dễ mến, do lòng ham hố trú xứ của ta. Chắc chắn ta sẽ làm một điều ác độc rồi!" Và bị dày vò bởi lương tâm khó chịu cùng cực, vị ấy nhuốm bịnh bởi sức nặng của sự sầu khổ của vị ấy; chẳng bao lâu vị Tỳ khưu đâm thọc mạng chung và tái sanh trong địa ngục Avīji.

Khi hai vị Trưởng lão bạn kia đi lang thang quanh khắp vùng ấy, họ gặp nhau ở một chỗ ngụ nọ và trao đổi những lời chào hỏi thân thiện với nhau. Họ báo cho nhau biết về những lời ly gián mà vị Tỳ khưu kia đã nói; và khi họ khám phá rằng không có sự chơn thật trong đó, lại hoà hợp trở lại; và đúng lúc họ trở về lại chính chỗ ngụ ấy. Khi dân chúng trông thấy hai vị Trưởng lão ấy, họ vô cùng vui sướng, và đầy hạnh phúc, dâng cúng hai vị Trưởng lão bốn món vật dụng. Hai vị Trưởng lão ở lại đó, được cung cấp bởi đồ ăn thích hợp và đã phát triển tuệ quán do sự tập trung của tâm, và không bao lâu sau chứng đắt đạo quả A-la-hán.

Vị Tỳ khưu đâm thọc bị thiêu đốt trong địa ngục trong một trung gian Phật thời; và trong suốt thời gian của Đức Phật này, sanh lên không cách xa thành Vương xá làm một Ngạ quỷ có miệng hôi thối. Thân của nó có màu sắc huỳnh kim, nhưng có những con giòi bò ra từ miệng của nó và đục khoét chỗ này chỗ nọ trên mặt của nó. Nó toả ra mùi hôi thối, xông khắp cả không trung. Bấy giờ, khi Đại Đức Nārada đi xuống từ ngọn núi Kỳ-Xà-Quật, vị ấy trông thấy nó và hỏi về nghiệp mà nó đã tạo bằng câu kệ này:

"Người có sắc đẹp của chư Thiên. Nhưng khi ngươi đứng trong không trung, trong bầu trời, thì những con giòi đục khoét cái miệng thối của ngươi. Ngươi đã làm nghiệp gì trong quá khứ?"

"Thân ngươi đẹp sắc chư Thiên Nhưng khi ngươi đứng ở trên bầu trời,

Thì từ cái miệng của ngươi
Bị đục khoét bởi đám giòi thối tha.
Nghiệp gì ngươi đã tạo ra
Trong thời quá khứ nói ta nghe nào?"
Khi được hỏi bởi Trưởng lão về nghiệp mà nó đã làm, con Ngạ quỷ thốt lên câu kệ để giải thích vấn đề:

2. "Tôi là một Sa-môn có miệng ác và thối tha; Dầu mang lốt của một vị Sa-môn, nhưng tôi không thu thúc cái miệng. Do sự tinh tấn khổ hạnh của ta khiến ta nhận được màu sắc này, và do lời nói đâm thọc của ta khiến tôi có miệng hôi thối."

"Tôi là một vị xuất gia.

Nói lời chia rẽ thối tha không chừng.
Dầu mang tướng mạo Sa-môn,
Nhưng về khẩu nghiệp tôi không hộ phòng.
Do công tinh tấn tu hành,
Nên thân tôi có sắc vàng huỳnh kim,
Và do đâm thọc xỏ xiên.
Nên miệng tôi bị thối rình như ri."
Khi Ngạ quỷ ấy đã trình bày nghiệp mà nó đã tạo, sau đó nó nói lên câu kệ kết luận để khuyên Trưởng lão:

3. Chính Ngài đã trông thấy điều này, thưa ngài Nārada. Những người mà có lòng bi mẫn và có thiện tâm thường nói rằng: "Đừng nói đâm thọc cũng đừng nói dối - như thế người sẽ trở thành một Yakkha với tất cả những mong muốn của người được làm thoả mãn."

"Chính Ngài đã thấy điều này,
Những người tốt bụng và hay thương người
Khuyên "Đừng đâm thọc dối đời -
Nếu được như thế cõi trời chờ mong,
Làm chư Thiên hoặc Dạ Xoa,
Những điều mong muốn cho ta tức thì".
Khi đã nghe qua điều này, Trưởng lão đi tiếp đến thành Vương Xá để khất thực. Khi đã độ thực xong sau khi khất thực trở về, vị ấy nêu lên vấn đề với Bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư lấy đó làm nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp. Thời Pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng đã tụ họp ở đó.

*

I.4 TÍCH TRUYỆN CÁI BÁNH ĐỒ CHƠI (PIṬṬHADHĪTALIKA)

"Liên quan đến bất cứ ai!"

Bậc Đạo sư, khi đang ngụ trong Jetavana tại Sāvatthi, đã kể lại câu chuyện này, liên quan đến sự bố thí vật thực của gia chủ Anāṭhapiṇḍika .

Tương truyền rằng, đứa cháu gái của gia chủ Anāthapiṇḍika, vẫn còn là một cô gái nhỏ, được vú nuôi cho một cái bánh đồ chơi, bà ta nói rằng, "Hãy lấy cái này mà chơi". Cô bé xem nó như đứa con gái của chính mình. Rồi một hôm, trong khi đang chơi với nó, cô bé bất cẩn để nó rơi xuống

và bị vỡ. Khi thấy vậy, cô bé bậc khóc, nói rằng, "con gái của tôi đã chết!" Nhưng không có người hầu nào có thể làm vơi nước mắt của nó được.

Bấy giờ trong cùng thời gian ấy, Bậc Đạo sư đang ngồi trong chỗ ngồi đã được soạn sẵn trong nhà của gia chủ Anāthapiṇḍika, và vị Thương nhân rất giàu có ấy thì ngồi gần Đức Thế Tôn. Bà vú nuôi đi với cô gái đến trước vị Thương nhân. Khi ông ta trông thấy bà ta, ông ta nói rằng, "tại sao cháu bé này khóc?" Bà vú nuôi tường thuật lại biến cố đã

xảy ra với vị phú thương, và ông ta để cô bé ngồi trên đùi của ông ta và an ủi nó: "ông sẽ cúng dường vật thực nhân danh con gái của cháu". Và rồi bạch với Bậc Đạo sư rằng: "Con muốn cúng dường vật thực nhân danh con gái cuả cháu gái con- là cái bánh đồ chơi này. Xin Ngài hoan hỷ nhận lời mời của con, bạch Đức Thế Tôn, và năm trăm vị Tỳ khưu đến thọ thực vào ngày mai". Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi vào ngày hôm sau, đức Thế Tôn đi với năm trăm vị Tỳ khưu, đến nhà của vị phú thương ấy và, khi Ngài đã thọ thực xong, bèn nói những câu kệ này để nói lên lời tán dương của Ngài:

1. Liên quan đến bất cứ ai, những người không bỏn xẻn cho vật thực, dầu đối với những Ngạ quỷ trước kia, hay hơn nữa đến những vị chư Thiên trong nhà,

2. Và Tứ Đại Thiên Vương, là những kẻ hộ trì nổi tiếng của thế gian; Đó là: Kuvera, Dhataraṇṇha, Virūpakkha, Virulhaka. Khi những vị này được tôn kính thì những người cho không phải không có quả báu.

3. Dầu khóc lóc, sầu muộn hay ta thán đến bao nhiêu cũng không đem lại lợi ích gì cho những Ngạ quỷ, dầu những quyến thuộc của họ mãi theo sát bên họ.

4. Nhưng sự bố thí này mà sau khi đã được làm rồi, đã gieo trồng vững chắc trong chư Tăng, thì bằng kết quả tức thời sẽ đem lại lợi ích lâu dài cho chúng.

Những người không bỏn xẻn
Hằng cho ra vật thí,
Rồi cho bất cứ ai,
Hoặc Ngạ quỷ quá vãng,
Hay đến những chư Thiên,
Ở trong các tư gia.
Và Tứ Đại Thiên Vương,
Là những kẻ bảo vệ,
Nổi tiếng của thế gian -
Đó là Kú-Vê-Rá
Và Dhá-Tá-Rá-tha
Và Vi-ru-bắc-khá
Cùng Ví-run-há-cá.
Khi những thiên vương này
Được tôn kính như vậy,
Thì những người bố thí
Không phải không có quả.
Dầu khóc lóc buồn rầu,
Hay ta thán thế nào,
Cũng không đem lợi ích
Đến cho những Ngạ quỷ,
Dầu quyến thuộc của chúng
Cứ dai dẳng nhớ chúng.

Nhưng sự bố thí này
Mà đã được làm rồi,
Và đã trồng vững chắc
Trong chúng tăng của Phật
Thì hiệu quả tức thì Sẽ làm lợi lâu dài Cho những Ngạ quỷ ấy.

Khi Đức Thế Tôn đã thuyết giảng chánh pháp như thế và đã làm cho người ấy vui thích trong sự bố thí nhân danh những Ngạ quỷ, Ngài đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra đi. Vào ngày hôm sau, người vợ của vị phú hộ ấy tổ chức một cuộc bố thí vật thực to lớn kéo dài đến một tháng. Rồi ngài Pāsenadi, vua của nước (Kosala), đi đến Đức Thế Tôn và hỏi rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, tại sao những vị Tỳ khưu không đến nhà của con cả tháng nay?". Khi Bậc Đạo sư báo cho vị ấy biết lý do thì Đức vua cũng vậy, noi theo gương của vị phú hộ ấy, tổ chức một cuộc lễ bố thí lớn đến chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu. Và khi trông thấy điều này thì những thần dân cũng noi theo gương của Đức Vua và tổ chức một cuộc Đại thí lớn kéo dài trong một tháng. Như vậy, họ đã tổ chức một cuộc đại thí kéo dài trong hai tháng, tất cả dều do cái bánh đồ chơi.

*

I.5 HỘ NGOẠI QUỶ SỰ (TIROKUḌḌA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Chúng đứng ở bên ngoài những vách nhà".

Bậc Đạo sư trong khi đang trú ngụ ở Rājagaha, đã kể lại câu chuyện này liên quan đến một số lớn Ngạ quỷ. Đây là câu chuyện ấy, được kể đầy đủ chi tiết.

Cách đây chín mươi hai Đại kiếp có một Thành phố tên là Kāsipurī. Tại đó có một vị vua tên là Jayasena, trị vì trong xứ ấy. Hoàng hậu của vị ấy tên là Sirimā và bà mang thai Bồ tát Phussa, là người đã đến thời kỳ chứng đắc Nhất thiết trí (của một vị Phật). Đức Vua Jayasena ưa thích sở hữu, nghĩ rằng, "con trai của ta chính là người đã thực hiện sự từ bỏ vĩ đại và đã trở thành một vị Phật. Đức Phật là riêng của ta, Đức Pháp là riêng của ta, Đức Tăng là riêng của ta", và chính vị ấy đã hầu hạ các Ngài luôn khi, chẳng cho ai khác được một cơ hội nào. Ba anh em của đức Thế Tôn, là những người em trai của một người mẹ khác, suy nghĩ rằng, "Chư Phật quả thật sanh lên dành cho toàn thể thế gian, không chỉ vì một ai cả; Tuy nhiên, cha của chúng không cho một ai khác có được một cơ hội. Bây giờ làm sao chúng ta có thể hầu hạ chư tăng cho được?" Và rồi ý nghĩ này đến với họ, "nào chúng ta hãy bày ra một số cách nào đó!" bởi vậy họ làm ra vẻ như có một cuộc dấy loạn ở vùng biên giới. Khi Đức vua nghe tin về cuộc nổi loạn ở vùng biên giới này, vị ấy sai ba người con trai này đi dẹp yên vùng biên giới. Họ đi và làm yên ổn mọi chuyện. Và khi họ trở về, Đức vua lấy làm hoan hỷ và ban cho họ một đặc ân, nói rằng, "Hãy lấy bất cứ cái gì mà các con muốn". "Chúng con muốn hầu hạ đức Thế Tôn", họ nói. "Các con có thể lấy bất cứ cái gì ngoài vị ấy". Đức vua đáp lại. "Chúng con không màng điều gì khác", Họ nói. "Trong trường hợp ấy; hãy chọn một thời gian có giới hạn và thỉnh Ngài". Họ xin được bảy năm, nhưng đức Vua không đồng ý. Họ lại lần lượt xin sáu năm, bốn, hai, một năm; Trong bảy tháng, sáu, năm, bốn, ba tháng và cuối cùng đức vua nói rằng, "Hãy thỉnh Ngài đi!" Họ đi đến Đức Thế Tôn và

bạch rằng, "Bạch đức Thế Tôn, chúng con muốn hầu hạ đức Thế Tôn trong ba tháng. Bạch đức Thế Tôn, Cầu xin Đức Thế Tôn nhận lời của chúng con trong ba tháng của mùa mưa này!" Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Ba người ấy gởi một bức thư đến sứ giả của họ ở trong châu quận ấy (nơi mà đức Thế Tôn sẽ trú ngụ), nội dung nói rằng, "Đức Thế Tôn sẽ được hầu hạ bởi chúng ta trong ba tháng này. Trước nhất, hãy dựng lên một Tịnh xá và rồi kiếm mọi thứ cần đến để hầu hạ Đức Thế Tôn". Ông ta nhắn tin về lại khi ông ta đã kiếm mọi thứ. Họ mặc những y phục màu vàng và cùng với năm trăm nam hầu, đưa Đức Thế Tôn và chư Tăng đến vùng ấy, hầu hạ các Ngài một cách cung kính, và dâng Tịnh xá đến các Ngài và để các ngài an cư tại đó trong mùa mưa. Vị quan thủ quỷ là con trai của một gia chủ, đã có vợ, có đức tin và lòng tịnh tín. Bằng sự chăm lo chu đáo, vị ấy cúng dường các thí vật để bố thí đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu. Vị sứ giả trong vùng ấy nhận những thứ này và cùng với mười một ngàn người từ châu quận ấy tổ chức sự bố thí cúng dường bằng sự quan tâm chu đáo. Bấy giờ có một số người ở đó có tâm ô nhiễm. Chúng ngăn chặn những vật thí, chính

chúng ăn những thí vật và châm lửa vào nhà ăn. Khi các Ngài đã tổ chức lễ tự tứ thì những đứa con trai của Đức vua đảnh lễ đức Thế Tôn và rồi trở về, cùng với Đức Thế tôn đi trước, họ đến trước mặt phụ vương của họ. Sau khi đức Thế Tôn đi đến đó, Ngài nhập Niết bàn.

Đến đúng thời kỳ, những đứa con trai của đức vua, vị sứ giả và vị Quan thủ qu~n của họ đều chết và sanh về Thiên giới cùng với hội chúng (những người nam hầu ấy); Trong khi những người có tâm bất thiện thì sanh vào trong các địa ngục. Rồi trong suốt hiền kiếp này, vào thời kỳ của Đức Thế Tôn Kassapa, những người có tâm bất thiện ấy sanh vào trong hội chúng Ngạ quỷ. Lúc bấy giờ, khi dân chúng cúng dường vật thực nhân danh những quyến thuộc sanh làm Ngạ quỷ của họ, hồi hướng cho chúng, khi nói rằng, "Xin cho phước thí này thấu đến quyến thuộc của chúng tôi!" Nhân đó, chúng đạt được sự tối thắng. Bấy giờ, khi những Ngạ quỷ ấy trông thấy điều này, chúng đi đến Đức Thế Tôn Kassapa và hỏi rằng, "Bạch đức Thế Tôn, làm sao chúng con đạt được sự thù thắng như thế?" Đức Thế Tôn nói rằng, "Các ngươi sẽ không đạt được điều ấy bây giờ đâu. Tuy nhiên, trong tương lai sẽ có một vị Chánh Biến Tri tên là Gotama. Vào thời kỳ của đức Thế Tôn này sẽ có một vị vua tên là Bimbisara, là quyến thuộc của các ngươi cách đây chín mươi hai Đại kiếp. Vị ấy sẽ cúng dường vật thực đến vị Phật ấy và hồi hướng phước thí ấy cho các ngươi. Rồi các ngươi sẽ đạt được sự thù thắng như vậy". Tương truyền rằng, khi Ngài nói điều này thì xem ra đối với những Ngạ qũy ấy tựa như Ngài đã nói rằng họ sẽ đạt được nó trong ngày hôm sau.

Rồi khi một trung gian Phật thời đã trôi qua và Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh lên trong thế gian, thì ba người con trai ấy của đức vua, cùng với một ngàn người cũng đi xuống từ cõi cõi chư Thiên và sanh trong dòng Bà-la-môn, trong vương Quốc Magadha. Đến thời kỳ, họ xuất gia sống cuộc đời không nhà của Sa-môn và trở thành Ba đạo sĩ tóc búi của xứ Gayāsīsa. Vị sứ giả của họ trong châu quận ấy trở thành Visākhā, có vợ tên là Dhammadiṇṇā - con gái của một vị phú hộ; Trong khi hội chúng còn lại thì sanh trong những tùy tùng của Đức vua.

Khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh lên trong thế gian và trải qua bảy tuần lễ (sau khi Ngài giác ngộ), đến đúng thời kỳ, Ngài đi đến Ba La Nại; Ở đó, Ngài chuyển Pháp luân và giáo hóa cho năm anh em Kiều Trần Như, rồi đến ba vị Đạo sĩ tóc búi cùng với một ngàn môn đệ của họ, và rồi đi đến Rājagaha. Ở đó, Ngài an trú vào quả Thánh Tu-đà-huờn cho đức vua Bimbisāra ..., là người đã đến để yết kiến Ngài trong chính ngày hôm ấy, cùng với một trăm mười ngàn gia chủ Bà là môn, là những dân cư của xứ Aṇgamagadha. Ngài chấp nhận lời mời của đức vua đến thọ thực vào ngày hôm sau - và ngày kế tiếp Ngài đi vào Rājagaha với Sakkha, là chúa của chư Thiên, đã hóa ra làm một chàng trai Bà-la-môn, đi trước Ngài và tán dương Ngài bằng những câu kệ bắt đầu bằng:

"Những kẻ được điều ngự đi chung với Đấng Điều ngự, những kẻ được giải thoát đi chung với đấng giải thoát; Đức Thế Tôn, sáng chói như viên ngọc huỳnh kim, đi vào Rāja-gaha với ba vị đạo sĩ tóc búi trước kia".

Và trong chỗ ngụ của đức Vua, Ngài nhận được sự cúng dường vật thực vĩ đại. Bấy giờ những Ngạ quỷ mà đứng bao quanh ngôi nhà nghĩ rằng, "Bây giờ đức vua sẽ hồi hướng vật thí đến chúng ta". Nhưng khi cúng dường vật thực, đức vua chỉ nghĩ về khu vực dành cho tinh xá của Đức Thế Tôn mà thôi, khi tự nghĩ rằng, "giờ này Đức Thế Tôn trú ngụ ở đâu?" và vị ấy không hồi hướng phước thí đến cho ai cả. Vì không được vật thí theo cánh này, những Ngạ quỷ ấy thất vọng, và đêm hôm ấy kêu than trong nỗi thống khổ cay đắng và ghê sợ trong chỗ ngụ đức vua. Đức vua bị dao động, đầy sợ hãi và run rẫy. Vào lúc rạng sáng, vị ấy kể lại với Đức Thế Tôn rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, suốt đêm con đã nghe một âm thanh rùng rợn như thế. Chuyện gì sẽ xảy đến cho con?" Đức thế Tôn nói rằng, "Đừng sợ, tâu Đại vương, không có điều xấu nào xảy đến cho Đại vương đâu; Bệ hạ sẽ hoàn toàn bình an, sự thật là những quyến thuộc trước kia của Đại vương mà đã sanh trong giới những Ngạ quỷ đã đi lang thang trong suốt một trung gian Phật thời, với lòng mong mỏi rằng Đại vương sẽ cúng dường vật thí đến một vị Phật và sẽ hồi hướng phước thí đến cho chúng. Nhưng khi Đại vương đã cúng dường vật thực ngày hôm qua, Đại vương đã không cho phước thí ấy, nên chúng đã thất vọng và kêu than trong nỗi đau đớn ghê sợ như thế" "Bạch Đức Thế Tôn,

chúng có nhận được phước thí ấy không, nếu những vật thí ấy được cho đến chúng bây giờ?" (Đức vua hỏi) "Được, tâu Đại vương". "Thế thì xin Đức Thế Tôn hãy nhận lời mời của con vào ngày hôm nay và con sẽ hồi hướng những vật thí ấy đến cho chúng". Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Đức vua đi về chỗ ngụ của vị ấy và sai sửa soạn một cuộc bố thí to lớn, rồi sai công bố giờ giấc với Đức Thế Tôn. Ngài đi đến hoàng cung cùng với chư Tăng và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Những Ngạ quỷ suy nghĩ rằng, "Ngày hôm nay chúng ta có thể kiếm được một cái gì đó", và đi đến đứng ở bên ngoài những vách tường và những chỗ khác. Đức Thế Tôn khiến cho chúng hiện rõ trước mắt đức vua. Khi rót nước bố thí, đức vua nói lời hồi hướng rằng, "xin cho phước thí này thấu đến những quyến thuộc của tôi", và ngay khi ấy những hồ sen hiện ra dành cho những Ngạ quỷ, trên mặt hồ đầy những hoa sen và hoa súng xanh. Chúng tắm và uống nước trong những hồ sen ấy và nhờ vơi đi những thống khổ, sự mỏi mệt

và khát bỏng, chúng trở nên có sắc huỳnh kim. Đức vua cúng dường cơm dẽo và những vật thực loại cứng loại mềm và hồi hướng những vật thí này, và ngay tức thì món cơm dẻo của chư Thiên và những vật thực loại cứng loại mềm hiện ra. Khi chúng đã ăn những thứ này thì các căn của chúng trở nên tươi tắn. Đức vua cúng dường y phục và chỗ ngụ, rồi hồi hướng những thứ này; Thế là y phục và những cung điện của chư Thiên, được trang bị đầy đủ bằng những chiếc trường kỷ và những tấm khăn trãi giường v.v..., hiện ra cho chúng. Tất cả sự thù thắng này của chúng khiến cho Đức vua thấy rõ ngay khi Đức Thế Tôn đã nguyện cho nó được như thế. Và khi đức vua trông thấy như vậy thì vị ấy hoàn toàn vui sướng. Rồi khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong và đã ăn no bụng, ngài kể cho đức vua nghe những câu chuyện về những Ngạ quỷ ở bên ngoài vách nhà, để thay lời phúc chúc của Ngài:

1. Chúng đứng ở bên ngoài những vách tường và ở những ngã tư đường; chúng đi đến nhà riêng của chúng và đứng ở những trụ cửa.

2. Mặc dầu có nhiều đồ ăn và thức uống, những vật thực loại cứng loại mềm được dọn ra, nhưng không có ai nhớ đến những chúng sanh ấy vì những nghiệp của chúng.

3. Bởi vậy, những người mà có lòng thương tưởng hãy cho những đồ ăn và thức uống đúng thời, thượng vị, thuần tịnh nhất để hồi hướng đến những quyến thuộc của họ, cầu nguyện rằng, "xin cho những phước thí này thấu đến những quyến thuộc của chúng tôi! Cầu xin cho những quyến thuộc của chúng tôi được hạnh phúc!"

4. Và những quyến thuộc sanh làm Ngạ quỷ ấy đã tụ họp ở đó sẽ tỏ sự tùy hỷ của chúng đối với đồ ăn và thức uống dồi dào ấy, nói rằng:

5. "Sự trường thọ hãy đến với quyến thuộc của chúng ta; nhờ họ mà chúng đã có được (tất cả) điều này vì sự tôn trọng đã được thể hiện đến với chúng ta. Và những người cho ra không phải không có những kết quả!"

6. Vì ở đó không có sự trồng trọt cấy cày, cũng không có sự chăn nuôi gia súc; không có những điều như sự làm nghề kiếm ăn và sự mua bán bằng vàng. Những Ngạ quỷ, những kẻ đã quá vãng ở đó chỉ được nuôi sống bằng cái gì được cho đến từ đây.

7. Như mưa rơi trên những vùng đất cao chảy xuống những vùng đất thấp; cũng vậy, những gì được cho đi từ đây sẽ đem đến lợi ích cho những Ngạ quỷ.

8. Cũng như những sông rạch được làm đầy sẽ làm đầy đại dương; cũng vậy, những gì được cho đi từ đây sẽ đem lại lợi ích cho những Ngạ quỷ.

9. "Người ấy đã cho đến tôi, người ấy đã làm cho tôi, người ấy là quyến thuộc của tôi, là bạn bè và người thân quen của tôi"; (như vậy) khi nhớ đến những gì mà họ thường làm, người nên cho những phước thí đến những Ngạ quỷ.

10. Dầu khóc lóc đến mấy, sầu muộn hay ta thán cách nào cũng không đem lại lợi ích cho Ngạ quỷ đâu, dầu những quyến thuộc của họ có khăng khăng theo họ.

11. Nhưng phước thí này mà sau khi đã được làm và được gieo trồng vững chắc trong chư Tăng, thì bằng hiệu quả tức thời, sẽ đem lại lợi ích lâu dài cho chúng.

12. Bây giờ điều này, là phận sự đối với những quyến thuộc của người, đã được chỉ ra rồi và sự tôn kính cao tột đã được thể hiện đến những Ngạ quỷ; sức lực đã được cung cấp đến các vị Tỳ khưu và việc phước mà người đã làm không phải là nhỏ.

Chú giải:

"VÀ NHỮNG NGƯỜI CHO KHÔNG PHẢI KHÔNG CÓ QUẢ BÁU (Dāyakā ca anipphalā). Bởi vì việc làm ấy (bao gồm sự bố thí) cho kết quả của nó ở chỗ này chỗ kia, vì việc phước ấy đã nằm trong tâm của người cho rồi. Ở đây, người ta có thể hỏi rằng: "Làm sao mà chỉ những kẻ sanh trong Ngạ quỷ mới nhận được sự thù thắng này do nhờ những quyến thuộc của chúng, hay những Ngạ quỷ khác cũng lãnh được nó? Không có điều gì cần thiết được nói ra bởi chúng ta ở đây cả, vì điều này đã được giải thích bởi Đức Thế Tôn như vầy:

"Thưa thầy Gotama, những vị Bà-la-môn chúng tôi bố thí vật thực và làm những việc làm cúng tế khác khi nói rằng, "cầu mong những vật thí này đem lại những lợi ích cho Ngạ quỷ, là những quyến thuộc của chúng tôi, là những bà con ruột thịt của chúng tôi! Xin cho những quyến thuộc Ngạ quỷ của chúng tôi và những bà con ruột thịt của chúng tôi hưởng vật thí này!" Thưa Sa-môn Gotama, có phải những vật thí ấy đem lại lợi ích cho những Ngạ quỷ ấy, là những quyến thuộc và là những người thân thích của chúng tôi chăng? Những quyến thuộc Ngạ quỷ và những người bà con thân thích của chúng tôi có thật sự hưởng được những vật thí ấy không?".

"Này Bà-la-môn, nếu chúng ở đúng chỗ thì chúng sẽ được lợi ích; nếu chúng ở chỗ không thích hợp thì không được lợi ích". "Nhưng chỗ nào là chỗ thích hợp, thưa Thầy Gotama, và chỗ nào là chỗ không thích hợp?".

"Này Bà-la-môn, ở đây có một người nọ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đâm thọc, nói lời thô lỗ, nói lời phù phiếm, tham lam, hiểm ác trong tâm và có tà kiến". Vào lúc thân hoại mạng chung, kẻ ấy sanh trong địa ngục. Vị ấy chống chỏi ở đó, vị ấy tồn tại ở đó bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực của những chúng sanh ở trong địa ngục. Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp. Những vật thí ấy không có lợi ích cho chúng sanh nào ở trong đó.

"Ở đây, này ông Bà-la-môn, có người sát sanh... Có tà kiến. Vào lúc thân hoại mạng chung, người ấy sanh trong bào thai của loài thú. Chúng sanh ấy tự nuôi sống ở đó, lưu lại ở đó bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực dành cho súc sanh. Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp; những vật thí ấy không có lợi ích cho những kẻ ở trong cõi ấy.

"Này ông Bà-la-môn, ở đây có người tránh xa sát sanh, tránh xa trộm cắp, tránh xa tà hạnh, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự nói đâm thọc, tránh xa sự nói cộc cằn, tránh xa sự nói phù phiếm, không tham lam, không ác tâm và không có tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung người ấy sanh trong cõi người. Người ấy sinh sống và duy trì mạng sống bằng vật thực của loài người, Nầy ông Bà-la- môn, đây là chỗ không thích hợp; những vật thí không có lợi ích cho những người nào sống ở đó cả.

"Này ông Bà-la-môn, ở đây có người từ bỏ sát sanh... Có chánh kiến. Vào lúc thân hoại mạng chung, người ấy sanh trong hội chúng của những vị chư Thiên. Người ấy tự nuôi sống ở đó, người ấy duy trì mạng sống ở đó, bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực của chư Thiên. Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ không thích hợp; những vật thí ấy không đem lợi ích cho chúng sanh nào ở trong đó.

"Ở đây, Này ông Bà-la-môn, có người sát sanh... Có tà kiến. Vào lúc thân hoại mạng chung người ấy sanh trong cõi Ngạ quỷ. Chúng sanh ấy tự nuôi sống ở đó, sanh tồn ở đó, bằng bất cứ cái gì gọi là vật thực của những chúng sanh trong cõi Ngạ quỷ. Hay kẻ ấy nuôi sống ở đó, kẻ ấy sanh tồn ở đó, bằng bất cứ cái gì mà những bạn bè, những người thân quen hay những quyến thuộc và những người thân thích hồi hướng đến từ đây. Này ông Bà-la-môn, đây là chỗ thích hợp, những vật thí đem lại lợi ích cho chúng sanh nào sống ở đó".

"Nhưng, thưa Sa-môn Gotama, nếu kẻ quá vãng ấy là người quyến thuộc và là người thân thích của chúng con mà chưa sanh trong cõi ấy, thì ai thọ lãnh những vật thực ấy?"

"Này ông Bà-la-môn, những Ngạ quỷ khác là những quyến thuộc và là những kẻ thân thích của ngươi mà đã sanh trong cõi ấy - Những kẻ này thọ hưởng những vật thí."

"Nhưng, thưa Sa-môn Gotama, nếu những Ngạ quỷ ấy là người quyến thuộc và là người thân thích của chúng con chưa sanh trong cõi ấy và những Ngạ quỷ khác là những quyến thuộc và là những kẻ thân thích của chúng con cũng chưa sanh trong cõi ấy-thì ai hưởng những vật thí ấy?"

"Nhưng điều này không thể xảy ra, này ông Bà-la-môn, điều này không thể có, rằng chỗ ấy trong một thời gian rất lâu lại trống rỗng, không có những Ngạ quỷ là những quyến thuộc và là những kẻ thân thích của ngươi; và dù sao chăng nữa, này ông Bà-la-môn, những người mà có bố thí không phải không có kết quả".

Vào lúc kết thúc các thời pháp thoại, tuệ quán sanh lên trong tám mươi bốn ngàn chúng sanh nhờ bài mô tả về những hoàn cảnh trong cõi Ngạ quỷ. Vào những ngày tiếp theo, Ngài cũng dạy câu chuyện ngoài bức tường này để giáo hóa chư Thiên và nhân loại trong bảy ngày, và chính tuệ quán này cũng sanh lên.

*

I.6 THỰC NGŨ NHI QUỶ SỰ

"Ngươi trần truồng và có tướng mạo gớm guốc".

Pháp thoại này được Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Sāvatthi, liên quan đến một Petī (nữ Ngạ quỷ), là kẻ ăn thịt năm đứa con của nàng.

Tương truyền rằng: ở trong một ngôi làng nọ không cách xa thành Sāvatthi, có một người vợ của một người đàn ông giàu có. Những quyến thuộc của người chồng nói rằng; "Bà vợ chánh của anh vô tử, chúng ta phải kiếm cho anh một nàng dâu khác." Nhưng anh ta không chịu vì tình thương của anh ta đối với vợ. Bấy giờ khi người vợ

của anh ta nghe tin ấy, nàng nói với chồng rằng, "Thưa chồng, em là người không có con; Nên kiếm về một người vợ khác đi - đừng làm tuyệt dòng", và bị hối thúc bởi nàng, người chồng lấy một người vợ khác mà đến đúng thời kỳ đã có thai. Người vợ không con suy nghĩ rằng, "Khi nó đã có đứa con trai thì nó trở thành bà chủ trong ngôi nhà này", và khởi lên lòng ganh tị, bèn tìm cách để làm cho nàng kia bị hư thai, nàng cho người đàn bà kia đồ ăn và thức uống khiến cho nàng bị hư thai. Khi người vợ thứ hai bị sẩy thai, nàng báo tin cho mẹ của nàng biết và mẹ nàng tập hợp những quyến thuộc của bà ta. Và cho họ biết vấn đề. Họ tố cáo người vợ không có con phải chịu trách nhiệm về sự sẩy thai của người vợ thứ, nhưng nàng phủ nhận điều ấy, nói rằng, " Tôi không chịu trách nhiệm". Họ đáp rằng, "Nếu cô không chịu trách nhiệm trong việc sẩy thai thì hãy thề đi!" Nàng thề dối rằng. "Nếu tôi có trách nhiệm trong việc xảy thai tôi sẽ sanh ra mỗi buổi sáng và chiều năm đứa con trai và ăn thịt chúng, tuy nhiên vẫn không thấy thoả mãn; hơn nữa, xin cho tôi luôn luôn có mùi hôi thối và bị những đàn ruồi bu quanh". Chẳng bao lâu, nàng chết và sanh làm Petī có hình tướng ghê tởm không cách xa ngôi làng ấy. Vào thời ấy có tám vị Trưởng lão, đã trải qua mùa mưa trong vùng ấy và trên đường đi đến Sāvatthi để yết kiến bậc Đạo sư. các Ngài đi đến nghỉ dưới một bóng cây ở một chỗ

có nước trong rừng không cách xa ngôi làng ấy. Nữ quỷ khi ấy hiện ra cho các Trưởng lão trông thấy và Trưởng lão lớn nhất nhóm hỏi Nữ quỷ ấy bằng câu kệ này:

"Ngươi trần truồng và có tướng mạo gớm guốc; ngươi toả ra mùi xú uế, ngươi bị bao quanh bởi những đàn ruồi. Vậy ngươi là ai mà đứng ở đây?"

Khi được hỏi bởi Trưởng lão, nữ quỷ nói lên câu kệ này để giải thích nàng là ai, để làm cho chúng sanh khởi lên lòng kinh cảm:

2. Thưa Ngài, con là một Petī, đã đi đến kiếp sống đau khổ trong cõi Yama ; sau khi đã làm ác nghiệp, con đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ.

3. Vào lúc sáng, con sanh ra năm đứa con, và đến chiều lại con sanh ra năm đứa con khác; dầu con ăn thịt hết tất cả chúng, Ngay cả nhiều như vậy cũng không đủ đối với con.

4. Tim của con sôi sục và bị thiêu đốt bởi cơn đói, và con không thể kiếm ra được nước để uống! Hãy xem cảnh ngộ giáng xuống cho con!

Khi nghe qua điều này Trưởng lão bèn hỏi nàng về nghiệp quá khứ mà nàng đã làm:

5. "Hãy cho ta biết ác nghiệp nào được làm bởi thân, khẩu và ý của ngươi? Do kết quả của nghiệp nào khiến người ăn thịt những đứa con của ngươi?

Rồi quỷ nữ ấy kể lại cho Trưởng lão nghe về nghiệp của nàng đã làm:

6. Người vợ chung chồng của con đã có thai và con đã âm mưu làm việc ác để hại nàng. Bị ô nhiễm trong tâm, con đã làm cho nàng sẩy thai.

7. Cái bào thai được hai tháng của nàng đã tuôn ra như máu. Rồi mẹ của nàng tức giận và tập họp những quyến thuộc của bà ta lại; bà ta bắt con phải thề và khiến họ nguyền

rủa con.

8. Con đã nói một lời dối trá kinh khủng khi nói lên lời thề ấy rằng: "Nếu điều ấy do tôi làm thì xin cho tôi phải ăn thịt những đứa con trai của tôi".

9. Chính do kết quả của ác nghiệp ấy và do con đã nói dối, nên con đã ăn thịt những đứa con trai của con và bị lấm nhơ bởi máu và vật nhơ.

Khi Ngạ quỷ nữ đã nói rõ những nghiệp của nàng, nàng bèn nói một lần nữa rằng: "Bạch Đại Đức, con đã từng là vợ của người đàn ông có của cải đó trong chính ngôi làng này, nhưng con đã sanh lòng ganh tỵ, đã làm điều ác và đã sanh trong cõi Ngạ quỷ. Bạch Đại đức, xin ngài hoan hỷ đi về nhà của người đàn ông có của cải ấy. Người ấy sẽ dâng cúng đến Ngài những vật thí. Rồi bảo người ấy hồi hướng phước thí cho con. Nhờ cách này, con sẽ được thoát khỏi đây, khỏi cõi Ngạ quỷ này". Khi những vị Trưởng lão nghe qua điều này, họ đi vì thương hại cho nàng và có lòng bi mẫn, và đi vào nhà của người đàn ông có của cải ấy để khất thực. Khi người đàn ông có của cải ấy trông thấy các vị Trưởng lão đầy tịnh tín, ông ta đi ra để đón tiếp các Ngài, cầm bát của các Ngài, mời các Ngài ngồi và dâng đến các Ngài vật thực thượng vị. Những vị Trưởng lão thuật lại biến cố đã xảy ra cho người đàn ông biết và bảo ông ta hồi hướng phước thí ấy đến Ngạ quỷ nữ. Ngay khi ấy Ngạ quỷ nữ hết đau khổ. Khi được sự thù thắng cao tột, nàng hiện ra trong đêm ấy cho người đàn ông có tài sản trông thấy. Những Trưởng lão sau khi đã đi đến Sāvatthi, nêu ra vấn đề ấy với đức Thế tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp cho hội chúng đã tụ hợp ở đó. Thời pháp ấy đem lợi ich cho những người ấy.

*

I.7. THỰC THẤT NHI QUỶ SỰ

"Ngươi trần truồng và có hình tướng ghê tởm".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ tại Sāvatthi, liên quan đến một Ngạ quỷ nữ ăn thịt bảy đứa con trai của nàng.

Tương truyền rằng, trong một ngôi làng nọ không cách xa thành Sāvatthi, có một tín nữ có hai đứa con trai đều trẻ trung, xinh đẹp, có đạo đức có hạnh kiểm tốt. Người mẹ của hai đứa con coi thường người chồng vì ỷ về những đứa con trai của nàng, khi nghĩ rằng. "Ta được sở hữu những đứa con trai". và ông ta, sau khi bị bà ta coi thường nhiều, bèn dẫn về một người vợ khác mà không bao lâu sau cũng có thai. Người vợ trước sanh lòng ganh tỵ và thuyết phục một vị y sĩ nọ, bằng cách trả một món tiền hối lộ, để gây ra sự sẩy thai cho cái phôi được ba tháng tuổi nơi người vợ kế. Bấy giờ, khi được hỏi bởi người chồng của nàng và những quyến thuộc rằng liệu nàng có chịu trách nhiệm về cái thai của người đàn bà kia không, nàng bèn nói dối và phủ nhận việc đó rằng: "Tôi không chịu trách nhiệm". Họ tin nàng và nói rằng, "Thế thì hãy thề đi!" Nàng thốt lên lời thề: "Nếu tôi có làm như vậy xin, cho tôi sanh mỗi buổi sáng và chiều bảy đứa con trai, và tôi sẽ ăn thịt những đứa con ấy; Xin cho tôi luôn luôn có mùi thối tha và bị vây quanh bởi những con ruồi!" Đến đúng thời kỳ, nàng chết và sanh trong cõi Ngạ quỷ do

quả của nàng về việc làm sẩy thai và do sự nói dối của nàng. Nữ quỷ đi lang thang không cách xa chính ngôi làng ấy, ăn thịt những đứa con trai của nàng theo cách như đã nói trước. Bấy giờ trong cùng thời gian ấy, những vị Trưởng lão mà đã an cư trong mùa mưa ở trong cùng ngôi làng ấy và đang trên đường đi đến Sāvatthi để yết kiến Bậc Đạo sư, đến nghỉ đêm tại một chỗ không cách xa chính ngôi làng ấy. Ngạ quỷ nữ hiện hình trước các vị Trưởng lão và vị Trưởng lão lớn nhất hỏi nàng bằng câu kệ này:

1. "Ngươi trần truồng và có hình tướng gớm ghê; ngươi tỏa ra mùi xú uế. Ngươi bị bu quanh bởi những con ruồi, Bây giờ ngươi là ai, ngươi là ai mà đang đứng ở đây?

Khi được hỏi bởi Trưởng lão, nàng trả lời vị ấy bằng ba câu kệ:

2. Bạch Ngài, con là một Ngạ quỷ nữ, đã đi đến khổ cảnh trong cõi Yama. Con đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ.

3. Vào lúc sáng sớm con sanh ra bảy đứa con trai và vào lúc chiều lại con sanh thêm bảy đứa khác nữa. Dầu con đã ăn thịt tất cả chúng, ngay cả những đứa này cũng không đủ cho con.

4. Tim của con sôi sục, bị thiêu đốt bởi cơn đói và con không thể có được sự nguôi ngoai; con bị hành hạ tựa như bị đốt cháy bởi lửa.

Khi nghe qua điều này, Trưởng lão thốt lên câu kệ này để hỏi nàng về nghiệp mà nàng đã làm:

5. "Vậy ác nghiệp nào được làm bởi ngươi bằng thân, khẩu và ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi ăn thịt những đứa con của ngươi?"

Rồi nữ ngạ qủi ấy nói lên những câu kệ này để kể lại cách mà nàng đã tái sanh trong cõi ngạ qủi và lý do khiến nàng ăn thịt những đứa con:

6. "Con có hai đứa con trai mà cả hai đều đến tuổi thành niên; vì ỷ vào quyền uy của những đứa con trai, con đã coi thường chồng của con.

7. Nhân đó chồng của con tức giận và lấy một người khác làm vợ hầu; khi nàng có thai, con đã âm mưu gây ra một ác nghiệp để hại nàng.

8. Bị ô nhiễm trong tâm, con khiến cho nàng sẩy thai và cái phôi ba tháng của nàng rơi xuống như máu tanh.

9. Rồi mẹ của nàng tức giận trước cảnh này và hội họp những quyến thuộc của bà ta lại; bà ta bắt con phải thề và khiến họ chửi mắng con.

10. Con đã nói một lời dối trá kinh khủng khi con nói lời thế ấy rằng, nếu điều này được làm bởi con thì xin cho con ăn thịt những đứa con trai của con.

11. Chính do cả kết quả của việc làm ấy và do bởi sự kiện rằng con đã nói dối khiến con ăn thịt những đứa con trai của con và con bị lấm nhơ bởi máu và vật nhơ.

Tất cả phần còn lại cũng giống như phần trước, chỉ có điều khác biệt là có Tám Trưởng lão trong khi ở đây thì có nhiều vị Trưởng lão; và câu chuyện trước thì có năm đứa con

trai trong khi ở đây thì có đến bảy đứa.

*

I.8. NGƯU QUỶ SỰ (GOṆA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Tại sao ngươi như một người điên".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một vị phú hộ có cha chết.

Tương truyền rằng, tại Sāvatthi người cha của một người đàn ông giàu có nọ đã chết. Tâm của ông ta bị sầu khổ tiếc thương cho cái chết của cha mình và ông ta thường đi lang thang như một người điên với tâm than thở khi hỏi bất cứ ai mà ông ta trông thấy, "ông đã thấy cha của tôi phải không?" Nhưng không ai có thể xua tan nỗi sầu khổ của ông ta cả. Tuy nhiên khả năng chứng đắc quả thánh Tu- Đà-Hườn chiếu sáng trong tâm của ông ta như ngọn đèn trong một cái lọ. Bậc Đạo sư, khi đang dò xét thế gian vào lúc hừng đông, trông thấy khả năng chứng ngộ quả Thánh Tu-đà- hườn của ông ta và nghĩ rằng, "Khi ta đã kể ra những nghiệp quá khứ của vị ấy và làm lắng dịu cơn sầu khổ của vị ấy thì sẽ thích hợp để cho vị ấy quả thánh Tu-đà-hườn". Vào ngày hôm sau, trong khi khất thực trở về sau khi độ thực, Ngài dẫn theo vị thị giả của Ngài và đến cửa nhà của ông ta. Khi ông ta nghe tin rằng ngài đã đến, bèn đi ra tiếp đón Ngài và thỉnh Ngài đi vào nhà. Khi Bậc Đạo sư đã ngồi trên chỗ ngồi được soạn sẵn, chính ông ta đảnh lễ Bậc Đạo sư. Ngồi xuống một bên và hỏi rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, Ngài có biết chỗ mà cha của con đã ra đi không?" Rồi Bậc Đạo sư đáp lại rằng, "Này thiện nam, ngươi hỏi cha của ngươi trong kiếp sống này hay trong kiếp sống quá khứ?" Khi ông ta nghe những lời này, ông ta bèn suy nghĩ, "Ta đã có những người cha, nhờ vậy nỗi sầu khổ của ông ta được lắng dịu và ông ta được một ít bình thản. Rồi Bậc Đạo sư cho ông ta một thời pháp để diệt trừ nỗi sầu khổ của ông ta, và khi Ngài biết rằng nổi sầu khổ của ông ta đã xa lìa và tâm của ông ta đã sẵn sàng, bằng sự thuyết giảng Chánh Pháp ấy mà chính chư Phật đã giác ngộ (Khổ, Tập, Diệt, và Đạo), Ngài an trú ông ta trong quả thánh Tu-đà-hườn và rồi đi về tinh xá của Ngài. Các vị Tỳ khưu bắt đầu bàn luận với nhau trong giảng đường chánh pháp rằng, "Hãy xem, thưa các tôn giả, năng lực vĩ đại của Đức Phật mà trong đó vị thiện nam đã bị sầu khổ lớn, được dẫn dắt bởi Đức Thế Tôn vào quả Thánh Tu-đà-hườn chỉ trong giây lát". Bậc Đạo sư đi đến đó và ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn dành cho Ngài và hỏi rằng, "Này các Tỳ khưu, vì mục đích của cuộc bàn luận nào khiến các ngươi đang ngồi ở đây?" Các vị Tỳ khưu bạch lại đề tài của cuộc bàn luận của họ với Đức Thế Tôn. Khi Bậc Đạo sư nói rằng, "Này các Tỳ khưu, không phải chỉ trong trường hợp này thôi đâu mà Như Lai đoạn trừ nỗi sầu khổ của ông ta; Tương tự như thế, Như Lai cũng đã đoạn trừ nó trong một kiếp quá khứ rồi". Các vị Tỳ khưu bèn thỉnh Đức Thế Tôn kể lại biến cố xa xưa ấy.

Cách đây đã lâu, tại Ba-la-nại, người cha của một gia chủ nọ đã chết. Ông ta bị sầu khổ và ta thán cho cái chết của người cha; và với mặt đầy nước mắt, ông ta kêu than và đấm ngực khi ông ta đi vòng quanh cái mộ của người cha theo chiều bên phải. Đứa con trai của ông ta, là Sujāta, là một chàng trai thông minh, uyên bác và đầy trí tuệ, trong

khi tìm cách để diệt trừ nỗi sầu muộn của cha mình, vào một ngày nọ cậu ta trông thấy một con bò chết ở bên ngoài cửa thành phố. Cậu ta đem đến một ít cỏ và nước rồi đặt chúng ở trước con bò chết ấy. Khi cho nó một miếng, chàng trai đứng ở đó ra lệnh cho nó tựa như nó còn đang sống vậy, khi nói rằng, "hãy ăn đi, hãy ăn đi, hãy uống đi, hãy uống đi"; Những người qua đường trông thấy cậu ta và nói rằng, "Này anh bạn Sujaata, có phải anh đã hoàn toàn điên loạn rồi chăng? Cớ sao anh cho cỏ và nước đến con bò đã chết rồi?" Nhưng cậu ta chẳng nói lời đáp lại. Mọi người đi đến người cha của cậu ta và nói rằng, "Con trai của ông đã điên loạn và đã cho cỏ và nước đến một con bò đã chết." Khi ông ta nghe qua điều này thì nỗi sầu khổ của người đàn ông có tài sản ấy đối với người cha được cách ly. Xúc động với ý nghĩ rằng, "Người ta nói rằng, con trai của ta đã bị điên", ông ta phóng nhanh đến đó và khiển trách cậu ta: "Này Sujāta, chẳng hay con đã mất hết sáng suốt thông minh và trí tuệ rồi chăng? Tại sao con cho cỏ và nước đến một con bò đã bị chết?" Và thốt lên hai câu kệ này:

1. "Tại Sao con, như một người điên, lại cắt cỏ và nói lầm bầm, hãy ăn, hãy ăn, với một con bò mà mạng sống của nó đã xa lìa?

2. Vì không phải do đồ ăn và thức uống khiến con bò chết sống lại được; con là một thằng ngu, một đứa bé đần độn, và là một thằng khùng như bất cứ thằng khùng nào khác."

Giống như một thằng điên,
Tại sao con đút cỏ?
Tại sao nói lầm bầm:
"Ăn đi, hãy ăn đi"
Đến một con bò già
Mà mạng sống không còn.
Bởi vì chẳng phải do
Đồ ăn hay thức uống
Khiến con bò chết này
Có thể sống lại được;
Ngươi là một thằng ngốc,
Là đứa bé dại khờ,
Và là một thằng khùng
Như bất cứ ai khác;
Khi nghe qua điều này, Sujāta bèn nói lên hai câu kệ này để nói rõ ý định của mình đến người cha;

3. Những cái chân này, cái đầu này, cái thân này với cái đuôi và hai mắt của nó vẫn còn như thế. Con bò này có thể dậy được.

4. Nhưng hai chân, hai tay, thân thể và cái đầu của ông nội thì không được trông thấy, không phải đúng hơn cha là người ngốc khi khóc lóc với nắm đất của người sao?

Chú giải:

4. Rồi chàng trai giáo giới cho cha mình rằng, "Những tay, chân, đầu và thân của ông nội, của ông cố, không còn được trông thấy. Không phải đúng hơn rằng riêng cha, thưa cha, mới là người khờ dại, là người không có lý trí hơn cả một trăm một ngàn lần, khi cha khóc nơi cái mộ được làm bằng đất sau khi phủ lấy những đốt xương của người ở trong đó? Các pháp hữu vi có tánh chất dễ hoại diệt và hoại diệt; Cha biết điều này, tại sao cha phải ta thán?" Khi nghe qua điều này, cha của Bồ tát suy nghĩ rằng, "con của ta có trí tuệ; nó đã làm hành động này để khuyên dạy ta". Và nói rằng. "Này con thân Sujāta, thật rất rõ rằng tất cả chúng sanh đều phải chịu chết đều nhau cả. Từ

nay trở đi ta sẽ không ta thán nữa. Như vậy lời khyên ấy nên được áp dụng cho những người có thể diệt trừ ưu bi của họ", và vị ấy nói lên bốn câu kệ để khen ngợi đứa con trai của ông ta:

5. "Quả thực ta rực cháy, như lửa được châm bằng thục tô; nhưng bây giờ tất cả sầu muộn của ta đã được dập tắt tựa như ta được tưới nước.

6. Thật vậy, cây tên là ưu bi, mà đã xuyên thủng tim ta, đã được nhổ ra. Ngươi đã diệt trừ ưu bi ấy, là ưu bi đối với cha của ta, đã giáng xuống ta.

7. Nhờ cây tên được rút ra, ta được an tịnh và mát mẻ; từ khi nghe ngươi nói, hỡi chàng trai trẻ, ta không còn ưu bi hay khóc than nữa."

8. Cũng như Sujāta đã làm cho cha của vị ấy quên đi ưu bi ấy. Bậc Trí tuệ, là người có hành động bi mẫn, cũng hành động như thế.

Khi đã nghe qua những lời của chàng trai, người cha hết sầu muộn. Ông ta gội đầu, ăn uống trở lại và điều khiển công việc của ông ta. Vào cuối cuộc đời, ông ta chết sanh vào thiên giới.

Khi Bậc Đạo sư đã kể lại Pháp thoại này, Ngài thuyết giảng Tứ Đế cho những Tỳ khưu ấy. Vào lúc kết thúc của thời Pháp, nhiều người được an trú trong quả thánh Tu-đà-hườn.

Lúc bấy giờ Sujāta chính là Đấng hộ trì thế gian của chúng ta.

*

I.9. ĐẠI CHỨC VẬT SƯ QUỶ SỰ (MAHĀPESAKĀRA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Phẩn và nước tiểu, máu và mủ".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi đang ngụ ở Sāvatthi, liên quan đến một nữ Ngạ quỷ mà đã từng là một nữ thợ dệt.

Tương truyền rằng có đến mười hai vị Tỳ khưu đã nhận đề mục thiền định trước mặt Bậc Đạo sư, và trong khi tìm kiếm chỗ ngụ khi mùa mưa sắp đến, trông thấy một chỗ khả ái, có bóng mát và có nước ở trong khu rừng, với một ngôi làng để cung cấp vật thực mà chẳng xa cũng chẳng gần. Họ nghỉ đêm ở trong đó, vào ngày hôm sau đi vào làng để khất thực. Mười một người thợ dệt trú ngụ ở đó. Khi họ trông thấy những vị Tỳ khưu, họ khởi tâm hoan hỷ và dẫn các Ngài vào nhà riêng của họ. Khi họ đã hầu hạ các

Ngài bằng đồ ăn và thức uống, họ hỏi rằng, "bạch các ngài, các ngài đang đi đâu thế?" "chúng tôi đang đi đến bất cứ chỗ nào mà tỏ ra thuận tiện đối với chúng tôi", Họ đáp lại. "Nếu là như thế, thưa chư Đại Đức, thời các ngài nên ở lại ngay tại chỗ này", họ nói và thỉnh các Ngài an cư trong mùa mưa cùng với họ, và các vị Tỳ khưu đã nhận lời. Những thiện nam cho dựng lên các thảo am ở trong rừng và dâng chúng đến các vị Tỳ khưu mà an cư trong mùa mưa tại đó. Tại đó người thợ dệt bậc thầy, bằng sự chăm sóc chu đáo, đã hầu hai vị Tỳ khưu bằng bốn món vật dụng; và những người khác mỗi người hầu hạ một vị Tỳ khưu. Người vợ của vị thầy thợ dệt ấy chẳng có đức tin và cũng chẳng có lòng tịnh tín, nhưng có tánh ti tiện và có tà kiến, và không hầu hạ các vị Tỳ khưu bằng sự chăm sóc chu đáo. Khi nhận ra điều này, người thợ dệt ấy đem về đứa em gái của ông ta và giao phó cho nàng làm nữ chủ ngôi nhà của ông ta. Nàng có đức tin và lòng sùng đạo, chăm sóc các vị Tỳ khưu với sự chăm sóc chu đáo. Tất cả những người thợ dệt ấy, mỗi người dâng một chiếc y đến một vị Tỳ khưu mà đã an cư kiết hạ, nhân đó người vợ đê tiện của người thầy thợ dệt, có tâm bất thiện, đã nguyền rủa chồng của bà ta rằng, "Bất cứ đồ ăn và thức uống nào mà ông đã cho làm vật thí đến những vị Sa-môn, là những đứa con trai của vị sakya, cầu mong rằng trong kiếp sau nó sẽ biến thành phẩn và nước tiểu, máu và mủ dành cho ông; và những chiếc y ấy trở thành những cái đĩa sắt nóng đỏ". Rồi đến đúng thời, vị

thầy thợ dệt ấy chết và sanh làm vị thọ thần trong khu rừng Viñjha, có đại oai thần lực. Nhưng khi người vợ keo kiệt của ông ta chết, bà ta sanh làm một Ngạ quỷ nữ không cách xa ngôi làng ấy. Bà ta trần truồng và có hình tướng ghê tởm; và bị hành hạ bởi đói và khát, bà ta đi đến vị chư Thiên địa cầu ấy và nói rằng, "Chồng ơi, tôi không được mặc áo quần và đi lang thang, bị dày vò bởi cơn đói và khát cùng cực; Xin hãy cho tôi một ít y phục, đồ ăn và thức uống". Ông ta cho nữ Ngạ quỷ đồ ăn và thức uống thượng vị của chư Thiên. Nhưng khi bà ta càng chạm vào chúng nhiều chừng nào thì chúng càng biến thành phẩn và nước tiểu, máu và mủ nhiều chừng đó, và khi bà mặc vào y phục thì nó biến thành cái đĩa sắt nóng đỏ; bị đau đớn khốc liệt, bà ta quăng chúng và đi lang thang kêu khóc.

Vào lúc ấy có một vị Tỳ khưu nọ đã trải qua mùa mưa, đang trên đường đến đảnh lễ Bậc Đạo sư và đã đi vào khu rừng Viñjha cùng với một đoàn thương nhân đông đảo. Đoàn thương nhân đi tiếp trong chuyến đi xa của họ vào lúc ban đêm, và ban ngày trông thấy một chỗ có nước, có bóng mát dày đặc; Họ tháo ách cho những con bò, rồi nghỉ một lát. Tuy nhiên, vị Tỳ khưu muốn yên ổn, bèn đi tiếp một quãng đường ngắn. Vị ấy đặt chiếc y vai trái ở dưới gốc cây, là một lùm cây không thể đi xuyên qua được và có bóng mát dầy đặc và, bị kiệt lực vì đi đường xa, bèn đặt mình xuống và ngủ thiếp đi. Đoàn thương nhân, khi đã nghỉ xong, lại tiếp tục đi, nhưng vị Tỳ khưu thì không hay biết. Vị ấy thức dậy vào lúc chiều và, không thể trông thấy đoàn thương nhân, bèn bỏ đi theo hướng bị lạc và đến đúng lúc đi ngang qua chỗ của vị thọ thần ấy. Khi vị Thọ thần trông thấy vị Tỳ khưu, vị ấy bèn đi đến trong hình tướng của loài người và chào hỏi thân mật, mời vị Tỳ khưu vào trong cung điện của vị ấy, cho vị Tỳ khưu một ít dầu để thoa chân và những thứ khác, rồi ngồi xuống để hầu hạ. Vào lúc này Ngạ quỷ đến, nói rằng, "Thưa chồng, hãy cho tôi đồ ăn và thức uống và y phục." Vị ấy cho những thứ

này đến nàng, nhưng khi nàng chạm vào chúng chừng nào thì chúng lại trở thành phẩn và nước tiểu, máu và mủ, và những đĩa sắt nóng đỏ. Khi trông thấy cảnh này, đầy xúc động, vị Tỳ khưu bèn hỏi vị chư Thiên ấy bằng hai câu kệ này:

1. Nàng ấy ăn phẩn và nước tiểu, máu và mủ. Đây là kết quả của nghiệp gì, nghiệp gì mà người đàn bà đã làm khiến cho nàng luôn luôn ăn máu và mủ?

2. Những y phục mới, đẹp, mềm, sạch và như lông tơ, khi được cho đến nàng lại trở thành như những tấm kim loại; người đàn bà này đã làm nghiệp gì?

1. Nàng ta ăn toàn phẩn,
Nước tiểu, mủ và máu-
Đây là quả nghiệp nào?
Nghiệp gì nàng đã làm
Khiến nàng luôn luôn ăn
Những khối máu và mủ;
2. Những y phục mới mẻ,
Xinh đẹp và mềm mại,
Sạch bóng và như tơ
Nhưng khi cho đến nàng
Thì như những tấm sắt-
Người đàn bà này đã
Làm những ác nghiệp nào?

Khi được hỏi như vậy bởi vị Tỳ khưu, vị thọ thần bèn nói hai câu kệ để giải thích nghiệp mà nàng đã làm trong quá khứ:

3. Nàng là vợ của tôi, thưa Ngài, không có lòng nhân từ, hà tiện và keo kiệt; khi tôi cho đến các vị Sa-môn và các Bà-la-môn, thì nàng lăng mạ tôi và chửi mắng tôi, nói là,

4. "Phẩn và nước tiểu, máu và mủ - cầu cho ông luôn luôn ăn cái gì là bất tịnh! cầu cho điều này hãy là số phần định sẵn cho ông trong kiếp sau và cầu cho những y phục của ông trở thành những tấm sắt!" Sau khi đã có ác hạnh như thế, nàng đã đến đây để phải ăn những thứ nhơ uế trong một thời gian dài.

3. Nàng là vợ của tôi,
Bất nhân và keo kiệt,
Khi tôi cúng dường đến
Những Sa-môn, bàn môn,
Bà ta lăng mạ tôi,
Bà ta chửi mắng tôi:
4. Phẩn nhơ và nước tiểu
Cùng với máu và mủ-
Cầu cho ông luôn luôn
Ăn cái gì nhơ uế,

Cầu cho điều này hãy
Là số phận của ông
Ở trong kiếp sống sau;
Và áo quần của ông,
Hãy thành những tấm sắt!"
Khi có ác hạnh ấy,
Bà ta đã đến đây
Để phải ăn đồ nhơ
Trong một thời gian dài.

Khi đã kể lại như vậy về nghiệp mà nàng đã làm trong quá khứ, sau đó vị chư Thiên lại nói với vị Tỳ khưu rằng, "Bạch Đại Đức, có cách nào để nàng thoát khỏi cảnh Ngạ quỷ này không?" Khi vị Tỳ khưu nói rằng có, thì vị ấy nói rằng, "bạch Đại Đức, xin hãy nói cho con biết điều ấy." "Nếu những vật thí được cho đến một vị Tỳ khưu hay một người trong chư Thánh tăng của Đức Thế Tôn và rồi hồi hướng đến nàng và Ngạ quỷ bày tỏ sự tùy hỷ của nàng, thời như vậy sẽ có sự giải thoát dành cho nàng khỏi cảnh khốn cùng ở đây". Khi đã nghe qua điều này, vị chư Thiên bèn cúng dường đến vị Tỳ khưu đồ ăn và thức uống thượng vị, và hồi hướng phước thí ấy đến nữ Ngạ quỷ. Và ngay tức thì nữ Ngạ quỷ ấy trở nên tươi sáng trở lại và làm thoả mãn các căn của nàng và được thoả mãn bởi vật thực chư Thiên. Rồi vị chư Thiên ấy lại cúng dường vào tay của vị Tỳ khưu ấy một cặp y của chư Thiên đặc biệt dành cho Đức Thế Tôn và hồi hướng phước thí ấy đến nữ Ngạ quỷ. Ngay tức thì nàng được mặc y phục của chư Thiên và được trang sức bằng những vật trang sức của chư Thiên và, có đầy đủ tất cả những gì mà nàng muốn, nàng giống như một tiên nữ, còn vị Tỳ khưu ấy thì đi đến Sāvathi trong chính ngày hôm ấy bằng năng lực thần thông của vị chư Thiên ấy. Vị ấy đi vào Jetavana, đi đến trước mặt Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và rồi cúng dường đến Ngài cặp y. Rồi vị ấy nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

*

I.10. NGỐC ĐẦU QUỶ SỰ (KHALLĀTIYA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Ngươi là ai mà ở bên trong cung điện của ngươi?"

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngu ở Sāvatthi, liên quan đến một Ngạ quỷ nọ có đầu hói.

Tương truyền rằng, cách đây đã lâu, tại Ba-la-nại có một cô gái điếm nọ trông rất xinh đẹp và diễm lệ, duyên dáng và có nước da hấp dẫn tuyệt vời, và có những bím tóc quyến rũ lạ kỳ. Tóc đen dài của nàng mềm mại, mịn mượt và xoắn cong ở đuôi. Nó được buộc thành hai chùm, và khi được thả lỏng, những bím tóc thòng xuống đến thắt lưng của nàng. Khi trông thấy mái tóc xinh đẹp của nàng, hầu như tất cả những chàng trai đều say đắm yêu thương nàng. Vì không thể chịu đựng mái tóc xinh đẹp của nàng, một số phụ nữ, đầy lòng ganh tỵ, bàn tán với nhau và rồi mua chuột nàng tớ gái của

nàng để cho nàng một liều thuốc độc, khiến cho tóc của nàng rơi rụng. Tương truyền rằng người hầu của nàng đã trộn chung thuốc rụng tóc với bột tắm và đưa nó cho nàng vào lúc nàng đang tắm gội ở sông Hằng. Nàng tẩm ướt tóc của nàng đến chân tóc và nhúng nó vào trong nước. Ngay khi nàng nhúng nó xuống nước thì tóc của nàng rụng ra ở chân tóc và cái đầu của nàng giống như một trái bầu đắng. Rồi hoàn toàn bị hết tóc và xấu xí như con chim bồ câu có cái đầu bị nhổ sạch lông, do xấu hổ, không thể đi vào thành phố, nàng trùm một tấm khăn quanh đầu của nàng và làm chỗ ngụ của nàng tại một chỗ nọ ở thành phố. Sau một thời gian khoảng vài ngày, nàng hết thấy xấu hổ và nàng ép một số mè và kiếm sống bằng nghề buôn dầu và rượu. Một hôm, khi hai hoặc ba người say rượu đã ngủ mê, nàng đánh cắp y phục của họ mà đang treo thòng. Rồi một ngày nọ, nàng trông thấy một vị Trưởng lão đã đoạn trừ các lậu hoặc đang đi khất thực; với lòng tịnh tín trong tâm, nàng dẫn Ngài về nhà của nàng, mời Ngài ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn và rồi dâng đến Ngài cái bánh dầu được làm bằng mè xay và được nhúng trong dầu. Trưởng lão, vì lòng bi mẫn đối với nàng, bèn thọ lãnh và ăn cái bánh ấy trong khi nàng đứng với lòng sùng đạo tín thành, đang cầm cái dù che cho Trưởng lão. Trưởng lão bày tỏ sự tùy hỷ của Ngài khiến cho tâm của nàng hoan hỷ và Ngài ra đi. Ngay khi Trưởng lão tỏ sự tùy hỷ của Ngài thì người con gái kia phát nguyện rằng, "Cầu xin cho tóc của con được dài, mềm mại, mượt mà, mịn và xoắn ở đuôi tóc". Đến đúng thời kỳ, nàng chết, và do kết quả của những việc phước và tội của nàng, nàng sanh một mình trong cung điện bằng vàng ở giữa Đại dương. Tóc của nàng trải ra y như nàng đã ước nguyện, nhưng nàng bị trần truồng vì đã ăn cắp những áo quần của người đàn ông. Nàng đã sanh nhiều lần trong cung điện bằng vàng ấy, và trần truồng, nàng trải qua một trung gian Phật thời tại đó. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh lên trong thế gian và lăn bánh xe diệu pháp, và đến đúng thời kỳ đang trú ngụ tại Sāvatthi, có đến nhiều trăm thương nhân, là những dân cư của thành Sāvatthi, khởi sự lên đường xuyên qua đại dương hướng đến Suvaṇṇabhūmi. Chiếc thuyền mà họ đã bước vào bị tròng trành do bởi sức của những cơn gió mạnh, trôi dạt bồng bềnh đến tại chỗ ấy; Nhân đó, Thiên cung nữ quỷ hiện ra hình tướng của nàng và thiên cung của nàng cũng hiện ra trước mặt họ. Khi trông thấy nàng, vị thương nhân Trưởng đoàn đọc lên câu kệ này để dò hỏi:

1. "Nàng là ai mà cứ ở trong cung điện của nàng, không đi ra ngoài? Hãy ra ngoài, hỡi nàng, hãy cho chúng ta thấy rõ hơn khi nàng đang đứng ở bên ngoài".

Ô kìa nàng là ai
Mà ở mãi trong cung điện,
Không bước ra bên ngoài?
Hãy ra ngoài, hỡi nàng,
Để chúng ta thấy nàng
Khi đang đứng bên ngoài

Rồi nàng đọc lên câu kệ này để giải thích sự bất lực của nàng là không thể ra ngoài được:

2. "Bị trần truồng, tôi cũng khổ tâm và lúng túng, không thể ra ngoài được;

Tôi chỉ được che phủ bằng tóc của tôi mà thôi - Là kết quả của một ít phước mà tôi đã làm".

Thân thể bị loã lồ,
Tôi cũng khổ lúng túng,
Không thể ra ngoài được;
Tôi chỉ được che phủ
Bằng tóc của tôi thôi Là do chút ít phước Mà tôi đã gieo tạo.

Rồi vị thương nhân, khi muốn cho nàng chiếc áo của ông ta, bèn nói lên câu kệ này:

3. "Đây này, tôi sẽ cho nàng chiếc áo khoác của tôi - Hãy mặc vào chiếc áo này. Khi nàng đã mặc vào chiếc áo này rồi, thời hãy đi ra, hỡi người đẹp của ta. Hãy đi ra, này cưng, hãy cho chúng ta trông thấy nàng khi đang đứng ở bên ngoài";

Ta sẽ cho đến nàng
Chiếc áo khoác của ta.
Khi nàng đã mặc vào
Chiếc áo khoác này rồi,
Thời hãy bước ra ngoài,
Hỡi người đẹp của ta,
Hãy ra này em yêu
Khi đang đứng bên ngoài
Hãy cho ta thấy nàng.
Khi nói vậy, vị ấy trao cho nàng chiếc áo khoác của mình. Nàng bèn nói lên hai câu kệ để cho thấy rằng: cái mà được cho theo cách ấy không đem lại lợi ích cho nàng, và cách mà những vật được cho sẽ đem lại lợi ích cho nàng:

4. "Cái gì được cho ra từ tay của người vào trong tay của tôi thì không đem lại lợi ích cho tôi. Nhưng người thiện nam ở đây có lòng tịnh tín và là một vị Thinh văn đệ tử của Đức Phật Toàn Giác

5. Khi đã mặc vào cho vị ấy, hãy hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi, thời tôi sẽ được hạnh phúc và có đầy đủ tất cả điều gì mà tôi ưa thích".

4. Cái gì được cho ra
Từ trong tay của Người,
Vào trong tay của tôi,
Thì chẳng lợi ích gì
Đến cho tôi chút nào,
Nhưng vị thiện nam này
Ở đây có đức tin
Là thinh văn đệ tử
Của Đức Phật Toàn Giác;
5. Khi đã mặc y phục

Vào người của vị ấy,
Hãy cho phước đến tôi,
Thời tôi sẽ hạnh phúc.
Và có đủ tất cả
Điều gì tôi mong muốn.

Khi nghe qua điều này, những vị thương nhân tắm và thoa dầu cho vị thiện nam và rồi mặc vào cho vị ấy một cặp y phục. Những người kiết tập Tam tạng nói những câu kệ này để làm sáng tỏ điều này:

6. Những vị thương nhân ấy tắm và thoa dầu cho vị ấy và mặc vào cho vị ấy những y phục, và rồi hồi hướng phước thí đến cho nàng.

7. Ngay khi họ hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, y phục và thức uống, là quả của phước thí này.

8. Nhân đó, nàng trở nên thanh tịnh, được mặc vào y phục sạch sẽ và tươi sáng, mặc những y phục mịn hơn những y phục bằng vải Kāsi, rồi rời khỏi cung điện của nàng, mỉm cười (để cho thấy rằng) "đây là kết quả phước thí của người".

6. Những thương nhân ấy tắm,
Thoa dầu cho vị ấy
Và khoác những y phục
Vào người của vị ấy,
Rồi cho phước đến Nàng.
7. Ngay khi họ hồi hướng,
Thì kết quả hiện ra:
Là vật thực, y phục
Và thức uống, là quả
Của sự bố thí này.
8. Nhờ đó nàng thanh tịnh,
Được mặc những y phục
Tươi sáng và sạch sẽ,
Lại mang những tấm vải
Mịn hơn của Kaasi;
Và rời khỏi cung điện,
Mỉm cười để cho biết
"Đây là quả phước thí
Của người cho đến tôi".

Khi chính các vị thương nhân đã trông thấy như vậy quả của việc phước của họ, thì tâm của họ đầy ngạc nhiên và họ có đầy lòng kính trọng đối với vị thiện nam, tôn kính vị ấy bằng sự chắp tay tác lễ. Vị ấy lại còn làm cho họ tín thành nhiều hơn bằng một thời pháp thoại và an trú họ trong tam quy và ngũ giới. Họ hỏi nàng Vimānapetī về nghiệp mà nàng đã làm, bằng câu kệ này:

9. "Cung điện nguy nga, rực rỡ của nàng đang chiếu sáng; Này tiên nữ, chúng ta yêu cầu nàng hãy cho chúng ta biết rằng đây là quả của nghiệp gì".

9. Cung điện đầy hoa mỹ
Và nguy nga của nàng
Đang chiếu sáng rực rỡ;
Này hỡi nàng tiên nữ,
Hãy cho chúng ta biết,
Đây là quả nghiệp nào.
Khi được hỏi như vậy bởi họ, nàng bèn nói lên những câu kệ này để báo cho họ biết rằng cung điện ấy là kết quả của nghiệp thiện nhỏ mà nàng đã làm; tuy nhiên, trong tương lai sẽ có quả nghiệp bất thiện như nghiệp được thấy trong địa Ngục.

10. Đến một vị Sa-môn du phương, chánh trực, tôi, với tâm tịnh tín, đã cúng dường cái bánh dầu.

11. Do kết quả của nghiệp thiện ấy, tôi đã vui hưởng khoái lạc trong một thời gian dài trong cung điện này, còn bây giờ chỉ có chút ít.

12. Sau bốn tháng, cái chết sẽ đến và tôi sẽ rơi xuống địa ngục vô cùng kinh khủng và đau đớn.

13. Có bốn góc với bốn cổng, nó được chia thành những phần bằng nhau, được bao quanh bởi bức tường sắt và có mái bằng sắt ở bên trên.

14. Cái nền nóng sáng của nó được làm bằng sắt cháy đỏ, nó trải rộng khắp quanh một trăm do tuần, đứng mãi mãi.

15. Tôi sẽ trải qua những cảm thọ đau đớn ở đó trong một thời gian dài, do quả của ác nghiệp của tôi, vì lý do này tôi vô cùng sầu khổ.

Khi nàng đã cho biết như vậy về quả nghiệp của nàng và kiếp sống tương lai của nàng trong đại ngục, thì tâm của người Thiện nam ấy bị xúc động bởi lòng bi mẫn và, khi nghĩ rằng vị ấy có thể làm phương tiện để nâng đỡ nàng, bèn nói rằng, "bằng chỉ một vật thí đến tôi, hỡi tiên nữ, nàng đã có đủ tất cả những gì nàng muốn và tiếp xúc với sự thù thắng cao cả này. Nếu bây giờ nàng cho ra vật thí đến những Thiện nam này và tưởng niệm những ân đức của Bậc Đạo sư, thời nàng sẽ khỏi phải tái sanh trong địa ngục". Nàng Petī vô cùng sung sướng và nói rằng, 'tốt lắm', và làm thoả mãn họ bằng đồ ăn và thức uống của chư Thiên, cho họ những y phục và châu báu đủ loại của chư Thiên. Rồi nàng trao vào tay của họ một cặp y phục của chư Thiên, đặc biệt dành cho Đức Thế Tôn và gởi lời chào hỏi này:

"Khi các người đã đi đến Sāvatthi, hãy đảnh lễ Đức Thế Tôn với lời nhắn gởi này của tôi: "Bạch Đức Thế Tôn, một vị Vimānapetī nọ xin đảnh lễ Đức Thế Tôn với đầu của nàng dưới chân của Ngài". Nàng đưa chiếc thuyền của họ đến cảng mà họ muốn đến trong cùng ngày ấy, bằng năng lực thần thông và oai lực của nàng. Bấy giờ, những thương nhân ấy đi đến Sāvatthi từ cảng ấy đến đúng lúc và đi vào Jetavana . Họ dâng

đến Bậc Đạo sư một cặp y phục, và khi họ đã khuyến lời chào hỏi của nàng, họ nêu lên toàn thể vấn đề ấy ngay từ đầu. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết và thuyết pháp đầy đủ chi tiết cho hội chúng đã hội họp đầy đủ ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng ở đó. Vào ngày hôm sau, những Thiện nam ấy tổ chức một cuộc Bố thí vật thực lớn đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và hồi hướng phước thí đến cho nàng. Khi nàng rời khỏi cõi Ngạ quỷ, nàng sanh vào trong một cung điện bằng vàng trong cõi trời ba mươi ba, rực rỡ với nhiều loại châu báu, và có một đoàn tùy tùng gồm một ngàn tiên nữ.

*

I.11 TƯỢNG QUỶ SỰ (NĀGA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Người đi ở trước trên một con voi trắng."

Pháp thoại này được bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngự ở Jetavana, liên quan đến hai Ngạ quỷ mà đã từng là những vị Bà-la-môn.

Tương truyền rằng, vị Đại Đức bảy tuổi Saṃkicca đã chứng đắc đạo quả A-la-hán trong khi vẫn còn ở trong nhà cạo tóc và đang sống như một vị Sa di với ba mươi vị Tỳ khưu trong một khu rừng. Sau khi vị ấy đã bảo vệ các vị Tỳ khưu ấy thoát khỏi cái chết gần kề từ tay của năm trăm tên cướp và đã thuần phục những tên cướp, truyền phép xuất gia cho chúng, vị ấy đi đến trước mặt Bậc Đạo sư.

Bậc Đạo sư thuyết pháp đến các Tỳ khưu và vào lúc kết thúc thời pháp ấy, họ chứng đắc đạo quả A-la-hán. Rồi khi Đại Đức Saṃkicca đã đủ tuổi và đã thọ cụ túc, vị ấy đi đến Ba-la-nại với năm trăm vị Tỳ khưu và trú ngụ ở Isipatana. Dân chúng đi đến trước mặt Trưởng lão để nghe pháp, và tự sắp thành những nhóm dọc theo những con đường, bố thí những vật thực đến những người

mới đến. Một vị thiện nam nọ ở đó ra sức thuyết phục mọi người cung cấp thường xuyên vật thực, và họ cung cấp vật thực thường xuyên này theo khả năng của họ.

Bấy giờ tại Ba-la-nại có một vị Bà-la-môn có tà kiến, có hai đứa con trai và một đứa một đứa con gái. Đứa con trai lớn trong ba đứa này là một người bạn của vị thiện nam ấy. Vị ấy dẫn anh ta đến trước mặt Đại Đức Saṃkicca, và Đại Đức Saṃkicca thuyết pháp cho anh ta, nhờ đó tâm của anh ta trở nên mềm mại; Rồi vị thiện nam nói với anh ta rằng, "bạn nên bố thí vật thực thường xuyên đến một vị Tỳ khưu". "Tục lệ dành cho những vị Bà-la-môn là không cho vật thực thường xuyên đến những vị Sa-môn nào trong những con trai của dòng thích ca, bởi vậy tôi sẽ không cho đâu". "Ngay cả tôi ông cũng không cho vật thực sao? Vị ấy hỏi. "Làm sao tôi không thể cho nó được", anh ta đáp lại. "Trong trường hợp ấy, hãy cho đến một vị Tỳ khưu cái gì mà anh định cho đến tôi". "Tốt lắm", Anh ta đồng ý và vào ngày hôm sau, trong khi trời vẫn còn rất sớm, anh ta đi đến tịnh xá, kiếm về một vị Tỳ khưu và cúng dường vật thực đến vị ấy. Trải qua một thời gian như thế, người em trai và em gái trông thấy những hạnh kiểm của Tỳ khưu và nghe pháp và, khi tìm thấy đức tin trong giáo pháp, lấy làm thoả mãn trong những việc phước. Như vậy ba người này, khi cúng dường vật thực theo khả năng của

họ, tôn kính, sùng mộ, và tôn trọng các vị Tỳ khưu, và tôn trọng các vị Bà-la-môn trẻ. Tuy nhiên, cha mẹ của họ chẳng có niềm tin, cũng chẳng có tâm đạo, không có lòng tôn kính đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn, và không quan tâm đến sự thực hành những việc phước. Những quyến thuộc yêu cầu rằng, đứa con gái trẻ của họ nên gả cho người bà con bên mẹ của nàng. Nhưng người ấy nghe pháp trước mặt Đại Đức Saṃkicca, và đầy xúc động, thường xuyên mang bát đến nhà của mẹ để ăn cơm. Mẹ của vị ấy ra sức dụ dỗ vị ấy lấy người em gái bà con bên mẹ. Do bởi điều này, vị ấy trở nên bất mãn và đi đến ông thầy của vị ấy và nói rằng, "Bạch Ngài, con muốn hoàn tục, xin hãy chấp thuận cho con". Thầy hoà thượng của vị ấy, khi thấy rằng vị ấy có khả năng để trở thành một vị saavaka, bèn nói rằng, "Hãy đợi chỉ trong một tháng thôi, này ông Sa di". "Lành thay", vị ấy đồng ý và, khi một tháng đã trôi qua, vị ấy lại nói với thầy hoà Thượng theo cùng cách ấy. Thầy hoà thượng lại nói rằng: "Hãy đợi thêm nửa tháng nữa" khi nửa tháng đã trôi qua và ông thầy Hoà thượng lại được nói như vậy, và vị ấy nói rằng, "hãy chờ một tuần". "Lành thay", người kia đồng ý. Trong một tuần ấy nhà của người cô của vị Sa di bị sập vì cái mái hư của nó và những bức vách cũ kỹ yếu ớt của nó bị gió và mưa thổi vào, và Vị Bà- la-môn cùng vợ của ông ta, hai đứa con trai và con gái của họ bị chết khi bị nhà sập đè xuống. Trong những người này, vị Bà-la-môn và vợ của ông ta sanh trong cõi Ngạ quỷ, trong khi hai đứa con trai và con gái của họ sanh trong cõi chư Thiên địa cầu. Trong những vị chư Thiên này, đứa con trai lớn sanh ra cỡi trên một con voi, đứa em trai thì sanh ra trong một chiếc xe được kéo bởi một con lừa và đứa em gái thì ở trong một cái kiệu bằng vàng. Vị Bà-la-môn và vợ ông ta, mỗi người cầm những cái búa tạ bằng sắt khổng lồ và đánh vào nhau, và những vết sưng phồng, mỗi vết bằng cái lu nước khổng lồ lại sanh lên ở những chỗ mà họ bị đánh, lâm vào cơn khủng hoãn trong một tình trạng nghi nghi hoặc hoặc và rồi thình lình hiện ra. Họ lại làm vỡ những vết bầm của nhau, giận dữ và nguyền rủa lẫn nhau bằng những lời thô lỗ, uống máu và mủ, tuy nhiên vẫn không thấy thoả mãn.

Rồi vị Sa di vẫn bị chế ngự bởi lòng bất mãn, đi đến thầy hoà Thượng của vị ấy và nói rằng, "Bạch Ngài, con đã đợi sự đồng ý trong nhiều ngày; Nay con muốn về nhà, xin ngài hãy đồng ý cho con". Rồi thầy Hoà Thượng của vị ấy nói rằng, "Hãy đến đây vào lúc mặt trời lặn, khi đến ngày thứ mười bốn của tháng hạ huyền", và đi đến đứng một lát ở đằng sau của tịnh xá Isipatana. Lúc bấy giờ hai vị chư Thiên ấy đang đi, cùng với đứa em gái của họ, dọc theo cùng con đường ấy, để tham dự vào cuộc họp của dạ xoa. Mẹ và cha của họ đã theo họ với những cây gậy trong tay và với những lời nói thô lỗ. Họ có tướng mạo tối đen, bị đè nặng bởi những mớ tóc rối bù gớm guốc và tung bay, và giống như những thân cây thốt nốt bị đốt cháy do bị tia chớp giáng xuống. Họ bị chảy máu, mủ nhỏ giọt và thân của họ nhăn nheo, trông họ như một cảnh tượng gớm guốc và ghê rợn. Rồi Đại Đức Sa.mkicca thị hiện thần thông để vị Sa di có thể trông thấy tất cả họ đang đi và, khi vị ấy đã làm như thế bèn nói rằng, "Này ông Sa di, ngươi có trông thấy họ đang đi không?" "Thưa vâng, bạch Ngài, con trông thấy họ". "Thôi được, hãy hỏi họ về những nghiệp mà họ đã làm". Vị ấy lần lượt hỏi những người đang đi như thế, bắt đầu từ người đang cỡi trên con voi. "Ngài nên hỏi

những Ngạ quỷ đang đi theo ở đằng sau", họ nói. Và vị Sa di nói với những Ngạ quỷ bằng những câu kệ này:

1. Người đi trước trên một con voi trắng, tuy nhiên người đi giữa thì ở trong một chiếc xe được kéo bởi một con lừa, ở đằng sau là một thiếu nữ được khiêng đi trong một chiếc kiệu bằng vàng, hoàn toàn chiếu sáng cả trong mười phương.

2. Nhưng các người, với cái búa tạ trong tay, với những khuôn mặt đầy nước mắt và thân bị nứt nẻ và xây sát, ác nghiệp nào các ngươi đã làm trong khi các ngươi còn ở trong cõi người, mà do đó các ngươi phải uống máu lẫn nhau?

Chú giải:

1. Ở đây, chữ Ở TRƯỚC (Purato): ở trước tất cả. Trắng (Setena): Có màu sắc nhạt. NGƯỜI ĐI TỚI (Paleti): Người đi. TUY NHIÊN Ở GIỮA (Majjhe pana): ở giữa là người cỡi trên con voi và người trong chiếc kiệu. TRONG CHIẾC XE ĐƯỢC KÉO BỞI CON LỪA (assatarīrathena): Người đi bằng chiếc xe được thắng ách bằng những con lừa cái. - Đây là cách nên được hiểu. ĐƯỢC DẪN ĐI (Nīyati): được chở đi. HOÀN TOÀN RỰC SÁNG TRONG MƯỜI PHƯƠNG (obhāsayantī dasa sabbato disā): Chiếu sáng ra trong khắp cả mười phương với hào quang từ thân của nàng, từ y phục và những nữ trang của nàng v.v... VỚI THÂN THỂ BỊ NỨT NẺ VÀ XÂY XÁT (Bhinna- pabhinnagattā): với những tấm thân bị nứt nẻ và xây xát khắp cả bởi những nhát búa đánh vào.

Khi được hỏi như vậy bởi vị Sa di, những Ngạ quỷ đáp lại bằng bốn câu kệ, để kể lại toàn thể câu chuyện:

3. "Người mà đi trước trên một con voi, trên con bạch trượng có bốn chân, người ấy là đứa con trai của chúng tôi. Sau khi đã bố thí vật thực, bây giờ vị ấy được hạnh phúc và vui sướng.

4. Người mà đi ở giữa trong một chiếc xe được kéo bởi lừa có thắng bốn ách, đang phi nước đại, vị ấy là đứa con trai thứ hai của chúng tôi. Là người không bỏn xẻn và là bậc thầy trong việc thực hành bố thí, bây giờ vị ấy chiếu sáng rực rỡ.

5. Cô gái ở đằng sau được khiêng đi trong một chiếc kiệu, cô thiếu nữ với đôi mắt dịu dàng của con nai, nàng là con gái của chúng tôi và là đứa sanh chót. Nhờ đã làm thoả mãn bởi nửa phần ăn của nàng, bây giờ nàng hạnh phúc và vui sướng.

6. Như vậy trong quá khứ, họ đã cúng dường vật thực, với lòng tịnh tín trong tâm của họ, đến các vị Sa-môn và Bà là môn. Tuy nhiên, chúng tôi thì ích kỷ và hay lăng mạ các vị Sa- môn và Bà-la-môn. Họ đã bố thí và bây giờ làm hài lòng chính họ, trong khi chúng con thì bị héo úa như cây sậy bị đốn ngã.

Chú giải:

3. Ở đây, NGƯỜI MÀ ĐI Ở ĐÀNG TRƯỚC (Pu rato' vu yo gacchati): người đi ở đằng trước của những người đang lũ lượt đi. TRÊN MỘT CON VOI (Kuṇarena): trên một con voi (Hatthinā), mà đã có nói trên tên là (Kuñjara) bởi vì nó mang đến địa hình, quả đất, sẽ tiêu diệt (Cīrayati), hay thay vào đó vì nó ở trong những thung lũng (Kuñjesu) nên nó

vui sướng, (Ramati) nên nó đi rảo quanh. TRÊN MỘT CON VOI (Nāgena): con voi ấy, con (Nāga) mà không có chỗ nào có thể đến gần nó được và đối với nó không có điều gì mà nó không thể chinh phục được. BỐN CHÂN (Catukkamena): Có bốn chân cả thảy. NGƯỜI CÓ TRƯỚC (Getthako): Người sanh trước.

4. CÓ BỐN CÁI ÁCH (Catubbhī): được thắng ách bởi bốn con lừa cái. PHI NƯỚC ĐẠI (Suvaggitena): di chuyển đẹp mắt, di chuyển nhanh chóng.

5. VỚI ĐÔI MẮT DỊU DÀNG CỦA MỘT CON NAI (Migamandalocanā): mắt nhìn ra một cách dịu dàng như đôi mắt của con nai cái, BẰNG NỬA PHẦN ĂN CỦA NÀNG: Bhāgaḍḍhabhāgena = bhāgassa aḍḍhabhāgena (cách nối kết): lý do là nàng đã cho đi nửa phần ăn đã nhận lãnh cho chính nàng. HẠNH PHÚC: (Sukhī = Sukhinī): điều này được nêu ra ở đây có sự méo mó về giới tính.

6. HAY CHỬI MẮNG (paribhāsakā) hay lăng mạ. BÂY GIỜ CHÚNG TỰ LÀM HÀI LÒNG (paricārayanti) Chúng làm thoả mãn các căn của chúng theo ý thích, bất cứ chỗ nào chúng muốn, bằng những dục lạc của chư Thiên, hay chúng vui chơi (Paricariyaṃ kārenti) với những tùy tùng của chúng do bởi quả thù thắng về những thiện nghiệp của chúng. TRONG KHI CHÚNG TÔI THÌ BỊ HÉO ÚA NHƯ CÂY SẬY BỊ ĐỐN HẠ (Mayañca sussāma naḷo va chinno): nhưng chúng tôi thì tàn tạ như cây sậy đã bị đốn hạ và bị đặt xuống trong ánh nắng của mặt trời, chúng tôi bị thiêu đốt và bị khô héo bởi cơn đói và khát, do bởi những cú đánh nhừ tử (mà chúng tôi nhận lãnh của nhau).

Khi họ đã làm sáng tỏ những ác nghiệp của họ như vậy, sau đó họ nói cho vị ấy biết rằng họ là dì và dượng của vị Sa di ấy. Khi nghe qua điều này, đầy xúc động, vị sa di bèn thốt lên câu kệ này để hỏi cách làm sao vật thực có thể được làm để có thể dùng được đối với những người làm ác:

7. Vật thực của các ngươi là gì? Giường ngủ của ngươi như thế nào? Các ngươi tự nuôi sống bằng cách nào, các ngươi là người có tánh rất ác, dầu sống giữa nhiều của cải, lại bỏ qua cơ hội hạnh phúc của các ngươi, và ngày hôm nay phải đi đến chỗ đau đớn?

Chú giải:

7. Ở đây, VẬT THỰC CỦA CÁC NGƯỜI LÀ GÌ? (Kim tumhākaṃ bhojanaṃ): vật thực của các người thuộc loại nào? GIƯỜNG NGỦ CỦA CÁC NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO? (Kiṃ sāyānaṃ): giường ngủ của các ngươi thuộc loại nào? một số người đọc là: sự ngủ nghỉ của các người như thế nào? (Kiṃ sāyānaṃ): loại giấc ngủ nào của các ngươi, nghĩa là các ngươi ngủ bằng loại giường nào? CÁC NGƯƠI TỰ NUÔI SỐNG BẰNG CÁCH NÀO? (Kathaṃ su yāpetha): các ngươi tự nuôi sống bằng cách nào? CÁC NGƯƠI LÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÁNH RẤT ÁC (Supāpadhammino): Các ngươi là những người có tánh ác vô cùng. DẦU SỐNG GIỮA NHIỀU CỦA CẢI (Pahūtabhogesu): Dầu sống trong nhiều của cải. Dầu ở trong vô số của cải.

Khi được hỏi như vậy bởi vị Sa di, những Ngạ quỷ ấy nói lên những câu kệ này để trả lời những vấn đề mà vị ấy hỏi về:

8. "Khi chúng tôi đã đánh nhau rồi, thì chúng tôi sẽ uống máu và mủ; chúng tôi uống nhiều nhưng chúng tôi không được no đủ, chúng tôi không được hài lòng.

9. Thực ra, những kẻ phàm phu không có lòng bố thí cũng ta thán sau khi chết- chúng trở thành những tội đồ của Yama (Diêm Vương); những người mà đã biết và đã dành được của cải rồi, nhưng lại không sử dụng nó, thậm chí cũng không làm những việc phước.

10. Về sau những người này chịu đói và khát; những Ngạ quỷ ấy cháy nóng, bị thiêu đốt trong một thời gian dài. Sau khi đã tạo những nghiệp dẫn đến quả đau khổ, quả cay đắng, chúng chịu đau khổ".

11. Quả thật vậy, những của cải và những ngũ cốc tồn tại thật ngắn ngủi và đời sống của người ta ở đây cũng trôi qua nhanh; khi biết những pháp có tánh chất thay đổi là vô thường, Bậc Trí Tuệ nên tạo ra một chỗ nương tựa.

12. Những người mà hiểu được điều này là những người thông hiểu giáo pháp; khi đã nghe những lời vàng ngọc của các vị A-la-hán, họ không coi thường việc bố thí vật thực.

Chú giải:

8. Ở đây, CHÚNG TÔI KHÔNG ĐƯỢC NUÔI DƯỠNG (Na dhātā homa): Chúng tôi không được nuôi dưỡng, không được thoả mãn, không vừa lòng. KHÔNG ĐƯỢC THÍCH THÚ: Naruccādimhase = Na ruccāma (hình thức văn phạm chuyển đổi); Chúng tôi không có được sự an lạc, nghĩa là chúng tôi không uống nó cho thoả thích.

9. BỞI VẬY, THỰC RA (icc'eva) bằng chính cách này. NHỮNG KẺ PHẢI CHẾT CŨNG TA THÁN (Maccā paridevayanti): Những người khác cũng vậy, là những người, như chúng tôi, cũng đã làm những điều bất chánh, cũng ta thán và kêu gào. KHÔNG CÓ LÒNG BỐ THÍ (Adāyakā): ích kỷ, không có đức quảng đại. CHÚNG TRỞ THÀNH NHỮNG THẦN DÂN CỦA Yama (Yamassa ṭhāyino): Bản tánh của chúng là phải ở trong cõi Ngạ quỷ, chỗ ngụ của Yama (Diêm Vương), được mệnh danh là cõi của Yama. NHỮNG NGƯỜI MÀ ĐÃ BIẾT VÀ ĐÃ CÓ ĐƯỢC CỦA CẢI (Ye te viditvā adhigaṃma bhoge): Những người đã biết và đã có của cải để đem lại hạnh phúc phi thường, cả bây giờ lẫn mai sau. NHƯNG LẠI KHÔNG DÙNG ĐẾN NÓ, THẬM CHÍ CŨNG KHÔNG LÀM NHỮNG VIỆC PHƯỚC (Na bhuñjare nā'pi'karontipuññaṃ): Nhưng là người, như chúng tôi, không tự mình dùng nó, thậm chí cũng không làm những việc phước về sự bố thí vật thực bằng cách cho đến những người khác.

10. VỀ SAU NHỮNG NGƯỜI NÀY CHỊU ĐÓI VÀ KHÁT (Te khuppipāsūpagatā parattha): những chúng sanh này bị chế ngự bởi sự muốn ăn và bởi sự khát về sau, ở cõi Ngạ quỷ, trong kiếp sau. NHỮNG NGẠ QUỶ ẤY NÓNG CHÁY, BỊ THIÊU ĐỐT TRONG MỘT THỜI GIAN DÀI (Ciraṃ jhāyare dayhamānā): Nghĩa là những Ngạ quỷ ấy, bị đốt cháy, chúng than khóc, bị thiêu đốt liên tục bởi ngọn lửa của lương tâm bất an, khi nghĩ rằng "than ôi! Chúng ta đã không làm những việc thiện, chúng ta chỉ làm những việc ác mà thôi" và bởi ngọn lửa đau khổ do bởi cơn đói của chúng gây ra. ĐEM LẠI ĐAU KHỔ (anubhonti duk-khaṃ katukapphalāni): Sau khi đã làm việc ác đem lại quả cay đắng,

chúng chịu đau khổ, chúng chịu trạng thái đau khổ trong cõi khổ, trong một thời gian dài.

11. CÓ ĐỜI SỐNG NGẮN NGỦI (ittaraṃ): không tồn tại lâu, vô thường, chịu sự thay đổi; MẠNG SỐNG CỦA CON NGƯỜI TRÔI QUA NHANH Ở ĐÂY (itta-raṃ idha jīvitaṃ): Mạng sống của chúng sanh ở đây, trong cõi người này, đang trôi nhanh, Có hạn kỳ, ngắn ngủi. Vì lý do này mà Đức Thế Tôn nói rằng. "Người mà sống lâu, chỉ sống một trăm năm hoặc lâu hơn một chút." KHI BIẾT CÁC PHÁP CÓ TÁNH CHẤT THAY ĐỔI LÀ VÔ THƯỜNG (Ittaraṃ ittaro ñātvā): Khi biết chắc bằng trí tuệ rằng, các pháp hữu vi như của cải và ngũ cốc v.v... Và mạng sống của con người là đang trôi nhanh, hữu hạn, ngắn ngủi, và không tồn tại lâu dài. NGƯỜI CÓ TRÍ TUỆ NÊN TẠO RA MỘT CHỖ NƯƠNG TỰA (dīpaṃ kariyātha paṇ-ḍito): Người có trí tuệ nên tạo ra một chỗ nương tựa, một chỗ chống đỡ, đó sẽ là nền tảng hạnh phúc và lợi ích trong đời sau.

12. NHỮNG NGƯỜI HIỂU BIẾT ĐIỀU NÀY (ye te evaṃ pa jānanti) những người mà thật sự giác ngộ tánh chất thay đổi của đời người và của cải, họ không nên dễ duôi trong việc bố thí luôn khi. KHI ĐÃ NGHE NHỮNG LỜI VÀNG CỦA CÁC BẬC A LA HÁN (Sutvā arahataṃ vaco): nghĩa là khi đã nghe những lời của các vị A-la-hán, của các bậc thánh nhân như chư Phật v.v... Phần còn lại quá rõ rồi.

Khi những Ngạ quỷ ấy đã giải thích những vấn đề mà chúng đã được hỏi bởi vị Sa di, chúng nói rằng. "Chúng tôi là dượng và dì của ngài". Khi vị ấy nghe qua điều này, vị Sa di đầy xúc động, di?t trừ tâm thối thất của vị ấy và gục đầu dưới chân thầy hoà thượng mà nói rằng, "Bạch Ngài, bất cứ lòng thương tưởng nào nên được cho đến do bởi lòng bi mẫn, đã được Ngài cho đến con, thì chắc chắn con được bảo vệ không bị rơi vào trong nỗi bất hạnh lớn. Bây giờ, con không còn thích thú trong đời sống gia đình và sẽ thấy vui thích trong đời sống phạm hạnh". Đại đức Saṃkicca cho người đệ tử một đề mục thiền định thích hợp với tâm tánh của vị ấy. Nhờ chuyên tâm với đề mục thiền định ấy, không bao lâu vị Sa di chứng đắc Đạo quả A-la-hán. Đại đức Saṃkicca nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết

giảng chánh pháp một cách tỉ mỉ đến hội chúng hội họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người hội họp ở đó.

*

I.12 XÀ QUỶ SỰ (URAGA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Cũng như con rắn sau khi quăng bỏ cái vỏ cũ kỹ của nó"

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một thiện nam nọ.

Tương truyền rằng, tại Savatthi đứa con trai của một vị thiện nam nọ đã chết. Đầy ưu bi, ông ta ta thán về cái chết của đứa con trai; Ông ta chỉ ở trong nhà, chẳng đi ra ngoài cũng không thể làm công việc gì. Rồi khi vào lúc hừng sáng, Bậc Đạo sư đã xuất khỏi đại bi định và đang dò xét thế gian bằng Phật nhãn của Ngài, trông thấy vị thiện nam

ấy. Ngài mặc y vào lúc sáng và khi mang y Tăng-già-lê và bát, đi đến đứng cửa nhà của ông ta. Khi vị thiện nam nghe tin Bậc Đạo sư đã đến, ông ta vội vàng đứng dậy và đi ra đón Ngài. Ông ta lấy bát từ tay của Ngài, thỉnh Ngài vào nhà và dâng đến Ngài chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Đức Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn và vị thiện nam ngồi đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn nói rằng: "Này ông thiện nam, tại sao ông trông có vẻ như người bị ưu bi vậy". "Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn, đứa con trai yêu quý của con đã chết. Vì lý do này khiến con ưu bi", ông ta đáp lại. Rồi đức Thế Tôn thuyết giảng Xà Bổn sanh với mục đích diệt trừ nỗi ưu bi của ông ta.

Cách đây đã lâu, tại Ba-la-nại trong vương quốc Kāsi, có một gia đình của một Bà-la-môn nọ tên là Dhammapāla, tất cả những người trong gia đình gồm có: Vị Bà-la-môn, vợ của ông ta, đứa con trai và con gái của ông ta, nàng dâu và cô tớ gái. Tất cả đều có thói quen niệm về cái chết. Bất cứ khi nào có người nào trong bọn họ đi ra ngoài, thì người ấy khuyên những người còn lại trong gia đình và rồi ra đi mà không có sự vướng bận gì.

Rồi một ngày nọ, vị Bà-la-môn với đứa con trai của ông ta đi ra đồng để cày trong khi đứa con trai của ông ta châm lửa vào mớ củi và cỏ khô. Khi thấy đống lửa này, một con rắn đen rất độc, do sợ bị cháy, bèn rời khỏi bộng cây và cắn vào đứa con trai của ông Bà-la-môn. Cậu ta té xỉu, do hiệu lực của nọc độc, ngã xuống ngay tại đó và chết ngay sau đó, tái sanh làm Sakkha, vua của chư Thiên.

Khi vị Bà-la-môn trông thấy đứa con trai đã chết của ông ta, vị ấy nói với người đàn ông mà vị ấy trông thấy đang đi qua gần chỗ mà vị ấy đang làm việc: "Này ông, xin ông làm ơn đi về nhà của tôi và báo cho vợ của tôi biết rằng, bà ta nên tắm rửa và mặc y phục cho sạch sẽ, rồi đến đây với vật thực dành cho một người, và mang theo tràng hoa, vật thơm v.v..." Người đàn ông kia đi đến đó và báo cho bà biết tin, và những người trong gia đình đã làm như ông ta nói. Vị Bà-la-môn tắm, độ thực và sức dầu vào người và được vây quanh bởi những người hầu, ông ta đặt xác của đứa con trai trên giàn hoả và châm lửa vào đó, rồi đứng ở đó tựa như ông ta chỉ đốt một đống củi mà thôi, chẳng có ưu bi hay sầu khổ gì, chỉ bằng tâm chuyên chú vào ý nghĩ về vô thường.

Bấy giờ chính Bồ tát của chúng ta lúc bấy giờ là con trai của ông Bà-la-môn, đã sanh làm Sakkha. Khi vị ấy quán niệm về những việc phước mà vị ấy đã làm trong kiếp quá khứ của mình, vì cảm thấy thương hại cho người cha của mình và những quyên thuộc, bèn đi đến đó cải trang làm một vị Bà-la-môn.

Vì thấy quyến thuộc chẳng có người nào khóc than cho mình cả, vị ấy bèn nói rằng, "Này các người, các người đang nướng món thịt nai gì đấy. Xin làm ơn cho tôi một ít thịt nhé; Tôi đói bụng lắm..." "chẳng phải thịt nai nướng đâu, thưa ông Bà-la-môn, đó xác của một người đấy," ông ta đáp lại. "Có phải là kẻ thù của các người không?" "Người ấy không phải là kẻ thù của tôi mà là ruột thịt máu mủ của chính tôi, là đứa con trai còn trẻ có giơi đức của tôi". "Tại sao ông không khóc than khi đứa con trai còn trẻ có giới đức như vậy bị chết?" Khi nghe qua điều này, vị Bà-la- môn thốt lên hai câu kệ này

để cho biết lý do khiến ông ta không khóc:

1. Như rắn bỏ đi lớp vỏ già nua của nó, là thân của nó, và rồi tiếp tục đi, vào lúc chết thì cái Peta, cái thân vô dụng của nó cũng vậy.

2. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời ta thán của những quyến thuộc. Do vậy tôi không khóc than cho nó; nó đã đi đến bất cứ chỗ nào gọi là định nghiệp của nó".

1. Như rắn lột bỏ vỏ già,
Vỏ ấy cũng ví như là xác thân,
Và rồi tiếp tục du phương
Lúc chết cũng vậy, nắm xương ích gì!"
2. Cái mà đang cháy hoại đi,
Thì không hay biết lời gì thở than.
Do vậy tôi chẳng kêu oan,
Khóc cho cái nắm tro tàn con tôi.
Nó đã đi khỏi đây rồi.
Đến nơi đã định cho đời mai sau".
Khi vị Bà-la-môn đã cho thấy tánh thuần thục của mình trong việc chú tâm hoàn toàn về ý niệm vô thường như vậy, thì Sakkha, trong lốt một vị Bà-la-môn, nói với người vợ của vị Bà-la-môn rằng, "Thưa bà, người chết là gì đối với bà?" "Nó là đứa con trai đã lớn của tôi, thưa ông, là người mà tôi đã cưu mang trong mười tháng, cho bú mớm và dạy cho nó bò." "Cho dù cha của người ấy không khóc, chẳng qua là bản tánh của người đàn ông, chắc chắn tấm lòng của người mẹ thì mềm mỏng; Thế thì tại sao bà không khóc?"

Khi bà ta nghe qua điều này, bà ta bèn thốt lên hai câu kệ để cho biết lý do của bà ta tại sao không khóc:

3. "Nó đến từ đó cũng không có sự mời mọc và đi khỏi đây cũng chẳng có sự cho phép. Nó đến như thế nào thì nó đi cũng như thế. Trong những hoàn cảnh như vậy, ta thán có lợi ích gì?

4. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời ta thán của quyến thuộc, do vậy tôi không than khóc cho nó. Nó đã đi đến bất cứ chỗ nào đã định phần cho nó.

3. "Đến đây chẳng được ai mời,
Ra đi chẳng được một lời thuận ưng.
Đến đi bất định bất phân,
Ích gì mà khóc mỗi lần ra đi?
4. Cái mà đang cháy đen xì
Làm sao biết được những gì thở than.
Nên tôi chẳng khóc chẳng than;
Con tôi nó đã đi sang cõi nào.

Khi vị ấy nghe qua điều mà người vợ của vị Bà-la-môn đã phải nói như thế, vị ấy bèn hỏi đứa em gái của người chết, "Người ấy là gì đối với cô, này cô gái?" "Thưa Ngài, người ấy là anh của tôi", "Này cô, chắc chắn những người em gái đều thương yêu những người anh của họ; thế thì tại sao cô không khóc?" Nàng đọc lên những câu kệ này để cho biết lý do khiến nàng không khóc:

5. "Nếu tôi khóc thì tôi trở nên tiều tụy. Khóc như thế sẽ có kết quả gì cho tôi?. Tuy nhiên, nó sẽ làm cho những quyến thuộc của tôi và những người cầu phúc cho chúng tôi thêm ưu bi mà thôi.

6. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời ta thán của những quyến thuộc.

Do đó, tôi không khóc than cho vị ấy; người ấy đã ra đi đến chỗ định phần cho người ấy rồi".

5. Nếu tôi khóc lóc thở than,
Thì tôi sẽ ốm gầy mòn xanh xao,
Làm vậy sẽ được gì nào?
Lại đem khổ lụy đến bao nhiêu người.
6. Cái mà đang cháy rả rời,
Chẳng hay biết được những lời kêu than.
Nên tôi chẳng khóc than van,
Anh tôi đã chuyển sanh sang cõi nào.
Khi nghe qua điều mà người em gái đã phải nói, vị ấy bèn hỏi người vợ của người chết rằng, "Người ấy là gì đối với cô?" "Thưa ông, người ấy là chồng của tôi". "Này cô, chắc chắn đàn bà đa số đều yêu thương người chồng của họ, và khi những người chồng ấy chết thì những thiếu phụ phải chịu quạnh hiu. Thế thì tại sao cô không khóc?" Nàng đọc lên hai câu kệ để cho biết ý lý do khiến nàng không khóc:

7. "Cũng như đứa bé khóc đòi mặt trăng, người khóc lóc cho kẻ đã quá vãng cũng như thế.

8. Cái mà đang cháy thì không hay biết những lời thở than của những quyến thuộc.

Do đó, tôi không khóc cho vị ấy; Người ấy đã ra đi đến bất cứ chỗ nào đã định rồi.

7. Cũng như đứa bé khóc lăn,
Đòi cho bằng được mặt trăng trên trời,
Người khóc cho kẻ chết rồi,
Cũng dường thế ấy chỉ hoài công thôi.
8. Cái mà đang cháy rã rời,
Làm sao hay biết những lời kêu than.
Nên tôi chẳng khóc than van.
Chồng tôi nay đã sanh sang cõi nào.
Khi nghe qua điều mà người vợ của người chết đã phải nói, vị ấy bèn hỏi người đầy tớ gái, "Này cô, người ấy là gì đối với cô?" "Thưa Ngài, Người ấy chủ của tôi" "Nếu vậy, có

lẽ cô đã từng làm công việc của cô một cách miễn cưỡng sau khi vị ấy đánh đòn. Do đó, ta nghĩ rằng ngươi mới không khóc khi ngươi nghĩ rằng, do cái chết của người ấy mà ngươi sẽ được thoát khỏi người ấy." "Đừng nói với tôi như thế, thưa Ngài, điều ấy không đúng đâu. Đứa con trai của chủ tôi đã hành đúng pháp và có sự nhẫn nại vô cùng, có lòng từ ái và thân thiết. Người ấy như đứa con đã lớn lên từ cái vú của tôi". "Thế thì tại sao cô không khóc?" Nàng cũng nói lên hai câu kệ để nói rõ lý do khiến nàng không khóc:

9. "Thưa ông Bà-la-môn, cũng như cái bình nước đã bị vỡ tan, không thể ráp lại với nhau được, cũng vậy người khóc cho kẻ đã quá vãng, kết quả cũng như thế thôi.

10. Cái mà đang cháy thì không thể hay biết những lời thở than của những quyến thuộc.

Do vậy, tôi không khóc cho người; Người ấy đã đi đến bất cứ chỗ nào đã định phần."

9. Dạ thưa ông Bà-la-môn,
Cũng như bình vỡ không còn hồi nguyên,
Khóc cho người đã quy thiên,
Cũng như bình vỡ nối liền được chi.
10. Cái mà đang cháy đen xì,
Làm sao biết được những gì thở than,
Nên tôi chẳng khóc than van,
Chủ tôi nay đã sanh sang cõi nào.
Khi Sakkha nghe qua Pháp thoại này từ họ, vị ấy với lòng mộ đạo, nói rằng "Các ngươi đã hoàn toàn tu tập pháp niệm về sự chết. Từ ngày hôm nay trở đi, sẽ không cần thiết để các ngươi phải lao động với công việc cày cấy nữa".

Vị ấy bỏ vào đầy nhà của họ bảy loại châu báu và khích lệ họ rằng, "Đừng dễ duôi trong việc bố thí. Hãy thọ trì ngũ giới và bát quan trai giới", và, sau khi lộ diện chân tướng của vị ấy cho họ trông thấy, vị ấy trở về lại chỗ ngụ riêng của mình.

Và vị Bà-la-môn ấy cùng những người khác làm những việc phước về Bố thí v.v... Sau khi sống hết thọ mạng của họ, được tái sanh trong cõi Devaloka (Cõi chư Thiên).

Khi Bậc Đạo sư đã kể lại bổn sanh này và đã rút ra cây tên sầu muộn từ người Thiện nam ấy, sau đó Ngài thuyết giảng Tứ đế. Vào lúc kết thúc thời pháp, vị thiện nam được an trú trong quả thánh Tu-đà-hườn.

Xà quỷ sự đã kết thúc. Như vậy, sự trình bày ý nghĩa của phẩm đầu, Xà phẩm, được tô điểm bằng mười hai câu chuyện trong những câu chuyện Ngạ quỷ này của bộ kinh Khuddaka Nikāya (Tiểu Bộ) đã kết thúc.

-ooOoo-

CHƯƠNG II

UẤT BA LỢI PHẨM (UBBARĪVAGGA)

*

II.1 LY LUÂN HỒI QUỶ SỰ (SAṂSĀRAMOCAKA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Người trần truồng và có hình tướng thô xấu".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm viên, liên quan đến một nữ Ngạ quỷ nọ trong ngôi làng tên là Iṭṭhakārati, thuộc vương quốc Magadha.

Tương truyền rằng, trong vương quốc Magadha có hai ngôi làng, Iṭṭhakāvatī và Dīgharājī, ở đó có nhiều kẻ ngoại đạo Saṃsāramocaka trú ngụ. Cách đây đã lâu, khoảng năm trăm năm về trước, một nữ nhân nọ sanh trong gia đình Saṃsāramocaka ngay tại đó ở Iṭṭhakāvatī, và do bởi những tà kiến của nàng, nàng đã giết hại nhiều côn trùng và châu chấu và tái sanh trong cõi Ngạ quỷ; Ở đó, nàng chịu khổ đói và khổ khát trong năm trăm năm. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã sanh ra trong thế gian và đã lăn bánh xe diệu pháp, và đến đúng thời kỳ đến trú ngụ tại trúc lâm viên, gần Rājagaha, nàng lại sanh trở lại trong cùng gia đình Saṃsāramocaka ấy trong cùng ngôi làng Iṭṭhakāvatī ấy. Rồi một hôm nọ, khi nàng đã được bảy hoặc tám tuổi và đang mãi vui chơi với những cô gái trên con đường lớn, Đại Đức Trưởng lão Sārīputta, khi đang ngụ tại tịnh xá Anuravatī gần ngôi làng ấy, đi qua chính con đường gần cổng làng ấy, được tháp tùng bởi mười hai vị Tỳ khưu. Ngay lúc ấy, nhiều cô gái của ngôi làng ấy, sau khi đã rời khỏi ngôi làng, đang chơi gần cổng làng, theo phong tục của cha mẹ chúng, chúng bèn nhanh chóng đi đến với tâm Đạo nhiệt thành, và đảnh lễ Trưởng lão và những vị Tỳ khưu khác với năm điểm chạm đất. Tuy nhiên, cô gái trong gia đình của những người không có đức tin ấy, lại tỏ ra bất kính và thiếu những tánh tốt của những người có giới đức, lại tỏ ra vô học. Do nàng đã không tích lũy những thiện nghiệp trong một thời gian dài, vẫn đứng như người thất học. Trưởng lão thấy rõ tánh hạnh trong quá khứ của nàng, sự tái sanh hiện tại của nàng trong gia đình Saṃsāramocaka, và thấy rằng nàng đáng bị sanh trong địa ngục trong tương lai. Trưởng lão biết rằng: nếu nàng đảnh lễ Ngài thời nàng sẽ không tái sanh trong địa địa ngục, dầu nàng có sanh trong cõi Ngạ quỷ nàng cũng được sự thù thắng do ngài, Trưởng lão nói với những cô ấy rằng, "các con thì đảnh lễ những vị Tỳ khưu, nhưng cô gái này thì vẫn đứng như người không được giáo dục vậy". Rồi những cô gái ấy túm lấy hai tay của cô gái, kéo nàng tới và bằng sự thúc ép, khiến nàng đảnh lễ dưới chân của Trưởng lão. Đến đúng thời, nàng đến tuổi thanh xuân và được gả cho một chàng trai nọ thuộc một gia đình Saṃsāramocaka trong ngôi làng Dīgharājī. Khi nàng sắp sanh,thì nàng chết và sanh trong cõi Ngạ quỷ, trần truồng, và có hình tướng gớm guốc, trông thật ghê tởm; khi đi lang thang vào lúc đêm tối, nàng hiện ra trước mặt Trưởng lão Sārīputta và rồi đứng ở một bên. Khi trông thấy nàng, Trưởng lão bèn hỏi nàng bằng câu kệ này:

1. "Nàng trần truồng và có hình tướng gớm guốc, gầy mòn với những đường gân lồ lộ. Nàng là một kẻ gầy ốm, với những xương sườn lộ ra, bây giờ, nàng là ai mà đứng ở đây?"

Khi nghe qua điều này, nữ Ngạ quỷ ấy nói lên câu kệ này để cho biết về chính nàng:

2. Thưa Ngài, em là một nữ Ngạ quỷ, đã đi đến cõi Ngạ quỷ trong thế giới của Yama; khi đã làm ác nghiệp, em đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ.

Được hỏi thêm một lần nữa bởi Trưởng lão về nghiệp mà nàng đã làm:

3. "Bây giờ ác nghiệp nào mà ngươi đã làm bằng thân, khẩu và ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi ra đi từ đây đến cõi của những Ngạ quỷ?"

Nàng nói lên ba câu kệ để cho thấy rằng vì đã sống với lòng bỏn sẻn và thiếu đức bố thí, nàng đã phải sanh trong Ngạ quỷ và chịu nhiều thống khổ như vậy:

4. "Thưa Ngài, trước kia em không có cha mẹ, hay những quyến thuộc khác, thậm chí cũng không có những người mà có lòng thương xót em, để khuyên rằng: Hãy bố thí với tâm đạo nhiệt thành đến các vị Sa-môn, Bà-la-môn".

5. Từ nay trở đi, trong năm trăm năm, em phải đi lang thang trần truồng như thế này, bị đốt cháy bởi cơn đói và sự khát dục. Đây là quả về ác nghiệp của em.

6. Con xin đảnh lễ Ngài, thưa bậc Ứng Cúng, bằng tâm đạo tín thành; xin hãy thương xót con, hỡi bậc Vĩ Đại Và Kiên Quyết. Xin hãy bố thí một cái gì đó và hồi hướng phước thí ấy đến cho con; xin hãy giải thoát cho con ra khỏi cảnh khổ này, thưa Ngài.

Ba câu kệ này được nói bởi những vị kiết tập Tam tạng, để cho thấy tánh cách mà Trưởng lão thực hiện khi nữ Ngạ quỷ ấy đã nói như vậy:

7. "Tốt lắm", Trưởng lão Sārīputta đồng ý, người có lòng bi mẫn, và đã cho đến các vị Tỳ khưu một miếng vật thực, một miếng vải có kích thước một gang tay và một bát nước, và hồi hướng phước thí này đến cho nàng.

8. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, y phục, thức uống, là kết quả của phước thí này.

9. Nhân đó, nàng được thanh tịnh, mặc y phục sạch sẽ và tươi sáng, là loại vải mịn hơn những thứ của xứ Kāsi; và được trang sức bằng nhiều loại y phục và vật trang sức, nàng đi đến Trưởng lão Sārīputta.

Rồi khi Đại Đức Sārīputta trông thấy nữ Ngạ quỷ ấy sau khi đã đến trước mặt Ngài, đứng với các căn đã được làm cho tươi sáng, có nước da hoàn toàn thuần tịnh và được trang sức bằng những y phục và những vật trang sức của chư Thiên, và làm sáng lên mọi thứ quanh nàng bằng hào quang của chính nàng, vị ấy nói ba câu kệ này khi muốn nàng giải thích kết quả của những nghiệp mà nàng đang thọ hưởng:

10. Ai mà đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này tiên nữ, chiếu sáng khắp các hướng như được Vương Tinh.

11. Sắc đẹp của nàng như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu bởi nàng ở đây và có sanh lên bất cứ dục lạc nào mà nàng ưa thích?

12. Ta hỏi nàng, này Devī có đại oai lực, việc phước gì mà ngươi đã làm khi ngươi còn làm người? Do điều gì mà oai lực của ngươi sáng chói như vậy và sắc đẹp của ngươi chiếu sáng khắp mười phương?

Nữ Ngạ quỷ ấy, khi được hỏi bởi Trưởng lão, bèn nói lên những câu kệ còn lại để làm sáng tỏ lý do về cách mà sự thù thắng này của nàng đã được nhận lãnh:

13. Vị thánh đầy lòng bi mẫn đối với thế gian trông thấy con đã đi vào kiếp sống đau khổ - vàng vỏ, gầy ốm, đói khát, trần truồng, với da nhăn nheo.

14. Vị ấy đã cho đến các vị Tỳ khưu một miếng vật thực, một mảnh vải có kích thước một gang tay và một bát nước, và hồi hướng phước ấy cho con.

15. Hãy xem quả của miếng cơm ấy: Trong một ngàn năm con sẽ ăn vật thực được gia vào nhiều gia vị, vui hưởng với tất cả những gì đem lại sự thỏa mãn cho những ước muốn của con.

16. Hãy xem loại kết quả có được của một mảnh vải chỉ bằng gang tay: nhiều y phục như trong khắp cõi của vua Nanda.

17. Còn hơn thế nữa, thưa Ngài, là những y phục và những đồ trải bằng lụa và bằng vải len, vải lanh và vải sợi của con.

18. Chúng có nhiều và đắt quý. Chúng còn thòng xuống từ bầu trời; và con chỉ mặc vào bất cứ cái gì mà con thấy thích.

19. Hãy xem loại kết quả có được từ một bát nước: những hồ sen được khéo bố trí ở ngoài và có bốn góc.

20. Với nước trong và những bờ hồ xinh đẹp, mát và thơm, được phủ lên bằng những hoa sen và hoa súng, nước đầy những nhụy sen.

21. Và con vui thích, chơi giỡn và vui sướng, chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào. Bạch Ngài, con đến đây để đảnh lễ Bậc hiền trí có lòng bi mẫn đối với thế gian.

Chú giải:

Nữ Ngạ quỷ nói, "Nhiều y phục như trong khắp cõi của vua Nanda, v.v..." Bây giờ về điều này, vua Nanda là ai?

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, khi thọ mạng của loài người là mười ngàn năm, một người có của cải, là thường dân của xứ Ba-la-nại, trông thấy một vị Phật Độc Giác nọ khi ông ta đang đi bộ trong rừng. Đức Phật Độc Giác đang làm một chiếc y tại đó, nhưng đã gấp nó lại và bắt đầu đem cất, vì phần nối bị thiếu. Khi người đàn ông có của cải trông thấy cảnh này, ông ta nói rằng, "Bạch Ngài, Ngài đang làm gì thế? Dầu Ngài chẳng nói gì do lòng tri túc của Ngài, ông ta vẫn biết rằng vật liệu làm y bị thiếu, bèn đặt chiếc áo choàng của ông ta dưới chân của Đức Phật Độc Giác. Đức Phật Độc Giác nhặt lấy nó và, khi thêm nó vào chỗ vá, làm thành chiếc y và mặc nó vào. Vào lúc thân hoại mạng chung, người đàn ông có của cải ấy chết và tái sanh trong cõi trời Ba mươi ba. Vị ấy thọ hưởng sự vinh quang của chư Thiên ở đó đến hết thọ mạng của mình, và khi mạng chung từ cõi ấy, sanh vào trong gia đình của một vị Tư tế quan trong một ngôi làng nọ cách Ba-la-nại một do tuần. Vào lúc vị ấy đến tuổi thành niên, thì lễ hội ăn mừng tháng mới được công bố trong ngôi làng đó. Chàng trai nói với mẹ của mình rằng, "thưa mẹ, hãy cho con một chiếc áo choàng để con có thể đi dự hội ăn mừng

tháng mới". Bà ta lấy ra một chiếc áo mới và trao cho cậu. "Thưa mẹ, chiếc áo này thô quá". Chàng trai nói. Bà ta lấy ra một chiếc áo khác và trao nó cho cậu, nhưng cậu ta cũng từ chối chiếc áo này. Rồi người mẹ nói với cậu ta rằng, "này con, từ khi chúng ta sanh vào trong gia đình này, chúng ta không tạo những phước nào để có những y phục tốt hơn những thứ này nữa". "con sẽ đi đến một chỗ để kiếm ra nó, thưa mẹ". "Thế thì hãy đi đi, này con, mẹ muốn rằng chính ngày hôm nay con có thể có được quyền cai trị vương quốc Ba-la-nại này". "Tốt lắm, thưa mẹ" cậu ta đáp lại. Chàng trai cúi chào mẹ, đi vòng quanh bà ta về hướng phải và nói rằng, "xin chào mẹ". "Chào con". Tương truyền rằng ý nghĩ xảy đến với bà ta rằng, "nó có thể đi đâu? nó chỉ có thể ngồi chỗ này chỗ kia quanh ngôi nhà này mà thôi". Nhưng bị thôi thúc bởi những việc phước của mình, cậu ta rời khỏi ngôi làng và đi đến Ba-la-nại; ở đó cậu ta nằm xuống trên một tảng đá có điềm may sau khi che người từ đầu trở xuống. Lúc bấy giờ là ngày thứ bảy sau khi đức vua băng hà. Khi những vị quan cố vấn đặc biệt của đức vua và vị Tư tế quan đã làm lễ mai táng rồi, họ ngồi trong sân triều và bàn luận với nhau rằng, "Có một đứa con gái của đức vua, nhưng không có đứa con trai nào cả; Một vương quốc mà không có vua thì không tồn tại được. Chúng ta phải gởi đi một chiếc xe hoa". Họ thắng ách bốn con ngựa có màu hoa sen trắng và để vào trong chiếc xe năm biểu tượng của đức vua, đứng đầu là cái lọng trắng. Rồi họ cho chiếc xe đi và cho trổi nhạc ở đằng sau. Chiếc xe đi về cổng đông và hướng về vườn ngự uyển. Một số người nói rằng, "Chiếc xe đang đi về vườn ngự uyển theo thói quen, hãy quay nó lui". Nhưng vị Tư tế quan nói rằng, "đừng quay nó lui". Chiếc xe đi vòng quanh chàng trai về hướng phải và rồi đứng chờ sẵn để người ấy leo lên. Vị Tư tế quan dỡ lên một góc của tấm chăn, quan sát hai lòng bàn chân của vị ấy và nói rằng, "Hãy để chàng trai này làm nơi nương tựa của chúng ta- vị ấy có thể tạo ra độc nhất một vương quốc gồm cả bốn châu và hai ngàn đảo vây quanh", và rồi sai trổi nhạc ba lần khi nói rằng, "Hãy trổi nhạc lên, hãy trổi nhạc lên nữa đi!" chàng trai mở tấm chăn trên mặt ra, nhìn quanh người của vị ấy và nói rằng, "này ông bạn, ông đến đây có chuyện gì thế?" "Tâu bệ hạ, vương quốc đã đến với bệ hạ". "Vua của các ngươi đâu?" "Vị ấy đã thăng hà rồi, tâu chúa thượng". "Bao nhiêu ngày rồi?" "Hôm nay là ngày thứ bảy rồi". "Không có con trai hay con gái nào à?" "Chỉ có một đứa con gái, tâu bệ hạ, nhưng không có con trai". "Thôi được, nếu vậy thì ta sẽ cai trị". Ngay tức thì họ dựng lên một nhà mát để phong vương cho vị ấy, trang sức cho đứa con gái của đức vua bằng tất cả những vật trang sức của nàng, dẫn nàng đến vườn ngự uyển và phong vương cho chàng thanh niên. Khi vị ấy đã được phong vương, họ dâng đến cho vị ấy những tấm vải trị giá một trăm ngàn đồng, "Đây là cái gì, này các bạn". Vị ấy hỏi, "những chiếc y của bệ hạ, tâu bệ

hạ". "Chúng không thô, phải không các bạn?" "không có những thứ nào tốt hơn những thứ này trong bất cứ những y phục nào được dùng bởi loài người, tâu bệ hạ". "Vua của các ngươi có mặc giống như thế này không?" "thưa có, tâu bệ hạ". "Ta không nghĩ rằng vua của các ngươi có phước. Hãy đem đến cho ta một cái bình nước bằng vàng và ta sẽ kiếm một số y phục". Họ đem đến cái bình bằng vàng. Vị ấy đứng lên, rửa tay, súc miệng và, khi cầm một ít nước trong tay, rảy nó vào hướng đông, nhân đó tám cây như ý rẽ đất mọc lên. Vị ấy lại lấy một ít nước và rảy nó vào hướng nam, hướng tây và

hướng bắc, khi rảy nước như vậy vào các hướng, thời mỗi nơi trong tất cả các hướng ấy vị ấy đã tạo ra tám cây để có ba mươi hai cây như ý mọc lên tất cả. Một số người nói rằng trong mỗi hướng, vị ấy tạo ra mười sáu cây để có tất cả sáu mươi bốn cây. Chàng trai mặc vào một chiếc của chư Thiên, đắp quanh người và nói rằng, "hãy cho đánh trống rao truyền rằng trong mỗi lãnh thổ của vua Nanda, người đàn bà làm nghề xe chỉ không cần xe chỉ nữa".

Vị ấy bảo họ trương lên chiếc lọng và, khi đã mặc y phục, trang sức và cỡi trên con voi oai phong nhất, đi vào thành phố, đi lên cung điện và thọ hưởng sự vinh quang vĩ đại.

Thắm thoát một thời gian, đến một hôm nọ, hoàng hậu khi trông thấy sự vinh quang của đức vua, đã tỏ tình thương của nàng bằng cách nói rằng, "chắc chắn bệ hạ cần tỏ nhiều tiết chế hơn". Khi được hỏi, "nàng muốn ám chỉ gì, này ái khanh?" nàng bèn nói rằng, "Ngài có sự vinh quang tột độ, tâu bệ hạ. Có một thời nào đó trong quá khứ, chắc bệ hạ đã làm những việc thiện, nhưng bây giờ, bệ hạ không làm những việc thiện vì hạnh phúc trong tương lai của bệ hạ". "Chúng ta có thể bố thí đến cho ai? không có những bậc giới đức". "Tâu bệ hạ, cõi Jambudīpa này không thiếu những vị A-la-hán. Bệ hạ chỉ cần sửa soạn những vật thực và thiếp sẽ thỉnh những vị A-la-hán", nàng nói. Vào ngày hôm sau, đức vua sai sửa soạn một cuộc bố thí vĩ đại. Hoàng Hậu khấn nguyện rằng, "nếu có những vị A-la-hán trong hướng này, thì xin các Ngài hãy đến đây và thọ lãnh những vật thí từ chúng con!" và nằm sấp xoay mặt về hướng bắc. Ngay khi hoàng hậu đang nằm thì Đức Phật Độc Giác Paduma, là vị cao hạ nhất trong năm trăm vị Phật Độc Giác, là những đứa con trai của hoàng hậu Padumavatī và đang trú ngụ trong vùng Hy Mã Lạp Sơn, nói với huynh đệ của vị ấy: "Vua Nanda đang thỉnh các tôn giả, thưa chư tôn giả - chư tôn giả nên nhận lời của vị ấy". Họ đồng ý và ngay tức thì đi xuyên qua hư không và đáp xuống ở cổng bắc. Dân chúng báo tin với đức vua rằng, "Tâu bệ hạ, năm trăm vị Phật Độc Giác đã đến". Đức vua đi cùng với hoàng hậu ra đảnh lễ các Ngài, lãnh bát của các Ngài và mời các Ngài vào trong hoàng cung; Ở đó, vị ấy cúng dường những vật thí đến các Ngài. Khi bữa ăn đã kết thúc, họ bèn quì xuống, đức vua ở dưới chân của vị cao hạ nhất và hoàng hậu ở dưới chân của những vị nhỏ hạ hơn, họ bạch rằng, "Các bậc Ứng Cúng sẽ sống không thiếu những vật dụng; Những việc phước của chúng con sẽ không suy giảm. Xin hãy cho chúng con lời đồng ý của các Ngài mà ở lại đây". Khi đã được sự đồng ý của các Ngài, vị ấy sai dựng lên những chỗ ngụ trong vườn ngự uyển và hầu hạ chư Phật Độc Giác suốt cuộc đời còn lại của họ. Khi các Ngài nhập Niết bàn, đức vua sai tổ chức những buổi lễ thiêng và tổ chức những nghi lễ mai táng bằng gỗ chiên đàn và những thứ khác, và rồi lấy xá lợi của các Ngài và tôn trí những xá lợi ấy trong một bảo tháp. Đầy xúc động khi nghĩ rằng, "nếu cái phải đến với ngay cả những vị ẩn sĩ có đại oai lực này, thì có lời nào có thể được nói về những người như ta?" Vị ấy phong vương cho đứa con trai đầu của mình, rồi chính vị ấy ra đi, sống đời không nhà của một vị ẩn sĩ. Hoàng hậu, khi tự hỏi nàng có thể làm gì khi xét thấy đức vua đã xuất gia rồi, cũng đi xuất gia. Khi trú ngụ trong vườn ngự uyển, hai vị đạo sĩ này đã khiến cho những tầng thiền sanh lên và trải qua thời gian của họ trong pháp an lạc của thiền định. Vào lúc kết thúc thọ mạng của họ, họ sanh trong cõi phạm thiên. Tương truyền rằng Trưởng lão Mahākassapa, một đại Thinh văn của Bậc Đạo sư của

chúng ta, là đức vua Nanda ấy; và Bhaddā Kapilānī là hoàng hậu của vị ấy. Trong mười ngàn năm, chính vua Nanda này đã mặc những y phục của chư Thiên, vị ấy đã khiến cho toàn thể lãnh thổ của vị ấy giống như Uttarakuru và đã bố thí những y phục của chư Thiên đến các bậc Ứng Cúng. Bấy giờ khi đề cấp đến sự vinh quang này, nữ Petī nói rằng, "có nhiều y phục như trong khắp lãnh thổ của vua Nanda".

Cái mà không được phân tích ở đây về ý nghĩa của nó thì đã được nêu ra ở chỗ khác. Khi điều này được nói bởi nữ Petī ấy, Đại đức Sārīputta bèn kể lại đầy đủ chi tiết của câu chuyện đến mọi người - là những dân cư của hai ngôi làng Itthakāvatī và Dīgharājī mà đã đến yết kiến trưởng lão

- đã khiến cho họ xúc động và diệt trừ tà kiến Samsāramocaka của họ, và rồi an trú họ thành những thiện tín. Vấn đề này được các vị Tỳ khưu biết đến và họ nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết Pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Thời Pháp đem lại lợi ích cho nhiều Người ở đó.

*

II.2 XÁ LỢI PHẬT MẪU QUỶ SỰ (SĀRĪPUTTATHERAMĀTU PETAVATTHUVAṆṆAN)

"Người trần truồng và có hình tướng ghê tởm".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm viên, liên quan đến một Nữ Ngạ quỷ mà đã từng làm Mẹ của Trưởng lão Sārīputta trong bốn kiếp về trước.

Một hôm Đại Đức Sārīputta, Đại Đức Moggallāna, Đại Đức Anurudha và Đại Đức Kappina đang trú ngụ ở một khu rừng nọ không cách xa thành Vương Xá. Lúc bấy giờ, tại Ba-la-nại có một vị Bà-la- môn có của cải lớn, đầy những kho chứa vàng và bạc. Ông ta là người hay bố thí đồ ăn, thức uống, y phục, và giường nằm và những thứ khác đến các vị Sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, người lang thang, người đi đường xa và người ăn xin, như một cái giếng cho nước vậy. Vị ấy bố thí đến các vị A-la-hán theo đúng nhu cầu của các ngài, cung cấp mọi vật thí cần được cho ra như nước để rửa chân, những loại dầu xức để thoa chân v.v... Cũng như chăm sóc các vị Sa-môn hết mức bằng đồ ăn và thức uống v.v... cho bữa phạn thực của các Ngài. Khi đi đến những vùng khác, ông ta thường nói với vợ rằng "Này hiền thê, hãy tiếp tục chăm lo hình thức bố thí vật thực này như tôi đã sắp xếp nó, đừng để cho nó suy giảm." "Tốt lắm", bà ta đồng ý, nhưng khi ông ta đã đi khỏi rồi thì bà ta chấm dứt hình thức bố thí mà ông ta đã sắp xếp cho các vị Tỳ khưu. Bà ta thường chỉ cho những người đi đường xa, đến để xin chỗ trú ngụ, một cái láng cũ kỹ đã bị bỏ đi ở sau hè nhà, khi nói rằng, "Các ngươi có thể ở đây". Đối với những người khách lữ hành đi đến đó để xin vật thực và thức uống v.v.. thì bà ta lại nói rằng, "Hãy ăn phẩn, uống nước đái, uống máu; hãy ăn óc não của mẹ các ngươi!" và nguyền rủa họ bằng tên của bất cứ cái gì nhơ nhuốc và bất tịnh.

Đến đúng thời kì, bà ta chết và bị kéo đi bởi nghiệp lực của bà ta, bà ta tái sanh trong cõi Ngạ quỷ, chịu sự thống khổ tương ứng với ác hạnh về lời nói của bà ta. Khi nhớ đến

mối liên quan của chúng trong kiếp trước và muốn đi đến yết kiến Đại Đức Sārīputta, nữ Ngạ quỷ đi đến tinh xá của vị ấy, nhưng vị chư Thiên bảo vệ của tinh xá ấy không chịu cho nàng vào tịnh xá. Tương truyền rằng nàng đã từng làm mẹ của Trưởng lão trong kiếp quá khứ cách bốn kiếp về trước. Do đó, nàng bèn nói rằng, "trong kiếp quá khứ của tôi, tôi là mẹ của Trưởng lão cao quý Sārīputta; xin hãy cho phép tôi đi qua cổng để thăm Trưởng lão." khi nghe qua lời này, những vị chư Thiên bèn cho phép nàng. Khi nàng đã đi vào, đứng ở cuối của con đường kinh hành và hiện ra trước mặt Trưởng lão. Trưởng lão trông thấy nàng, tâm của vị ấy vị rung động bởi lòng bi mẫn và hỏi nàng bằng câu kệ này:

1. "Người trần truồng và có hình tướng ghê tởm, gầy ốm với những đường gân lộ ra. Ngươi là con người gầy ốm, với những xương sườn lồi ra. Bây giờ ngươi là ai, ngươi là ai mà đứng ở đây?

Khi được hỏi bởi Trưởng lão, nàng bèn nói năm câu kệ này để đáp lại:

2. "Tôi chính là mẹ của Ngài trong những kiếp quá khứ khác, nhưng bây giờ tôi đã sanh trong cõi Ngạ quỷ, bị đói và khát.

3. Những thứ quăng bỏ, những đồ khạt nhổ, nước dãi, nước mũi, đờm, mỡ của những xác người đang bị đốt cháy và máu của những người đàn bà đẻ,

4. Và máu từ những vết thương và từ những cái mũi và đầu bị cắt. Do bị đói, tôi đã ăn cái gì dính theo những đàn ông và đàn bà.

5. Tôi ăn mủ máu của gia súc và của loài người, lại không có vật che thân và nhà cửa, phải nằm trên cái giường đen.

6. Này con thân, hãy cho giùm mẹ một vật thí, và khi con đã cho rồi, hãy hồi hướng nó đến cho mẹ. Chắc vậy, khi ấy mẹ sẽ được tự do, không còn ăn máu và mủ nữa.

Khi đã nghe qua điều này, vào ngày hôm sau, Đại đức Sārīputta bàn bạc với ba vị Trưởng lão, là Trưởng lão Mahā Moggallāna v.v... Và khi đang đi chung với họ đến thành Vương xá để khất thực, bèn đi đến chỗ ngụ của vua Bimbisāra. Khi đức vua trông thấy Trưởng lão, vua đảnh lễ Trưởng lão và hỏi Trưởng lão về lý do của chuyến viếng thăm: "Bạch Đại Đức, Ngài đến đây có mục đích gì?" Đại đức Mahā Moggallāna báo tin cho đức vua biết về biến cố ấy. Đức vua nói rằng, "Trẫm cho phép Ngài", và rồi tiễn đưa các vị Trưởng lão ra về. Đức vua bảo vị quan của mình lo mọi chuyện và truyền lệnh rằng, "Hãy xây dựng bốn cái cốc gần thành phố, trong một khu rừng, có bóng mát và có nước". Vị ấy chia nhóm thợ trong nội thành ra ba nhóm theo đúng với nghề nghiệp chuyên môn của họ, sai che mái trên phước xá, rồi tự thân đi đến đó và làm điều gì cần phải làm. Khi những ẩn xá đã hoàn thành, vị ấy sai sửa soạn tất cả những vật thí cúng dường và tất cả những vật dụng thích hợp như vậy, những thức uống và y phục v.v... Cũng sai chuẩn bị sẵn để mời chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và rồi trao tất cả phần việc này cho Đại Đức Sārīputta. Rồi Đại Đức Sārīputta bố thí những thứ này nhân danh Ngạ quỷ ấy, đến chư Tăng từ bốn phương có đức Phật dẫn đầu. Nữ Ngạ quỷ ấy bày tỏ tùy hỷ của nàng đến vị ấy và được sanh trong cõi Devaloka (cõi chư

Thiên), có đầy đủ tất cả những gì mà nàng muốn. Vào ngày sau, nàng đi đến Trưởng lão Mahā Moggallāna, đảnh lễ Ngài và rồi đứng yên trong khi Trưởng lão hỏi nàng. Nàng bèn kể cho Trưởng lão nghe đầy đủ chi tiếc về cách mà nàng đã sanh làm một nữ Ngạ quỷ và làm một vị Nữ thần. Vì lý do này có lời nói rằng:

7. "Khi vị ấy đã nghe qua những lời mà mẹ của vị ấy đã phải nói, Upatissa, đầy lòng thương xót, bèn hỏi ý kiến Moggallāna, Anuruddha và Kappinā.

8. Vị ấy dựng lên bốn phước xá, rồi cho những phước xá ấy cùng vật thực và thức uống đến Tứ Phương Tăng, rồi hồi hướng phước thí ấy đến cho mẹ của Ngài.

9. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, thức uống và y phục, là quả của phước thí này.

10. Nhân đó, nàng trở nên thanh tịnh, mặc những y phục tươi sáng và sạch sẽ, mặc những thứ còn mịn hơn vải lụa Kāsi, và được trang sức bằng nhiều loại y phục và những vật trang sức, nàng đi đến Kolita."

Rồi Đại Đức Moggallāna hỏi Peti đó rằng:

11. "Ngươi là người đang đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này Devatā, sáng rực lên khắp các hướng như Dược Vương Tinh.

12. Sắc đẹp của ngươi như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu bởi ngươi ở đây? Và có sanh lên bất cứ dục lạc nào mà ngươi ưa thích?

13. Ta hỏi ngươi, này Devī có oai lực lớn, ngươi đã làm việc phước nào khi ngươi còn làm người? do cái gì khiến oai lực của ngươi chiếu sáng như vậy và sắc đẹp của ngươi chói lọi trong các hướng?

Rồi nàng trả lời, khi nói rằng, "Con là mẹ của Sārīputta v.v..."

Phần còn lại có ý nghĩa đã được giải rõ rồi.

Rồi Đại Đức Moggalāna nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

*

II.3 MẪU QUỶ SỰ (MATTĀ PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Người trần truồng và có hình tướng thô xấu".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm Viên, liên quan đến một nữ Ngạ quỷ nọ có tên là Mattā.

Tương truyền rằng, tại Sāvatthi có một vị trưởng giả nọ có đức tin và lòng tịnh tín. Vợ của ông ta, là người được biết đến bởi cái tên là Mattā, không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín, lại hay sân hận và không có con. Bấy giờ vị Phú hộ ấy, vì sợ dòng dõi của gia đình sẽ bị tuyệt dứt, bèn lấy một cô vợ khác tên là Tissā từ một bộ tộc ngang hàng. Nàng có niềm tin và lòng tịnh tín, lại khả ái và hấp dẫn đối với chồng của nàng. Chẳng

bao lâu nàng có thai và sau mười tháng hạ sanh một đứa con trai. Tên của nó là Bhūta. Nàng trở thành nữ chủ của gia đình và hộ độ cho bốn vị Tỳ khưu một cách chu đáo. Người vợ không có con đem lòng ganh tỵ nàng. Một hôm nọ, cả hai cùng gội đầu và đang đứng với tóc ướt. Vị phú hộ đem lòng yêu thương Tissā vì nàng có những đức tính, và thường đứng nói chuyện với nàng một cách thoải mái. Vì không thể chịu được điều này và đã có lòng ganh tỵ, Mattā bèn quét nhà và đổ rác mà nàng đã gom lại lên đầu của Tissā. Đến đúng thời kỳ, nàng chết và sanh trong cõi Ngạ quỷ, chịu đau khổ do nghiệp lực của nàng. Sự thống khổ này được biết đến qua bài kinh. Rồi một hôm nọ khi chiều tối, nàng hiện ra trước mặt Tissā khi nàng đang tắm ở sau nhà. Khi trông thấy nữ Ngạ quỷ, Tissā bèn hỏi nàng câu kệ này:

1. "Ngươi trần truồng và có hình tướng thô xấu, gầy ôm với những đường gân lộ ra. Này con người ốm yếu, với những xương sườn lộ ra, bây giờ người là ai, người là ai mà đứng ở đây?

Ngạ quỷ trả lời bằng câu kệ này:

2. Tôi là Mattā, nàng là Tissā. Chị là vợ chung chồng với em trong kiếp quá khứ. Khi đã làm ác nghiệp, chị đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ.

Tissā hỏi nàng một lần nữa về nghiệp mà nàng đã tạo bằng câu kệ này:

3. Vậy nghiệp gì được làm bởi nàng bằng thân, khẩu hay ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến nàng đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Ngạ quỷ giải thích nghiệp mà nàng đã tạo bằng câu kệ này:

4. Tôi có tánh hung dữ và thô bạo, hay ganh tỵ, hèn hạ và xảo trá. Sau khi đã nói những lời ác về nàng, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ."

Từ đây trở đi, họ tiếp tục nói chuyện qua lại với nhau bằng những câu kệ này:

5. "Tất cả điều này tôi cũng biết, nàng có sân hận như thế; nhưng có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng: Tại sao thân nàng đầy bụi đất?"

6. "Cô đã tắm gội đầu của cô và đã ăn mặc và trang điểm sạch sẽ; tuy nhiên tôi vẫn còn nhiều hơn thế nữa, còn trang điểm nhiều hơn cô.

7. Trong khi tôi nhìn cô nói chuyện với chồng của chúng ta, nhân đó cô đã khiến lòng ganh tỵ mãnh liệt và sân hận sanh đến trong tôi.

8. Khi trông thấy cảnh này, tôi lấy một ít bụi và tung bụi ấy lên người của cô. Chính do kết quả của nghiệp ấy khiến tôi bị phủ đầy bụi".

9. "Tất cả điều này tôi cũng biết, về cách mà nàng đã đổ bụi lên tôi; nhưng có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng bị ăn mòn bởi bệnh ghẻ?"

10. "Cả hai chúng ta đều đi đến ven rừng để kiếm những cây thuốc. Cô thì mang về những cây thuốc trong khi tôi mang về cây Kapikacchu.

11. Rồi chẳng có sự hay biết của cô về nó, tôi đã rải chúng lên giường của cô; chính do kết quả của nghiệp ấy khiến tôi bị ăn mòn bởi bệnh ghẻ ngứa".

12. "Tất cả điều này tôi cũng biết về cách mà nàng đã rải chúng lên giường của tôi. Nhưng có điều khác tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng bị trần truồng?"

13. "Có một cuộc họp gồm bạn bè, cuộc hội họp của những quyến thuộc; và cô được yêu cầu đi chung với chồng của chúng ta, còn tôi thì không.

14. Rồi lợi dụng khi cô không biết đến, tôi đã lấy đi những y phục của cô. Chính do kết quả của nghiệp ấy khiến tôi bị trần truồng".

15. "Tất cả đều này tôi cũng biết, về chuyện nàng lấy y phục của tôi, nhưng có điều khác tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng có mùi phẩn?"

16. "Tôi đã quăng những vật thơm, những tràng hoa và những loại dầu đắt giá vào trong nhà xí. Ác nghiệp ấy được làm bởi tôi. Chính do quả của nghiệp ấy tôi có mùi phẩn".

17. "Tất cả điều này tôi cũng biết, về ác nghiệp ấy được làm bởi nàng; nhưng có điều khác mà tôi muốn hỏi nàng: Tại sao nàng có kiếp sống đau khổ?"

18. "Bất cứ của cải nào được tìm thấy trong nhà của chúng ta đều thuộc về của hai chúng ta đồng đều nhau. Tuy nhiên dầu những vật thí ở trong tầm tay của tôi, tôi lại không làm nơi nương tựa cho chính tôi. Chính do kết quả nghiệp ấy khiến tôi chịu kiếp sống đau khổ.

19. Rồi ngay cả khi cô nói với tôi rằng: "Chị đang đeo đuổi những ác nghiệp; chắc chắn chẳng phải do những ác nghiệp mà một kiếp sống hạnh phúc dễ dàng đạt đến?"

20. "Nàng đã đến với tôi từ bên trái, và điều tệ hại hơn nữa là nàng đã ganh tỵ với tôi. Hãy xem loại kết quả có được từ những ác nghiệp.

21. Nàng có nhà, có những người hầu và những nữ trang này. Bây giờ những thứ này đã bị những người khác hưởng. Những vật sở hữu không tồn tại mãi mãi.

22. "Cha của Bhūta bấy giờ đang từ chợ về nhà. Có lẽ ông ta sẽ cho nàng một ít gì đó. Hãy đợi cho đến lúc ấy, đừng đi khỏi đây."

23. "Tôi trần truồng và có hình tướng thô xấu, gầy ốm với những đường gân lộ ra. Điều này sẽ làm xấu hổ cho những người nữ. Đừng để cha của Bhūta trông thấy tôi".

24. "Thôi được, tôi có thể cho nàng cái gì đây, hoặc tôi có thể làm gì cho nàng để nàng có thể được hạnh phúc và có đầy đủ tất cả những gì nàng muốn?".

25. "Bốn Tỳ khưu là Chư Tăng, và bốn vị là bốn bậc - Hãy tiếp đãi tám vị Tỳ khưu này và hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi. Rồi tôi sẽ được hạnh phúc và có đầy đủ tất cả những gì mà tôi muốn".

26. "Tốt lắm!" Nàng đồng ý. Nàng cúng dường vật thực đến tám vị Tỳ khưu, mặc y phục cho họ và hồi hướng phước thí ấy đến cho nàng.

27. Ngay khi Tīssā hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra: vật thực, y phục, và thức uống, là kết quả của phước thí này.

28. Nhân đó nàng trở nên thanh tịnh, mặc y phục sạch sẽ và tươi sáng, mặc những thứ tốt hơn vải Kāsi và, được trang sức bằng nhiều loại y phục và những vật trang sức, nàng đi đến người vợ chung chồng với nàng.

29. "Ngươi là người đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này Devatā, khi chiếu sáng khắp các hướng như Dược vương tinh.

30. Sắc đẹp của ngươi như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu cho ngươi ở đây và sẽ có sanh lên bất cứ cái gì mà tâm của ngươi quá thích?

31. Ta hỏi ngươi, này Devatā, có đại oai lực, ngươi đã làm việc phước nào khi ngươi còn làm người? Oai lực sáng chói của ngươi như vậy là do cái gì và sắc đẹp của ngươi chiếu sáng khắp các hưởng?"

32. "Tôi là Mattā, cô là Tissā. Tôi là người vợ chung chồng của cô trong quá khứ. Sau khi đã làm ác nghiệp tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ; Nhưng bây giờ, do vật thí được cho bởi cô, tôi được an lạc, chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào.

33. Này em gái, cầu chúc em được trường thọ, cùng với tất cả những quyến thuộc của em, và cầu chúc em đạt đến thế giới của những vị Vasavatti, là chỗ mà không có sầu muộn và ô nhiễm.

34. Hãy xử sự ở đây cho đúng chánh pháp và hãy cho ra những vật thí, hỡi cô gái xinh đẹp; Hãy đoạn trừ bợn nhơ của lòng ích kỷ cùng với cội rễ của nó và đi về cõi chư Thiên mà không mang theo tội gì".

Rồi Tissā nêu lên vấn đề ấy với người đàn ông giàu có. Người đàn ông giàu có ấy nêu vấn đề với các vị Tỳ khưu và các vị Tỳ khưu nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy đó làm vấn đề cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó. Khi họ đã nghe thời pháp này, thì những người ấy, khi đã có sự động tâm, bèn đoạn trừ bợn nhơ về lòng bỏn xẻn v.v... Và thiên về giới đức, sự bố thí v.v... và được quyết định sanh về thiên giới.

*

II.4 NAN ĐÀ QUỶ SỰ (NANDĀ PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Ngươi có sắc tướng nám đen và thô xấu".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một nữ Ngạ quỷ tên là Nandā .

Tương truyền rằng, trong một ngôi làng nọ không cách xa thành Sāvatthi có một vị thiện nam tên là Nandasena, có đức tin và lòng tịnh tín. Tuy nhiên, vợ của ông ta tên là Nandā, không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín, thấp hèn, có tánh nóng nảy và hay nói lời thô lỗ; nàng bất kính và không tuân phục chồng của nàng, lại còn lăng mạ chửi mắng mẹ chồng bằng giọng oang oang như cái trống chầu. Đến đúng thời kỳ, nàng

chết và tái sanh trong cõi Ngạ quỷ ở chỗ không xa ngôi làng ấy. Và một hôm, nàng hiện ra không cách xa vị thiện nam Nadasena trong khi ông ta đang rời khỏi ngôi làng ấy. Khi ông ta trông thấy nàng, bèn nói với nàng câu kệ này:

1. Nàng có hình tướng nám đen và thô xấu, trông xấu xí và dữ dằn, có mắt đỏ và răng dài lồi ra. Ta không nghĩ rằng nàng có thể là người được.

Chú giải:

1. Ở đây, NÁM ĐEN (Kāṅī): Có sắc tối; giống như những cục than đã bị đốt cháy. THÔ XẤU (Pharusā): Thô thiển. TRÔNG DỮ DẰN (Bhīrudassanā): Trông kinh khiếp, dễ sợ. Một cách đọc hoán chuyển khác là Bhārudassanā, trông tối đen, nghĩa là khó nhìn do sự thô xấu của nàng v.v... ĐỎ (Pingala): Có mắt đỏ. DÀI LỒI RA (Kalārā): Những cái răng dài, lồi ra. Ta nghĩ rằng nàng chỉ là một Ngạ quỷ. Đây là ý nghĩa.

Khi nghe qua điều này, Ngạ quỷ bèn nói lên câu kệ để giải thích rằng nàng là ai:

2. "Tôi là Nandā, này Nandasena, tôi là vợ của anh trong quá khứ. Sau khi đã làm ác nghiệp, tôi đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ."

Chú giải:

2. TÔI LÀ NANDĀ, NÀY NANDASENA (ahaṃ nandā nandasena): Thưa chồng Nandasena, Tôi tên là Nandā. TÔI LÀ VỢ CỦA ANH TRONG QUÁ KHỨ (Bhariyā te pure ahuṃ): Tôi là vợ anh của anh trong kiếp quá khứ.

Sau câu kệ này là câu hỏi của vị thiện nam:

3. "Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi nàng từ thân, khẩu hoặc ý. Do kết quả của nghiệp nào khiến nàng phải ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Rồi nàng trả lời vị ấy, khi nói rằng:

4. Tôi có tánh nóng nảy, thô bạo, và cũng không có lòng tôn kính đối với ông. Sau khi đã nói những lời ác về ông, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ."

Vị thiện nam lại nói rằng:

5. "Ở đây, ta sẽ cho nàng chiếc áo choàng của ta: Hãy mặc vào chiếc áo choàng này. Khi đã mặc chiếc áo choàng này rồi, thời hãy đến và ta sẽ dẫn nàng về nhà.

6. Những y phục, đồ ăn và thức uống nàng sẽ có được khi nàng đã đi về nhà. Và nàng sẽ nhìn thấy những đứa con trai của nàng và thăm những nàng dâu của nàng".

Rồi nàng nói hai câu kệ này với vị ấy:

7-8. "Cái gì được cho từ tay của ông vào trong tay của tôi thì không có ích lợi gì cho tôi. Nhưng hãy làm thoả mãn bằng đồ ăn và thức uống đến các vị Tỳ khưu có giới đức, đã thoát khỏi tham, và hãy bố thí đến những kẻ nghe nhiều, rồi hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi. Thời tôi sẽ được hạnh phúc và có dồi dào những gì tôi muốn".

Ba câu kệ này được nói bởi những vị kiết tập Tam tạng:

9. "Tốt lắm!" Vị ấy đồng ý và phân phát nhiều vật thí - đồ ăn, thức uống, vật thực cứng, y phục và chỗ ngụ, dù che, những vật thơm và những tràng hoa, và nhiều loại trầm hương khác đến các vị Tỳ khưu có giới đức, không còn tham, và đến những bậc Đa văn. Sau khi đã làm thoả mãn họ bằng đồ ăn và thức uống, ông ta hồi hướng phước thí đến cho nàng.

10. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra, vật thực, y phục và thức uống là kết quả của việc bố thí này.

11. Nhân đó, nàng trở nên thanh tịnh, được mặc y phục sạch sẽ và tươi sáng, mang những thứ tốt hơn vải Kasī và, được trang sức bằng nhiều loại y phục và những vật trang sức, nàng đi đến chồng của nàng".

Từ đây trở đi là những câu kệ về sự trao đổi chuyện trò giữa vị thiện nam và Ngạ quỷ.

12. Nàng là người đứng với sắc đẹp tuyệt trần, này Devatā, chiếu sáng rực lên khắp các hướng như Dược Vương Tinh.

13. Sắc đẹp của nàng như vậy là do cái gì? Do cái gì mà điều này được thành tựu bởi nàng ở đây và sẽ còn sanh lên bất cứ lạc thú nào mà tâm của nàng ưa thích?

14. Ta hỏi nàng, này Devī có đại oai lực, nàng đã làm việc phước nào khi còn làm người? Do cái gì khiến oai lực của nàng sáng chói như vậy và sắc đẹp của nàng chiếu sáng khắp các hướng?"

15. "Tôi là Nandā, thưa ông Nandasena, tôi là vợ của ông trong quá khứ. Sau khi làm việc ác, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ. Nhưng bây giờ, do vật thí được cho đến bởi ông, tôi được sung sướng, chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào.

16. Cầu chúc cho ông được sống lâu, cùng với tất cả những quyến thuộc của ông, và cầu chúc ông đạt đến chỗ ở của những vị Vasavatti, chỗ mà không sầu muộn và ô nhiễm.

17. Hãy xử sự ở đây theo đúng với chánh pháp và cho ra những vật thí, này gia chủ; hãy đoạn trừ bợn nhơ của lòng ích kỷ cùng với căn cội của nó, và đi đến thiên giới mà không mang theo tội lỗi gì?

Khi nàng đã giải thích như vậy với Nandasena về sự vinh quang thần thiên của nàng và nguyên nhân của nó, nàng bèn đi đến chỗ ngụ của chính nàng. Vị thiện nam nêu ra vấn đề ấy với các vị Tỳ khưu và các vị Tỳ khưu nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh khởi và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Thời pháp đem lại lợi ích cho những người ấy.

*

II.5 NHĨ HOÀN NỮ QUỶ SỰ

"Trên người có trang sức, mang những vòng tai sáng bóng".

Pháp thoại nàng được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến Devaputta MatthaKuṇḍali. Ở đây, bất cứ điều gì được nói đến đều đã được nêu ra trong thiên cung sự về Matthakuṇḍali, trong bộ thiên cung sự thuộc phần chú

giải nội dung ý nghĩa; và do đó nên được hiểu đúng như đã được trình bày ở đó.

Trong trường hợp này, đó chính là câu chuyện về Devaputta Matthakuṇḍali từ khi vị ấy trở thành một Vimāna Devatā trở đi. Cha của vị ấy là một Bà-la-môn Adinnapubbaka, đã đi đến bãi tha ma do nỗi ưu bi vì bị mất đứa con trai của ông ta, và đang đi quanh chỗ thiêu xác đứa con mà khóc lóc trong khi vị thiên tử, với mục đích làm vơi đi nỗi ưu bi của người cha, bèn bỏ đi cái lốt chư Thiên của vị ấy và hiện ra làm một Petā đầy đau khổ, và với hai cánh tay được xiết lại trong nỗi sầu muộn, đang và kêu khóc, "ôi, mặt trăng ôi mặt trời!" Cho dù nó được bao gồm trong bộ kinh thiên cung sự, nhưng câu chuyện về vị ấy phải được xem là cũng được bao gồm trong bộ kinh Ngạ quỷ sự; lý do là bất cứ ai mà từ bỏ kiếp sống làm người cũng có thể được đề cập qua tên gọi là Peta.

*

II.6 HẮC QUỶ SỰ (KAṆHA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Hãy dậy, thưa Kaṇha, tại sao ngài nằm như thế?"

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một vị thiện nam có đứa con trai đã chết.

Tương truyền rằng, tại Sāvatthi, đứa con trai của một vị thiện nam nọ đã chết. Bị đâm thủng bởi cây tên sầu muộn, ông ta không tắm, không ăn, không làm việc, không đi hầu Đức Phật, chỉ nói lảm nhảm mà thôi, khi nói rằng, "con đâu rồi, này con trai bé bỏng yêu quý của cha? con đã vội vàng đi đâu mà bỏ lại ta?" v.v... Bậc Đạo sư khi đang dò xét thế gian vào lúc hừng sáng, trông thấy khả năng của ông ta có thể chứng đắc quả Thánh Tu-đà-hườn. Và vào ngày hôm sau, Ngài đi đến Sāvatthi để khất thực, được vây quanh bởi chúng Tỳ khưu. Khi Ngài đã thọ thực xong, Ngài cho các vị Tỳ khưu ra về, rồi đi với người thị giả, là Trưởng lão Ānanda, đến cửa nhà của ông ta. Những người hầu báo tin cho vị thiện nam biết rằng Bậc Đạo sư đã đến, và rồi thỉnh Bậc Đạo sư ngồi trên chỗ ngồi mà họ đã soạn sẵn. Rồi họ đi tìm vị thiện nam và dẫn ông ta đến trước Bậc Đạo sư. Khi ông ta trông thấy Ngài, bèn ngồi xuống một bên. Ngài hỏi rằng, "Này thiện nam, chuyện gì thế, có phải ngươi đang than khóc đó chăng?" Khi ông ta nói rằng, "Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn"; Ngài bèn nói rằng, "Này ông thiện nam, các bậc trí tuệ ngày xưa đã nghe một câu chuyện từ các bậc Trí tuệ và không khóc than cho đứa con trai đã chết". Và khi được thỉnh cầu bởi ông ta, Ngài bèn kể lại câu chuyện xa xưa ấy.

Tương truyền rằng, đã lâu, trong thành phố Dvā-ravatī có mười vị hoàng tử - Vāsudeva, Baladeva, Candadeva, Suriyadeva, Aggideva, Varunadeva, Aj-juna, Pajjunaṃ, aṭapaṇḍita và Aṅkura. Trong những vị hoàng tử này, đứa con yêu dấu của Đại vương Vāsudeva đã chết. Đức vua sầu khổ trước biến cố này; Vua bỏ bê tất cả mọi phận sự của mình, ôm ghì lấy chiếc giường của vị ấy và rồi nằm nói chuyện lảm nhảm. Lúc bấy giờ, Ghatapaṇḍita suy nghĩ rằng, "Ngoài ta ra, không ai có thể diệt trừ nỗi ưu bi của anh ta được. Ta sẽ diệt trừ nỗi ưu bi của anh ta bằng một mẹo." Bởi vậy, vị ấy giả làm một người điên, và khi nhìn lên bầu trời, đi rảo khắp thành phố mà nói rằng, "Hãy cho tôi con thỏ! Hãy cho tôi con thỏ!", và toàn thể thành phố đã dao động khi nghe tin rằng

Ghaṭapaṇḍita đã điên loạn. Lúc bấy giờ, vị quan cố vấn đặc biệt của Đức Vua, có tên là Rohineyya, đi đến vua Vāsudeva và nói lên câu kệ này để khởi chuyện với Đức vua:

1. "Hãy dậy, thưa Kaṇha, tại sao ngài nằm đó? Sự mơ tưởng đem lại lợi ích gì cho ngài? Người mà là em trai của ngài, là quả tim của ngài, là con mắt phải của ngài, đã bị áp đảo bởi những cơn gió. Vị ấy đang khao khát một con thỏ, thưa Kesava!"

Bậc Đạo sư, là người đã trở thành Bậc Chánh Đẳng Giác, khi ấy nói lên câu kệ này để làm sáng tỏ tánh cách mà vị ấy ngồi dậy khỏi chiếc giường khi nghe qua những lời này:

2. "Khi nghe qua những lời của Rohiney-ya, Kesava vội vã đứng dậy, vì ưu bi cho em trai của vị ấy!"

Đức vua đứng dậy và vội vàng đi xuống hoàng cung và rồi đi đến trước mặt của Ghaṭapaṇḍita, nắm chắc vị ấy bằng cả hai tay, và khi nói chuyện với vị ấy, đã nói lên ba câu kệ này:

3. "Tại sao em, như một người điên, nói nhảm rằng, "con thỏ, con thỏ!" quanh khắp cả Dvāraka này? Em muốn loại thỏ nào?

4. Thỏ bằng vàng? bằng ngọc? thỏ bằng đồng? ngay cả thỏ làm bằng bạc? hay thỏ làm bằng những loại đá quý? Chẳng hề gì, anh sẽ sai làm con thỏ ấy đó cho em.

5. Cũng có những con thỏ bé nhỏ khác mà rảo đi trong những khu rừng. Anh cũng sẽ mang về cho em những con thỏ này. Em muốn loại thỏ nào?

Khi nghe qua điều này, Ghaṭapaṇḍita nói lên câu kệ này:

6. "Em không muốn con thỏ ấy, là những con thỏ mà ở trên đất. Em muốn con thỏ từ mặt trăng. Hãy đem con thỏ ấy xuống cho em này Kesava!"

Khi đức vua nghe điều này, vị ấy trở nên thất vọng, khi nghĩ rằng, "Không nghi ngờ gì em của ta đã trở thành như một người điên", và nói lên câu kệ này:

7. Bây giờ! Này người thân của ta, chắc chắn em đã quăng đi đời sống ngọt ngào của em rồi. Em khao khát cái mà không nên khao khát khi em muốn con thỏ từ mặt trăng".

Khi Chaṭapaṇḍita nghe điều mà Đức vua đã phải nói, vị ấy đứng bất động ở đó và nói rằng: "Thưa anh, như anh biết rằng sẽ có mất mát đời sống cho một người mà khao khát con thỏ từ mặt trăng, không thể có được nó, Tại sao anh cứ kêu than về một đứa con trai đã chết, là kẻ mà anh không thể có được?" Và nói lên câu kệ để giải thích quan điểm này:

8. Này Kaṇha, nếu anh biết cách mà anh dùng để khuyên những người khác như vậy. Tại sao chính ngày hôm nay, anh lại than vãn cho một đứa con trai đã chết trong quá khứ rồi?"

9. "Nhưng điều này không thể có được, dầu bởi người hay bởi phi nhân, rằng, 'Một đứa con sanh đến cho ta thì không nên chết.' Cái mà không có được thì có thể kiếm ở đâu?

10. Chẳng phải do Mantra, rễ của cây thuốc, những loại thuốc, cũng chẳng phải do của cải mà có thể đem về kẻ quá cố mà anh kêu khóc đến, này Kaṇha ạ!"

Rồi để chỉ cho người anh của vị ấy thấy rằng, không thể ngăn cản cái được gọi sự chết này được, dầu bằng của cải hay dòng tộc hay kiến thức, giới đức hay thiền định. Chaṭapaṇḍita đã thuyết pháp cho Đức vua bằng năm câu kệ này.

11. Những người có của cải lớn, có những vật sở hữu lớn, dầu là những vị Sát-đế-lỵ có những vương quốc. Cho dù những kẻ này, có nhiều của cải và ngũ cốc, cũng không thoát khỏi già và chết được.

12. Những vị Sát-đế-ly, Bà la môn, Vệ sá, Thủ đà, Chiên đà la và Pukkusa. Ngay cả những người này và những người khác, bằng dòng tộc của họ, cũng không thoát khỏi già và chết.

13. Những kẻ tụng đọc Mantra bao gồm sáu chương, được soạn ra bởi Phạm thiên Brahma. Ngay cả những người này và những người khác, qua kiến thức ấy, cũng không thoát khỏi già và chết được.

14. Và ngay cả những vị ẩn sĩ, những đạo sĩ đã được an tịnh và đã tự chế. Ngay cả những vị đạo sĩ này cũng phải rời bỏ thân xác của họ khi thời gian đến.

15. Những vị A-la-hán, những bậc đã tu tiến, đã làm điều cần được làm và đã thoát khỏi các lậu hoặc. Ngay cả họ cũng phải để xuống tấm thân này khi đã hết nghiệp thiện và bất thiện của họ.

Khi nghe qua pháp thoại này do Ghaṭapaṇḍita nói ra, Đức vua, tựa như được người ta rút ra cây tên ưu bi,và với lòng tịnh tín trong tâm, khi ấy bèn nói lên những câu kệ còn lại để tán dương Chañpaṇḍita.

16. "Ta quả thật đang cháy nóng, như ngọn lửa cháy bằng thục tô; nhưng bây giờ, tất cả những sầu muộn của ta đã được dập tắt tựa như ta được tưới lên người bằng nước mát.

17. Cây tên, quả thật vậy, là nỗi ưu bi, mà đâm xuyên qua tim của ta, nay đã được rút ra rồi. Ngươi đã đoạn trừ ưu bi ấy, ưu bi về đứa con trai của ta mà đã đè nặng lên ta.

18. Nhờ rút ra được cây tên, ta trở nên an tịnh và mát mẻ; từ khi nghe những lời của ngươi, ta không còn ưu bi hay than khóc nữa.

19. Cũng như Ghata đã làm cho anh của mình vơi đi nỗi ưu bi. Những bậc trí tuệ có lòng bi mẫn cũng hành động như thế ấy.

20. Như Ghata đi theo anh của mình với lời khuyên tốt; cũng vậy, người mà có những người cố vấn và những người hầu như vậy cũng sẽ có được những lời khuyên tốt như thế.

Những câu kệ còn lại có ý nghĩa giống như đã được nêu ra ở trên.

Khi Bậc Đạo sư đã kể lại pháp thoại này, Ngài bèn nói rằng, "Như vậy, này ông thiện nam, chính những bậc Trí tuệ thuở xưa đã diệt trừ nỗi ưu bi của họ về đứa con trai đã chết của họ khi họ nghe một câu chuyện từ những Bậc trí tuệ. Rồi Ngài thuyết giảng tứ

đế và thêm vào bổn sanh, lúc kết thúc thời pháp ấy, vị thiện nam ấy được an trú trong quả Thánh Tu-đà-huờn.

*

II.7 TÀI HỘ QUỶ SỰ (DHANAPĀLA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Ngươi trần truồng và có hình tướng thô xấu."

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến Ngạ quỷ Dhanapāla (Tài Hộ).

Tương truyền rằng trước khi Đức Phật xuất hiện tại kinh đô Erakaccha trong vương quốc của những vị Dasaṇṇa, có một vị thương nhân giàu có tên là Dhanapālaka, là kẻ không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín và keo kiệt, lại chấp theo tà kiến Natthika. Những hoạt động của ông ta được biết đến qua kinh tạng. Khi ông ta chết, ông ta sanh làm một Ngạ quỷ trong vùng hoang vắng. Thân của ông ta lớn bằng thân của cây thốt nốt. Da thì nổi u lồi, thô thiển và trông kinh khiếp, xấu xí và dị hợm - Trông thật ghê tởm. Bị chế ngự bởi cơn đói và khát và cái lưỡi của nó thè ra khỏi cái cuống họng khô cháy của nó, nó đi lang thang chỗ này chỗ nọ trong năm mươi lăm năm mà không kiếm được một chút gì, dầu là một hột cơm hay một giọt nước. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta xuất hiện trong thế gian và đã lăn bánh xe Diệu Pháp, và đến đúng lúc đang cư trú tại Sāvatthi, một số thương nhân là những dân cư của thành Sāvatthi, chất đầy hàng hóa trong năm trăm cỗ xe, đi đến xứ Uttarāpatha, bán hàng hóa của họ ở đó, và lại chất đầy những hàng hóa

nhận được vào những cỗ xe của họ. Khi họ đang trở về vào lúc chiều tối, họ đi đến một con sông bị khô nước nọ. Họ tháo ách cho những con bò ở đó và cấm trại qua đêm. Rồi con Ngạ quỷ ấy bị khát, đi đến tìm kiếm một cái gì đó để uống. Vì không kiếm được gì dầu một giọt nước ở đó, nó ngã sấp, thất vọng, như cây thốt nốt bị đốn hạ đến gốc rễ. Khi trông thấy nó, những thương nhân bèn hỏi nó bằng câu kệ này:

1. "Ngươi trần truồng và có hình tướng thô xấu, gầy ốm với những đường gân lộ ra. Ngươi là kẻ ốm yếu, với những xương sườn lộ ra, bây giờ người là ai?"

Nhân đó Ngạ quỷ nói rõ gốc gác của nó.

2. "Thưa Ngài, tôi là một Ngạ quỷ, đã đi đến kiếp sống đau khổ trong cõi của Yama; Sau khi đã làm ác nghiệp, tôi đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ". Một lần nữa các thương nhân lại hỏi Ngạ quỷ về nghiệp mà nó đã tạo:

"Vậy ngươi đã làm ác nghiệp nào bằng thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Nó bèn nói những câu kệ này để kể về những hoàn cảnh về quá khứ, hiện tại và tương lai của nó, từ chỗ sanh lên trước kia của nó trở đi, và cho họ một lời sách tấn:

4. "Tại thành phố của những người Dasaṇṇa, là Erakaccha nổi tiếng. Trong quá khứ tôi là một thương nhân ở đó, được biết đến qua cái tên là Dhanapāla (người giữ của).

5. Tám mươi cỗ xe chất đầy vàng là của tôi; tôi cũng có nhiều vàng và nhiều ngọc trai và những loại đá quý.

6. Dầu có của cải to lớn như vậy, nhưng tôi lại không thích bố thí. Tôi đóng cửa trước khi ăn vì sợ những người ăn xin sẽ thấy tôi.

7. Tôi không có niềm tin, hèn hạ, keo kiệt và hay chửi mắng. Tôi có thói quen ngăn cản nhiều người trong khi họ đang bố thí và làm các thiện sự.

8. Khi nói rằng, "không có kết quả nào từ sự bố thí cả, kết quả của sự tự chế sẽ đến từ đâu?" Tôi phá huỷ những hồ sen và những chỗ uống nước khác, những khu huê viên, những chỗ dẫn nước ở bên đường và những chiếc cầu tại những chỗ khó băng qua.

9. Tôi đã không làm việc làm phước thiện. Tôi chỉ làm những việc ác. Khi rời khỏi cõi ấy, tôi sanh vào trong cõi Ngạ quỷ, bị hành hạ bởi cơn đói và khát. Trong năm mươi mười lăm năm kể từ khi tôi chết.

10. Tôi không biết rõ về ăn hay uống nước. Người bị cản trở đi đến chỗ hư hoại, người đi đến chỗ hư hoại bị cản trở. Tương truyền rằng những Ngạ quỷ quả thật biết rằng người mà bị cản trở đi đến chỗ hư hoại.

11. Trong quá khứ tôi cũng bị cản trở như thế. Tôi đã không bố thí dầu có nhiều của cải tồn đọng. Dầu những vật thí nằm trong tay, tôi cũng chẳng làm chỗ nương tựa cho chính tôi.

12. Về sau tôi cảm thấy ăn năn khi những nghiệp của chính tôi bắt đầu cho quả. Sau bốn tháng cái chết sẽ đến với tôi.

13. Và tôi sẽ rơi xuống địa ngục kinh khiếp và ác nghiệt: có bốn góc với bốn cổng, nó được chia thành những phần bằng nhau, được bao quanh bởi một bức tường sắt, có mái bằng sắt ở trên.

14. Cái nền nóng rực sáng của nó làm bằng sắt cháy đỏ: Nó trải rộng khắp quanh một trăm do tuần, đứng mãi mãi như thế.

15. Ở đó, trong một thời gian dài tôi sẽ trải qua những cảm thọ đau đớn do quả của những ác nghiệp của tôi. Vì lý do này tôi vô cùng sầu khổ.

16. Do đó tôi xin nói với các người rằng, "Tôi xin chúc lành đến các người, mỗi người trong các vị đã hội họp ở đây. Đừng gieo tạo một ác nghiệp nào dầu công khai hay bí mật.

17. Vì nếu quý vị làm hoặc sẽ làm một ác nghiệp nào đó thời sẽ không có con đường trốn thoát khỏi đau khổ dành cho các người đâu, cho dù các người có bay lên trời và chạy đi xa khuất chỗ nào.

18. Hãy tôn kính mẹ, hãy tôn kính cha; Hãy tôn kính các bậc trưởng thượng trong gia đình. Hãy tỏ sự sùng kính đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn, bằng cách này các người sẽ đi đến cõi trời."

Chú giải:

Sau khi nghe qua điều mà Ngạ quỷ đã phải nói, những thương nhân ấy, đầy xúc động và thương hại cho nó, bèn lấy một bát nước, bảo nó nằm xuống và rồi đổ nước vào miệng của nó. Sau đó, mọi người đã làm điều này nhiều lần, nhưng nước mà nó thèm khát không đi xuống được cuống họng của nó do vì quả của những ác nghiệp của Ngạ quỷ ấy. Như vậy làm sao để nỗi khao khát của nó được dập tắt? Họ hỏi nó xem liệu nó có được nguôi ngoai chút ít hay không. "Cho dù có nhiều người đổ nhiều lần vào miệng của tôi nhiều giọt nước, tuy nhiên vẫn sẽ không có lối thoát khỏi cõi Ngạ quỷ này được", nó nói.

Khi những thương nhân nghe qua điều này, họ đầy xúc động và nói rằng, "Nhưng có cách gì khiến cơn khát của ngươi được được dập tắt không?" Ngạ quỷ nói rằng, "Khi ác nghiệp này gần hết và những vật thí đã được cúng dường đến Đức Tathāgata hay những vị Sāvaka của Đức Tathāgata, và người ta hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi, thời tôi sẽ được thoát khỏi cảnh Ngạ quỷ này".

Khi nghe qua điều này, những thương nhân ấy bèn đi đến Sāvatthi, đi đến Đức Thế Tôn và nêu vấn đề ấy với Ngài. Họ quy y Tam bảo và thọ trì ngũ giới, và trong bảy ngày dâng cúng vật thực cúng dường to lớn đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và hồi hướng phước thí đến Ngạ quỷ ấy. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh khởi và thuyết Pháp đến tứ chúng và nhờ thời pháp ấy mọi người từ bỏ bợn nhơ của lòng bỏn xẻn và tham lam v.v... Và lấy làm thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v...

*

II.8 TIỂU THƯƠNG QUỶ SỰ (CŪLASEṬṬHIPITAVATTHŪVAṆṆANĀ)

"Thưa ông, ông là người mà đã xuất gia, bị trần truồng và gầy ốm".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Trúc Lâm Viên, liên quan đến Ngạ quỷ Cūḷaseṭṭhi.

Tương truyền rằng, tại Ba-la-nại có một vị Gia chủ tên là Cūlaseṭṭhi, là người chẳng có niềm tin cũng không có lòng tịnh tín, lại là người bần tiện và keo kiệt và không có sự kính trọng trong việc thực hành những việc Phước. Khi chết, ông ta tái sanh trong cõi Ngạ quỷ, đầu của ông ta trọc lóc, không có y phục và, thân thể thì không có thịt và máu đến nỗi chỉ còn da bọc xương và gân mà thôi. Tuy nhiên, đứa con gái Ānulā của ông ta, đang ở trong nhà của chồng nàng tại Andhakavinda, sửa soạn một số vật thí như cơm v.v... Với ước muốn tiếp đãi một số Bà-la-môn để cầu siêu cho cha của nàng. Khi ông ta biết được việc này, Ngạ quỷ ấy, đầy mong ước, bèn đi đến đó xuyên qua hư không, đến Rājagaha vào lúc mà vua Ajātasattu đang đi tới đi lui ở tầng trên của cung điện, không thể ngủ được bởi vì lương tâm khó chịu do những cơn ác mộng, vì đã nghe thoe lời xúi dục của Devadatta, sau khi giết chết phụ vương của vị ấy. Khi trông thấy con Ngạ quỷ ấy đi xuyên qua hư không, đức vua bèn hỏi nó bằng câu kệ này:

1. "Ngươi là kẻ đã xuất gia, bị trần truồng và gầy ốm, ngươi đang đi đâu vào lúc ban đêm và vì lý do gì? Hãy nói cho ta biết điều này, chúng ta, nếu có khả năng, có thể tặng

cho ngươi những vật sở hữu cùng với tất cả mọi thứ".

Được hỏi như vậy bởi đức vua, Ngạ quỷ nói lên ba câu kệ giải thích tình cảnh của nó:

2. "Thành Ba-la-nại nổi tiếng ở từ đằng xa; và tôi là một gia chủ ở đó, giàu có nhưng bần tiện. Tôi đã không bố thí, lại có tâm hưởng lạc. Do bởi ác hạnh khiến tôi phải đi đến cõi Yama.

3. Tôi bị kiệt quệ đến như cây kim do bởi những điều này; Vì chính lý do này, tôi đi đến những quyến thuộc của tôi để kiếm một cái gì đó để ăn, nhưng họ thiếu đức bố thí và không tin rằng có quả của sự bố thí trong kiếp sau.

4. Tuy nhiên, đứa con gái của tôi thường xuyên lẩm bẩm rằng, "Tôi sẽ cho những vật thí nhân danh cha và ông của tôi". Những vị Bà-la-môn thì được hầu hạ sẵn cái mà nàng đã sửa soạn và tôi đang đi đến Andhakavinda để kiếm ăn.

Từ đây trở đi là những câu kệ được nói bởi những vị kiết tập Tam Tạng..

5. Đức vua nói với nó rằng: "Sau khi ngươi đã ăn cái đó, ngươi hãy trở lại đây nhanh; ta cũng sẽ cúng dường. Hãy nói cho ta biết liệu có nguyên nhân nào vì chúng ta muốn lắng nghe một câu nói nào đó về những điều kiện mà có thể tin được!"

6. "Chắc vậy", nó nói và ra đi. Nhưng những người ăn vật thực ở đó thì không xứng đáng thọ lãnh những vật thực cúng dường. Bởi vậy một lần nữa nó trở lại Rājagaha và xuất hiện trước mặt chúa của loài người.

7. Khi thấy rằng Ngạ quỷ ấy đã trở lại, đức vua bèn nói rằng, "Ta sẽ cho cái gì? Hãy nói cho ta biết liệu có nguyên nhân nảo khiến dĩ ngươi có thể được hạnh phúc trong một thời gian dài về sau".

8. "Khi Đại vương đã dâng cúng đến Đức Phật và Chư Tăng vật thực cùng với thức uống và y phục, tâu bệ hạ, thời hãy hồi hướng phước thí ấy vì lợi ích của tôi. Bằng cách này, tôi có thể được hạnh phúc trong một thời gian dài trong tương lai".

9. Do đó, đức vua đi xuống và ngay tức thì tự tay dâng cúng những vật thí vô song đến chư Tăng; vị ấy thuật lại sự việc ấy đến đức Tathāgata và hồi hướng phước thí ấy đến cho Ngạ quỷ.

10. Được tôn trọng như vậy và với tướng mạo sáng chói vô cùng, nó xuất hiện trước mặt chúa của loài người và nói rằng, "Bây giờ tôi là một Yakkha có thần thông cao cả nhất. Không có những kẻ nào giống hay bằng tôi về năng lực hay thần thông.

11. Hãy xem sự vinh quang vô hạn này của tôi được hồi hướng đến bởi Đại vương, sau khi Đại vương đã cúng dường vô song thí đến chư Tăng. Tôi sẽ được thoả mãn, tiếp tục và luôn luôn dồi dào và sẽ sống hạnh phúc, hỡi Deva của loài người!"

Khi Ngạ quỷ đã ra đi sau khi cáo từ như vậy, vua Ajātasattu nêu lên vấn đề ấy với các vị Tỳ khưu. Các vị Tỳ khưu đi đến Đức Thế Tôn và nêu vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh khởi và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Khi họ đã nghe qua thời pháp này, thì họ từ bỏ bợn nhơ của

lòng bỏn sẻn và thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v...

*

II.9 QUỶ SỰ VỀ ANKURA (AṄKURA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Chính mục đích ấy mà chúng tôi đang đi".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Sāvatthi, liên quan đến một peta tên là Aṅkura. Trong trường hợp này, Aṅkura đúng ra không phải là một Peta, nhưng vì những việc làm của vị ấy liên quan đến một Peta; do đó, câu chuyện này được gọi là Aṅkura quỷ sự. Đây là câu chuyện tóm tắt.

Trong thành phố Asitañjana ở vùng Kaṃsabhoga thuộc xứ Uttarāpatha, có sanh đến cho Upasāgara, đứa con trai của vua Mahāsāgara, là người cai trị vương quốc Uttaramadhurā, và đến cho Devagabbhā, đứa con gái của Mahākaṃsaka (những đứa bé sau đây:), một đứa con gái là Aṅjanadevī và mười người anh của nàng là Vāsudeva, Baladeva, Candadeva, Suriyadeva, Aggideva, Varunadeva, Pajjuna, Ajjuna, Ghaṭapaṇḍita và Aṅkura - cả thảy là mười một vị Sát Đế Lỵ. Bắt đầu từ kinh đô Asitañjana, Vāsudeva và những người em của vị ấy, bằng những cái đĩa, đã tiêu diệt các vị vua trong sáu mươi ba ngàn thành phố của tòan cõi Diêm Phù Đề, kết thúc tại Dvāravatī. trong khi đang trú ngụ tại Dvāravatī, họ chia vương quốc ra thành mười phần. Tuy nhiên họ đã quên phần cho đứa em gái Añjanadevī của họ, và khi sực nhớ đến nàng, họ bèn nói rằng, "chúng ta sẽ chia nó thành mười một phần", nhưng Aṅkura, là đứa con trai nhỏ nhất nói rằng, "Các anh có thể cho nàng phần của tôi. Tôi sẽ kiếm sống bằng nghề buôn bán, và các anh có thể gởi đến cho tôi những món tiền thuế thu được từ những vùng của các anh". "Tốt lắm", họ đồng ý và sau khi đã cho phần chia của Aṅkura đến em gái của họ, thì chín vị Vua cùng sống chung tại Dvāravatī. Tuy nhiên Aṅkura thì mãi mê trong việc buôn bán và thường xuyên tổ chức những cuộc bố thí lớn. Bấy giờ, vị ấy có một người nô lệ làm viên giữ kho của vị ấy và là người thích làm các việc từ thiện. Với lòng tịnh tín trong tâm, Aṅkura kiếm về một người con gái của một gia đình tốt và gả nàng cho vị ấy. Vị ấy chết ngay khi đứa con trai của vị ấy đang sanh ra và Aṅkura, vào lúc sanh, đã cho cậu bé vật thực và sự hưởng công mà vị ấy đáng ra phải trả cho cha của nó. Rồi khi cậu bé đến tuổi trưởng thành, vấn đề sanh lên trong hoàng gia rằng, liệu cậu ta có phải là một nô lệ hay không. Khi Añjanadevī nghe tin này, nàng nêu gương con bò cái và giải thoát cho anh ta khỏi tình trạng nô lệ khi nói rằng, "Đứa con trai của một người đàn bà tự do thì chính người ấy cũng là người tự do". Nhưng chàng trai vì xấu hổ, không thể cam tâm sống ở đó được, bèn đi đến kinh đô Bheruva, là nơi mà anh ta kết hôn với đứa con gái của một người thợ may, và kiếm sống bằng nghề thợ may. Lúc bấy giờ, trong kinh đô Bheruva có một thương nhân giàu có tên là Asayhamahāseṭṭhi, là người cúng dường những vật thực to lớn đến các Sa-môn và Bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người sống lang thang, những người lữ hành và những người ăn xin. Người thợ may đầy hoan hỷ và hạnh phúc, thường đưa lên cánh tay phải của ông ta và chỉ về

chỗ ngụ của Asayhamahāseṭṭhi cho những người mà không biết ngôi nhà của vị thương nhân giàu có, khi nói rằng, "Hãy đi đến đó và kiếm bất cứ cái gì có thể dùng được".

Những việc làm của ông ta được ghi lại trong kinh tạng. Trải qua một thời gian dài, ông ta chết và sanh trong một khu rừng hoang, làm một vị Devatā trong một cây đa, có cánh tay phải cho ra những ước muốn. Bấy giờ cũng tại Bheruva, có một người đàn ông chuyên trông coi những vật thí của Asayhaseṭṭhi, nhưng chính ông ta thì không có niềm tin cũng không có lòng tịnh tín, có tà kiến và không có lòng kính trọng trong việc phước. Khi ông ta chết ông ta sanh làm một Ngạ quỷ không cách xa chỗ ngụ của vị Devaputta ấy. Những việc mà ông ta đã làm được ghi lại trong kinh tạng. Khi Asayhāseṭṭhi chết, ông ta ra đi cọng trú với Sakkha, vua của chư Thiên, trong cõi ba mươi ba.

Bấy giờ sau một thời gian, a.nkura mang những hàng hóa của ông ta trên năm trăm cỗ xe, một vị Bà-la-môn nọ cũng mang theo hàng hóa của ông ta trên năm trăm cỗ xe. Với một ngàn cỗ xe này, hai người đi vào con đường trong một khu rừng hoang và bị lạc đường. Sau khi đi lang thang quanh quẩn ở đó trong nhiều ngày, họ hết cỏ, nước và vật thực. Aṅkura sai những sứ giả cỡi ngựa đi tìm nước trong bốn hướng. Rồi vị Yakkha ấy, với cánh tay mà có thể ban ra những ước muốn, trông thấy cảnh ngộ mà họ đã lâm vào và khi nhớ đến một vài sự giúp đỡ mà Aṅkura đã làm cho vị ấy trong những ngày trước kia, bèn nghĩ rằng, "À được, ta phải giúp vị ấy?" và chỉ cho vị ấy trông thấy cây đa, nơi mà vị chư Thiên ấy sống. Tương truyền rằng, cây đa ấy có nhiều nhánh và lá sum suê, với những tàn lá dày đặc cho bóng mát Aṅkura vô cùng sung sướng khi trông thấy nó và cắm trại ở dưới gốc cây ấy. Vị Yakkha đưa lên cánh tay phải và trước hết cho mọi người uống nước no đủ, sau đó cho đến bất cứ ai bất cứ cái gì cần đến. Khi những người ấy đã được làm thoả mãn bằng nhiều loại đồ ăn và thức uống v.v... Như họ mong ước và hết mệt mỏi do đi đường xa, vị thương nhân Bà-la-môn ấy, bằng sự suy luận bất chánh, đã suy nghĩ rằng, khi chúng ta đã đi từ đây đến Kampoja để tìm kiếm của cải, thời chúng ta sẽ làm gì? Nhưng nếu bây giờ chúng ta bắt vị Yakkha này bằng một mưu mẹo nào đó và để vị ấy vào trong xe thời chúng ta mới có thể trở lại chính thành phố của chúng ta". Với ý nghĩ này trong tâm vị ấy nói lên hai câu kệ để cho a.nkura biết mưu kế của vị ấy:

1. Xét thấy rằng chúng ta đi đến Kampoja vì mục đích tầm cầu của cải, nhưng muốn đạt được mục đích phải nhờ vào vị Yakkha hằng ban cho những điều mong ước, sống ở cây đa này; vậy chúng ta hãy đem theo vị Yakkha này!

2. Khi chúng ta đã mang được vị Dạ xoa này đi, hoặc là do sự bằng lòng của vị ấy hoặc bằng sự cưỡng bách, và để vị ấy vào trong một cỗ xe, thời chúng ta có thể đi nhanh đến Dvāraka.

Tuy nhiên khi vị Bà-la-môn đã nói vậy, thì Aṅkura, kiên cố trong pháp của bậc chân nhân, đã nói lên câu kệ này để phản đối điều đã được nói ra:

3. Người không nên bẻ gãy những nhánh của cây mà người đã ngồi ở dưới bóng mát của nó, vì làm hại một người bạn quả thật là một điều ác.

Khi nghe qua điều này, vị Bà-la-môn, khi dựa vào quy tắt khéo được thành lập rằng xử dụng hành động đạo đức giả để tiêu diệt là nền tảng của sự thành công, bèn thốt lên câu kệ này khi đặt mình vào vị trí đối lập với Aṅkura:

4. Người nên đốn hạ thân của cây mà người đã ngồi hay nằm ở dưới bóng mát của nó, nếu người ấy cần đến nó.

Khi vị Bà-la-môn đã nói theo cách này, thì Aṅkura nói lên câu kệ này để đề cao pháp của Bậc thiện nhân:

5. Người không nên làm hại những lá của cây mà người đã ngồi hay nằm dưới bóng mát của nó, vì kẻ làm hại một người bạn thì quả thật là người độc ác.

Vị Bà-la-môn lại nói lên một câu kệ để đề cao quan điểm của ông ta:

6. Người nên nhổ lên cây ấy ngay cả với những chồi rễ của nó, nhổ lên cây mà người ấy ngồi hay nằm dưới bóng mát của nó, nếu đó là nhu cầu của vị ấy.

Khi vị Bà-la-môn đã nói theo cách này thì Aṅkura bèn nói lên ba câu kệ, vì muốn làm cho quan điểm của vị Bà-la-môn trở nên vô nghĩa:

7. Người không nên mưu tính làm một điều ác ngay cả trong tâm của mình để chống lại người mà mình đã ở lại đêm trong nhà của người kia, và là chỗ mà người ấy đã có được đồ ăn và thức uống, sự tri ân được các bậc thiện nhân hằng khen ngợi.

8. Người không nên mưu tính một việc ác ngay cả trong tâm của mình để làm hại người mà người ấy đã ở lại trong nhà của người mà mình đã được tiếp đãi bằng đồ ăn và thức uống - cánh tay không chìu theo điều ác sẽ đốt cháy kẻ làm hại bạn của mình.

9. Người mà trước kia đã được người ta ban cho một điều khả ái và về sau người ấy làm hại ân nhân của mình bằng một việc ác, người ấy là người làm hại kẻ vô tội, người ấy sẽ không thấy điều may mắn.

7. DẦU TRONG MỘT ĐÊM (ekarattimpi): người ấy đã ở lại trong nhà của người kia dầu chỉ trong một đêm rất ngắn ngủi. NƠI MÀ NGƯỜI ẤY ĐÃ ĐƯỢC ĐỒ ĂN VÀ THỨC UỐNG (Yatthi annapānaṃ puriso labhetha): trước mặt người ấy, bất cứ ai cũng được đồ ăn và thức uống hay một sự nuôi ăn nào đó. MỘT NGƯỜI KHÔNG NÊN MƯU TÍNH MỘT VIỆC ÁC NGAY CẢ TRONG TÂM MÌNH ĐÊ LÀM HẠI NGƯỜI KIA (Na tassa pāpaṃ mamasā pi cetaye): Một người không nên nghĩ, không nên mong muốn điều xấu hay ác cho ân nhân của mình ngay cả trong tâm của mình, đừng nói gì dùng thân và khẩu để làm hại. Tại sao vậy? SỰ THI ÂN ĐƯỢC CÁC BẬC THIỆN NHÂN HẰNG KHEN NGỢI (Kataññutā sap-purisehi vaṇṇitā): ngươi có sự tri ân quả thật được chư Phật v.v... Tán dương, là người tối thắng nhất trong những bậc chân nhân.

8. ĐÃ ĐƯỢC TIẾP ĐÃI (Upaṭṭhito): Được cung cấp bằng đồ ăn và thức uống, đã được hầu hạ bằng những lời "hãy lấy cái này, hãy ăn cái này". CÁNH TAY KHÔNG CHÌU THEO ĐIỀU TỔN HẠI (adub- bhapānī): Cánh tay không quen hại người, cánh tay được

kềm chế. ĐỐT CHÁY KẺ LÀM HẠI MỘT NGƯỜI BẠN (Dahate mitta dubbhiṃ): Nó đốt cháy, nó tiêu diệt, kẻ hại một người bạn. Một tội lỗi, đã gieo nên, nhắm đến những người mà có những thiện ý và không lỗi lầm, do bởi một người khác, sẽ đem lại sự suy sụp cho chính người kia, không có sự ngoại lệ nào. Về nội dung thực tiễn của nó, người mà không có lỗi quả thật đốt cháy người kia. Vì lý do này, Đức Thế Tôn nói rằng, "Người mà làm hại kẻ không lỗi lầm, bậc thanh tịnh và không có sự chê trách, thời điều ác ấy sẽ dội ngược lại chính kẻ ngu ấy như bụi tung ngược chiều gió".

9. NGƯỜI MÀ TRƯỚC KIA ĐƯỢC NGƯỜI TA BAN CHO MỘT HÀNH ĐỘNG KHẢ ÁI (Yo pubbe katakalyāno): Người mà đã được người ta đem đến một vài điều tốt, được giúp đỡ bởi một người có giới đức nào đó. VÀ NGƯỜI MÀ VỀ SAU LÀM HẠI ÂN NHÂN CỦA MÌNH BẰNG MỘT VIỆC ÁC (Pacchā-pāpena himsati): Và người mà trong một thời điểm tương lai nào đó giáng xuống một hành động ác, sự rủi ro, điều xấu, đến người đã thi ân cho người ấy. LÀ NGƯỜI BỊ BÀN TAY SẠCH TIÊU DIỆT (allapāṇi-hato poso): người ấy bị tiêu diệt, người ấy bị giáng xuống, theo cách như đã kể trên, do bởi chính sự thự hành việc thi ân bởi bàn tay sạch, bởi người mà đã thi ân cho người ấy, khi làm như vậy bằng bàn tay sạch, bàn tay đã được rữa sạch, hay nói cách khác chính bàn tay sạch của người ấy đã bị tiêu diệt, rồi nó bị tiêu diệt, vì người ấy đã tấn công kẻ đã thi ân cho mình; người ấy là một kẻ vô ân. Người ấy sẽ không thấy điều may mắn (Na so shadrāni passati): Loại

người đã được giải rõ như vậy sẽ không thấy, tức là, không tìm thấy, sẽ không có được, hạnh phúc ở trong đời này hay đời sau.

Vị Bà-la-môn bị đánh bại như vậy bởi Aṅkura bằng sự đề cao thiện nhận pháp, chẳng nói thêm một lời nào nữa và nín thinh. Tuy nhiên, khi đã nghe cuộc nói chuyện qua lại này giữa hai người trong bọn họ và, dầu tức giận vị Bà-la-môn, vị Yakkha vẫn nghĩ rằng, "Bây giờ cứ để như thế, về sau ta sẽ quyết định điều gì nên làm đối với vị Bà-la-môn độc ác này", và rồi nói lên câu kệ này để cho thấy phạm vi không thể thắng phục vị ấy bởi bất cứ một người nào khác.

10. Chẳng phải deva hay người hay quyền lực nào khiến ta dễ dàng bị nhiếp phục, ta là một Yakkha, đã đạt đến năng lực thần thông cao tột, quảng đại và có sắc đẹp cùng sức mạnh.

Từ đây trở đi có một cuộc trao đổi chuyện trò bằng mười sáu câu kệ, giữa Aṅkura và vị Devaputta:

11. "Bàn tay của ngươi hoàn toàn bằng vàng, là cái chứa đựng của bộ năm, và có mật ong chảy ra, nước trái cây có nhiều hương vị khác nhau. Tôi nghĩ rằng Ngài phải là một Purindada".

12. "Tôi không phải là Deva hay Gandhab-ba, cũng chẳng phải là Sakkhapurindada; là một Peta mà Ngài sẽ biết tôi, này Aṅkura này người đến đây từ Bheruva"

13. "Hạnh kiểm và tánh nết của Ngài như thế nào trước kia khi Ngài còn ở Bheruva? Điều phước cho kết quả trong bàn tay này là do bởi loại phạm hạnh nào?"

14. "Trước kia tôi là một người thợ may ở trong thành Bheruva, lúc bấy giờ tôi chịu khó khăn lớn và sống cuộc đời rất cực khổ. Tôi chẳng có gì để bố thí

15. Nhưng tiệm may của tôi thì ở rất gần Asayha, là người có đức tin và là bậc thầy trong việc bố thí, một người có lương tâm,đã thực hành những việc phước.

16. Những người ăn xin và những người đi đường thuộc nhiều bộ tộc khác nhau thường đi đến đó và họ cũng thường hỏi tôi về chỗ ngụ của Asayha rằng, "Xin chúc lành đến Ngài! Chúng tôi nên đi đâu,những vật thí được cho ra ở đâu?"

17. Khi được hỏi như vậy, tôi thường đưa lên cánh tay phải cuả tôi và chỉ về chỗ ngụ của Asayha cho họ thấy và nói rằng, "Xin chúc lành đến các người! các người nên đến đó, vật thí được cho ra ở đó tại chỗ ngụ của Asayha".

18. Vì lý do này khiến bàn tay của tôi ban ra những điều mong ước, vì lý do này khiến bàn tay của tôi có mật ong chảy ra, điều phước mà cho kết quả trong bàn tay này là do bởi loại phạm hạnh này".

19. Người ta nói rằng ngài không bố thí vật thực đến ai cả bằng chính tay của ngài nhưng vì ngài hoan hỷ với những vật thí của người khác nên ngài đã đưa lên bàn tay của ngài và chỉ đường.

20. Vì lý do này nên bàn tay của ngài cho ra những điều mong ước, vì lý do này khiến bàn tay của ngài có mật ong chảy ra, do bởi loại phạm hạnh này khiến điều phước cho quả trong bàn tay của ngài.

21. Thưa Ngài, người mộ đạo là người đã cho ra những vật thí bằng chính bàn tay của mình, khi người ấy rời bỏ thân người, sẽ đi về chỗ nào?

22. "Tôi không biết trạng thái đi và đến của Aṇgīrasa, người mà chịu đựng điều quá sức chịu đựng, nhưng tôi đã nghe ở trước mặt của Vessavana rằng Asayha đã đi cọng trú với Sakkha".

23. "Thật đầy đủ để làm những việc thiện và cho ra những vật thí thích hợp. Sau khi trông thấy bàn tay cho ra những điều mong ước này, ai mà lại không thực hành những việc phước?

24. Như vậy, khi tôi đã đi từ đây và trở lại Dvāraka, tôi sẽ bố thí những vật thực để đem lại hạnh phúc cho tôi.

25. Tôi sẽ cho đồ ăn và thức uống, y phục và chỗ ngụ, những chỗ cho nước ở bên vệ đường, những cái giếng và những chiếc cầu ở những chỗ mà khó đi qua.

Dạ xoa lấy làm rất hoan hỷ khi nghe Aṅkura nguyện rằng vị ấy sẽ bố thí những vật thực, bèn sách tấn vị thương nhân làm những việc phước thí khi nói rằng, "Ngài nên cho ra những vật thí một cách rộng rãi, thưa Ngài. Tôi sẽ giúp ngài bằng cách sắp xếp những công việc bằng cách nào đó để những vật thí của Ngài không bị cạn kiệt". (Khi quay qua vị Bà-la-môn), vị ấy nói tiếp rằng. "Trong khi ông, này ông thương nhân Bà-la-môn, không biết khả năng của chính mình mà dám nói rằng ông muốn mang đi một người như ta bằng cách xử dụng sức mạnh", và sau khi khiến cho những hàng hóa

của ông ta biến mất, đe doạ ông ta, doạ sẽ hại ông ta bằng sự tấn công của một Dạ xoa. Rồi Aṅkura nài nỉ vị ấy bằng nhiều cách, và làm nguôi ngoai vị Dạ xoa bằng cách bảo vị Bà-la-môn xin lỗi, và nhờ đó khiến cho tất cả hàng hóa của ông ta xuất hiện trở lại. Khi đêm đến, vị ấy để Dạ xoa ra đi và, trong khi tiếp tục đi trên con đường của vị ấy, trông thấy một Ngạ quỷ nọ ở gần trước mặt vị ấy, trông rất kinh khiếp, vị ấy nói lên câu kệ này để dò hỏi về nghiệp mà nó đã tạo;

26. "Vì lý do gì khiến những chi thể của ngươi méo mó và khuôn mặt của ngươi nhăn nhó? Và tại sao hai con mắt ngươi lại chảy giọt? Ác nghiệp nào được làm bởi ngươi?"

Rồi Ngạ quỷ nói lên ba câu kệ:

27. Tôi đã trông coi những vật thí trong phước xá của Angīrassa, là vị gia chủ yêu quê hương và là một người có đức tin.

28. Tôi đã trông thấy những người ăn xin ở đó đến trong trạng thái cần vật thực. Tôi bước qua một bên và nhăn mặt.

29. Vì lý do này nên tay chân của tôi bị méo mó và khuôn mặt của tôi bị nhăn nhó. Đây là lý do khiến mắt của tôi rỉ chảy. Đây là ác nghiệp được làm bởi tôi.

Vì lý do này vị ấy nói rằng:

30. "Vì lý do ấy mà tay chân của tôi bị méo mó và mắt của tôi bị cau có. Đây là lý do khiến mắt tôi bị rỉ chảy, đây là ác nghiệp được làm bởi tôi".

Nghe qua điều này Aṅkura thốt lên câu kệ này khi đến gần Ngạ quỷ.

31."Này kẻ khốn khổ, nghiệp đã cư xử đúng với ngươi, khiến mắt ngươi cau có và mắt của ngươi rỉ chảy, bởi vì ngươi đã nhăn mặt khi trông thấy vật thí của người khác".

Aṅkura lại nói lên một câu kệ để chê trách vị thương nhân ấy, là vị thầy trong việc thực hành bố thí.

32. "Làm sao người ta lại có thể nhờ vào một người khác khi cho ra đồ ăn, thức uống, vật thực cứng, y phục và chỗ ngụ?"

Trong khi vị ấy quở trách vị thương nhân như vậy, Aṅkura bèn nói lên hai câu kệ để cho thấy cách hành động mà vị ấy sắp thực hiện.

33. "Như vậy, khi tôi đã đi khỏi đây và đã trở lại Dvāraka, tôi sẽ cung cấp những vật thí mà sẽ đem lại hạnh phúc cho tôi.

34. Tôi sẽ cho đồ ăn và thức uống, y phục và chỗ ngụ, những chỗ chứa nước ở bên vệ đường, những giếng nươc và những chiếc cầu nơi mà người ta khó đi qua".

Ý nghĩa vừa nói được nêu ra rồi.

Khi ấy bốn câu kệ này cũng được lồng vào bởi những vị kiết tập Tam Tạng, để cho thấy cách mà Aṅkura hành động.

35. "Khi từ chỗ đó trở về và đã trở lại Dvāraka, Aṅkura cung cấp những vật thí mà sẽ đem lại hạnh phúc cho vị ấy.

36. Vị ấy cho ra đồ ăn và thức uống, y phục và chỗ ngụ, những chỗ chứa nước ở bên vệ đường, những giếng nước, những chiếc cầu ở nơi mà người ta khó đi qua.

37. "Ai bị đói? và ai bị thiêu đốt? Ai muốn mặc vào những y phục này? Những con bò của ai bị kiệt quệ? - Từ những con bò này người ta có thể thắng vào một con bò thiến. Ai cần dù che? và nước hoa? Ai cần hoa? Ai cần một số giày dép?"

38. Những người thợ cạo, những người nấu bếp và những người bán vật thơm luôn luôn kêu lên như vậy, cả sáng lẫn chiều, ở đó tại chỗ ngụ của Aṅkura".

Thời gian trôi qua với sự bố thí vĩ đại được ban ra như vậy, ngôi nhà nơi mà những vật thí được cho ra chỉ trở nên thưa thớt và có những người đi đường tình cờ đến viếng vì muốn được thoả mãn. Khi Aṅkura trông thấy điều này, vị ấy cảm thấy không được mãn nguyện, bởi vì ý định cao cả vị ấy là cho những vật thí, bèn gọi đến người đàn ông trẻ tên là Sindhaka mà vị ấy đã chỉ định liên quan đến sự bố thí của vị ấy và nói lên hai câu kệ:

39. "Aṅkura ngủ an vui". Những người tin vào ta như vậy; nhưng ta khó ngủ, này Sindhaka, bởi vì ta không thấy những người ăn xin.

40. "Aṅkura ngủ an vui". Những người tin vào ta như vậy; nhưng, này Sindhaka, ta khó ngủ vì những người đi đường quá ít".

Khi nghe qua điều này, Sindhaka, muốn rằng vị ấy nên làm sáng tỏ khuynh hướng cao cả của vị ấy đối với sự bố thí, bèn thốt lên câu kệ này:

41. "Nếu Sakkha, chúa cõi Ba mươi ba và của tất cả thế giới, mà ban cho Ngài một đặc ân, khi chọn lựa, thì Ngài sẽ chọn đặc ân nào?"

Chú giải:

41. Đây là ý nghĩa: nếu Sakkha, chúa chư Thiên trong cõi trời Ba mươi ba và cũng là chúa tất cả thế gian, mà ban cho Ngài một đặc ân khi nói rằng, "Hãy chọn bất cứ ân huệ nào mà tâm của ngươi khao khát, này Aṅkura", "Khi chọn lựa, khi mong ước, thì ngài muốn chọn loại đặc ân nào?"

Rồi Ankura nói lên hai câu kệ thành thực công bố ý định của vị ấy.

42-43. "Nếu Sakkha, chúa của cõi Ba mươi ba, mà ban cho ta một đặc ân, thời ta sẽ chọn lấy đặc ân từ Sakkha như vầy: Khi ta thức dậy vào lúc mặt trời mọc sẽ xuất hiện những vật thực chư Thiên và những người ăn xin có giới đức, trong khi ta đang bố thí thì chúng sẽ không bị hết, sau khi ta đã bố thí thì ta không cảm thấy hối tiếc và tâm của ta có lòng tịnh tín khi ta bố thí.

Khi Aṅkura công bố ý định của vị ấy, thì một người đàn ông tên là Sonaka, mà đang ngồi ở đó, là người có tánh cẩn thận, bèn nói hai câu kệ khi muốn ngăn cản vị ấy đừng bố thí quá mức.

44. "Người không nên ban bố tất cả những vật sở hữu của mình cho người khác; Người nên vừa cho những vật thí vừa bảo vệ tài sản của mình. Do đó, của cải tốt hơn sự bố thí, những gia đình không tồn tại được do sự bố thí quá mức.

45. Không phải không cho, cũng không phải cho quá mức mà được các bậc trí khen ngợi đâu. Do đó, của cải tốt hơn sự bố thí; người nên thực hiện sự tiết độ. Đây là cách của những kẻ cương quyết.

Muốn thử vị ấy, Sindhaka sau đó đã nói lên một lần nữa những câu kệ bắt đầu bằng, "Người không nên ban ra tất cả những sở hữu của mình."

Khi nghe qua điều này, Aṅkura bèn công bố phương châm và hành động mà vị ấy sẽ thực hành bằng bốn câu kệ, để cố gắng làm cho người kia thay đổi tâm ý của mình:

46. Thưa ngài, thực ra tôi vẫn muốn tiếp tục bố thí, và nếu điều ấy là đúng thời những người xứng đáng sẽ kết hợp với tôi; như đám mưa làm đầy chỗ đất thấp, tôi sẽ làm thoả mãn tất cả những người đi đường.

47. Khi người trông thấy những người ăn xin thì sắc tướng của người trở nên tươi sáng và khi người đã cho thì thấy vui thích; đây là hạnh phúc dành cho người sống ở nhà.

48. Khi người trông thấy những người ăn xin thì sắc tướng của người sẽ trở nên tươi sáng, và khi người đã cho rồi thì sẽ thấy hoan hỷ - đây là sự thực hành thành công của sự hy sinh.

49. Ngay trước khi bố thí người nên hoan hỷ; khi đang bố thí tâm của mình nên tịnh tín; khi người đã bố thí rồi, thì người cũng được vui thích; đây là lối thực hành thành công của sự hy sinh".

Khi Aṅkura đã công bố như vậy phương châm hành động mà vị ấy sắp thực hiện hằng ngày, vẫn duy trì sự bố thí vĩ đại, ý định của vị ấy về sự bố thí càng ngày càng được gia tăng nhiều hơn. Do bởi điều này khiến cho toàn thể vương quốc lúc bấy giờ phải dẹp qua công việc để nhường chỗ cho những lễ hội. Khi sự bố thí vĩ đại ấy đang tiến hành thì những người mà đã nhận được những phương tiện cần thiết cho cuộc sống đã bỏ mọi công việc làm ăn của họ và đi dạo quanh tùy thích.

Do bởi điều này khiến những kho báu của hoàng gia trở nên trống rỗng và nhân đó, các vị vua sai sứ giả đến Aṅkura, nói lại rằng, "vì những vật bố thí của Ngài, thưa Ngài, nền kinh tế của chúng tôi đã bị suy sụp và những kho báu của chúng tôi đã trở nên trống rỗng. Ngài nên biết giới hạn thích hợp đến chừng mức mà vật thí nên được cho ra".

Khi nghe qua điều này, Aṅkura đi đến Dakkhināpatha, và tại vùng tamil sai dựng lên một số lớn những phước xá ở một chỗ không cách xa biển, và duy trì những sự bố thí vĩ đại của vị ấy ở đó trong suốt cuộc đời còn lại của vị ấy. Vào lúc thân hoại mạng chung, vị ấy tái sanh vào cõi ba

mươi ba. Những người kiết tập Tam tạng nói những câu kệ này để cho thấy sự vinh quang của những vật thí của vị ấy và sự tái sanh trong thiên giới của vị ấy:

50. Sáu chục ngàn cỗ xe chứa đầy vật thực thường xuyên được cho đến mọi người ở chỗ ngụ của Aṅkura, là người có con mắt nhìn về những việc phước.

51. Ba ngàn người nấu bếp, trang sức những bông tai có cẩn ngọc, là những người trông coi những vật thí cho sự dâng hiến, nhờ Aṅkura mà họ được sự nuôi mạng.

52. Sáu chục người đàn ông, là những chàng thanh niên trang sức những vòng tai có cẩn châu ngọc, chẻ củi ở chỗ bố thí vật thực vĩ đại của Aṅkura.

53. Sáu chục ngàn phụ nữ, tất cả đều trang sức và có mang châu ngọc, sửa soạn nhiều loại gia vị tại chỗ bố thí vĩ đại của Aṅkura.

54. Sáu chục ngàn phụ nữ, tất cả đều trang sức và có mang châu ngọc, đứng sẵn sàng với cái vá trong tay tại chỗ bố thí vĩ đại của Aṅkura.

55. Vị Sát-đế-lỵ này đã bố thí dồi dào đến nhiều người, vị ấy đã bố thí trong một thời gian dài, ân cần, bằng sự quan tâm chu đáo và bằng chính tay của vị ấy, nhiều lần, nhiều lần.

56. Aṅkura đã duy trì sự bố thí vĩ đại của vị ấy trong một thời gian dài, trong nhiều nửa tháng, trong nhiều mùa và nhiều năm.

57. Sau khi Aṅkura đã thực hành sự bố thí như vậy và hy sinh như vậy trong một thời gian dài như vậy, vị ấy từ bỏ thân xác của con người và đi đến cõi Ba mươi ba.

Trong khi vị ấy đang thọ hưởng sự vinh quang của chư Thiên sau khi đã sanh vào trong cõi ba mươi ba như vậy, trong thời của Đức Thế Tôn của chúng ta có một chàng trai tên là Indaka, là người với lòng tịnh tín trong tâm, đã cúng dường một muỗng vật thực đến Trưởng lão Anuruddha khi Ngài đang đi khất thực. Đến lúc vị ấy chết, do oai lực của việc phước đã gieo vào phước điền, được tái sanh trong cõi ba mươi ba, làm một vị chư Thiên có oai lực và đại thần thông, chiếu sáng rực rỡ và vượt trội hơn vị chư Thiên Aṅkura, về mười thuộc tính như tướng mạo chư Thiên v.v... Vì lý do này, có lời nói rằng:

58. Sau khi cho một muỗng vật thực đến Anuruddha, Indaka bỏ thân xác của con người và đến cõi ba mươi ba.

59. Về mười cách, Indaka sáng chói hơn Aṅkura: Là dung sắc, giọng nói, vị, hương thơm và vật xúc chạm, tất cả đều khả ái với tâm.

60. Về thọ mạng và danh tiếng, nước da, sự hạnh phúc và quyền lực. Như vậy, Indaka sáng chói hơn Aṅkura .

Khi Aṅkura và Indaka thọ hưởng sự vinh quang của chư Thiên sau khi tái sanh trong cõi trời ba mươi ba như vậy thì Đức Thế Tôn của chúng ta, vào hạ thứ bảy sau khi chứng đắc nhất thiết trí, đã thị hiện song thông vào đêm trăng tròn của tháng Āsālhī, ở dưới gốc cây Gaṇḍamba gần cổng của thành Sāvatthi. Đúng lúc, Ngài đi bằng ba bước chân, đến cõi ba mươi ba và ngồi trên tảng đá Paṇḍukambala ở dưới chân của cây San hô, để thuyết giảng Abhidhaṃma.

Khi chiếu sáng rực rỡ như mặt trời mới mọc ở trên núi Yugandhara, Ngài chiếu ra hào quang từ chính thân của Ngài, vượt trội ánh sáng của những vị chư Thiên đi chung và những vị Brahma đã hội họp ở đó từ mười ngàn thế giới. Ngài trông thấy Indaka ngồi ở gần bên, và Aṅkura ngồi ở cách

xa mười hai do tuần, và nói lên câu kệ này với mục dích giải thích tầm quan trọng về pháp thành tựu nơi những bậc xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường:

"Một sự bố thí vĩ đại đã được cho bởi ngươi, này Aṅkura, trong một thời gian dài. Người lại ngồi quá cách xa, hãy đến trước mặt của Như Lai".

Khi nghe qua điều này, Aṅkura bèn bạch rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, con đã cho ra nhiều vật thực trong một thời gian dài, và dầu con đã duy trì sự bố thí vĩ đại ấy, nhưng vì không có được những bậc xứng đáng thọ lãnh những lễ vật cúng dường, giống như hạt giống được gieo vào thửa ruộng có đất cằn cỗi, nên không có quả báu dồi dào. Nhưng đối với Indaka, dầu vị ấy chỉ cho một vật thí gồm một muỗng vật thực, bởi vì vị ấy có được người xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường, nên có trổ sanh, như hạt giống được gieo trên đám ruộng phì nhiêu, quả phước vô cùng dồi dào này. Những vị kiết tập Tam tạng nói những câu kệ này để minh họa quan điểm này:

61. Khi Đức Phật, bậc cao quý nhất trong nhân loại, đang ngụ ở trên tảng đá Paṇḍukaṃpala ở dưới chân của cây san hô trong cõi ba mươi ba. Những vị chư Thiên từ mười ngàn thế giới đã đến tụ họp và tỏ sự tôn kính đến Đức Phật khi Ngài lưu lại trên đỉnh núi.

63. Chẳng có vị chư Thiên nào vượt trội Đức Phật về sắc tướng. Đức Phật trội hơn tất cả những vị chư Thiên ấy, riêng Ngài chiếu sáng rực rỡ.

64. Vào lúc ấy, Aṅkura ở cách xa mười hai do tuần trong khi Indaka, sáng chói hơn vị ấy, đang ở gần bên Đức Phật.

65. Đức Phật, khi nhìn vào cả Aṅkura và Indaka, bèn nói những lời này để đề cao những bậc đáng thọ lãnh vật cúng dường.

66. "Một sự bố thí vĩ đại được cho ra bởi ngươi, này Aṅkura, trong một thời gian dài. Vậy mà Ngươi đã ngồi quá cách xa, hãy đến trước mặt Như lai".

67. Bị thúc dục bởi bậc đã tu chứng, Aṅkura bèn đáp lại rằng, "những vật thí ấy có lợi ích gì cho con đâu? Chúng không có được những bậc xứng đáng thọ lãnh vật thí,

68. Trong khi đó, vị Yakkha Indaka này đã cho ra một vật thí có phần nhỏ bé, thế mà sáng chói hơn chúng con như mặt trăng sáng trội các vì sao.

69. Cũng như nhiều hạt giống được gieo trên đám ruộng khô cằn, nó không cho kết quả dồi dào cũng không làm hài lòng người gieo.

70. Cũng vậy, nhiều vật thí, khi được đặt vào trong những người có hạnh kiểm nghèo nàn, thì không cho kết quả dồi dào, cũng không làm hài lòng người cho.

71. Và cũng như, khi hạt giống ít mà được gieo trên một đám ruộng phì nhiêu và có những đám mưa thích hợp tưới xuống, thì kết quả làm hài lòng người gieo.

72. Cũng vậy, có quả lớn khi việc phước, dầu nhỏ nhặt nhất, được làm đối với những người có bản tánh như có giới đức và có đức tánh khác..."

73. Những vật thí cho ra có sự phân biệt thời cái được cho ra có quả báo lớn. Khi những vật thí được cho ra với sự phân biệt thời những người bố thí sẽ đi đến cõi trời.

74. Bố thí với sự phân biệt được Đức Sugata tán dương. Cái mà được cho đến những Bậc xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường ở đây trong đời này thì có quả báu lớn như hạt giống được gieo trên thửa ruộng màu mỡ.

Khi bắt đầu bằng câu kệ rằng, "Một sự bố thí vĩ đại được cho ra bởi ngươi", Ngạ quỷ sự về Aṅkura này được nêu lên bởi Bậc Đạo sư ở cõi ba mươi ba trước mặt các vị chư Thiên trong mười ngàn, nhằm mục đích giải thích tầm quan trọng của việc có được những bậc xứng đáng thọ lãnh những vật cúng dường.

Khi Ngài đã thuyết tụng Abhidhamma ở đó trong ba tháng và đã làm lễ Đại Tự Tứ vị Deva ấy của những vị chư Thiên đã đi xuống từ cõi trời ấy, được vây quanh bởi những hội chúng chư Thiên, đến thành phố Sankassa.

Đúng lúc, Ngài đến tại Sāvatthi và trong khi đang ngụ ở Jetavana, Ngài giảng giải chi tiết giữa tứ chúng nhằm mục đích giải thích tầm quan trọng của việc có được những bậc xứng đáng thọ lãnh những lễ vật cúng dường, bài pháp bắt đầu từ, "mục đích ấy mà nhờ đó chúng ta đang đi", và đưa giáo pháp đến đỉnh cao bằng thời pháp về tứ đế. Vào lúc kết thúc của thời Pháp ấy, tuệ quán về diệu pháp đã sanh lên trong vô số ngàn Koṭi chúng sanh.

*

II.10 UẤT ĐA LA MẪU QUỶ SỰ (UTTARAMĀTU PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Một vị Tỳ khưu mà đã đi để nghỉ trưa".

Đây là Ngạ quỷ sự về mẹ của Uttara. Đây là phần giải thích về ý nghĩa của nó.

Khi Hội kiết tập tam tạng lần thứ nhất đã được tổ chức tại chỗ nhập Niết bàn của Bậc Đạo sư, Đại Đức Mahā Kaccāyana đang ngụ cùng với mười hai vị Tỳ khưu trong một khu rừng nọ không cách xa thành Kosaṃbi. Lúc bấy giờ, một vị Tư tế quan của vua Udena, là người trước kia đã trông coi những công việc của vị ấy trong thành phố ấy, đã chết. Bởi vậy đức vua cho gọi đứa con trai của ông ta đến, là một chàng thanh niên tên là Uttara, và bổ nhiệm cậu ta vào chức vụ quản đốc khi nói rằng, "Bây giờ ngươi phải trông coi những công việc mà trước kia cha của ngươi đã trông coi". "Thưa vâng", Cậu ta đáp lại. Vào một hôm nọ, cậu ta đi đến khu rừng, đem theo một số thợ mộc để kiếm một số gỗ về sửa sang thành phố. Trong khi ở tại đó, vị ấy đi đến chỗ ngụ của vị Trưởng lão đáng kính Mahā Kacchāyana và trông thấy Trưởng lão đang ngồi một mình ở đó và đang mặc những chiếc y được làm bằng vải vụn từ đống rác. Đầy lòng tịnh tín khi trông thấy riêng oai nghi này của Ngài, vị ấy đảnh lễ Trưởng lão, nói lời chào hỏi

thân mật, và rồi ngồi xuống ở một bên. Rồi Trưởng lão thuyết pháp cho vị ấy. Khi đã nghe qua pháp, vị ấy có đầy lòng tịnh tín đối với Tam bảo và, khi đã được an trú trong tam qui, bèn mời Trưởng lão, khi nói rằng, "Bạch Đại Đức, xin Ngài hãy bi mẫn mà nhận lời mời của con đến Ngài và Chư Tăng để đến thọ thực trong ngày hôm sau".

Trưởng lão nhận lời bằng cách im lặng. Rồi vị ấy rời khỏi chỗ ấy, đi đến thành phố và báo tin cho những thiện tín khác biết, khi nói rằng, "Tôi đã mời Trưởng lão trong ngày hôm sau. Các bạn cũng nên đến nhà của tôi nơi mà những vật thí sẽ được cho ra". Vào lúc sáng sớm của ngày hôm sau, vị ấy sai sửa soạn vật thực loại cứng và loại mềm, sai công bố rằng đã đến giờ và rồi đi ra để đón tiếp Trưởng lão khi ngài đang đi đến với mười hai vị Tỳ khưu. Vị ấy đảnh lễ họ và mời họ vào nhà. Khi Trưởng lão và các vị Tỳ khưu đã ngồi trên những chỗ ngồi đã được soạn sẵn với những đồ trải đắc giá và thích hợp, vị ấy cúng dường đến các Ngài vật thơm, những bông hoa, hương trầm và đèn nến; và làm thoả mãn các Ngài bằng đồ ăn và thức uống thượng vị. Đầy lòng tịnh tín và với hai tay chấp lại trong thái độ tôn kính, vị ấy lắng nghe lời tùy hỷ của các Ngài.

Khi Trưởng lão đang đi, sau khi sự phúc chúc cho bửa thọ thực đã được thực hiện, vị ấy cầm lấy bát Trưởng lão và, khi đi theo các Ngài, rời khỏi thành phố. sau khi đã thỉnh Trưởng lão quay lui, vị ấy thỉnh cầu Trưởng lão rằng, "bạch Ngài, Ngài nên viếng thăm nhà con thường xuyên", và rồi trở về sau khi biết được Trưởng lão đã nhận lời mời. Do sự hầu hạ Trưởng lão như vậy, vị ấy được an trú trong giáo giới của Trưởng lão và chứng đắc quả thánh Tu-đà-hườn. Vị ấy sai dựng lên một phước xá, khiến cho tất cả quyến thuộc của vị ấy được tìm thấy đức tin trong giáo pháp. Tuy nhiên, mẹ của vị ấy, có tâm bị che mờ bởi lòng bỏn xẻn và hay chửi mắng vị ấy như vầy, "Cầu cho đồ ăn và thức uống này mà mày đã cho đến các vị Sa-môn như vậy, trái nghịch với ước muốn của tao, sẽ biến thành máu nhơ cho ngươi trong kiếp sau!" Tuy nhiên bà ta, đã bỏ ra một cành thoa bằng lông đuôi của con chim công để dâng cúng nó trong ngày đại nhựt của tịnh xá ấy. Khi bà ta chết và tái sanh trong cõi Ngạ quỷ và do quả phước của vật thí bằng cái thoa từ lông đuôi của con chim công nên tóc của bà ta đen, mướt, xoắn ở đuôi tóc, mịn và dài. Khi nữ quỷ đi xuống dòng sông với ý định sẽ uống nước", thì dòng sông ấy biến thành máu. Trong năm mươi lăm năm nàng đi lang thang, bị đói và khát.

Rồi một hôm nọ nàng trông thấy Trưởng lão Kaṇkhārevata đang ngồi trên bờ sông để nghỉ trưa. Nữ quỷ đi đến Trưởng lão trong khi che mình bằng mái tóc dài và xin Ngài một ít nước. Liên quan đến điều này, lời nói sau đây được nói đến, hai câu kệ cuối đã được lồng vào ở đây bởi những vị kiết tập Tam tạng:

1. "Con Nữ Ngạ quỷ trông xấu xí và ghê sợ ấy đi đến một vị Tỳ khưu mà đã đi nghỉ trưa và đang ngồi ở trên bờ sông hằng.

2. Tóc của nàng rất dài, xõa xuống đến đất. Được che phủ bởi tóc của nàng, nàng nói với vị Sa-môn như vầy.

3. Trong năm mươi lăm năm từ khi con chết, con không biết là đã ăn hay đã uống nước như thế nào xin hãy cho con một ít nước, thưa Ngài, con bị khô khát vì thiếu nước.

Từ đây trở đi là những câu kệ nói về cuộc vấn đáp qua lại giữa Trưởng lão và nữ Ngạ quỷ:

4. "Nước mát của sông Hằng chảy xuống từ Hi mã lạp sơn, ngươi có thể lấy một ít ở đây mà uống. Tại sao lại xin nước ở nơi ta?"

5. "Thưa Ngài, nếu chính con lấy nước từ sông Hằng thời nó sẽ biến thành máu dành cho con . Đó là lý do khiến con xin nước".

6. "Ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của ác nghiệp nào khiến nước biến thành máu dành cho ngươi?"

7. "Thưa Ngài, con trai của con là Uttara, có đức tin và là một Thiện nam đã chống lại ý muốn của con, nó cúng dường đến cho những vị Sa-môn những y phục và bỏ vật thực, những vật dụng và những chỗ ngụ.

8. Nhưng con, bị khuấy động bởi lòng bỏn sẻn, đã nguyền rủa nó như vầy, "Cầu cho những chiếc y và vật thực bố thí, những vật dụng và những chỗ ngụ mà mày bỏ cho những vị Sa- môn, chống lại ý của con.

9. Cầu cho điều này hãy biến thành máu dành cho ngươi trong kiếp sau, này Uttara, chính do kết quả của nghiệp ấy khiến cho sông Hằng trở thành máu dành cho con ".

Rồi Đại Đức Revata đã cho một số nước đến chư Tăng nhân danh nữ Ngạ quỷ, đi khất thực và lấy vật thực mà vị ấy đã nhận lãnh được đem dâng đến chư Tăng. Vị ấy lượm những miếng vải từ đống rác v.v... rửa sạch chúng rồi kết thành những tấm nệm và tấm thảm, và cho đến các vị Tỳ

khưu. và bằng cách này, nữ Ngạ quỷ ấy đạt đến sự vinh quang của chư Thiên. Nàng đi đến Trưởng lão và cho Trưởng lão thấy sự vinh quang của chư Thiên mà nàng đã đạt được. Trưởng lão giải thích vấn đề ấy với tứ chúng mà đã đến trước mặt Trưởng lão và rồi ban ra một thời pháp thoại. Dân chúng, đầy xúc động, nhờ đó được thoát khỏi bợn nhơ của lòng bỏn xẻn và lấy làm hoan hỷ trong những thiện pháp như bố thí v.v...

Quỷ sự này nên được xem là đã được kết thúc trong bản sưu tập này tại hội kiết tập lần thứ hai.

*

II.11 TƯ NGẠ QUỶ SỰ (SUTTA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Trong quá khứ tôi đã cho một vị Tỳ khưu, một người đã xuất gia".

Đây là Ngạ quỷ sự về sợi chỉ. Câu chuyện đã bắt nguồn như thế nào?

Tương truyền rằng, trên bảy trăm năm trước khi Bậc Đạo Sư của chúng ta ra đời, ở trong một ngôi làng nọ không cách xa thành (Savatthi), có một chàng trai nọ đã hộ độ một vị Phật Độc Giác. Khi anh ta đến tuổi Trưởng thành, người mẹ kiếm về cho anh ta một đứa con gái của một gia đình tốt từ dòng dõi có địa vị ngang hàng, nhưng chính ngày mà cậu ta sắp kết hôn thì chàng trai, khi đã đi chung với một số bạn bè để tắm, bị một con rắn cắn chết. Người ta còn nói rằng chính vì cậu ta bị một con dạ xoa nhập

vào. Dầu cậu ta đã làm nhiều việc thiện bằng sự hộ độ ấy của cậu ta đến Đức Phật Độc giác, tuy nhiên, vì cậu ta luyến ái với cô gái nên phải sanh làm một Vimāna Peta, nhưng có thần thông và oai lực lớn. Khi muốn đem cô gái vào trong cung điện của mìmh, vị ấy tự nghĩ rằng. "Bây giờ bằng cách nào để nàng có thể làm một việc phước, để sống và hưởng những khoái lạc của tình yêu với ta ở đây trong chính cuộc sống này? Trong khi vị ấy đang suy xét cách để nàng có thể sống trong sự vinh quang của ái lạc thần tiên thì trông thấy một vị Phật Độc Giác đang làm y. Vị ấy đi đến trong hình tướng của con người và đảnh lễ Ngài, rồi hỏi rằng: "Bạch Ngài, Ngài có cần chỉ không?" "Chúng ta đang làm những chiếc y, này thiện nam", Đức Phật Độc giác đáp lại. Vị ấy chỉ về ngôi nhà của cô gái mà nói rằng, "Thôi được, Ngài nên đi và xin một ít chỉ ở tại chỗ đó". Đức Phật Độc giác đi đến đó và đứng ở cửa nhà.

Khi nàng trông thấy Đức Phật Độc giác đang đứng ở đó, nàng nhận ra rằng Bậc Ứng cúng đang cần một ít chỉ từ nàng và, với lòng tịnh tín trong tâm, đã dâng đến Ngài một cuộn chỉ. Rồi vị chư thiên trong lốt người ấy đi đến nhà của cô gái, xin phép mẹ của nàng và sống với nàng trong vài ngày. Để giúp đỡ mẹ của nàng, vị ấy bỏ đầy tiền và vàng trong tất cả những cái hũ trong nhà của họ và viết tên của vị ấy ở trên tất cả các cái hủ, khi nói rằng, "Của cải này đã được cho bởi các vị chư thiên thì sẽ không ai có thể lấy được", rồi dẫn cô gái vào trong cung điện của vị ấy. Mẹ của nàng, khi đã có được nhiều của cải này, bèn cho đến những quyến thuộc của mình, đến những người nghèo khổ và những người vô gia cư v.v... Và chính bà ta cũng dùng nó. Khi bà ta đang cơn hấp hối, bà ta nói với những quyến thuộc rằng, "Nếu con gái của tôi đến thì hãy chỉ cho nó của cải này" Và rồi mệnh chung.

Rồi bảy trăm năm sau khi Đức Thế Tôn của chúng ta xuất hiện trong thế gian và lăn bánh xe chánh pháp, và đến đúng lúc đang trú ngụ ở Sāvatthi, sự bất mãn sanh đến cho người đàn bà đang sống với vị phi nhân. Nàng nói với vị ấy rằng, "Thưa lang quân, hãy đem em trở lại với căn nhà của chính em", và rồi nói lên những câu kệ này:

1. "Trong quá khứ tôi đã cho đến một vị Tỳ khưu, đến một người xuất gia, số chỉ mà vị ấy đã đến xin tôi. Do kết quả của điều ấy, phước báu dồi dào được thọ lãnh và nhiều Koṭi y phục đã xuất hiện dành cho tôi.

2. Cung điện của chàng được trải ra bằng những bông hoa và trông khả ái, nó có vô số bức tranh và được hầu hạ bởi những người đàn ông và đàn bà. Tôi xử dụng nó và tự mặc y phục, tuy nhiên nhiều vật sở hữu vẫn không hết.

3. Do kết quả của việc phước ấy, hạnh phúc và khoái lạc được thọ lãnh ở đây. Khi tôi lại đi đến cõi người một lần nữa, tôi sẽ quyết tâm làm những việc phước. Xin hãy đem tôi đi, thưa lang quân".

Khi nghe qua điều này, vị phi nhân ấy, không muốn đi vì do lòng ái luyến và cũng thương hại cho nàng, bèn thốt lên câu kệ này:

4. "Đã bảy trăm năm từ khi em đến đây. Em sẽ già và tại đó sẽ bịnh lão, và tất cả những quyến thuộc của em có lẽ đã chết rồi. Em sẽ làm gì khi từ đây em đi đến chỗ đó?

Khi vị ấy đã nói như vậy, nàng bèn nói mà không tin điều mà vị ấy đã nói, và thốt lên câu kệ này:

5. "Chỉ có bảy năm kể từ khi đến đây, em có được hạnh phúc thần tiên. Khi em đã trở lại cõi người một lần nữa, em quyết định làm những việc phước. Hãy đem em đi, thưa lang quân.

Khi nàng đã nói như vậy, vị Vimānā Peta ấy bèn khuyên nàng bằng nhiều cách, "Em sẽ không sống ở đó trên bảy ngày kể từ bây giờ. Sẽ có một số của cải được cho bởi ta và do mẹ em cất. Hãy cho nửa số của cải này đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn với ước muốn rằng, em có thể sanh lên ngay tại đây," Khi đã nói điều này, vị ấy bèn nắm lấy tay nàng và đặt nàng ở giữa ngôi làng của nàng, khi nói cho nàng biết rằng nàng nên sách tấn những người khác, mà cũng đến đó, làm những việc phước theo khả năng của họ, và rồi vị ấy ra đi. Vì lý do này mà có lời nói rằng:

6. Vị ấy cầm chắc cánh tay của nàng và dẫn nàng về, sắp già và yếu đuối, khi nói rằng, "Nàng hãy bảo những người khác mà cũng đến đây rằng, "Hãy làm những việc phước, rồi hạnh phúc sẽ nhận được".

Để cho nàng thấy điều nào sẽ phải nói, "Những người khác mà cũng đã đến" v.v... Được nói đến. Đây là ý nghĩa: "Này em yêu, em nên làm những việc phước và em nên bảo những người khác, nên sách tấn những người khác mà đã kéo đến đây để thăm em, rằng, "Thưa các bạn kính mến, cho dù cái đầu cuả các bạn và y phục của các bạn bị cháy sáng, các bạn cũng không biết điều này và hãy làm những việc phước, như bố thí v.v... Vì khi những việc phước đã được làm rồi, thì hạnh phúc là quả của chúng chắc chắn sẽ nhận được, đừng sanh tâm nghi ngờ gì về điều này cả!"

Khi vị ấy đã nói lên điều này và đã đi khỏi chỗ đó, người đàn bà đi đến chỗ ngụ của những quyến thuộc của nàng và cho họ biết nàng. Nàng lấy của cải mà họ dâng đến và, khi cho những vật thí đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn, bèn sách tấn tất cả mọi người mà đi đến trước mặt nàng, bằng câu kệ này:

7. "Những Peta và những con người cũng vậy đã được tôi trông thấy khi họ đi đến chỗ ưu bi do không làm điều gì tốt đẹp, cũng như các vị chư thiên và nhân loại là những chúng sanh an trú trong hạnh phúc, sau khi làm những việc phước mà quả sẽ được thọ hưởng là hạnh phúc".

Khi đã sách tấn họ như vậy, nàng tổ chức một cuộc bố thí cúng dường đến các vị Sa-môn và Bà-la- môn, kéo dài trong bảy ngày. Vào ngày thứ bảy, nàng chết và tái sanh trong cõi Ba mươi ba. Các vị Tỳ khưu nêu lên vấn đề với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh pháp cho hội chúng đã hội hợp ở đó. Ngài đã giải thích chi tiết về lợi ích lớn và quả báu lớn của những vật thí được dâng đến chư Phật Độc Giác. Khi nghe qua

pháp thoại này, họ được thoát khỏi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn và lấy làm thoả thích trong những việc phước như bố thí v.v...

*

II.12 VÔ NHĨ KHUYẾN CẦU QUỶ SỰ (KAṆṆAMUṆḌA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Những bậc thang của ngươi bằng vàng".

Câu chuyện này được nói đến trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Sāvatthi, liên quan đến nữ Ngạ quỷ Kaṇṇa Muṇḍa.

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, trong thời kỳ của đức Phật Kassapa, tại kinh đô Kimbilā có một vị thiện nam nọ, là bực thánh Tu-đà-huờn và có cùng một đức tin với năm trăm vị thiện nam khác. Vị ấy siêng năng làm những việc phước như trồng những vườn cây khả ái, đắp đê, làm cầu v.v... Và trong khi đang ngụ ở đó, vị ấy cho dựng lên một Tinh xá dành cho chư Tăng và thỉnh thoảng đi với họ đến tinh xá ấy. Những người vợ của họ cũng là những tín nữ và trong khi, thỉnh thoảng, đi đến đó trong sự hoà hợp với nhau và, mang theo những vật thơm, những tràng hoa và dầu xức... dọc đường họ muốn nghỉ chân ở những khu vườn khả ái và những nhà nghĩ v.v... trước khi tiếp tục đi. Rồi một hôm nọ, một số tên lừa đảo đang ngồi với nhau ở một trong những nhà nghỉ, chú ý đến sắc đẹp của họ khi họ bỏ đi sau khi đã nghỉ ở đó, và đã đem lòng ái luyến những nữ nhân ấy. Khi chúng nhận biết rằng những nữ nhân ấy có giới hạnh, chúng bắt đầu nói chuyện với nhau khi tự hỏi rằng, "Ai có thể làm nứt rạn giới của một người nào đó trong nhóm nữ nhân này?" "Tôi có thể", một người trong bọn chúng nói lên. Chúng đánh cuộc rằng, "Chúng ta đánh cuộc một ngàn đồng. Nếu anh không làm được điều ấy thời anh phải nộp cho chúng tôi một ngàn đồng".

Khi cố gắng bằng vô số cách, do bởi lòng tham được tiền và sợ thua cuộc, anh ta chơi đàn bảy dây, tạo ra những tiếng nhạc du dương, khi họ đi đến nhà nghỉ. Khi hát những bản nhạc mang tánh chất khiêu dâm với giọng hát ngọt ngào của anh ta, bằng âm thanh của bản nhạc ấy, anh ta đã khiến cho một người đàn bà nọ trong bọn họ làm rạn nứt giới hạnh của nàng, rồi tà dâm với nàng và được một ngàn đồng từ những tên lưu manh ấy. Những người mà thua một ngàn đồng bèn thuật lại vấn đề ấy với chồng của nàng. Vì không tin họ, nên vị ấy hỏi nàng rằng: "Cô có làm như những người này nói không?" "Tôi không biết điều gì như thế cả", nàng phủ nhận. Thấy anh ta không tin nàng, nàng bèn chỉ về một con chó mà đang đứng gần đó và thề rằng, "nếu em làm một điều gì ác như thế này, thì xin cho con chó bị đứt tai ấy ăn thịt của em ở bất cứ nơi nào mà em sanh ra". Dầu năm trăm nữ nhân ấy biết rằng nàng là một kẻ tà dâm, khi được hỏi rằng, "cô ta đã có phạm một ác nghiệp như thế hay không?" họ nói dối rằng,

"Chúng tôi không biết như thế đâu", và thề rằng, "Nếu chúng tôi biết điều này thời xin cho chúng tôi làm những nô lệ của nàng trong tất cả những kiếp sống mai sau".

Bấy giờ người đàn bà tà dâm trở nên gầy mòn ốm yếu do bị dằn vặt bởi lương tâm cắn rứt và, chẳng bao lâu sau thì chết. Nàng sanh làm một Vimānapetī ở trên bờ hồ Kaṇṇamuṇḍa, là một trong bảy cái hồ lớn của núi Himālāya, chúa của các núi, và ở bên ngoài quanh khắp cung điện của nàng có sanh lên một hồ sen thích hợp để cho nàng hưởng quả của các nghiệp của nàng. Khi năm trăm nữ nhân còn lại chết, họ sanh làm những nô lệ của nàng do bởi lời thề của họ. Do quả của những việc phước được làm trước kia, nàng thọ hưởng sự vinh quang thần tiên ở đó suốt ngày, nhưng vào lúc nửa

đêm, bị thúc dục bởi những năng lực của những ác nghiệp của nàng, nàng đứng dậy khỏi chiếc giường của nàng và đi đến bờ của hồ sen. Khi nàng đi đến đó, thì một con chó đen có cỡ bằng con voi trẻ, có hình tướng ghê sợ, hai tai bị đứt, những cái răng nanh dài lồi ra, nhọn và trông dữ tợn, đôi mắt của nó mở rộng và giống như những cục than cháy đỏ của gỗ Acacia, lưỡi của nó thè ra như một tia chớp không bị đứt đoạn, những cái móng nhọn và trông dữ

tợn, và lông bờm xờm, dài một cách dị hợm, nhân đó nó đến và vật nàng xuống đất, hùng hổ xé xác nàng như người bị đói quá mức. Khi nó đã ăn thịt nàng đến chỉ còn một bộ xương, nó dùng những cái nanh của nó tha nàng đi và ném nàng vào trong hồ sen rồi biến mất. Khi bị ném vào trong đó, ngay tức thì nàng trở lại hình tướng bình thường của nàng, và sau khi trèo đến cung điện của nàng. nàng lại nằm trên chiếc giường. Tuy nhiên, những người khác thì phải chịu khổ do phải làm nô lệ cho nàng mà thôi.

Chúng tiếp tục sống ở đó theo cách này cho đến khi năm trăm mươi năm đã trôi qua, nhân đó chúng trở nên bất mãn vì chúng tiếp tục thọ hưởng sự vinh quang của thần tiên như vậy mà không có sự hiện diện của người đàn ông nào. Bấy giờ, ở đó có một con sông chảy ra từ hồ Kaṇṇamuṇḍa và chảy vào sông Hằng sau khi đi ngang qua một khe núi. Gần chỗ ngụ của họ là một khu rừng giống như một khu vườn khả ái được trang điểm bởi nhiều trái cây của chư Thiên, những cây xoài mít v.v... Chúng suy nghĩ như vầy, "bây giờ, nếu chúng ném những trái xoài này xuống con sông thì chắc chắn sẽ có một người nào đó trông thấy nó và đi đến do muốn được những trái như vậy, và rồi chúng ta có thể vui chơi với người đàn ông ấy. Và chúng đã làm đúng điều này. Một số trái xoài mà chúng ném được vớt lên bởi những vị Đạo sĩ, một số bởi những người thợ rừng và một số dính vào bờ sông. Tuy nhiên có một trái trôi theo dòng nước của sông Hằng, và đúng lúc đến tại xứ Ba-la-nại.

Lúc bấy giờ, vua của xứ Ba-la-nại đang tắm ở trong dòng sông Hằng bên trong vòng đai lưới bằng đồng, và trái xoài ấy, trôi đi theo dòng nước, đúng lúc trôi đến và dính vào cái lưới bằng đồng ấy. Khi những quân hầu của Đức vua trông thấy trái xoài của chư thiên đồ sộ ấy và có đầy màu sắc, hương vị. Họ dâng trái xoài ấy đến Đức vua. Đức vua lấy một phần và để thử nó, bèn cho nó đến một tên cướp đang bị giam ở trong tù, chờ ngày xử trảm, ăn nó. Khi anh ta đã ăn nó rồi, anh ta bèn nói rằng, "Tâu bệ hạ, trước kia chưa bao giờ thần được ăn một trái xoài như vậy; theo thần nghĩ, đây chắc là một trái xoài của chư thiên". Đức vua cho anh ta một lát xoài nữa, và khi anh ta đã ăn nó thì tóc bạc của anh ta và những nét nhăn biến mất, và anh ta trở nên vô cùng hấp dẫn về sắc tướng, giống như người vẫn còn trong thời thơ ấu của mình. Khi đức vua trông thấy điều này, vị ấy đầy ngạc nhiên và tò mò, bèn ăn trái xoài và được tánh thanh lịch về thân. Vị ấy hỏi những quân hầu của mình rằng, "những trái xoài như vậy được tìm thấy ở đâu?" "Người ta đồn rằng nó ở trên núi Himālaya, là vua của các núi, tâu bệ hạ", quân hầu nói và khi được hỏi, "có thể đi hái chúng đem về được không?" chúng nói rằng, "Những người thợ rừng chắc biết, tâu bệ hạ". Đức vua cho gọi những người thợ rừng đến, nói cho họ biết vấn đề và rồi hỏi ý kiến của họ. Vị ấy cho một ngàn Kahāpana

đến một người thợ rừng nghèo khổ và sai anh ta đi khi nói rằng, "Hãy đi nhanh và đem về trái xoài như thế này cho ta".

Anh ta trao một ngàn Kahāpana cho vợ và các con, lấy những thứ dự trữ cho chuyến hành trình và đi ngược dòng sông Hằng, hướng về hồ Kaṇṇamuṇḍa. Khi anh ta đã đi khỏi những con đường đi của loài người, anh ta trông thấy một đạo sĩ ở một chỗ nằm bên dưới hồ Kaṇṇamuṇḍa xa sáu chục Do tuần. Khi đi dọc theo con đường được mô tả bởi vị ấy, anh ta lại trông thấy một đạo sĩ ở một chỗ xa hơn ba mươi do tuần. Khi đi dọc theo con đường được mô tả bởi vị đạo sĩ nầy, anh ta lại trông thấy một Đạo sĩ nữa ở một chỗ xa hơn ba mươi do tuần. Khi đi dọc theo con đường được mô tả bởi vị ấy, anh ta lại trông thấy một Đạo sĩ khác ở một chỗ xa mười lăm do tuần và nói cho vị ấy biết lý do về chuyến đi của mình. Đạo sĩ khuyên anh ta rằng: "Từ đây đi tiếp, anh sẽ rời khỏi con sông Hằng to lớn này và đi theo một con sông nhỏ ngược dòng cho đến khi anh trông thấy một khe núi, khi đó anh sẽ cầm một cây củi đang cháy dở và đi vào lúc đêm tối. Khi con sông không chảy vào lúc đêm tối thì đây là thời gian thích hợp để anh đi tiếp. Khi anh đã đi được vài do tuần, anh sẽ trông thấy những trái xoài". Anh ta làm đúng điều này và khi mặt trời mọc, anh ta đến rừng xoài vô cùng hấp dẫn ấy; ở đó vang dội những bài ca của những đàn chim thuộc nhiều loại và được tô điểm bởi những khóm cây và những nhánh trải ra của chúng oằn xuống dưới thấp do sức nặng của những trái xoài mà chúng mang. Quang cảnh thật lộng lẫy bởi những chùm hào quang của những loại ngọc báu.

Khi những thiếu nữ phi nhân ấy trông thấy anh ta đang đi đến ở một khoảng xa, chúng chạy đến anh và nói rằng, "Người đàn ông này thuộc về của tôi! Người đàn ông này thuộc về của tôi!". Tuy nhiên khi anh ta trông thấy họ, thì anh ta lấy làm sợ hãi, vì anh ta không phải là người đã làm những việc phước để được thọ hưởng sự vinh quang của thần tiên ở đó với chúng, và khi kêu to, bèn chạy đi và thuật lại biến cố ấy với Đức vua sau khi anh ta đi đến Ba-la-nại. Khi đức Vua nghe qua điều này thì vị ấy đầy mong ước được trông thấy mỹ nhân ấy và được ăn những trái xoài ấy. Bởi vậy, vị ấy giao vương quốc cho những vị quan cố vấn đặc biệt của mình, và khi lấy cớ là đi săn, bèn đi theo con đường được chỉ bởi người thợ rừng. Được theo hầu bởi một nhóm tùy tùng, vị ấy để quân hầu của mình ở một chỗ cách xa vài do tuần và tiếp tục dẫn người thợ săn đi và. Đến đúng lúc, vị ấy cũng cho anh ta quay lui từ đó và đi vào khu rừng xoài khi mặt trời đang mọc lên.

Khi những thiếu nữ trông thấy vị ấy như một vị chư thiên mới sanh lên, họ bèn đi ra để đón tiếp vị ấy. Rồi khi nhận ra rằng, đó là vua, họ khởi lên tình cảm rạc rào và lòng kính trọng. Họ tắm cho đức vua thật chu đáo và trang điểm cho vị ấy một cách xinh đẹp bằng những y phục, vật trang sức, tràng hoa, vật thơm và dầu xức của chư thiên, rồi dẫn vị ấy lên cung điện của họ. Ở đó, họ cho vị ấy ăn vật thực của chư thiên có những hương vị hảo hạng, hầu hạ vị ấy theo những sở thích của vị ấy.

Rồi sau một trăm năm đã trôi qua, đức vua thức dậy vào lúc nửa đêm và, trong khi đang ngồi, trông thấy nữ Petī bị nghiệp tà dâm ấy đang đi đến bờ của hồ sen. Vị ấy đi theo nàng vì muốn khám phá xem nàng có thể đang đi đâu vào giờ ấy trong đêm, và

trông thấy nàng bị ăn thịt bởi con chó khi nàng đi đến đó. Vị ấy suy gẫm vấn đề ấy trong ba ngày mà vẫn không hiểu được chuyện gì, rồi quyết định rằng chắc đó là kẻ thù của nàng và quyết định giết chết con chó, bắn nó bằng một cây tên nhọn. Rồi vị ấy nhận chìm nàng vào trong hồ, khi đó vị ấy trông thấy rằng nàng đã lấy lại hình tướng xưa cũ của nàng, vị ấy bèn hỏi nàng về những biến cố ấy bằng những câu kệ này:

1. "Những bậc thang của ngươi bằng vàng và được rải ra bằng cát vàng; có những hoa súng trắng ở đó thật khả ái, thơm dịu dàng và khiến tâm được vui thích;

2. Được che mát bằng nhiều loại cây và tràn ngập bởi tất cả các loại hương thơm; được che phủ bằng nhiều loại sen, được phủ lên bằng những sen trắng,

3. đầy mê ly, chúng thoảng đưa mùi thơm khả ái khắp quanh khi được quạt bởi làn gió nhẹ; có vang dội những tiếng kêu của loài thiên nga và cò, vang dội tiếng kêu của những con ngỗng hồng.

4. Có nhiều đàn chim xúm lại và đầy những bản nhạc của những đàn chim ấy; những khóm cây mang nhiều loại trái và những rừng cây mang nhiều loại hoa.

5. Giống như một thành phố như thế này thì không tìm thấy được trong nhân loại. Và nàng có nhiều cung điện được làm bằng bạc và bằng vàng, làm loé mắt, chúng chiếu sáng khắp bốn hướng.

6. Những người này mà là những người hầu của nàng, đó là năm trăm nô lệ của nàng; chúng mang những chiếc vòng tay và vòng đeo cổ, và đầu của chúng được trang sức bởi những tràng hoa đội đầu bằng vàng.

7. Có nhiều chiếc giường của nàng, được làm bằng bạc và bằng vàng, và được phủ lên những tấm da của non sơn dương, được khéo trưng bày và trải bằng những tấm lông cừu dài.

8. Khi nàng đã đi nghỉ ở trên đó, nàng có dồi dào tất cả gì nàng mong ước, tuy vậy vào lúc nửa đêm đến, nàng thức dậy khỏi chỗ đó và đi ra.

9. Nàng đi đến chỗ khả ái và đứng trên đám cỏ xanh mướt bao quanh toàn thể hồ sen ấy.

10. Nhân đó có một con chó bị mất tai cắn xé từng chi thể của nàng, và khi nó đã ăn thịt nàng, nó khiến cho nàng chỉ còn bộ xương, rồi nàng chìm vào trong hồ sen và thân của nàng lại giống y như trước.

11. Rồi với những chi thể được phục hồi, trông xinh đẹp và diễm kiều, nàng mặc vào y phục và đi đến trước mặt ta.

12. Bây giờ ác nghiệp nào được bởi nàng bằng thân, khẩu, ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến cho con chó không có tai ăn thịt các chi thể của nàng?"

Khi được hỏi như vậy bởi đức vua, Petī ấy bèn thốt lên năm câu kệ để kể lại câu chuyện về nàng cho vị ấy nghe từ đầu:

13. Tại Kimbilā có một gia chủ, là một thiện nam có đức tin; thiếp là vợ của vị ấy, nhưng lại có ác hạnh và ngoại tình.

14. Chồng của thiếp nói điều này với thiếp trong khi thiếp đã tà dâm như vậy, "Điều này không thích hợp cũng không hay". Đó là chuyện nàng đã gian dâm phản bội lại ta bằng cách ấy".

15. Thiếp đã nói một lời dối trá kinh khủng khi thiếp thề rằng, "Em đã không ngoại tình chống lại anh bằng thân hoặc bởi ý".

16. Nếu em ngoại tình chống lại anh hoặc bằng thân hoặc bằng ý, thì xin cho con chó không có tai ấy ăn thịt các chi thể của em".

17. Chính do kết quả của ác nghiệp ấy và do bởi sự kiện rằng thiếp đã nói dối, nên đã bảy trăm năm qua thiếp bị ăn thịt từng chi thể bởi con chó không có tai ấy.

Khi nàng đã nói như vậy, nàng bèn nói lên hai câu kệ để tán dương sự phục vụ mà vị ấy đã đem đến cho nàng:

18. Và Ngài, tâu bệ hạ, đã đến đây vì thiếp và đã giúp đỡ nhiều; thiếp đã được thoát khỏi con chó không tai ấy và không còn sầu khổ; chẳng có gì để sợ từ bất cứ hướng nào.

19. Thiếp xin cúi mình trước bệ hạ, tâu bệ hạ, và chúc bệ hạ. Mãi thọ hưởng tất cả những dục lạc của phi nhân, tâu bệ hạ, hãy vui chơi với thiếp".

Rồi đức vua chán cuộc sống ở đó và cho biết ý định muốn ra đi của vị ấy. Khi nghe qua điều này petì ấy, do bởi sự luyến ái của nàng với đức vua, bèn nói lên câu kệ bắt đầu rằng,: "Thiếp xin cúi mình trước Ngài, tâu bệ hạ", Và nài nỉ hãy ở lại ngay tại đây. Nhưng đức vua, quyết chí ra đi, bèn nói câu kệ kết thúc, để công bố ý định của vị ấy:

20. Ta đã thọ hưởng những dục lạc này của phi nhân và đã vui chơi với nàng. Hỡi con người may mắn của ta, ta xin nàng, hãy nhanh chóng đem ta trở lại.

Khi Vimānapetī ấy đã nghe qua những lời mà đức vua đã phải nói thì nàng không thể chịu sự chia ly của họ. Với tâm bối rối và đau đớn vì sầu khổ, thân của nàng run rẩy, cho dù nàng đã nài xin bằng nhiều cách, nàng cũng không thể thuyết phục Đức vua ở lại đó. Nàng đưa đức vua đến kinh

đô, mang theo nhiều châu báu có giá trị và dẫn vị ấy lên cung điện và, sau khi nàng khóc lóc và ta thán, nàng bèn trở lại chỗ ngụ riêng của nàng. Bấy giờ đức vua, đã trông thấy điều này, đầy xúc động, vị ấy thực hành những việc phước như bố thí v.v.. Và được sanh về thiên giới. Rồi khi Đức Thế Tôn của chúng ta đã xuất hiện trong thế gian và lăn bánh xe chánh pháp và đến lúc đang trú ngụ ở Sāvatthi, Đại Đức Moggallāna, vào một hôm nọ khi đi rảo quanh trên những ngọn núi, trông thấy người đàn bà ấy với tùy tùng của nàng và hỏi nàng về nghiệp mà nàng đã tạo. Nàng bèn kể lại mọi chuyện với Trưởng lão kể từ đầu. Trưởng lão nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Ngài lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Mọi người, sau khi có được sự xúc động này, bèn từ bỏ những ác nghiệp và thực hành những việc phước như bố thí v.v... Thoả thích trong chánh pháp và được sanh về

Thiên giới.

*

II.13 UẤT BA LỢI QUỶ SỰ (UBBARĪ PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Này Brammādatta, có một vị vua".

Bậc Đạo sư, trong khi đang ngụ ở Jetavana, đã kể lại quỷ sự Ubbarī này, liên quan đến một vị thiện nam nọ.

Tương truyền rằng tại Sāvatthi, có một người chồng của tín nữ nọ đã chết và nàng, sầu muộn vì nỗi khổ chia ly giữa hai vợ chồng, thường đi đến chỗ thiêu xác của người chồng và khóc lóc ta thán cho vị ấy. Khi Đức Thế Tôn trông thấy rằng nàng có đủ duyên lành để chứng đắc quả thánh Tu-đà-huờn, tâm của Ngài bị kích thích bởi lòng bi mẫn, bèn đi đến nhà của nàng và ngồi ở chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Nàng tín nữ đi đến Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống ở một bên. Rồi Bậc Đạo sư hỏi nàng rằng, "Này tín nữ, có phải nàng đang than khóc đó không?" Khi nàng nói rằng, "Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn, con khóc than vì phải chia ly với người con yêu dấu", Ngài bèn kể lại một biến cố trong quá khứ, khi muốn diệt trừ ưu bi cho nàng:

Cách đây đã lâu, tại kinh đô Kapila trong Vương quốc Pañcāla, có một vị vua tên là Culanibrahma- datta. Vị ấy từ bỏ những lối sống lầm lạc và chuyên tâm chăm lo lợi ích cho mọi người trong xứ sở, cai trị vương quốc mà không vi phạm mười pháp của một vị vua. Vào một dịp nọ, khi muốn nghe điều gì đang được nói ở trong vương quốc của mình, vị ấy giả dạng làm một người thợ may, rời khỏi kinh đô mà không có ai đi theo và đi dạo quanh từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ châu quận này đến châu quận khác. Khi vị ấy trông thấy rằng toàn thể vương quốc được thoát khỏi những tên đạo tặc và không bị cưỡng bách, và mọi người đang sống trong những thời kỳ thân ái - quả thật vậy, đến nổi họ để những cánh cửa nhà của họ mở tung - vị ấy trở về một cách vui sướng.

Khi vị ấy đang đi đến kinh đô, vị ấy đi vào nhà của một thiếu phụ mà đã sống một kiếp sống đau khổ trong một ngôi làng nọ. Khi nàng trông thấy vị ấy, nàng bèn nói rằng, "Này ông là ai, thưa ông, và ông từ đâu đến?" "Tôi là một người thợ may, thưa bà, và tôi đang đi rảo quanh để làm những công việc may vá, để kiếm tiền công. Nếu bà có công việc may vá nào thời hãy cho tôi một tí vật thực và một ít tiền thù lao, rồi tôi sẽ làm những công việc ấy cho bà. "Chúng tôi không có công việc nào cần làm cả, cũng không có vật thực và tiền thù lao. Ông sẽ phải làm việc cho một người khác, thưa ông". Bà ta nói.

Trong khi đang sống ở đó trong một vài ngày, vị ấy trông thấy đứa con gái của bà ta mà có tướng may mắn trong tương lai và có phước, và hỏi mẹ của nàng, "Đứa con gái này đã lấy ai chưa hay vẫn còn độc thân? Nếu nàng chưa kết hôn với ai thời hãy gả nàng cho tôi, vì tôi có thể cung cấp cho bà mọi phương tiện của một đời sống thoải mái". "Tốt lắm, thưa ông", Bà ta đáp lại và gả đứa con gái của bà ta cho vị ấy. Vị ấy sống với nàng trong vài ngày và rồi cho nàng một ngàn

Kahāpana, khi nói rằng, "Anh sẽ trở lại chỉ trong vài ngày, này cưng; đừng tuyệt vọng", và đi về kinh đô.

Đức vua sai san bằng và trang hoàng con đường giữa kinh đô dến ngôi làng và rồi đi đến đó trong vẻ uy nghi vĩ đại của một vị vua. Vị ấy đặt cô con gái trên đống Kahāpana, tắm cho nàng bằng nước vàng và bạc, ban cho nàng cái tên là Ubbarī và đặt nàng vào địa vị Chánh hậu. Vị ấy cho ngôi làng đến những quyến thuộc của nàng và dẫn nàng về kinh đô bằng vẻ uy nghi long trọng của hoàng gia. Khi thọ hưởng những khoái lạc tình yêu với nàng vị ấy trải qua một triều đại thanh nhàn chừng nào vị ấy còn sống, và rồi khi hết thọ mạng thì băng hà.

Khi đức vua chết và những nghi thức mai táng vị ấy đã được cử hành, tâm của Hoàng hậu bị đâm thủng bởi mũi tên của ưu bi, vì sự chia ly của họ, bèn đi đến chỗ thiêu xác của vị ấy; ở đó, nàng cúng dường trong nhiều ngày bằng những vật thơm và những bông hoa v.v... Tán dương những ân đức của Đức vua và sau đó đi vòng quanh hoả đài của vị ấy theo chiều bên phải, khóc lóc và ta thán như người bị điên.

Bấy giờ vào thời ấy, Đức Thế Tôn của chúng ta là bồ tát và vị ấy đã xuất gia, sống cuộc đời của một ẩn sĩ và chứng đắc các thiền chứng và các thắng trí. Trong khi đang cư ngụ trong một khu rừng nọ ở một vùng lân cận của Himālaya, bằng thiên nhãn của đạo sĩ, đạo sĩ trông thấy ubbarii đang bị đâm thủng bởi mũi tên của ưu bi. Đạo sĩ đi xuyên qua hư không và rồi, khi làm cho mọi người trông thấy mình, đạo sĩ đứng trong hư không và hỏi mọi người mà đang đứng rãi rác ở chỗ này chỗ nọ, "đây là hoả đài của ai? và vì ai mà người đàn bà này khóc, ta thán rằng, "Hỡi Brahmādatta, hỡi Brahmādatta?" Khi nghe qua điều này, những người dân bèn nói rằng, "Thưa Ngài, đây là Ubbarī, là vợ của Brahmādatta, là người mà, từ khi vị ấy băng hà, đã đi đến hoả đài của vị ấy, khóc than, ta thán và gọi tên của vị ấy "Brahmādatta".

1. Có một vị Vua tên là Brahmādatta, là chúa của những người đánh xe Pañcāla. Rồi sau nhiều ngày và nhiều đêm, vị vua ấy đã chết.

2. Người vợ Ubbarī của vị ấy đi đến hoả đài của vị ấy và khóc lóc; vì không còn trông thấy Brahmādatta ở đâu nữa, nàng khóc than rằng, "Hỡi Brahmādatta!"

3. Bấy giờ có một ẩn sĩ nọ đi đến đó, là một hiền trí có giới hạnh vẹn toàn, và ở đó vị ấy hỏi những người mà được gặp ở đó, rằng,

4. "Đây là hoả đài của ai mà tràn ngập tất cả những loại hương thơm như vậy? Đây là vợ của ai mà khóc cho một người chồng đã đi xa khỏi đây, là người, khi không còn trông thấy Brahmādatta ở đâu nữa, khóc lóc rằng, "Hỡi Brahmādatta!"

5. Và những người mà có mặt ở đó, những người mà được gặp ở đó, bèn giải thích rằng, "Thưa bậc hữu phúc, đó là vợ của Brahmādatta, thưa Ngài."

6. Hoả đài này là của vị ấy, đang tràn ngập tất cả những loại hương thơm; và đây là vợ của vị ấy đang khóc lóc cho một người chồng mà đã đi xa khỏi đây, là người mà không còn trông thấy Brahmādatta ở đâu nữa, đang khóc lóc rằng, "Hỡi Brahmādatta!"

Khi Đạo sĩ nghe qua những lời của họ, do lòng bi mẫn, vị ấy bèn đi đến trước mặt Ubbarii và nói lên câu kệ này với mục đích diệt trừ ưu bi của nàng:

7. "Tám mươi sáu ngàn người mang tên Brahmādatta đã được thiêu ở chỗ thiêu xác này. Vì ai trong những người này mà nàng khóc than vậy?".

Khi nàng đã được hỏi như vậy bởi vị ẩn sĩ, Ubbarī bèn nói lên câu kệ nầy để chỉ rõ vị Brahmā- datta mà nàng ám chỉ về.

8. Vị vua mà là con trai của Cūḷāni, là con bò chúa trong những vị Pañcāla vương. Chính vì vị ấy khiến tôi khóc than, thưa Ngài, chồng của tôi là người đã ban cho tôi tất cả mọi điều mong ước của tôi.

Khi Ubbarī đã nói như vậy, vị ẩn sĩ lại nói lên hai câu kệ:

9. Tất cả các vị vua đều có cái tên là Brahmādatta; tất cả đều là con trai của cù.lani và là chúa của những người Pañcāla vương.

10. Ngươi đã làm chánh hậu lần lượt của tất cả; tại sao ngươi bỏ những người trong quá khứ ấy mà chỉ khóc than cho người cuối cùng này thôi vậy?

Khi nghe qua điều này, Ubbarī đầy xúc động, một lần nữa lại nói lên câu kệ này với vị ẩn sĩ ấy:

11. Thưa Ngài, có phải chính tôi là người đàn bà trong thời gian lâu dài ấy? Tôi là người mà Ngài nói đến là đã làm người đàn bà thường xuyên trong luân hồi chăng?

Khi nghe qua những lời này, Đạo sĩ bèn nói lên câu kệ này, để cho thấy rằng trong luân hồi không có định luật nào như vậy rằng một người đàn bà chỉ là một người đàn bà mà thôi và một người đàn ông chỉ là một người đàn ông mà thôi:

12. Nàng đã làm một người đàn bà, nàng đã làm một người đàn ông, Nàng cũng sẽ đi vào bào thai của loài thú. Giới hạn của quá khứ lâu dài này sẽ không được trông thấy như vậy.

Khi nàng đã nghe thời pháp như vậy, được giảng dạy bởi vị Đạo Sĩ ấy, mà trong đó vị ấy làm sáng tỏ ảnh hưởng của những nghiệp và sự vắng mặt của bất cứ giới hạn nào của vòng luân hồi, đầy xúc động trong tâm của nàng khi nghe nói về vòng luân hồi và với lòng tịnh tín trong tâm của nàng đối với pháp, mũi tên ưu bi của nàng biến mất và nàng nói lên những câu kệ này để cho biết lòng tịnh tín của nàng và cõi lòng không ưu bi của nàng:

13. Tôi quả thật bị cháy nóng, giống như ngọn lửa được châm bằng thục tô; nhưng bây giờ, tất cả mọi sầu khổ của tôi đã được dập tắt, tựa như tôi đã được tưới lên người bởi nước.

14. Quả thật vậy, mũi tên là ưu bi cho người chồng của tôi mà đã tràn ngập cõi lòng của tôi.

15. Với mũi tên đã được rút ra, tôi trở nên an tịnh và mát mẻ. Từ khi nghe Ngài, thưa Đại hiền trí, tôi không còn ưu bi hay than khóc nữa.

Ý nghĩa của những câu này cũng giống như ý nghĩa đã được nêu ra ở trên. Rồi Bậc Đạo sư nói lên bốn câu kệ để cho thấy cách cư xử của Ubbarī, là người mà (bấy) giờ đã có sự xúc động trong tâm của nàng:

16. Khi nàng đã nghe qua những lời này của vị ấy, lời nói khéo thuyết của vị Sa-môn ấy, nàng mang y và bát rồi ra đi sống cuộc đời không nhà.

17. Và nàng, là người từ đời sống gia đình, ra đi sống đời không nhà, trau dồi tâm từ ái dẫn đến tái sanh trong cõi phạm thiên.

18. Khi đi lang thang từ làng này đến làng nọ, qua các phố chợ và các kinh đô; Uruvelā là tên của ngôi làng mà nàng đã chết.

19. Sau khi đã trau dồi tâm bác ái để được sanh vào cõi phạm thiên và sau khi loại trừ những ý nghĩ của một nữ nhân, nàng đi đến cõi Phạm thiên Bvalimalokā.

Chú giải:

Khi Bậc Đạo sư đã kể lại Pháp thoại này và đã diệt trừ ưu bi cho nàng tín nữ ấy, sau đó Ngài thuyết pháp cho nàng về Tứ đế, và vào lúc kết thúc của thời pháp ấy, nàng tín nữ được an trú trong quả Thánh Tu-đà-hườn. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng đã hội họp ở đó.

Phần trình bày về quỷ sự Ubbarī đã kết thúc - Như vậy phần trình bày ý nghĩa của phẩm thứ hai, Uất-ba-lợi phẩm mà được tô điểm bởi mười ba câu chuyện trong những chuyện Ngạ quỷ này của bộ Khuddaka Nikāya đã kết thúc.

-ooOoo-

CHƯƠNG III

TIỂU PHẨM (CŪḶAVAGGA)

*

III.1 BẤT ĐÁNG QUỶ SỰ (ABHIJJĀMANA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Mà không làm rẽ nước".

Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Bậc Đạo sư đang trú ngụ ở Veḷuvana, liên quan đến một Ngạ quỷ nọ mà đã từng làm một người thợ săn.

Tương truyền rằng: ở bên kia sông Hằng, về phía tây của thành Ba-la-nại, khi bạn đi tới ngôi làng Vāsabha thì tại đó có một người thợ săn nọ ở trong ngôi làng tên là Culdaṭṭhila. Anh ta thường giết nai trong rừng, ăn phần thịt ngon nhất mà anh ta đã nướng trên lửa than, rồi bỏ phần còn lại trong một cái giỏ lá và mang khối thịt này trên một cái sào, rồi trở về làng. Khi những đứa trẻ nhỏ trông thấy anh ta ở cổng làng thì chúng chạy đến anh ta với hai bàn tay xoè ra mà nói rằng, "hãy cho con thịt! hãy cho con thịt!". Mỗi lần như thế anh ta cho chúng một ít thịt. Rồi một hôm nọ, anh ta không kiếm được thịt. Anh ta bèn trang sức vào người bằng những bông hoa uddāla, và cũng mang nhiều bông hoa trong tay anh ta đi đến ngôi làng.

Khi những đứa trẻ nhỏ trông thấy anh ta ở cổng làng, chúng chạy đến anh ta với những bàn tay xoè ra mà nói rằng. "Hãy cho con thịt, hãy cho con thịt!" Anh ta cho mỗi đứa trong bọn chúng một nhánh hoa. Đến đúng lúc, anh ta chết và sanh vào cõi ngạ quỷ, bị trần truồng, xấu xí và trông khủng khiếp vì không biết đến đố ăn hay thức uống, ngay cả trong những giấc mơ của anh ta cũng không, và với những bó hoa uddāla được buộc vào đầu, anh ta đi bộ ngược dòng sông Hằng mà không làm rẽ nước, khi nghĩ rằng, "Ta sẽ kiếm một cái gì đó trước mặt những quyến thuộc của ta ở Culdaṭṭhila". Lúc bấy giờ, vị quan đại thần của vua Bimbisāra, tên là Koliya, đang trở về sau khi dẹp yên cuộc dấy loạn ở vùng biên giới; sau khi đã truyền lịnh cho đoàn Tượng binh và mã binh v.v... đi trên đường bộ, chính trị ấy đi bằng thuyền xuôi dòng sông Hằng; khi vị ấy trông thấy con Ngạ quỷ ấy đang đi đến trong trạng thái ấy, bèn nói lên câu kệ này để dò hỏi:

1. "Ngươi đang đi ở đây mà không làm rẽ nước của sông Hằng; Người trần truồng, tuy nhiên nửa phần trước của ngươi thì không giống một Peta, có trang sức, mang những tràng hoa. Này Peta, ngươi đang đi đâu, và chỗ ngụ của ngươi sẽ ở nơi đâu?"

Bấy giờ, để cho thấy điều được nói ra vào lúc bấy giờ bởi Ngạ quỷ và bởi Koliya, những người kiết tập Tam Tạng đã nói lên những câu kệ này:

2.... "Tôi đang đi đến Culdaṭṭhila", Ngạ quỷ nói, "ở chính giữa của ngôi làng Vāsabha, trong vùng lân cận của Ba-la-nại".

3. Và khi trông thấy nó, vị quan đại thần, là vị Koliya nổi tiếng, bèn cho Peta một bữa cơm lúa mạch, vật thực cùng một bộ y phục màu vàng.

4. Khi chiếc thuyền của vị ấy dừng lại, vị ấy bèn bảo người cho những thứ ấy đến người thợ cạo; khi chúng đã được cho đến người thợ cạo ngay tức thì chúng bỏ được trông thấy ở trên thân của ngạ qủi.

5. Nhân đó, nó được mặc vào những y phục tốt, được trang sức, và mang những tràng hoa; khi đã tin chắc rằng vật thí có lợi ích cho Ngạ quỷ ấy, do vậy người nên cho ra nhiều lần vì lòng thương tưởng đến những Ngạ quỷ".

Bấy giờ vị quan đại thần Koliya, khi cảm thấy thương hại cho Ngạ quỷ ấy, đã tạo ra hình thức bố thí ấy và rồi đi xuống dòng sông và đến Ba-la-nại vào lúc mặt mọc. Đức Thế Tôn, khi đã đi xuyên qua hư không để tiếp độ cho họ, đang đứng ở trên bờ sông Hằng. Vị quan đại thần Koliya xuống thuyền và, rất vui sướng, thỉnh mời đức Thế Tôn khi nói rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, cầu xin đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn mà nhận lời mời của con để thọ thực ngày hôm nay. Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Ngay tức thì vị ấy dựng lên ở một chỗ đất khả ái một nhà mát bằng những cành cây, có trang hoàng ở bên trên và có nhiều màu sắc,và rồi dâng đến đức Thế Tôn chỗ ngồi mà vị ấy đã sửa soạn ở trong đó. Đức Thế Tôn ngồi vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Rồi vị quan đại thần đi đến đức Thế Tôn, cúng dường ngài những vật thơm và những bông hoa v.v..., đảnh lễ ngài và ngồi xuống ở một bên, kể lại với đức Thế Tôn những điều mà vị ấy đã nói và câu đáp lại của Ngạ quỷ như đã được nêu ra ở trên. Đức Thế Tôn chú nguyện rằng, "chúng Tỳ khưu hãy đến đây!" Ngay khi ngài chú nguyện câu này thì chúng Tỳ khưu, bị thúc dục bởi oai lực của Đức Phật, đến vây quanh vị Pháp vương, như một đàn thiên nga vàng

vây quanh thiên nga chúa Dhataratha, là chúa của những thiên nga vàng. Ngay tức thì dân chúng kéo đến vì nghĩ rằng, "sắp có một thời thuyết pháp lớn". Khi trông thấy cảnh này, vị quan đại thần, với lòng tịnh tín trong tâm, làm thoả mãn chúng Tỳ khưu, có đức Phật dẫn đầu, bằng thức uống và những đồ ăn gồm cả loại cứng và loại mềm. Khi Ngài đã thọ thực xong thì đức Phật, vì lòng bi mẫn đối với dân chúng, bèn tập trung vào ý nghĩ "Hãy để những ai trú ngụ trong vùng gần Ba-la-nại đến hội họp ở đây". Và tất cả các hạng người ấy, do sức mạnh về năng lực thần thông của Ngài đã kéo đến đó.

Rồi ngài khiến cho số lượng đông đảo những Ngạ quỷ hiện ra, và dân chúng nhận biết chúng bằng chính mắt của họ. Một số trong bọn chúng thì mang những tấm vải rách rưới và bị xé thành những mảnh rất nhỏ; một số thì có cái gọi là xấu hổ, được che phủ chỉ bằng tóc của chính chúng mà thôi; trong khi một số khác thì trần truồng như ngày chúng sanh ra, bị đói và khát, với da và những tấm thân của chúng teo tóp đến nỗi chỉ còn xương, đi vất vưởng chỗ này chỗ kia. Rồi đức Thế Tôn thị hiện những năng lực thần thông của Ngài để tất cả Ngạ quỷ hội họp trong cùng một chỗ, và công bố với dân chúng những ác nghiệp mà chúng tạo nên:

Những vị kiết tập Tam Tạng nói lên câu kệ này để giải thích vấn đề:

6. "Những Ngạ quỷ, một số mặc những giẻ rách, số khác che người bằng tóc của chúng, khi đi khắp để kiếm thực phẩm, ra đi các hướng.

7. Một số chạy đi cách xa nhưng đã quay lại vì không kiếm được gì, đói, mệt lả, bước đi lảo đảo và chìm xuống trong đất.

8. Và một số mà ngã quỵ xuống ở đó, khi chìm xuống trong đất, bị hành hạ tựa như bởi ngọn lửa vì đã không làm việc phước nào trong quá khứ, chúng nói rằng:

9. "Trong quá khứ, chúng ta là những người vợ và những người mẹ trong những gia đình tốt, nhưng lại có tánh ác; dầu những vật thí ở trong tầm tay, nhưng chúng ta đã không làm chỗ nương tựa cho chính chúng ta.

10. Dầu có nhiều đồ ăn và thức uống, nhiều đến nỗi nó bị quăng đi, tuy nhiên chúng ta chẳng cho gì đến những người mà đã chứng đạt Pháp cao tột, đến những bậc đã xuất gia.

11. Chỉ muốn làm điều gì mà không nên làm, lười biếng, muốn những cái ngọt ngào và tham ăn, chúng ta là những người cho những miếng, những cục và mắng nhiếc những người thọ lãnh.

12. Những căn nhà, những người hầu ấy và những vật trang sức ấy của chúng ta - bây giờ những thứ này được thọ hưởng bởi những người khác, trong khi số phận của chúng ta là đau khổ".

13. Họ sẽ là những người làm thúng mà bị coi khinh và những người làm xe quỷ quyệt, họ sẽ là những chiên đà la chịu khó khăn lớn, và thỉnh thoảng làm những người hầu tắm.

14. Bất cứ gia đình nào thấp kém và chịu khó khăn lớn; chỉ riêng trong số những người này họ sẽ sanh vào, đây là số phận của những người bỏn sẻn.

15. Trong khi những người bố thí, không bỏn sẻn, trong quá khứ đã làm những việc thiện, sẽ làm sung mãn thiên giới và làm sáng rực Nandana.

16. Khi họ đã vui chơi trong cung điện Vejayanta và làm hài lòng tất cả những ước muốn của họ, họ sẽ sanh lên có địa vị cao trong những gia đình giàu có khi họ mạng chung ở cõi ấy.

17. Trong căn nhà có tháp nhọn và trong các cung điện, trên chiếc giường được trải bằng lông cừu dài, với những chi thể của họ được quạt bởi những người cầm chiếc quạt bằng lông của con chim công, họ sanh đến một gia đình như vậy, biết rõ tất cả những tiện nghi của họ.

18. Được trang điểm, họ sống trong vòng tay của nhiều người, mang những tràng hoa; những vú nuôi hầu hạ họ vào buổi sáng và buổi chiều, cố gắng làm cho họ thư thái.

19. Nandana thanh bình và hấp dẫn này là khu vườn lớn của cõi Tam thập, Tam thiên, chỉ dành riêng cho những người đã làm những việc phước, không phải dành cho những người mà chưa làm những việc phước.

20. Đối với những người mà chưa làm những việc phước thì không có hạnh phúc trong đời này và đời sau; trong khi đó, đối với những người mà đã làm những việc phước thí thì có hạnh phúc ngay tại đây và cả mai sau nữa.

21. Nhiều việc thiện nên làm đối với những người muốn thân cận với họ, vì những người làm những việc phước sẽ được của cải và sự vui sướng trong cõi chư thiên.

Khi những Ngạ quỷ ấy đã cho biết chung chung như vậy về số phận của những nghiệp được làm bởi chúng và số phận của những việc phước, đức Thế Tôn bèn thuyết pháp một cách chi tiết, thích hợp với những căn tánh của những người đã hội họp ở đó, dẫn đầu là vị quan đại thần Koliya, có tâm đã được làm xúc động nhờ thời pháp ấy. Vào lúc kết thúc của thời pháp này, tuệ quán sanh lên trong Tám mươi bốn ngàn chúng sanh.

*

III.2 QUỶ SỰ VỀ SĀNUVĀSI (SĀNUVĀSI PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Vị Trưởng lão của thành phố Kuṇḍi".

Pháp thoại này được thuyết giảng khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Veḷuvana, liên quan đến những quyến thuộc quá vãng của Trưởng lão đáng kính Sānuvāsi.

Tương truyền rằng đã lâu trong quá khứ, tại Ba-la-nại, đứa con trai của vua Kitava đang trở về sau khi vui chơi ở một chỗ vui chơi nọ trong vườn ngự uyển, khi ấy vị ấy trông thấy vị Phật Độc Giác Sumetta đang rời khỏi thành phố sau khi đã khất thực trở về. Say sưa với ngã mạn về uy quyền và bị ô nhiễm trong tâm, vị ấy suy nghĩ, "làm sao mà tên đầu trọc ấy dám đi qua mà không chào ta!" Hoàng tử xuống khỏi lưng voi và, khi vị ấy nói với Ngài rằng, "Ta tự hỏi không biết ngươi có kiếm vật thực gì không?" Vị

ấy giựt cái bát khỏi tay của ngài, ném nó xuống đất và làm vỡ nó. Rồi trêu chọc Ngài khi Ngài đứng như thế nhìn với lòng thanh tịnh, mắt nhìn xuống, thanh thoát, an nhàn và tràn ngập lòng bi mẫn, không bị nhiễu loạn vì đã đạt đến pháp chứng như thực trong tất cả mọi tình huống. Hắn bỏ đi và nói lời hiểm độc do tánh độc ác được đặt không đúng chỗ của hắn, "Ê! ngươi không biết rằng ta là con trai của vua Kitava chăng? Ngươi có thể làm gì đến ta mà chỉ đứng nhìn như thế?" Nhưng ngay khi hắn đang bỏ đi thì một sức nóng mãnh liệt phát lên trong người của hắn giống như sức nóng của ngọn lửa địa ngục. Với thân bị hành hạ dữ dội, bị những cảm thọ đau đớn cùng cực, hắn chết và sanh trong Đại Địa ngục Avīji. Ở đó, hắn bị luộc trong tám mươi bốn ngàn năm khi hắn đứng quay quanh trong nhiều cách, khi thì xoay bên phải, khi thì xoay về bên trái, khi thì ngẩn mặt lên và cúi mặt xuống. Rồi khi hắn mạng chung ở cõi đó, hắn lại chịu khổ đói và khát v.v... trong thời gian vô hạn định ở cõi Ngạ quỷ. Khi hắn mạng chung từ cõi ấy, hắn lại tái sanh trong ngôi làng của những người chài lưới gần thành phố Kuṇḍi trong suốt thời gian của đức Phật này. Có sanh đến cho hắn khả năng nhớ lại những kiếp quá khứ. Khi nhớ lại bằng phương tiện này về nỗi thống khổ mà trước kia hắn đã chịu trong quá khứ thì hắn thường không đi, do sợ những ác nghiệp là bắt cá chung với những quyến thuộc của hắn, cho dù hắn đã trưởng thành. Khi họ đang đi thì hắn lại trốn vì không muốn giết cá. Trong khi hắn đi thì hắn làm hư những cái lưới hoặc nắm lấy những con cá còn sống và thả chúng xuống nước. Những quyến thuộc của hắn, không tán thành những hành động của hắn, đã tống cổ hắn ra khỏi nhà của họ. Tuy nhiên, một người anh của hắn lại đem lòng thương hại hắn. Bấy giờ vào thời ấy, Đại Đức Ānanda đang ngụ ở trên núi Sānuvāsin gần thành phố Kuṇḍi và đứa con trai của người chài lưới ấy mà đã bị phủ nhận bởi những quyến thuộc của anh ta, đang đi rảo quanh ở chỗ này chỗ nọ, rồi đến tại chỗ ấy và đi đến Trưởng lão vào lúc Ngài đang thọ thực. Khi Trưởng lão hỏi anh ta, thì Ngài nhận ra rằng anh ta cần vật thực, bèn cho anh ta một bữa ăn và, khi bữa ăn đã xong, Trưởng lão biết ra toàn thể vấn đề. Khi Trưởng lão biết rằng, chỉ cần một thời Pháp mà anh ta đã có lòng tịnh tín trong tâm, bèn hỏi rằng, "anh có muốn xuất gia không, này anh bạn?" Anh ta bèn đáp lại rằng, "Vâng, thưa Ngài, con muốn xuất gia". Khi Trưởng lão đã cho anh ta xuất gia thì Ngài đi với anh ta đến trước mặt Bậc Đạo sư. Rồi Bậc Đạo sư nói với Trưởng lão rằng: "Này Ānanda, ngươi có lòng thương tưởng đối với vị sadi này". Bởi vì vị sadi chưa làm việc thiện nào nên vị ấy sẽ nhận được ít ỏi vật thực; bởi vậy, Bậc Đạo sư, để giúp đỡ anh ta, bèn khuyên anh ta hãy châm đầy những hũ nước để chư Tăng dùng. Khi trông thấy điều này thì thiện tín bèn cung cấp thường xuyên cho anh ta nhiều vật thực. Đến đúng lúc anh ta thọ Đại giới và chứng đắc đạo quả A-la-hán và sau khi trở thành một vị Trưởng lão, trú ngụ ở trên núi Sānuvāsin cùng với mười hai vị Tỳ khưu. Dầu có đến năm trăm quyến thuộc của anh ta, do không tích lũy những thiện nghiệp và chỉ tích lũy những ác nghiệp như lòng bỏn sẻn v.v..., họ đã chết và tái sanh trong cõi Ngạ quỷ. Tuy nhiên, mẹ và cha của anh ta lại không chịu đi đến trưởng lão, bởi vì họ lúng túng khi nghĩ rằng, "Đây là người mà trước kia chúng ta đã quăng ra khỏi nhà của chúng ta", bèn sai người anh đi - là người mà đã có lòng thương tưởng Sānuvāsin. Người kia hiện ra cho thấy khi Trưởng lão đi vào làng khất thực; khi quì bằng đầu gối phải ở trên đất

và chấp tay đảnh lễ, Ngạ quỷ nói những câu kệ bắt đầu bằng, "Bạch Ngài, cha mẹ của Ngài". Tuy nhiên năm câu kệ bắt đầu bằng "vị Trưởng lão của thành phố Kuṇḍi v.v..." được lồng vào bởi những vị kiết tập Tam tạng, với mục đích cho thấy văn cảnh của chúng:

1. "Vị Trưởng lão của thành phố Kuṇḍi, là người sống ở trên núi Sānuvasin tên là Poṭṭhapāda, là một vị Sa-môn, các căn đã được tu tập.

2. Mẹ, cha và anh của vị ấy đã đi đến kiếp sống đau khổ trong cõi Yama (Diêm vương). Khi đã làm những ác nghiệp, họ đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ.

3. Rơi vào kiếp sống đau khổ, bị kim chích vào mình, mệt mỏi, trần truồng và gầy ốm, kinh sợ, ở trong tình trạng khiếp đảm lớn và có bàn tay dính đầy máu, chúng thường không để lộ chính mình.

4. Người anh của vị ấy, sửng sờ, trần truồng và một mình ở trong một con hẻm, cong xuống đất ở cả bốn chỗ, lộ hình ra ở trước mặt của Trưởng lão.

5. Nhưng Trưởng lão không quan tâm và đi qua trong im lặng; bởi vậy, nó báo cho Trưởng lão biết rằng, "Tôi là anh của Ngài, đã sanh làm một Ngạ quỷ.

6. Thưa Ngài, mẹ và cha của Ngài đã đi vào kiếp sống đau khổ của Yama. Khi đã làm những ác nghiệp, họ đã đi khỏi đây và đến cõi của những Ngạ quỷ.

7. Khi đã đi đến kiếp sống đau khổ, bị kim chích mệt mỏi, trần truồng và gầy ốm, kinh sợ, bị kinh hãi lớn và có bàn tay dính máu, họ không chịu hiện ra.

8. Ngài có lòng thương xót, hãy thương xót. Khi Ngài đã bố thí, hãy hồi hướng cho chúng tôi; vì chính do những vật thí đã được cho ra bởi Ngài mà những kẻ có bàn dính máu được nuôi sống".

Rồi những vị kiết tập Tam Tạng đọc những câu kệ này để cho thấy cách hành động được thực hiện bởi Trưởng lão, khi vị ấy nghe qua điều này.

9. "Khi Trưởng lão và mười hai vị Tỳ khưu đã đi khất thực, họ hội họp ở cùng một chỗ với mục đích san sẽ bữa ăn.

10. Trưởng lão nói với tất cả họ rằng, "Hãy cho đến tôi cái đã được thọ lãnh; tôi sẽ đổi nó thành bữa ăn cho chư Tăng vì lòng bi mẫn đối với quyến thuộc của tôi."

11. Họ trao nó cho Trưởng lão và Trưởng lão mời chư Tăng. Khi đã cho ra, Trưởng lão bèn hồi hướng phước thí ấy đến cho mẹ, cha và anh của Ngài khi nói rằng, "xin cho phước thí nầy dành cho những quyến thuộc của tôi, xin những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc".

12. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì vật thực hiện ra, sạch sẽ, hảo hạng, được khéo sửa soạn, và được thêm gia vị bằng nhiều loại hương vị, nhân đó người anh của vị ấy hiện ra, đẹp trai, mạnh khoẻ và an vui, khi nói rằng, "vật thực này có nhiều, thưa ngài, nhưng xem ra chúng tôi vẫn còn trần truồng. Thưa Ngài, xin hãy tự mình cố gắng bằng cách nào đó để chúng tôi có thể có được những y phục".

14. Trưởng lão lượm về tất cả những miếng vải từ những đống rác. Khi vị ấy đã biến những miếng vải thành một chiếc y, vị ấy cho nó đến chư Tăng từ bốn phương.

15. Khi đã cho rồi, Trưởng lão bèn hồi hướng nó cho mẹ, cha anh của Trưởng lão, khi nói rằng, "Xin cho phước thí này thấu đến những quyến thuộc của tôi. Xin cho những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc."

16. Ngay khi vị ấy hồi hướng những phước thí này thì những y phục hiện ra, nhân đó người anh của vị ấy, ăn mặc những y phục xinh đẹp, hiện ra trước mặt Trưởng lão. Khi nói rằng:

17. "Nhiều y phục như ở trong toàn cõi của Vua Nanda. Còn nhiều hơn thế nữa, thưa Ngài, là những y phục và những đồ trải của chúng tôi.

18. Bằng vải lụa và vải len, vải lanh và vải bông. Chúng có nhiều và đắt giá, chúng còn thòng xuống từ trên trời.

19. Và chúng tôi chỉ mặc vào cái chúng tôi ưa thích. Xin hãy tự cố gắng, thưa Ngài, bằng cách nào đó để chúng tôi có thể có được nhà ở.

20. Khi Trưởng lão đã dựng lên một thảo am, vị ấy dâng nó đến tứ phương Tăng. Khi đã cho rồi, Trưởng lão hồi hướng phước ấy cho mẹ, cha và anh của Ngài khi nói rằng: "Xin cho những phước thí này thấu đến những quyến thuộc của tôi. Xin cho những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc!"

21. "Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì những căn nhà hiện ra - những nhà ở có tháp nhọn được chia ra thành những ngăn đều nhau.

22. Cái giống như những căn nhà của chúng tôi ở đây thì không được tìm thấy trong nhân loại; những căn nhà như của chúng tôi ở đây giống như những căn nhà được tìm thấy trong cõi chư thiên.

23. Chói lọi, chúng chiếu sáng khắp bốn hướng. Xin hãy tự mình cố gắng, thưa Ngài, bằng cách nào đó để chúng tôi có thể có được nước".

24. Khi Trưởng lão đã chăm đầy một lu nước, Ngài cho nó đến Tứ phương Tăng. Khi đã cho rồi, Trưởng lão bèn hồi hướng nó đến mẹ, cha và anh của Ngài khi nói rằng "Xin cho phước thí này thấu đến quyến thuộc của tôi! Xin cho những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc!"

25. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này, thì nước hiện ra; những hồ sen khéo hiện bày sâu và có bốn góc, khéo hiện bày.

26. Với nước trong vắc và những bờ hồ xinh đẹp, mát và thơm ngát, được che phủ bằng hoa sen và hoa súng, nước có đầy những phấn sen.

27. Khi họ đã tắm và uống nước trong đó, họ lại hiện ra trước mặt của Trưởng lão, khi nói rằng, "Nước này có nhiều, thưa Ngài, nhưng những bàn chân của chúng tôi bị nứt nẻ đau đớn.

28. Khi dạo đi đây đó, chúng tôi đi khập khiểng trên sỏi và trên cỏ Kusa có gai nhọn. Xin hãy tự mình cố gắng, thưa Ngài, bằng cách nào đó để chúng tôi có thể có đủ phương tiện đi lại".

29. Khi Trưởng lão đã có được một đôi giày, vị ấy bèn dâng nó đến tứ phương Tăng. Khi đã cho rồi, Trưởng lão bèn hồi hướng phước thí này đến cha mẹ và anh của vị ấy khi nói rằng, "Xin cho phước thí này đến những quyến thuộc của tôi! Xin cho những quyến thuộc của tôi được hạnh phúc!"

30. Ngay khi vị ấy hồi hướng phước thí này thì những Ngạ quỷ đi đến bằng xe kéo, khi nói rằng, "Thưa Ngài, Ngài đã thể hiện lòng bi mẫn bằng vật thực và y phục này,

31. Nhà này và vật thí về nước uống - cả những cái này và vật thí về xe này. Thưa Ngài, chúng tôi đã đến để đảnh lễ bậc hiền trí có lòng bi mẫn đối với Thế gian".

Trưởng lão nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên khi nói rằng, "cũng giống như những Ngạ quỷ ở đây, cũng vậy trong kiếp sống ngay trước của ngươi, ngươi cũng đã làm một Ngạ quỷ chịu nhiều thống khổ", và khi được thỉnh cầu bởi Trưởng lão, Ngài bèn kể lại quỷ sự sợi chỉ và thuyết giảng chánh pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó. Khi đã nghe qua thời pháp này, dân chúng, đầy xúc động, trở nên có những xu hướng về những việc phước như bố thí v.v...

*

III.3 TẠO XA QUỶ SỰ (RATHAKĀRA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Có cột bằng ngọc bích, rực rỡ, chiếu sáng".

Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Savatthi, liên quan đến một nữ Ngạ quỷ nọ.

Tương truyền rằng cách đây đã lâu, trong thời của đức Thế Tôn Kassapa, có một người đàn bà nọ có hạnh kiểm tốt và tìm thấy đức tin trong giáo pháp do sự thân cận với bạn lành. Nàng dựng lên một chỗ ngụ, trông rất khả ái, được khéo làm cân đối bằng những bức vách có trang hoàng, những cột trụ, những bậc thang và nền nhà. Nàng thỉnh các vị Tỳ khưu ngồi ở đó, dâng cúng vật thực thượng vị đến các Ngài và dâng thảo am đó đến chúng Tỳ khưu. Đúng lúc nàng chết và, do bởi nghiệp ác khác biệt, nàng sanh làm một Vimānapetī gần hồ Rathakāra ra trên vùng Himālaya, chúa của các núi. Do năng lực của thiện nghiệp về việc bố thí ấy đến chư Tăng nên có sanh lên, ở giữa hồ ao, và được trang sức bởi lạc viên như Nandana, một cung điện cao vút được làm toàn bằng những báu vật, và ở tất cả các mặt thì cực kỳ hấp dẫn, mê ly và khả ái, trong khi chính nàng thì có nước da màu vàng ròng, trông xinh đẹp khả ái và hấp dẫn lạ thường. Nàng sống ở trong đó, hưởng sự vinh quang của chư thiên, nhưng cô đơn chẳng có người nam nào. Bất mãn sanh lên trong nàng vì sống mà không có người đàn ông nào trong trong thời gian lâu dài ấy. Nàng trở nên bất mãn và suy nghĩ rằng, "Ta sẽ bày một mẹo!", Nàng thả vào trong con sông một số xoài chín của chư thiên. Mọi chuyện nên được hiểu theo cùng cách như đã được kể lại trong quỷ sự Kaṇṇnamuṇḍa. Tuy nhiên ở

đây, một chàng trai là dân cư của thành Ba-la-nại, trông thấy một trong những trái xoài ấy ở trong sông Hằng. Đến đúng lúc, anh ta lên đường để tìm kiếm xem nó từ đâu đến, và trông thấy con sông ấy; và bằng cách đi theo con sông này, đã đến tại chỗ ngụ của nàng. Khi nàng trông thấy anh ta nàng bèn dẫn anh ta vào trong chỗ ngụ của nàng, đón chào anh ta và mời anh ta ngồi. Khi trông thấy sự thù thắng của nàng, anh ta bèn nói lên những câu kệ này để dò hỏi về nó:

1. "Có cột bằng ngọc bích, lấp lánh, rực rỡ và có vô số những bức tranh, đó là cung điện mà nàng đã trú ngự rực rỡ và nàng nghỉ ở đó, hỡi Devī có đại oại lực, trông như ánh trăng rằm.

2. Và nước da của nàng giống như vàng tan chảy, tướng mạo chói sáng của nàng trông vô cùng khả ái, nhưng nàng lại ngồi một mình trên chiếc giường vinh quang vô song của nàng, xem ra nàng không có chồng.

3. Và nàng có những hồ sen này ở khắp bốn hướng, có nhiều hoa, với nhiều hoa sen và hoàn toàn được trải lên bằng bụi vàng; bùn và bèo tấm thì không được biết đến ở đó.

4. Những con thiên nga trông khả ái và dễ thương, lội quanh ở trên mặt nước luôn khi và kéo đàn với nhau, tất cả chúng đều duyên dáng, hót với giọng thanh tao như những tiếng trống định âm.

5. Chói sáng, lộng lẫy trong sự vinh quang của nàng, nàng nằm tựa lưng trong chiếc thuyền của nàng, với đôi mi rậm, vui vẻ và giọng nói khả ái; tay chân nỏn nà, nàng vô cùng rực rỡ.

6. Cung điện này không có tỳ vết và đứng ngang bằng; có những công viên làm tăng thêm sự vui thích và khoái lạc của nàng. Hỡi công nương có sắc đẹp tột bậc, ta ước rằng ta có thể vui hưởng với nàng ở đây giữa khoái lạc nầy".

Khi chàng trai đã nói như vậy, thì nàng Vimānadevatā, để trả lời vị ấy, bèn nói câu kệ này:

7. "Hãy làm một công việc để được thọ hưởng ở đây và hãy khiến cho tâm của chàng thiêng về đây, khi chàng đã làm một việc để được ở đây như vậy, chàng sẽ được xem là người làm thoả mãn tất cả mọi ước muốn của chàng.

Khi chàng trai đã nghe điều mà tiên nữ đã phải nói ra, vị ấy bèn rời khỏi chỗ ấy, đến những con đường nhân loại, vị ấy giữ tâm chuyên chú vào những chỗ ấy và thực hành những việc phước thích hợp và chẳng bao lâu sau, khi mạng chung, tái sanh ở đó, cọng trú với Petī ấy. Những vị Kiết tập Tam Tạng đã nói lên câu kệ kết thúc để giải thích vấn đề.

8. Vị ấy đã đồng ý với nàng khi nói rằng: "Tốt lắm" và làm các việc phước để được sống ở đó; khi đã tích luỹ thiện nghiệp để sống ở đó, chàng trai tái sanh cọng trú với nàng.

Khi họ đã hưởng sự vinh quang của chư Thiên ở tại đó trong một thời gian dài, vị thiện nam chết do hết phước của nghiệp ấy, nhưng nàng tiên nữ thì vẫn còn sống ở đó trong một trung gian Phật thời do phước của nàng đã gieo vào mảnh ruộng đó. Rồi khi đức

Thế Tôn của chúng ta đã xuất hiện trong thế gian và đã lăn bánh xe chánh pháp, và đến đúng lúc đang trú ngụ ở Jetavana, Đại Đức Moggallana vào một hôm nọ, khi đang đi trên những ngọn núi, trông thấy cung điện của nàng Vimānapetī ấy và hỏi nàng những câu kệ bắt đầu bằng: "có một trụ bằng ngọc bích, lấp lánh, rực rỡ..." Nàng bèn thuật lại biến cố ấy với Ngài ngay từ đầu, và khi đã nghe qua điều này, Trưởng lão bèn đi đến Sāvatthi và nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng chánh Pháp cho hội chúng đã tụ họp ở đó. Khi đã nghe qua Pháp thoại này, dân chúng đã thực hành những việc phước như bố thí v.v... Và trở nên có sự ưa thích với chánh Pháp.

*

III.4 QUỶ SỰ VỀ TRẤU (BHUSAPETVATTHU)

"Một người thì sáng kiến trong khi lại một người khác".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Sāvatthi, liên quan đến bốn Ngạ quỷ.

Tương truyền rằng tại một ngôi làng nọ không cách xa thành Sāvatthi, có một người thương buôn bất lương nọ, kiếm sống bằng nghề đong lường gian dối v.v... Ông ta thường lấy một ít võ trấu, trộn thêm đất sét nâu để làm tăng thêm trọng lượng và rồi trộn cái này với lúa đỏ mà ông ta bán ra khi ấy. Đứa con trai của ông ta trở nên tức giận khi nghĩ rằng, "ông ta đã không hành động một cách đáng kính đối với những bạn bè của ta và những người tốt bụng của ta khi họ đi đến nhà". Và chộp lấy miếng da lót cái ách đánh một cái vào đầu mẹ của anh ta. Đứa con dâu của ông thì ăn

bằng cách lấy trộm thịt được dự định cho tất cả và khi được gọi đến một lần nữa bởi họ, để giải thích sự kiện, chính nàng đã thề rằng, "nếu thịt ấy được ăn bởi tôi, thì xin cho tôi ăn thịt sau khi móc ra từ cái lưng của tôi kiếp nầy đến kiếp khác". Vợ của ông ta nói với những người đến xin những phương tiện kiếm sống rằng không có gì cả, và khi bị nài ép bởi họ, bà ta thề bằng cách nói dối rằng, "Nếu có một cái gì đó mà tôi lại nói là không có gì thì xin cho tôi kiếm ăn bằng phẩn ở bất cứ chỗ nào mà tôi sanh ra!"

Đến đúng lúc, bốn người này chết và sanh làm Ngạ quỷ trong khu rừng Viñjha. Ở đó, người thương buôn bất lương, do quả của những ác nghiệp của ông ta, thường cầm trấu cháy đỏ ở cả hai tay và rải nó ở trên đầu của ông ta và do vậy phải chịu đau khổ lớn. Đứa con trai của ông ta thường tự làm bể cái đầu của chính mình bằng những cái búa sắt và chịu đau đớn không xiết kể. Nàng dâu của ông ta, do quả những ác nghiệp của nàng, chịu đau đớn vô hạn vì phải ăn lấy thịt mà nàng móc ra liên tục từ cái lưng của nàng bằng móng tay lớn, rất dài và bén của nàng. Trong khi đó, ngay sau khi bữa ăn bằng cơm sạch và thơm mà những hạt gạo đen đã được lấy đi từ đó, được dâng đến cho vợ của ông ta thì nó trở thành phẩn có mùi hôi thối và ghê tởm; bị làm thủng lỗ chỗ bởi nhiều loại sâu, bà ta thường nắm chắc phẩn ấy bằng hai bàn tay và cảm thọ đau khổ lớn khi ăn lấy nó.

Bấy giờ, khi bốn người này đã sanh trong cõi Ngạ quỷ và đang chịu đau khổ lớn thì Đại Đức Moggallāna, khi đang đi dạo quanh những ngọn núi vào một ngày nọ, đi đến tại chỗ ấy và trông thấy chúng. Trưởng lão dò hỏi những nghiệp mà chúng đã tạo bằng câu kệ này:

1. "Một người thì cầm trấu trong tay trong khi có người nữa; và người đàn bà này thì ăn thịt và máu của chính mình; còn ngươi thì ăn phẩn dơ dáy và gớm ghiếc - đây là kết quả của nghiệp nào?"

Khi Trưởng lão đã dò hỏi như vậy về những ác nghiệp mà chúng đã làm, người vợ của vị thương nhân bất lương khi ấy bèn nói những câu kệ này để giải thích những nghiệp được làm bởi tất cả họ:

2. Người này trong quá khứ đã làm hại mẹ của mình, trong khi người này là một vị thương nhân bất lương. Người này ăn thịt và dối gạt bằng sự nói dối.

3. Về phần tôi khi còn ở dương thế, tôi là một người vợ nhà và là nữ gia chủ của toàn thể gia đình. Dầu ở trong tầm tay, tôi đã giấu cái này và chẳng cho đến một ai một miếng nào của cái này, tự che đậy mình bằng cách nói dối rằng, " không có cái gì trong ngôi nhà này cả; nếu có mà tôi đã đem giấu thời xin cho vật thực của tôi sẽ là phẩn!".

4. Chính do kết quả của nghiệp ấy và do bởi sự kiện rằng tôi đã nói dối nên bữa ăn bằng gạo thơm này biến thành phẩn dành cho tôi.

5. Các nghiệp không phải không có quả, cũng chẳng có nghiệp nào tiêu diệt, vì tôi phải ăn và uống phẩn có những con dòi và có mùi hôi thối này.

Khi Trưởng lão đã nghe qua điều mà Petī ấy đã phải nói ra, vị ấy nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy nó làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết Pháp cho hội chúng đã hội họp ở đó. Thời pháp đó đem lại lợi ích cho những người ấy.

*

III.5 TIỂU NHI QUỶ SỰ (KUMĀRA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Trí tuệ của đấng Thiện Thệ thật vi diệu".

Đây là Tiểu nhi quỷ sự. Câu chuyện ấy xuất phát như thế nào?

Tương truyền rằng tại thành Sāvatthi có nhiều thiện tín tự tổ chức thành một nhóm Phật tử và đã dựng lên ở trong thành phố ấy một phước xá lớn và trang hoàng nó bằng những tấm vải có đủ màu sắc. Vào lúc sáng sớm, họ thỉnh Bậc Đạo sư và chư Tăng đến và thỉnh chư Tăng có đức Phật dẫn đầu ngồi trên những chỗ ngồi được trải bằng những tấm khăn trải đắc giá, có phẩm chất cao nhất, cúng dường các Ngài những vật thơm và những bông hoa v.v... và tổ chức một cuộc lễ cúng dường long trọng. Khi trông thấy cảnh này thì một người đàn ông nọ, có tâm bị che ám bởi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn, không thể chịu đựng sự cúng dường như vậy, bèn nói rằng, "Thật tốt hơn tất cả nếu những thứ này được mang vào trong đống rác còn hơn là cho đến những tên đầu trọc nầy". Khi nghe qua điều này thì những thiện tín, tâm của họ bị xúc động, bèn suy xét rằng, "Quả thật trầm trọng thay ác nghiệp đã sanh lên trong người đàn ông bằng điều

mà ông ta xúc phạm đến chư Tăng có đức Phật dẫn đầu". Họ thuật lại vấn đề ấy với mẹ của anh ta và nói rằng, "Bà nên đi và sám hối đức Thế Tôn và những thinh văn đệ tử của Ngài". "Tốt lắm", bà ta đồng ý và khi đã quở trách đứa con trai của bà ta, đe doạ hắn, bà đi đến đức Thế Tôn và chúng Tỳ khưu và sám hối, thú nhận điều lầm lỗi mà con trai của bà đã vị phạm, và cúng dường đức Thế Tôn và chư Tăng trong bảy ngày bằng những vật thí có món cơm dẻo.

Chẳng bao lâu sau, đứa con trai của bà ta chết và sanh vào trong bào thai của một cô gái điếm sống bằng những việc làm nhơ bẩn. Bấy giờ nàng nhận ra rằng nó là một đứa con trai ngay khi nó vừa sanh ra và sai người bỏ nó trong bãi tha ma. Nó nằm ở đó, được bảo vệ bởi năng lực của những việc phước của nó và, không bị quấy rầy bởi ai cả, ngủ an vui tựa như trong lòng mẹ của hắn. Người ta nói rằng những những vị chư Thiên đã bảo vệ hắn. Rồi khi đến rạng sáng, đức Thế Tôn đã xuất khỏi đại bi định và đang dò xét thế gian bằng Phật nhãn của Ngài, Ngài trông thấy đứa bé bị bỏ hoang trong bãi tha ma và vào lúc mặt trời mọc, đi đến bãi tha ma ấy. Dân chúng kéo đến khi nói rằng, "Bậc Đạo sư đã đến đây; chắc Ngài có mục đích nào đó ở đây". Đức Thế Tôn nói với hội chúng đã hội hợp ở đó rằng, "đứa bé này không nên bị coi thường; cho dù bây giờ nó bị bỏ trong bãi tha ma này trong trạng thái bơ vơ, nhưng trong tương lai nó sẽ được sự thù thắng cao tột cả trong đời sống này và cả trong đời sống mai sau". Được hỏi bởi những người ấy, "Bạch đức Thế Tôn, nó đã làm nghiệp gì trong kiếp quá khứ"; Ngài bèn giải thích nghiệp mà đứa bé đã làm và sự vinh quang mà nó sẽ đạt được trong tương lai, bằng những câu kệ bắt đầu rằng:

"Vinh dự cao tột đang được thể hiện bởi dân chúng đến chư Tăng có đức Phật dẫn đầu trong khi người kia thì có sự lầm lẫn trong tâm và có lời nói lời thô lỗ, những lời nói khiếm nhã".

Ngài thuyết giảng chánh pháp thích hợp với những căn tánh của chúng sanh đang hội họp ở đó và sau đó thuyết diệu pháp mà chính chư Phật đã giác ngộ (khổ, tập, diệt, đạo). Vào lúc kết thúc của thời Pháp ấy, tuệ quá sanh lên trong tám mươi bốn ngàn chúng sanh. Và trước mặt đức Thế Tôn một người đàn ông giàu có, có đến tám mươi koṭi, đã nhận nuôi đứa bé khi nói rằng, "Nó sẽ là con của tôi." Đức Thế Tôn nói rằng, "Đứa bé này được bảo vệ bởi tài sản lớn như vậy và được sự giúp đỡ của mọi người". Và Ngài đi về tinh xá, và đúng lúc, khi người đàn ông giàu có chết, cậu ta kế thừa tài sản được để lại bằng di chúc của ông ta và khi tổ chức công việc trong gia đình, cậu ta trở thành một gia chủ có tài sản lớn trong cùng thành phố ấy và hăng say làm những việc phước như bố thí v.v... Rồi một hôm nọ, các vị Tỳ khưu bắt đầu bàn luận với nhau trong giảng đường chánh pháp rằng, "Quả thật kỳ diệu thay về lòng bi mẫn của Bậc Đạo sư đối với chúng sanh; Đúng vậy, ngay cả đứa bé ấy là kẻ mà lúc bấy giờ đang ở trong trạng thái bơ vơ nay lại thọ hưởng sự vinh quang vĩ đại và đang thực hành những việc phước cao cả".

Khi nghe qua điều này, Bậc Đạo sư trả lời rằng, "Này các Tỳ khưu, sự vinh quang của cậu ta không chỉ bấy nhiêu đâu; vì quả thật vậy, vào lúc thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ tái sanh làm con của Sakkha, vua của chư thiên, trong cõi ba mươi ba và được sự vinh

quang lớn của chư Thiên.". Khi nghe qua điều này, các vị Tỳ khưu và dân chúng bèn tán dương trí tuệ vô song của Bậc Đạo sư, người ta nói rằng, "khi đức Thế Tôn toàn tri trông thấy điều cần được làm thì Ngài đi đến đó, giúp

đỡ người mà đã bị bỏ đi trong bãi tha ma hôi hám ấy ngay khi cậu ta mới sanh ra", và nói về biến cố liên quan đến người ấy trong suốt cuộc đời của họ. Những vị kết tập Tam tạng nói những câu kệ để giải thích vấn đề này:

1. "Trí tuệ của đức Thiện Thệ thật vị diệu. Bậc Đạo sư đã trả lời theo cá nhân: Dầu có tràn đầy phước báu nhưng có người trở thành hạ sanh, trong khi dầu có phước báu giới hạn nhưng có người lại trở nên cao quý.

2. Đứa bé này bị bỏ rơi trong bãi tha ma, vẫn sống suốt đêm bằng sự ẩm ướt của ngón tay cái. Chẳng phải những quỷ Dạ Xoa hay những loài bò sát mà có thể quấy rầy đứa bé, là một người đã làm những việc phước rồi.

3. Tuy nhiên, những con chó liếm chân của nó trong khi những con quạ và những con giả can thì vây quanh nó; những đàn chim lấy đi những thứ nhơ uế của sự sanh con, trong khi những con quạ thì lấy đi ghèn từ con mắt của nó.

4. Không ai đem đến cho nó sự bảo vệ, cũng chẳng cho nó thuốc men hay sự hun khói bằng hạt cải, họ cũng chẳng chú ý những sự liên kết của các vì sao hay thậm chí rải ra tất cả những hạt ngũ cốc.

5. Bị rơi vào trong trạng thái khốn khổ như bị mang đi vào lúc ban đêm và bị bỏ rơi trong bãi tha ma và, run rẩy như khúc bơ tươi, đời sống không chắc chắn, tuy nhiên vẫn tồn tại.

6. Người được chư Thiên cung kính và loài người trông thấy vị ấy; vừa khi trông thấy nó, bậc Vô thượng tri bèn công bố rằng, "Đứa bé này sẽ thành người thuộc gia đình cao cả nhất của thành phố này do bởi tài sản của nó".

7. "Nó đã thọ trì điều gì, bấy giờ phạm hạnh của nó là gì? Do kết quả của thiện hạnh nào khiến sau khi đi đến cảnh ngộ như vậy, nó lại có thể tiếp tục hưởng một tiềm năng như thế này?"

Bấy giờ đức Thế Tôn, khi được hỏi theo cách ấy bởi những thiện tín ấy, bèn trả lời theo đó; những vị kiết tập tam tạng nói lên bốn câu kệ để chứng minh điều này.

8. Mọi người đang thể hiện sự tôn kính cúng dường cao tột đến chư Tăng có đức Phật dẫn đầu, trong khi cậu ta thì có sự lầm lạc trong tâm và nói những lời thô lỗ, khiếm nhã.

9. Khi cậu ta đã loại trừ ý nghĩ ấy và sau đó có được sự hoan hỷ và lòng tịnh tín, cậu ta đã hầu hạ Đức Tathāgata mà đang ngụ ở Jetavana, trong bảy ngày, bằng món cơm dẻo.

10. Đó là sự thực hành của cậu ta, đó là phạm hạnh của cậu ta, đây là kết quả của thiện hạnh ấy, sau khi đã đi đến một cảnh ngộ như vậy, cậu ta có thể đi tiếp để hưởng một tiềm lực như thế này.

11. Sau khi trãi qua cuộc sống hiện tại trong một trăm năm, được cung cấp bằng tất cả mọi điều mong muốn mà vị ấy muốn, vào lúc thân hoại mạng chung, ra đi cọng trú với Vāsava trong cuộc sống kế tiếp".

*

III.6 QUỶ SỰ SERINĪ (SERINĪ PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Ngươi trần truồng và có hình tướng xấu xí".

Pháp thoại này được Bậc Đạo sư thuyết giảng trong khi Ngài đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến nữ Ngạ quỷ Serinī.

Tương truyền rằng tại Hatthinipura, trong vương quốc của những người Kuru, có một cô gái điếm tên là Serinī. Bấy giờ có những vị Tỳ khưu từ chỗ này chỗ nọ kéo đến đó với mục đích làm lễ Uposatha và trở thành một hội chúng đông đảo những vị Tỳ khưu. Khi trông thấy cảnh này, những người dân sửa soạn những vật thí như mè, gạo v.v.... thục tô, bơ tươi và mật ong v.v... và tổ chức một buổi lễ cúng dường lớn.

Bấy giờ vào thời ấy, cô gái điếm ấy chẳng có đức tin hay lòng tịnh tín, và tâm của nàng bị che ám bởi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn. Mặc dù dân chúng đã ra sức thuyết phục nàng khi nói rằng, "Hãy đến và tỏ lòng tùy hỷ của cô với sự bố thí vật thực này!" Nhưng nàng vẫn tỏ ra hoàn toàn không có lòng tịnh tín khi nói rằng, "Có lợi ích gì trong việc bố thí đến những vị Sa-môn trọc đầu này? Tại sao tôi phải cho đi dầu chỉ một vật nhỏ nhặt?" Đúng lúc nàng chết và tái sanh làm một Petī trong một hào rãnh của một thị trấn của biên giới nọ.

Bấy giờ, một thiện nam nọ của vùng Hatthinipura đã đi đến thành phố ấy để buôn bán và trải qua suốt đêm, lúc gần sáng, anh ta đi đến cái hào ấy để làm một công việc nọ. Khi nàng trông thấy anh ta ở đó, nàng bèn nhận ra anh ta và, khi đứng không cách xa, tự hiện ra trần truồng với thân chỉ có da và xương còn lại mà thôi, một cảnh tượng nhờm gớm vô cùng. Khi anh ta trông thấy nàng, anh ta bèn hỏi nàng câu kệ này:

1. "Nàng trần truồng và có hình tướng xấu xí, gầy ốm với những đường gân lộ ra, này kẻ gầy ốm với những xương sườn lộ ra, bây giờ nàng là ai mà đứng ở đây?"

Nàng cũng nói cho anh ta biết về mình bằng câu kệ này:

2. "Thưa ông, tôi là một nữ Ngạ quỷ, đã đi đến kiếp sống đau khổ trong cõi Yama. sau khi đã tạo ác nghiệp, tôi đã ra đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ".

Anh ta bèn hỏi nàng một lần nữa về nghiệp mà nàng đã tạo bằng câu kệ này:

3. "Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi nàng, bằng thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến nàng đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ?"

Và rồi nàng bèn kể cho anh ta nghe về nghiệp mà nàng đã tạo và, thêm nữa, điều cần được làm bởi anh ta để đem lại lợi ích cho nàng, bằng sáu câu kệ này:

4. "Tôi đã kiếm những đồng tiền ở những nơi tắm công cộng; dầu những vật thí ở trong tầm tay nhưng tôi đã không làm chỗ nương tựa cho tôi.

5. Bị khát bỏng, tôi đi đến con sông, nhưng nó trở nên trống rỗng; giữa sức nóng tôi đi đến bóng mát nhưng nó trở nên bị thiêu đốt bởi mặt trời.

6. Và một cơn gió như ngọn lửa thổi lên người tôi, đốt cháy tôi, nhưng tôi đáng bị như thế này, thưa ông. Và sự đau khổ khác còn kinh khủng hơn thế này.

7. Khi ông đi đến Hatthinipura, ông nên nói với mẹ tôi rằng: "tôi đã trông thấy con gái của bà đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama. Sau khi đã làm ác nghiệp, nàng đã đi từ đây đến cõi Ngạ quỷ ".

8. Ở đây, có cái được để dành nhưng không được công bố bởi tôi. Khoảng bốn trăm ngàn ở dưới chiếc giường.

9. Từ món tiền này, bà nên bố thí giùm cho tôi; bà cũng có thể dùng một phần số tiền ấy để cung cấp cho sự nuôi mạng của bà, nhưng khi bà đã cho những vật thí nên hồi hướng phước thí ấy cho tôi; thời tôi sẽ hạnh phúc và có được dồi dào những điều mà tôi muốn."

Khi Petī ấy đã nói như vậy, vị thiện nam liền đồng ý với điều mà nàng đã nói. vị ấy làm xong công việc của mình ở đó, đi đến Hatthinipura và thuật lại vấn đề với mẹ của nàng. Để giải rõ sự kiện này, những vị kiết tập Tam Tạng nói rằng:

10. "Tốt lắm," Vị ấy đồng ý và đi đến Hatthinipura, nói với mẹ của nàng rằng: "Tôi đã trông thấy con gái của bà đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama. Sau khi đã làm ác nghiệp, nàng đã ra đi từ đây đến cõi của những Ngạ quỷ.

11. Khi ấy nàng ra sức thuyết phục tôi khi nói rằng, "ông nên nói với mẹ của tôi rằng, tôi đã trông thấy con gái của bà đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama. Sau khi đã làm ác nghiệp nàng đã ra đi từ đây đến cõi của những Ngạ quỷ.

Ở đây có cái được để lại nhưng không được công bố bởi tôi. Chừng bốn trăm ngàn ở dưới gầm giường.

13. Từ món tiền này, bà nên bố thí vật thực giùm cho tôi, số tiền ấy cũng có thể nuôi mạng cho bà. Và khi bà đã cho ra những vật thí, mẹ của tôi nên hồi hướng phước thí ấy đến cho tôi. Rồi tôi sẽ được hạnh phúc và có dồi dào những gì mà tôi mong ước.

14. Nhân đó bà ta cho ra những vật thí và hồi hướng phước thí ấy đến cho nàng; và Petī ấy được hạnh phúc và có thân trông xinh đẹp.

Khi đã nghe qua điều này, mẹ của nàng bèn cho ra những vật thí đến chúng tăng và hồi hướng những vật thí này đến cho nàng. Được an trú trong sự thù thắng về những phương tiện kiếm sống mà nàng đã thọ lãnh theo cách này, nàng hiện ra trước mặt của mẹ nàng và giải thích nguyên nhân của nó. Mẹ của nàng báo tin cho các vị Tỳ khưu biết và các vị Tỳ khưu nêu lên vấn đề ấy với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy là nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng ở đó.

*

III.7 LIỆP LỘC QUỶ SỰ (MIGALUDDA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Ngươi còn trẻ và được tôn kính bởi những người nam và những người nữ".

Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Đức Thế Tôn đang ngụ ở Veḷuvana, liên quan đến một Ngạ quỷ mà trước kia là người săn nai.

Tương truyền rằng, tại thành Vương-xá, có một người thợ săn nọ kiếm sống bằng nghề săn bắn và giết nai. Anh ta có một người bạn là một thiện nam, là người mà, vì không thể thuyết phục anh ta từ bỏ những ác nghiệp luôn khi, bèn thức tỉnh anh ta làm những việc phước vào lúc ban đêm khi nói rằng, "này bạn, hãy từ bỏ sát sanh vào lúc ban đêm đi." Anh ta thường không làm điều này vào lúc ban đêm và thường sát sanh chúng sanh chỉ trong ban ngày mà thôi. Đúng lúc, anh ta chết và sanh làm một Vimāna Peta ở gần Rājagaha, chịu nhiều thống khổ suốt ngày, nhưng thường làm hài lòng cho chính mình, với đầy đủ dục lạc vào lúc ban đêm. Khi trông thấy anh ta, thì Trưởng lão đáng kính Nārada bèn hỏi anh ta bằng câu kệ này:

1. "Ngươi còn trẻ và được tôn kính bởi những nam nhân và những nữ nhân; ngươi trông rất xinh đẹp nhờ những dục lạc, nhưng vào lúc ban ngày thì ngươi lại thọ lãnh quả khổ. Ngươi đã làm gì trong kiếp quá khứ của ngươi?"

Khi nghe qua điều này, Ngạ quỷ nói những câu kệ này để cho Trưởng lão biết những nghiệp mà nó đã làm:

2. Trong quá khứ, ở thành Rājagaha xinh đẹp, ở Giribbaja khả ái ấy, tôi đã làm một người thợ săn độc ác và có bàn tay dính máu.

3. Bị ô nhiễm trong tâm, tôi sống không có sự thu thúc, luôn luôn hướng đến sự làm hại những kẻ khác, vô cùng độc ác đối với những chúng sanh vô tội, là những sanh vật ở khắp nơi.

4. Tôi có một người bạn có tâm từ ái, là một thiện nam có đức tin, và người ấy khi cảm thấy thương hại, đã nhiều lần khuyên tôi khi nói rằng:

5. "Đừng làm những ác nghiệp, này bạn, đừng đi đến trạng thái đau khổ, nếu bạn muốn được hạnh phúc sau khi chết, hãy tránh xa sự sát sanh một cách bừa bãi này".

6. Tôi lắng nghe nghững lời này của vị ấy đang muốn cho tôi được hạnh phúc, và mong mỏi cho tôi được hạnh phúc. Tuy nhiên tôi, vì đã lâu quen với những ác nghiệp và do thiếu trí suy xét, đã không làm theo đầy đủ lời khuyên của anh ta.

7. Một lần nữa, con người rất có trí tuệ ấy, do lòng bi mẫn, đã khuyên tôi tỏ sự thu thúc khi nói rằng, "Nếu ban ngày bạn phải sát sanh, thời hãy thu thúc vào lúc ban đêm."

8. Bởi vậy tôi chỉ giết chúng sanh vào lúc ban ngày mà thôi, nhưng thu thúc vào lúc ban đêm, không làm những điều ấy; và nay, vào ban đêm tôi tự làm thoả mãn chính mình nhưng vào lúc ban ngày thì tôi có một kiếp sống đau khổ và bị ăn thịt.

9. Do bởi thiện nghiệp ấy nên vào lúc ban đêm tôi hưởng những dục lạc của chư Thiên, trong khi đó vào lúc ban ngày thì những con chó săn hùng hổ sống vào tôi từ khắp các

hướng để ăn thịt tôi.

10. Bấy giờ những người mà tiếp tục đặt mình vào, và thường xuyên chuyên tâm vào lời dạy của Đức Sugata; thiết nghĩ, riêng những người này sẽ đạt đến trạng thái bất tử.

Chú giải:

Khi nó đã nói như vậy thì Trưởng lão bèn nêu lên vấn đề ấy với Bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Mọi chuyện đều giống y như đã được nêu ra ở trên.

*

III.8 ĐỆ NHỊ LIỆP LỘC QUỶ SỰ

"Trong ngôi nhà có tháp nhọn và trong cung điện."

Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Veḷuvana, liên quan đến một Ngạ quỷ khác mà trước kia cũng là một thợ săn nai.

Tương truyền rằng tại Rājagaha, có một chàng trai trẻ thợ săn nọ, do có tài săn bắn, đã từ bỏ những tiện nghi về của cải của anh ta và ngày đêm đi đây đó để săn nai. Một vị thiện nam nọ là bạn hữu của anh ta, do lòng bi mẫn, cho anh ta lời khuyên này, "Này bạn, hãy từ bỏ sát sanh, e rằng sẽ có đau khổ dành cho bạn trong một thời gian dài". Nhưng anh ta chẳng quan tâm. Rồi vị thiện nam ấy thỉnh một vị Trưởng lão nọ mà đã có tâm tu tiến và đã đoạn trừ các lậu hoặc, khi nói rằng, "Bạch Ngài, xin Ngài hãy thuyết pháp đến một người đàn ông đó đó bằng cách nào đó để anh ta từ bỏ sự sat sanh." Bởi vậy vào một hôm nọ, vị Trưởng lão ấy, trong khi đang đi quanh thành Rājagaha để khất thực, đứng tại cửa nhà của anh ta. Khi trông thấy Ngài, thì người săn nai, đầy tôn kính, đi ra để đón Ngài, mời Trưởng lão vào nhà và dâng chỗ ngồi đến Truởng lão. Trưởng lão ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Khi anh ta đi đến Trưởng lão, anh ta cũng ngồi xuống. Trưởng lão nói cho anh ta biết về những quả dữ của sự sát sanh và rồi giải thích những lợi ích của sự kiêng tránh, nhưng khi anh ta nghe qua điều này thì anh ta không muốn từ bỏ nó. Rồi Trưởng lão nói với anh ta rằng, "Này bạn, nếu bạn không thể từ bỏ hoàn toàn được, thì tối thiểu cũng hãy từ bỏ nó vào lúc ban đêm". "Tốt lắm, thưa Ngài, con sẽ tránh xa". Phần còn lại tương tự như câu chuyện ở ngay trước, ngoại trừ rằng ở chỗ mà những câu kệ có liên quan đến thì Trưởng lão hỏi anh ta bằng ba câu kệ này:

1. Trong ngôi nhà có tháp nhọn và trong cung điện, ở trên chiếc giường được trải bằng lông cừu dài, ngươi vui thích với âm thanh ngọt ngào của năm loại nhạc.

2. Rồi vào lúc tàn đêm, đến khi mặt trời mọc, ngươi lại đi đến bãi tha ma, ở đó ngươi chịu nhiều thống khổ.

3. Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân khẩu, hoặc ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi chịu sự thống khổ này?"

Rồi Ngạ quỷ ấy giải thích vấn đề với Trưởng lão:

4. "Trong thành Rājagaha khả ái, ở Giribbaja xinh đẹp ấy, trong quá khứ con là thợ săn nai, con là người độc ác, không tự chế.

5. Con có một người bạn có tâm từ ái, là một vị thiện nam có đức tin và, một vị Sa-môn, một vị Sāvaka của đức Gotama, thường sống nhờ vào gia đình của anh thiện nam bằng sự để bát; dầu vị ấy, có lòng thương hại đến con, khuyên can con nhiều lần. Khi nói rằng:

6. "Đừng làm những ác nghiệp, này bạn, đừng đi đến trạng thái đau khổ; nếu bạn muốn được hạnh phúc sau khi chết; thời hãy tránh xa sự sát sanh này."

7. Con lắng nghe những lời này của vị ấy, là người muốn cho con được hành phúc và mong mỏi cho con được lợi ích, tuy nhiên con, vì quá lâu đã quen với điều ác và thiếu trí tuệ, nên không làm theo lời khuyên của vị ấy.

8. Lại một lần nữa con người có trí tuệ vô cùng ấy, do lòng bi mẫn, khuyên con hãy tỏ sự tự chế, khi nói rằng, "Nếu ban ngày bạn phải giết những chúng sanh thời hãy tỏ sự tự chế vào lúc ban đêm."

9. Bởi vậy con chỉ sát sanh vào lúc ban ngày, nhưng tự chế vào lúc ban đêm không làm điều ấy - và vào lúc ban đêm con làm hài lòng chính mình, nhưng ban ngày con có một kiếp sống đau khổ và bị ăn thịt.

10. Vì thiện nghiệp ấy nên vào lúc ban đêm con hưởng những dục lạc của chư thiên, trong khi ban ngày thì những con chó hung hăng rơi vào con từ khắp các hướng để ăn thịt con.

11. Bấy giờ những người mà tiếp tục chuyên tâm, thường xuyên chuyên chú vào giáo pháp của đấng Sugata; riêng những người này, xét nghĩ, sẽ đạt đến trạng thái bất tử, là chỗ vô vi."

*

III.9 TRÁ KHI QUỶ SỰ (KŪTAVINICCHAYIKA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Mang tràng hoa, đội mão và đeo vòng tai".

Pháp thoại này được thuyết giảng trong khi Bậc Đạo sư đã ngụ ở Veḷuvana, liên quan đến một Ngạ quỷ đã từng chấp theo tà kiến.

Bấy giờ, Đại vương Bimbisāra thường thọ trì Bát Quan Trai sáu ngày trong một tháng, và noi theo gương của vị ấy, nhiều người khác cũng thọ trì Bát Quan Trai giới. Đức vua thường hỏi những người mà đến yết kiến vị ấy rằng, "Nào nào, ngươi có thọ trì Bát Quan Trai giới hay không?" Rồi một người đàn ông, được bổ nhiệm vào triều đình của vị ấy, là người có lời nói đâm thọc, gian lận, quen ăn hối lộ và làm những hành động bạo quyền đã nói rằng, "Tâu bệ hạ, thần có thọ trì nó", vì sợ phải nói ra rằng ông ta đã không thọ trì nó. Rồi khi ông ta đang rời khỏi tầm nhìn của đức vua, thì một người bạn nói với ông ta rằng, "Nào nào, này bạn, bạn có thọ trì nó ngày hôm nay không?". "Này bạn, tôi nói như vậy là do sợ hãi đó thôi khi mặt đối mặt với Đức vua, nhưng tôi chẳng có thọ trì nó," Sau đó người bạn này nói với ông ta rằng, "Dầu vậy, bạn vẫn còn có thể

thọ trì nửa ngày Bát Quan Trai giới cho ngày hôm nay, vậy hãy nguyện thọ trì Bát Quan Trai giới đi." "Tốt lắm", ông ta nói và đồng ý với điều mà người bạn nói, rồi đi về nhà, chẳng ăn gì, súc miệng và thọ trì Bát Quan Trai giới.

Đêm hôm ấy, khi đã đi đến giường, thì những cơn đau khốc liệt, dữ dội, gây ra bởi cơn gió mạnh sanh lên, do bụng trống, đã đoản mạng của ông ta và, ngay sau khi chết ông ta sanh làm một Vimāna Peta ở một chỗ sâu hút trong một ngọn núi. Do thọ trì chỉ một đêm của ngày Bát Quan Trai giới mà ông ta nhận được một cung điện với tùy tùng gồm mười ngàn tiên nữ, và hưởng sự vinh quang thần tiên vĩ đại; Nhưng vì sự nói dối và nói đâm thọc của ông ta, nên ông ta phải ăn thịt sau khi đã móc ra từ chính lưng của ông ta. Đại Đức Nārada, khi đi xuống từ núi Kỳ-xà-quật, trông thấy vị ấy và Trưởng lão hỏi vị ấy bằng bốn câu kệ, sau đó vị ấy trả lời vấn đề cũng bằng bốn câu kệ:

1. "Ngươi có đeo tràng hoa, đội mão và đeo vòng, và khắp người của ngươi được phủ bằng trầm hương; nét mặt của ngươi rạng rỡ và ngươi chiếu sáng như mặt trời.

2. Những người hầu này của ngươi, những vị phi nhân này trong hội chúng của ngươi, và đây là những nữ hầu của ngươi, mười ngàn thiếu nữ này.

3. Chúng mang những vòng xuyến và những vòng đeo tay, và đầu của chúng được trang sức bằng những vòng hoa đội đầu bằng vàng - Ngươi có oai lực lớn và tướng mạo của ngươi làm dựng tóc.

4. Tuy nhiên ngươi lại ăn thịt mà chính ngươi đã móc ra từ lưng của ngươi: bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân khẩu hay ý? do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi ăn thịt từ lưng của ngươi?"

5. "Ở trong thế giới hữu tình, tôi đã làm suy sụp chính tôi bằng những lời nói dối và đâm thọc, bằng sự gian trá và lường gạt.

6. Khi tôi đã đi đến một hội chúng ở đó và đến lúc để nói ra sự thật thì tôi lại không nói đúng sự thật và không nói những điều đem lại lợi ích cho tôi, lại còn đi theo con đường sái quấy.

7. Cũng như tôi ngày hôm nay ăn thịt từ chính lưng của tôi, cũng vậy người nào mà làm người nói xấu sau lưng cũng phải ăn thịt của chính mình.

8. Chính Ngài đã trông thấy điều này, thưa Ngài Nārada. Những người mà có lòng bi mẫn và có thiện tâm thường nói rằng, "Đừng nói đâm thọc cũng đừng nói dối và đừng làm người nói xấu sau lưng!"

Tất cả phần còn lại đều được nêu ra như ở trên.

*

III.10 GIỚI BẤT KỈNH THẤP QUỶ SỰ (DHĀTUVIVAṆṆA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Khi đứng trong không trung".

Đây là quỷ sự về sự coi thường. Khi Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn giữa hai cây Sāla trong rừng cây Sāla Upattana của những người Malla tại Kusinārā và những Xá-lợi của

Ngài đã được phân chia, vua Ajātasattu lấy phần Xá-lợi của mình và, khi niệm hồi tưởng những ân đức của Đức Phật, bèn tổ chức một buổi lễ lớn để cúng dường Ngài kéo dài trong bảy năm, bảy tháng, và bảy ngày, trong suốt thời gian ấy có vô số người sanh tâm tịnh tín và đạt đến thiên giới. Tuy nhiên, có đến tám mươi sáu ngàn người bị ô nhiễm vì đã từ lâu không có đức tin, chấp theo tà kiến và, dầu ở trong những điều kiện có thể làm khởi sanh lòng tịnh tín, vẫn bị ô nhiễm trong tâm và bị tái sanh trong cõi Ngạ quỷ.

Cũng trong thành Rājagaha ấy, một người vợ, đứa con gái và con dâu của một vị phú hộ nọ, là người có của cải, với lòng tịnh tín trong tâm, họ đã suy nghĩ rằng, "Chúng ta hãy cúng dường đến Xá-lợi", và mang một ít vật thơm và những bông hoa v.v... Rồi lên đường đi đến chỗ mà Xá-lợi được tôn trí. Người đàn ông giàu có ấy tỏ thái độ coi thường của ông ta về sự tôn kính Xá-lợi và phỷ báng Xá-lợi khi nghĩ rằng, "Có lợi ích gì mà tôn kính những khúc xương?" họ chẳng quan tâm đến lời mà ông ta nói và đi đến chỗ ấy, cúng dường đến Xá-lợi và, khi đã trở về nhà, họ bị phát bệnh đến nỗi chẳng bao lâu sau họ chết, tái sanh trong cõi Devaloka do nhờ việc phước ấy.

Tuy nhiên, về phần ông phú hộ, bị che ám bởi lòng sân hận và chẳng bao âu sau cũng chết, tái sanh trong cõi Ngạ quỷ do bởi ác nghiệp ấy. Rồi một hôm nọ, Đại Đức Mahā Kassapa, do lòng bi mẫn đối với chúng sanh, thị hiện những năng lực thần thông của Ngài bằng cách nào đó để dân chúng có thể trông thấy cả những Ngạ quỷ và những vị chư thiên. Khi Ngài đã làm điều này, đứng trong khuôn viên của Bảo tháp ấy và hỏi ba câu kệ đến con Ngạ quỷ mà xưa kia đã tỏ thái độ khinh thường Xá-lợi, và rồi Ngạ quỷ đáp lại:

1. "Khi đứng trong không trung, ngươi toả ra mùi xú uế, hôi hám, và những con dòi rúc rỉa cái miệng hôi thối của ngươi. Ngươi đã làm nghiệp gì trong quá khứ?

2. Nhân đó, có những kẻ khác cầm những con dao của họ và khoét vào thịt của ngươi nhiều lần lập đi lập lại; chúng phun vào ngươi chất kiềm và rồi lại khoét ngươi nhiều lần lập đi lập lại.

3. Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi phải chịu sự thống khổ như thế này?"

4. "Trong thành Rājagaha xinh đẹp, là thành Giribbaja khả ái ấy, thưa Ngài, tôi là chủ của rất nhiều của cải và ngũ cốc.

5. Tôi đã ra sức ngăn cản người vợ này, đứa con gái và nàng dâu của tôi khi họ đang mang những bông hoa Tamāla, những hoa sen xanh và những dầu xức đắt giá đi đến bảo tháp. Đây là ác nghiệp được làm bởi tôi.

6. Chúng tôi đang lãnh chịu tám mươi sáu ngàn loại khổ thọ; sau khi đã tỏ thái độ coi thường về sự tôn kính Xá-lợi, chúng tôi đã bị nấu sôi cùng cực như trong địa ngục.

7. Ngài hãy tách rời những người mà mở miệng nói lời bất lợi ra khỏi hội chúng đang cử hành đại lễ cúng dường Xá-lợi của bậc A-la-hán.

8. Hãy xem những người này đang đi đến, mang những tràng hoa và có trang sức, họ đang thọ hưởng kết quả của những bông hoa - họ rực rỡ và vinh hoa.

9. Và khi đã trông thấy sự kiện kỳ diệu làm ngạc nhiên và làm tóc dựng đứng này, những bậc trí tuệ sẽ tán dương và đảnh lễ Ngài, thưa đại hiền trí.

10. Bây giờ khi đã ra đi khỏi đây và lại được tái sanh trong cõi người, tôi sẽ nghiêm trang cúng dường ở bảo tháp nhiều lần lập đi lập lại.

Đại Đức Mahā Kassapa lấy vấn đề mà được nói như vậy bởi Ngạ quỷ làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó.

Quỷ sự về sự coi thường đã kết thúc - như vậy phần trình bày về ý nghĩa của chương ba, Tiểu phẩm, được tô điểm bởi mười câu chuyện trong những câu chuyện Ngạ quỷ của bộ Khuddhaka Nikāya đã kết thúc.

-ooOoo-

CHƯƠNG IV

ĐẠI PHẨM (MAHĀVAGGA)

*

IV.1 QUỶ SỰ AMBASAKKHARA (AMBASAKKHARA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Có một thành phố của người Vajji tên là Vesāli".

Đây là quỷ sự Ambasakkhara. Câu chuyện bắt nguồn như thế nào?

Khi Đức Thế Tôn đang ngụ ở Jetavana thì một vị vua Licchavi tên là Ambasakkhara, là người có tà kiến và chấp theo học thuyết Natthika, cai trị ở Vesāli. Lúc bấy giờ, ở trong thành Vesāli, có một quãng đường lầy lội ở gần cửa tiệm của một vị thương nhân nọ, làm trắc trở cho nhiều người đi qua ở đó, khiến người ta phải nhảy qua nó, một số thì làm văng bùn. Khi trông thấy điều này, thì vị thương nhân kia suy nghĩ rằng, "Những người này không cần phải đi bộ qua bùn", và sai đặt xuống chỗ lầy lội ấy một cái đầu lâu của một con bò mà không còn mùi hôi thối và có màu giống như xà cừ. Về bản tánh, ông ta là người có giới đức, không nóng giận, có lời nói nhỏ nhẹ và thường khen ngợi ân đức của những người khác về điều mà họ có. Rồi một hôm nọ, khi người bạn của ông ta đang tắm và thiếu đề phòng cẩn mật, ông ta giấu áo quần của người kia cho vui,

chỉ cho lại chúng sau khi ông ta làm cho người kia phải chịu khổ sở. Tuy nhiên, đứa cháu trai của ông ta mang về những đồ ăn cắp được từ những nhà khác và gởi chúng vào trong cửa tiệm của ông ta. Những chủ nhân của những đồ vật ấy sau khi đã khám phá ra những đồ vật của họ, bèn đem nộp ông ta và đứa cháu trai của ông ta cùng với những thứ bị mất cắp ấy trước mặt đức vua. Đức vua truyền lịnh rằng, "hãy cắt đầu người này, nhưng đâm xuyên đứa cháu trai của ông ta" và quân hầu của đức vua đã làm y như lịnh truyền.

Khi ông ta chết, ông ta sanh vào cõi của những vị chư thiên địa cầu, có được một con Bạch mã của chư thiên, chạy nhanh như tâm ý, vì kiếp trước ông đã làm chiếc cầu ấy bằng cái đầu của con bò và mùi hương của chư thiên toát ra thừ thân của vị ấy do bởi những lời nhận xét của ông ta để khen ngợi những người có giới đức, nhưng ông ta bị trần truồng vì đã đem giấu y phục. Chính do kết quả của việc nhìn lại những nghiệp này mà ông ta đã làm trong quá khứ nên ông ta trông thấy đứa cháu trai của ông ta bị đâm xuyên. Tâm của vị ấy bị rung động bởi lòng thương xót, vị ấy liền cỡi trên con Bạch mã chạy nhanh như tâm ý và đi vào lúc nửa đêm đến chỗ mà đứa cháu trai của vị ấy bị đâm xuyên và, khi đứng không cách xa, mỗi ngày mỗi nói rằng, "Này bạn, hãy cố gắng, vì còn sống thì tốt hơn".

Lúc bấy giờ vua Ambasakkhara đang đi vòng quanh thành phố theo chiều phải, cỡi trên lưng của con voi kiết tường, vị ấy trông thấy một người đàn bà đã mở cánh cửa sổ ở trong một ngôi nhà nọ và đang xem vẻ uy nghi của vua. Đức vua đem lòng yêu thương nàng và ra hiệu cho một người đàn ông ngồi ở gần đó tựa như muốn nói rằng, "Ngươi hãy xem ngôi nhà ấy và người đàn bà ấy", và đúng lúc đi vào chỗ ngụ trong hoàng cung và sai người đàn ông ấy đi khi nói rằng, "ta truyền lịnh rằng ngươi hãy đi và tìm hiểu xem liệu người đàn bà ấy đã có chồng hay chưa? "Người kia đi và khi ông ta thấy rằng nàng đã có một người chồng, bèn báo tin cho đức vua biết. Đức vua khi nghĩ về một cách nào đó mà nhờ đó vị ấy có thể lấy nàng làm vợ, bèn cho mời người chồng của nàng đến và nói rằng, "Ta truyền lịnh ngươi hãy đến và phục vụ cho ta". Vì sợ hãi, anh ta miễn cưỡng hầu hạ đức vua, khi nghĩ rằng, nếu vị ấy không làm điều mà đức vua ban truyền, thời đức vua sẽ trừng phạt vị ấy; và hằng ngày đi hầu đức vua. Đức vua sai cho anh ta vật thực và tiền công. Khi vài ngày đã trôi qua, đức vua nói với anh ta khi anh ta đến hầu vua vào lúc sáng sớm, "Ta truyền lịnh ngươi hãy đi đến nơi mà có hồ sen và kiếm về từ đó một ít đất sét đỏ và hoa súng đỏ; Nếu ngươi không trở về trong chính ngày hôm nay thời ngươi sẽ mất mạng", và khi anh ta đã đi rồi, thì bảo người giữ cửa rằng, 'Tất cả các cổng đều phải được đóng lại ngay khi mặt trời vừa lặn."

Bấy giờ hồ sen ấy cách thành Vesāli tối thiểu là ba do tuần, nhưng cho dù người đàn ông ấy, vội vã đi vì nỗi sợ chết, đã đi đến hồ sen với sức nhanh của gió trước lúc đứng bóng. Bởi vì anh ta đã nghe trước rằng hồ sen ấy có vị phi nhân thường lui tới, nên anh ta sợ hãi đi quanh hồ khi tự hỏi rằng, "có nguy hiểm nào ở đây không?" Khi trông thấy anh ta thì một vị thần bảo vệ hồ sen ấy đem lòng thương hại cho anh ta và đi đến anh ta trong hình tướng của loài người mà nói rằng, "anh đến đây với mục đích gì, hỡi ông bạn?" Anh ta bèn kể lại toàn thể câu chuyện của anh ta cho vị ấy nghe. "Nếu sự thể là như vậy thời ngươi hãy lấy bất cứ cái gì mà ngươi cần đến". Vị ấy nói và biến mất sau khi cho thấy tướng mạo chư thiên của vị ấy. Anh ta lấy một ít đất sét và hoa súng đỏ ở đó và đi đến cổng thành ngay trước khi mặt trời lặn. Người giữ cổng trông thấy anh ta và đóng cổng lại, anh ta bèn gọi người đàn ông bị đâm xuyên ở gần cổng ấy làm nhân chứng cho anh ta khi nói rằng, "Khi tôi đến ngay trước khi mặt trời lặn thì họ lại đóng cổng ngay khi tôi đang gọi đến. Ông hãy biết rằng tôi đã đến thật đúng lúc và về phần tôi chẳng có lỗi lầm nào cả". Khi người kia nghe điều này thì nói rằng, "Tôi đang đối diện với cái chết, đang bị hành hình bằng sự đâm xuyên. Làm sao tôi có thể làm nhân

chứng cho ông được. Tuy nhiên, có một vị Peta có đại thần thông lực sắp đi đến gần tôi. Ông hãy nhờ vị ấy làm chứng cho ông".

"Nhưng làm sao tôi có thể trông thấy vị ấy?" "Nếu ông nán lại ngay tại chỗ này thời chính ông sẽ trông thấy vị ấy". Anh ta đứng chờ ở đó và trông thấy vị Peta ấy vào canh giữa của đêm và nhờ vị ấy làm chứng cho anh ta. Vào lúc rạng sáng, khi đức vua truyền lịnh rằng, "ngươi đã đi ngược mệnh lệnh của ta - là một vị vua, do đó ta phải trừng phạt ngươi." Anh ta bèn nói rằng, "Tâu bệ

hạ, thần đã không làm trái lệnh của Bệ hạ; Thần đã đến đây trước khi mặt trời lặn". Vậy ai làm chứng cho ngươi? Anh ta bèn chỉ cho thấy rằng người làm chứng cho anh ta là một Peta trần truồng mà đã đến trước mặt người đàn ông bị đâm xuyên và, khi vua nói rằng, "Làm sao chúng ta tin vào điều này được?" Anh ta nói rằng, "Trong đêm nay, hãy gởi theo thần một người đàn ông mà bệ hạ tin cậy". Khi nghe qua điều này thì chính đức vua đi theo cùng anh ta và đứng ở chỗ ấy. Khi vị Peta đi đến và nói rằng, "Hãy rán sống, này bạn, vì sống thì tốt hơn", vua bèn hỏi vị ấy bằng năm câu kệ và câu kệ đầu, "Có một thành phố của dân Bạt Kỳ tên là Vesāli", được lồng vào bởi những vị kiết tập Tam tạng với mục đích cho thấy nội dung của chúng:

1. "Có một thành phố của người Bạt kỳ tên là Vesāli; chính tại đó có vị Licchavi Amba-sakkhara, sau khi đã trông thấy vị Peta ở ngoài thành phố, bèn hỏi vị ấy ngay tại đó, vì muốn biết nguyên nhân của vị ấy."

2. "Đối với hắn, không có việc nằm ngồi hay bước tới bước lui. Đối với hắn cũng chẳng có khoái lạc về việc thọ hưởng y phục và vật thực để ăn, uống hay nhai.

3. Trong quá khứ, những người đã là những quyến thuộc của hắn, những người tốt bụng của hắn, có lòng bi mẫn, được người ta trông thấy và được nghe là đã ở chung với hắn. Bây giờ những người này cũng không thể trông thấy được hắn, tình cảnh của hắn là tình cảnh bị bỏ đi bởi những người ấy.

4. Những người mà mạng chung rồi thì không có bạn bè - những bạn bè đã bỏ ngươi khi họ biết về sự thiếu thốn của ngươi; Trong khi đó họ chỉ vây quanh ngươi khi nào họ thấy sự vinh quanh thịnh vượng của ngươi, những người thịnh vượng mới có nhiều bạn bè.

5. Khi đã mất tất cả những tài sản của mình, buồn khổ, bị lấm lem và thân bị tan rã như giọt sương đang lơ lửng, sự chấm dứt mạng sống của người ấy sẽ đến ngày hôm nay hoặc mai.

6. Khi đã bị đi đến cảnh đau khổ hoàn toàn như bị đâm xuyên trên một cái cọc bằng gỗ Nimba. Như vậy, này Yakkha, bằng dấu hiệu nào, khiến ngươi có thể nói rằng, "Hãy sống, này bạn, vì sống thì tốt hơn cả?"

Khi được hỏi như vậy bởi đức vua, vị Peta ấy bèn nói bốn câu kệ để giải thích cho vị ấy rõ điều mà vị ấy muốn nói:

7. "Người ấy là quyến thuộc máu mủ của tôi. Tôi đã nhớ đến trong kiếp sống quá khứ. Khi tôi trông thấy nó, tôi có lòng thương hại cho nó vì nghĩ rằng, "đừng để kẻ ác ấy phải rơi vào địa ngục."

8. Khi nó rời khỏi đây, hỡi Licchavi, thì người này, người đã làm những ác nghiệp này, sẽ sanh trong địa ngục có đông tội đồ vô cùng nóng nực, kinh khủng và đáng sợ.

9. Cái cọc này tốt hơn vô số lần địa ngục ấy; đừng để nó phải rơi vào địa ngục vô cùng đau đớn, đau khổ, đáng sợ và khắc nghiệt ấy.

10. Bây giờ nếu nó nghe được những lời của tôi thời nó sẽ bị đau khổ và có thể trút hơi tàn của nó. Do đó, tôi không nói trước mặt của nó, e rằng sự chấm dứt mạng sống của nó sẽ đến do bởi riêng tôi."

Khi vị Peta ấy đã giải thích như vậy điều mà vị ấy muốn nói thì đức vua thốt lên câu kệ này để xin phép hỏi vị Peta một lần nữa về vấn đề ấy:

11. "Nhưng sự kiện về người đàn ông này đã được biết đến rồi; chúng tôi muốn hỏi luôn Ngài về những điều khác nữa. Nếu Ngài cho phép chúng tôi, thời chúng tôi sẽ hỏi Ngài, nhưng Ngài không được giận chúng tôi."

12. "Chắc chắn tôi đã đồng ý rồi - không có sự bàn bạc với người mà không được tin cậy. Khi miễn cưỡng cho rằng bệ hạ là người có lời nói có thể được tin cậy, khi hành động như vậy, bệ hạ có thể hỏi tôi điều nào bệ hạ muốn và nếu có thể được thời tôi sẽ trả lời."

Những câu kệ này là cuộc nói chuyện qua lại giữa vị Peta và đức vua.

Khi đã được vị Peta cho phép như vậy, đức vua bèn nói lên câu kệ này:

13. Bất cứ điều gì mà trẫm có thể trông thấy bằng chính mắt của trẫm, thời trẫm có thể tin tất cả điều ấy. Nếu trẫm trông thấy một điều gì đó mà trẫm vẫn không tin thời Ngài nên giúp đỡ trẫm, thưa Yakkha."

Khi nghe qua điều này, vị Peta ấy bèn nói lên hai câu kệ này:

14. "Hãy cho ta có được lời hứa của bệ hạ rằng sau khi nghe pháp, bệ hạ sẽ có được lòng tịnh tín thích hợp, vì bệ hạ mong mỏi được biết và tâm của bệ hạ không bị ô nhiễm nên ta sẽ công bố tất cả giáo pháp đúng như đã được phân giải, dầu bệ hạ đã nghe hay chưa nghe."

Từ đây trở đi là những câu kệ trong cuộc nói chuyện giữa hai người trong bọn họ.

15. "Trên một con ngựa trắng có trang sức, ngài đi đến với người mà đã bị đâm xuyên; con ngựa này thật kỳ diệu và trông khả ái. Đây là kết quả của nghiệp nào?"

16. "Ở trung tâm của thành phố Vesāli có một cái vũng nước trên con đường lầy lội. Với lòng tịnh tín trong tâm của tôi, tôi đã lấy một cái đầu lâu màu trắng của một con bò và đặt nó xuống trong vũng bùn ấy.

17. Nhờ đặt bàn chân của chúng tôi trên cái đầu lâu này, nên cả chúng tôi và những người khác có thể đi qua được. Con ngựa này, kỳ diệu và trông khả ái, là kết quả của nghiệp ấy."

18. "Bây giờ sắc của ngài sáng rực trong tất cả các hướng và mùi hương của ngài làm tràn ngập khắp các hướng. Ngài có oai lực lớn và đã đạt được năng lực thần thông này của một vị Yakkha. Tuy nhiên, Ngài lại trần truồng. Đây là kết quả của nghiệp gì?"

19. "Tâm của tôi không sân hận và thường xuyên có lòng tịnh tín, tôi đi đến mọi người với giọng nói nhỏ nhẹ. Sắc tướng chư thiên của tôi thường xuyên chiếu sáng, đây là kết quả của nghiệp ấy.

20. Khi tôi thấy danh vọng và tiếng tăm của những người được an trú trong pháp thì tôi công bố họ với lòng tịnh tín trong tâm của tôi; mùi hương chư thiên của tôi toả ra liên tục, đây là kết quả của nghiệp ấy.

21. Trong khi những người bạn của tôi đang tắm ở chỗ tắm thì tôi chỉ để đùa giỡn và không có ác tâm, đã lấy y phục của họ và giấu chúng ở một chỗ đất cao. Vì lý do này khiến tôi trần truồng và sống một cuộc đời phiền toái".

22. "Đối với người mà làm điều ác để vui đùa, thì đó là kết quả về nghiệp của vị ấy. "Nhưng đối với người mà làm điều ấy không phải để vui đùa, thì người ta sẽ nói gì là quả nghiệp của người ấy?"

23. "Những người mà có mục đích đồi bại và có tâm bị ô nhiễm và có thân khẩu bất tịnh thời số phận của họ vào lúc thân hoại mạng chung là, không nghi ngờ gì, họ phải rơi vào địa ngục.

24. Nhưng những ai mà, khao khát một kiếp sống hạnh phúc, thoả thích trong sự bố thí và có tánh thương người thì số phận của họ vào lúc thân hoại mạng chung, không nghi ngờ gì, là họ sẽ được đi đến nhàn cảnh."

Khi những quả nghiệp đã được giải thích bằng sự phân tích tóm tắt do bởi vị Peta ấy thì đức vua nói lên câu kệ này, vì không tin điều mà vị ấy đã nghe!

25. "Làm sao trẫm có thể biết chắc điều này, rằng đây là quả của những nghiệp thiện và ác? Hay trẫm sẽ tin vào điều gì mà trẫm đã trông thấy? Hay, ai có thể làm cho trẫm tin vào điều này?"

Khi đã nghe qua điều này, vị Peta bèn nói những câu kệ này để giải thích cho đức vua rõ vấn đề một cách hợp lý:

26. "Khi bệ hạ đã thấy và đã nghe, bệ hạ phải tin rằng đây là kết quả của những thiện nghiệp và ác nghiệp. Nếu cả thiện nghiệp và ác nghiệpkhông tồn tại thì làm sao những chúng sanh có được kiếp sống hạnh phúc hay đau khổ?

27. Và nếu những kẻ còn sanh tử không làm những nghiệp ở đây, là những nghiệp thiện và bất thiện trong thế giới của loài người, thời sẽ không có những chúng sanh có được những kiếp sống hạnh phúc hay đau khổ, chẳng có ai cao và thấp trong cõi người.

28. Nhưng vì chúng sanh còn sanh tử, còn làm những nghiệp, là thiện nghiệp và ác nghiệp trong cõi người; do đó, có những chúng sanh có được kiếp sống hạnh phúc và đau khổ, là những kẻ cao quý và thấp hèn trong cõi người.

29. Trong hiện tại, người ta nói rằng kết quả của nghiệp có hai: Những nghiệp sẽ được thọ lãnh là hạnh phúc và những nghiệp phải bị thọ lãnh là đau khổ; những vị chư thiên thì làm cho chính mình được vui sướng, trong khi những kẻ ngu thì không thấy tánh hai mặt nên bị nấu đốt.

Liên quan đến câu hỏi của đức vua, "Nhưng tại sao, khi tin vào quả của các nghiệp, Ngài lại chịu đau khổ như vậy?". Rồi vị ấy nói lên câu kệ này:

30."Không có những nghiệp của tôi được làm bởi chính tôi; ngay cả cũng không có người nào, mà sau khi đã cho y phục, giường nằm, đồ ăn và thức uống, chịu hồi hướng cho tôi. Vì lý do này mà tôi phải bị trần truồng và sống một cuộc sống phiền toái."

Khi nghe qua điều này thì đức vua, vì muốn cho vị ấy có được y phục v.v... bèn nói lên câu kệ này:

31. Có thể nào để có một cách nào đó, hỡi Yakkha, mà nhờ đó Ngài có thể có được y phục không? Hãy nói cho trẫm biết xem có phương tiện nào để chúng tôi lắng nghe một câu nói nào đó về những điều hiện mà có thể tin được."

Rồi vị Peta ấy nói lên những câu kệ này để cho đức vua biết cách:

32. "Ở đây có một vị Tỳ khưu tên là Kappitaka, là một vị thiền sư, có giới hạnh tốt, một vị A-la-hán, đã giải thoát và đã khéo hộ phòng các căn, là phước điền, có thu thúc trong những điều luật của Pātimokkha, là người đã trở nên mát lạnh và đã đạt đến tri kiến rốt ráo rồi;

33. Nói hiền hòa, nhã nhặn, khéo thuyết, có gương mặt hiền từ, rành mạch và là người nói rất từ ái, là phước điền, là người sống trong sự thanh bình và là người sống đáng thọ lãnh sự cúng dường của chư Thiên và nhơn loại.

34. An tịnh, thiểu dục, không bị phiền não, không tham muốn, đã giải thoát, không buồn rầu, không vị kỷ, chánh trực, không còn cội rễ, là người mà đã đoạn trừ tất cả các chướng ngại, là người đã chứng đắc ba loại trí tuệ, chiếu sáng.

35. Không được biết đến và không dễ nhận ra được ngay khi đã trông thấy, giữa những người bạn bè người ta gọi vị ấy là "Bậc hiền trí"; các vị Yakkha biết vị ấy là đã thoát khỏi ái dục, rảo đi trong thế gian với bản tánh thiện.

36. Nếu bệ hạ cho vị ấy một đôi hay hai cái, khi hồi hướng phước thí này cho tôi, và những vật thí này được thọ lãnh, thời bệ hạ sẽ trông thấy tôi được mặc những y phục".

Rồi đức vua dò hỏi về chỗ ngụ của Trưởng lão:

37. "Vị Sa-môn ấy trú ngụ ở chỗ nào để bây giờ chúng tôi có thể đến thăm vị ấy, là người mà ngày hôm nay có thể đoạn trừ giùm cho ta những hoài nghi về điều không đoan chắc, là sự luồn lách của tà kiến này?"

Khi vị Peta ấy đã nói điều này, thì đức vua bèn nói lên câu kệ này khi muốn đi thăm vị Trưởng lão ấy ngay:

39. "Bây giờ trẫm sẽ đi và làm điều mà ngài đề nghị, trẫm sẽ khoác vào vị Sa-môn ấy một cặp y và nếu những thứ này được thọ lãnh rồi thời chúng ta sẽ trông thấy ngài có mang những y phục trên thân".

Rồi vị Peta ấy nói lên câu kệ này để cho thấy rằng, bởi vì Trưởng lão đang thuyết pháp đến những vị chư thiên, do đó chưa phải lúc để đi đến với Ngài:

40. "Đừng đi đến người đã xuất gia khi chưa đúng lúc. Hỡi đấng Licchavi, đây không phải tục lệ dành cho bệ hạ. Hãy đi đến vị ấy sau, vào thời gian thích hợp, và thăm vị ấy ngay tại đó khi Ngài đang ngồi một mình."

Khi vị Peta đã nói điều này thì đức vua đồng ý nói rằng, "Lành thay", và trở về chỗ ngụ của vị ấy. Khi thời gian thích hợp lại đến, đức vua đi đến Trưởng lão, sai mang theo tám bộ y phục. Khi đã ngồi xuống ở một bên, vị ấy nói lời chào hỏi thân mật với Trưởng lão và nói rằng, "Bạch Ngài, xin hãy nhận lãnh tám bộ y phục này". Khi nghe qua điều này thì Trưởng lão, để bắt đầu cuộc nói chuyện với đức vua, bèn hỏi rằng, "Tâu Đại Vương, trước kia Đại vương không có đức tánh bố thí và đàn áp các vị Sa-môn và Bà-la-môn. Làm sao mà bây giờ bệ hạ lại muốn cho những y phục thù thắng này? Khi nghe qua điều này, đức vua bèn kể cho Trưởng lão nghe qua lý do, thuật lại cho Trưởng lão nghe về cuộc gặp mặt của mình với vị Peta và tất cả những điều mà mỗi người trong họ đã nói, và rồi dâng đến Trưởng lão những y phục và hồi hướng phước thí kia đến cho Peta ấy. Do bởi điều này khiến Peta hiện ra trước mặt Trưởng lão và đức vua, đang mặc y phục và có trang sức, mang những y phục của chư thiên và cỡi trên con ngựa. Khi trông thấy vị ấy, đức vua rất hoan hỉ, vui sướng và đầy hỷ lạc và nói rằng, "Ta chắc chắn đã trông thấy bằng chính mắt của ta quả của các nghiệp. Bây giờ ta sẽ không làm những ác nghiệp, ta sẽ làm những việc phước mà thôi." Và nhờ vị Peta ấy làm chứng cho lời nói của mình. Vị Peta nói rằng, "Hỡi vua Licchavi, nếu bệ hạ từ nay trở đi từ bỏ những lối sống bất chánh và sống đúng với pháp thời chỉ tôi sẽ là kẻ chứng nhận cho ngài và đi đến trước mặt của bệ hạ. Hãy thả nhanh người bị đâm xuyên ra khỏi chiếc cọc. Sau khi đã lấy lại mạng sống của vị ấy như vậy và ăn ở theo đúng với Pháp vị ấy còn có thể thoát khỏi đau khổ đang chờ vị ấy. Thỉnh thoảng hãy đi đến Trưởng lão và lắng nghe pháp, hãy làm những việc phước", và rồi vị Peta ấy sau đó ra đi.

Đức vua đảnh lễ Trưởng lão và ra đi trở lại kinh đô. Vị ấy gấp rút triệu tập tất cả những người Licchavi lại, và với sự đồng ý của họ, giải thoát người đàn ông ra khỏi chiếc cọc và truyền lịnh cho những y sĩ của mình làm cho người ấy khoẻ mạnh trở lại. Vị ấy đi đến Trưởng lão và hỏi rằng, "đối với một người mà đã làm một nghiệp sẽ dẫn người ấy đến địa ngục, bạch ngài, có thể nào vẫn có con đường để người ấy thoát khỏi địa ngục không?" "Có thể được, tâu Đại vương. Nếu người ấy làm những việc phước cao cả, thời người ấy có thể thoát khỏi được." Trưởng lão đáp lại và rồi an trú cho đức vua vào trong Tam quy và Ngũ giới. Khi được an trú ở trong đó và trú vững chắc trong lời khuyến giáo của Trưởng lão, vị ấy trở thành một vị Sotāpanna (Tu-đà-huờn) . Tuy

nhiên, người bị đâm xuyên thì trở nên khoẻ mạnh trở lại, đầy xúc động, bèn xuất gia theo các vị Tỳ khưu, và chẳng bao lâu sau chứng đắc đạo quả A-la-hán. Những vị kiết tập Tam Tạng đọc lên những câu kệ này để chứng minh sự kiện này:

41. "Khi nói rằng, "Hãy làm như vậy", vị ấy rời khỏi chỗ ấy, và được vây quanh bởi một nhóm gồm những nô lệ, vị Licchavi ấy đi đến thành phố và đi đến giường nằm trong chỗ ngụ của chính vị ấy.

42. Rồi vào buổi sáng, khi đức vua đã chăm lo những phận sự trong nhà của mình, vị ấy tắm và uống nước; khi thời gian thích hợp đến, đức vua chọn tám bộ y phục từ một cái rương và vị Licchavi ấy sai nhóm nô lệ đem chúng đi theo.

43. Vị ấy đi đến chỗ ấy và trông thấy vị Sa-môn mà đã trở nên mát lạnh ngồi với tâm an tịnh dưới một cội cây, đã trở về sau khi đã đi khất thực.

44. Đức vua đi đến Trưởng lão và nói điều này với Trưởng lão khi hỏi thăm sức khoẻ và sự an vui của Trưởng lão, "Tôi là một vị Lic-chavi ở Vesāli, thưa Ngài, người ta biết tôi là vị Licchavi Ambasakkhara.

45. Bạch Ngài, xin Ngài hãy hoan hỷ nhận lãnh tám bộ y xinh đẹp này của trẫm; trẫm xin dâng chúng đến Ngài. Chính riêng mục đích này khiến trẫm đã đến đây và trẫm sẽ được vui sướng nếu Ngài hoan hỷ thọ lãnh."

46. "Các vị Sa-môn và Bà-la-môn tránh xa chỗ ngụ của bệ hạ; trong chỗ ngụ của bệ hạ, những cái bát của họ thường bị đập vỡ và ngay cả y phục của họ cũng bị xé rách.

47. Hơn nữa, các vị Sa-môn bị lột trần và bị làm cho té nhào, đó là sự quấy rầy do bệ hạ gây nên đến các vị Sa-môn và những người xuất gia.

48. Bệ hạ chẳng cho gì dầu một cọng cỏ cũng không, bệ hạ cũng không chỉ đường cho những người bị lạc, chính bệ hạ cũng thường giựt lấy cây gậy từ tay một người mù, bệ hạ quả thật rất keo kiệt và không thu thúc. Bây giờ vì lý do gì, chính điều gì bệ hạ đã trông thấy khiến bây giờ bệ hạ chia những cái này cho chúng tôi."

49. "Trẫm thừa nhận điều mà Ngài nói, bạch Ngài; trẫm đã quấy rầy các vị Sa-môn và Bà-la- môn. Tuy nhiên, ngay cả ác nghiệp này của trẫm được làm chỉ có tánh cách vui đùa và không có sự ô nhiễm trong tâm.

50. Một vị Yakkha, sau khi đã làm những ác nghiệp trong cuộc chơi, thọ lãnh đau khổ, sự thọ hưởng của vị ấy không được hoàn toàn. Vị ấy có tánh chất trẻ trung, nhưng trạng thái trần truồng là số phận của vị ấy; bây giờ đối với vị Yakkha ấy có sự đau khổ nào hơn thế nữa!

51. Khi trẫm trông thấy vị ấy thì trẫm đầy xúc động, bạch Ngài, đó là lý do khiến trẫm dâng cúng vật thí này. Xin hãy nhận lãnh tám bộ y này, bạch Ngài, và xin cho phước thí này thấu đến vị dạ xoa ấy."

52. "Chắc chắn sự bố thí sẽ được người ta tán dương bằng nhiều cách; bây giờ cầu xin cho điều này hẳng không bị cạn hết đối với bệ hạ, là người đã bố thí nó. Tôi nhận lãnh tám bộ y này của bệ hạ. Mong rằng phước thí này thấu đến vị Yakkha ấy."

53. Rồi vị Licchavi làm lễ sám hối và dâng đến Trưởng lão tám bộ y khi nói rằng, "Xin hãy thọ lãnh những thứ này". Nhân đó Trưởng lão nói rằng, "Bây giờ hãy xem vị Yak-kha, đã được khoác lên người những y phục"

54. Vị ấy trông thấy Yakkha, có xức bằng dầu gỗ trầm thượng hạng, cưỡi trên một con ngựa thuần chủng, với nước da tuyệt hảo, trang sức lộng lẫy, mặc những y phục đáng kính nể, có tuy tùng vây quanh, có năng lực thần thông vĩ đại của một dạ xoa.

55. Khi đức vua trông thấy vị ấy thì rất vui sướng, phấn chấn, tâm của vị ấy rộn lên niềm hoan hỉ, khuôn mặt rạng rỡ; vị ấy trông thấy nghiệp của mình và kết quả vĩ đại và thực có của nó bằng chính mắt của vị ấy, đã trông thấy điều này bằng chính mắt của vị ấy.

56. Vị ấy đi đến dạ xoa và nói điều này với dạ xoa, "Trẫm sẽ cho ra những vật thí đến các vị Sa-môn và Bà-la-môn vì không có cái gì của trẫm mà trẫm không cho ra. Ngài đã đem đến cho trẫm một sự giúp đỡ lớn, thưa Yakkha ."

57. "Và bệ hạ đã cho một phần vật thí để hồi hướng đến cho tôi, hỡi đấng Licchavi, điều này không phải vô ích; tôi sẽ làm nhân chứng của bệ hạ, một vị phi nhân làm chứng cho một con người."

58. "Ngài là định mạng, là quyến thuộc, là chỗ nương tựa và là bạn của trẫm, và hơn nữa là vị Devatā của trẫm. Thưa Yakkha, vì trẫm mong được thấy lại ngài, vậy trẫm xin chấp tay cung kính cầu xin Ngài."

59. "Nếu bệ hạ trở thành người không có đức tin, tỏ ra bỏn sẻn và có tâm tội lỗi thời bệ hạ sẽ không được trông thấy tôi chút nào cả, trong khi đó cho dù tôi có trông thấy bệ hạ, tôi cũng sẽ không nói với bệ hạ.

60. Nhưng nếu bệ hạ phát triển lòng tôn kính đối với pháp bảo, thoả thích trong việc bố thí, có bản tánh thương người và trở thành một con suối phun nước cho các vị Sa-môn và Bà-la-môn, thời bằng cách này bệ hạ sẽ được trông thấy tôi; và khi tôi trông thấy bệ hạ, tôi sẽ nói chuyện với bệ hạ, tâu bệ hạ.

61. Bây giờ hãy nhanh chân phóng thích người đàn ông này ra khỏi chiếc cọc, vì nhờ người ấy mà tôi trở thành nhân chứng của bệ hạ; tôi thiết nghĩ, chính do bởi người bị đâm xuyên mà chúng ta trở thành nhân chứng của nhau.

62. Và nếu người đàn ông này được phóng thích nhanh ra khỏi chiếc cọc, thời người ấy vẫn còn có thể chuyên tâm trong các thiện pháp một cách chính đáng, thoát khỏi địa ngục và thoát khỏi nghiệp ấy, trở thành người được thọ hưởng ở một chỗ khác.

63. Khi đã đi đến vị Kappitaka trong thời gian thích hợp và chia phần với vị ấy cái gì mà bệ hạ có, hãy ngồi xuống gần và hỏi thẳng vị ấy, và vị ấy sẽ công bố về đề tài này.

64. Chỉ đi đến vị Tỳ khưu ấy và hỏi vị Tỳ khưu ấy. Vì bệ hạ mong mỏi được biết và khi tâm của bệ hạ không bị ô nhiễm, vị ấy sẽ công bố tất cả về giáo pháp đúng như đã được phân tích, dầu bệ hạ đã nghe hay chưa nghe."

65. Khi đức vua đã nói chuyện riêng ở đó với vị Phi nhân ấy và đã khiến vị ấy làm nhân chứng cho mình, đức vua ra đi và trước mặt các vị Licchavi, vị ấy nói với hội chúng mà đang ngồi với nhau rằng:

66. "Hãy lắng nghe, thưa quý vị, chỉ một lời của trẫm mà thôi, trẫm xin quý vị một ân huệ mà nhờ đó trẫm sẽ được lợi ích. Người đàn ông ấy có những hành động ác, đã bị đâm xuyên, đã thọ lãnh hành phạt rồi, đã có hình tướng của người gánh chịu sự thọ hình của vua ban.

67. Đã hai mươi ngày gánh chịu hậu quả khiến người bị đâm xuyên ấy bây giờ đang sống dỡ, chết dỡ Bây giờ trẫm muốn thả người ấy ra, xin chúng dân hãy cho phép trẫm hành động như trẫm nghĩ là thích hợp."

68. "Hãy nhanh chóng phóng thích người này và những người khác, ai dám nói lời chống lại bệ hạ khi hành động theo cách ấy? Bệ hạ nên làm điều gì người nghĩ là cần thiết, chúng dân sẽ cho phép bệ hạ hành động như bệ hạ thấy là thích hợp."

69. Vị ấy vội vàng đi đến chỗ ấy và phóng thích cho người bị đâm xuyên. "Đừng sợ, này bạn", đức vua nói với tội nhân và sai những vị y sĩ săn sóc cho vị ấy.

70. Rồi đức vua đi đến Kappitaka trong thời gian thích hợp và chia phần cho Trưởng lão cái mà vị ấy có. Khi ngồi xuống ở gần kề, vị Licchavi bèn hỏi vị Trưởng lão ngay tại chỗ ấy, mặt đối mặt, mong mỏi một phương cách nào đó.

71. "Người đàn ông có những ác nghiệp ấy bị đâm xuyên rồi và đã bị trừng phạt rồi và xem ra đã gánh chịu điều này đến hai mươi ngày. Kết quả là người đàn ông bị đâm xuyên ấy phải sống dở chết dở.

72. Nhưng, bạch Ngài, bây giờ con đã đi và phóng thích cho người ấy rồi, vì đây là lời của vị Yakkha ấy. Có thể có cách nào mà nhờ đó vị ấy không đi địa ngục chăng?

73. Bạch Ngài, hãy nói cho con biết xem có điều kiện nào không, vì chúng con muốn lắng nghe một câu nói về những điều kiện mà có thể tin được. Phải chăng không thể có sự tiêu diệt những ác nghiệp ấy, không thể có sự chấm dứt những ác nghiệp ấy ở đây mà không phải bị thọ lãnh chăng?"

74. "Nếu người ấy chuyên tâm đúng mức trong các thiện pháp với sự siêng năng cả ngày lẫn đêm, người ấy vẫn có thể thoát khỏi địa ngục và nghiệp ấy sẽ trở thành nghiệp mà sẽ được thọ lãnh ở một nơi khác."

75. "Những sự kiện về người đàn ông này đã được biết đến. Bạch Ngài, bây giờ xin hãy rủ lòng lân mẫn đến con. Hãy khuyên con, hãy sách tấn con, hỡi bậc trí tuệ cao cả, bằng cách nào đó để con có thể không đi vào địa ngục."

76. "Bệ hạ nên quy y Phật trong chính ngày hôm nay, quy y Pháp và Tăng với lòng tịnh tín trong tâm của bệ hạ, dường thế ấy, bệ hạ nên thọ trì ngũ giới, không bị sứt mẻ và trọn vẹn.

77. Và bệ hạ nên tránh xa ngay việc sát sanh và tránh xa cái gì không được cho đến trong đời này; bệ hạ không nên làm người uống những chất say và bệ hạ cũng không

nên nói dối, trong khi đó bệ hạ nên vừa lòng với chính vợ của bệ hạ.

78. Và bệ hạ nên thọ trì những thiện nghiệp này dẫn đến hạnh phúc mà thuộc về của bậc Thánh và những thiện nghiệp ấy được làm cho viên mãn bởi tám điều học.

79. Với lòng tịnh tín, bệ hạ nên bố thí đến những bậc chánh trực những y phục và vật thực; những vật dụng và chỗ ngụ, đồ ăn và thức uống, vật thực cứng, vải vóc và chỗ ngụ.

80. Bệ hạ nên làm thoả mãn bằng đồ ăn và thức uống cho các vị Sa-môn có giới đức, không tham ái và đa văn, phước sẽ tiếp tục sanh lên.

81. Khi chuyên tâm đúng mức như vậy trong các thiện pháp, với sự tinh tấn cả ngày lẫn đêm, bệ hạ vẫn có thể thoát khỏi địa ngục và nghiệp ấy trở thành nghiệp sẽ được thọ lãnh ở một nơi khác."

82. "Chính ngày hôm nay con sẽ quy y Phật, Pháp, Tăng, với lòng tịnh tín trong tâm của con; dường thế ấy con cũng sẽ thọ trì ngũ giới, không sứt mẻ và trọn vẹn.

83. Con sẽ tránh xa ngay sự sát sanh và tránh không lấy cái gì không được cho đến ở trong đời này; con sẽ không làm người uống những chất say, con cũng sẽ không nói dối, trong khi đó con sẽ vừa lòng với chính vợ của con.

84. Con sẽ thọ trì những thiện pháp dẫn đến hạnh phúc, được thành tựu bởi tám thánh pháp.

85. Những y phục và vật thực cúng dường, những vật dụng và chỗ ngụ, đồ ăn và thức uống, vật thực cứng, vải vóc và chỗ ngụ con sẽ cho ra, không ngập ngừng và nhiệt tâm trong giáo pháp của chư Phật, đến các vị Tỳ khưu có giới đức, đã thoát khỏi tham ái và đa văn học rộng."

86. Con người như vậy là Licchavi Amba-sakkhara, một vị thiện nam ở thành Vesāli có đức tin, là người hiền lành và hữu dụng, và là người mà bây giờ nuôi dưỡng chư Tăng bằng sự chăm sóc chu đáo.

87. Và người bị đâm xuyên thì trở nên khoẻ mạnh trở lại và vui sướng tự ý đi vào trạng thái không nhà. Do nhờ Kappitaka, là vị Tỳ khưu cao quý nhất, cả hai người kia đều đã chứng đạt các quả do kết quả từ đời sống phạm hạnh của một vị ẩn sĩ.

88. Kết hợp với những bậc Ứng cúng sáng suốt và thánh thiện đem lại quả báu lớn đến nỗi người bị đâm xuyên đạt đến quả báu cao nhất, trong khi Ambasakkhara thì đạt đến quả thánh thấp hơn."

Khi Trưởng lão nói như vậy rồi thì đức vua sanh tâm

Đại Đức Mahākappitaka đi đến Sāvatthi, đảnh lễ Bậc Đạo sư và nêu vấn đề với Đức Thế Tôn về điều đã được nói như vậy giữa đức vua, vị Peta và chính Trưởng lão, Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết Pháp cho hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời Pháp ấy đem lại lợi ích cho hội chúng ấy.

*

IV.2 QUỶ SỰ SERISSAKA (SERISSAKA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Hãy lắng nghe ở chỗ mà cuộc gặp gỡ giữa vị Yakkha và các tiên nhân."

Đây là Quỷ sự Serissaka. Bởi vì không có sự khác biệt giữa câu chuyện này và thiên cung sự Serissaka, nên điều gì sẽ được nói đến ở đây về nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và những câu kệ cũng giống như đã được nêu ra trong phần trình bày về những câu chuyện thiên cung trong

phần giải thích này về ý nghĩa bên trong. Do vậy nó cũng nên được hiểu đúng như đã được nêu ra ở trong đó.

*

IV.3 NAN ĐÀ QUỶ SỰ (NANDAKA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Vị vua tên là Piṅgalaka".

Đây là Quỷ sự Nandaka. Câu chuyện bắt nguồn như thế nào?

Sau một thời gian hai trăm năm từ khi Bậc Đạo sư nhập Niết-bàn, ở trong vương quốc Suraṭṭha, có một vị vua tên là Piṅgala. Tướng quân của vị ấy tên là Nandaka, có tà kiến và quan điểm đồi bại, và thường đi quanh công bố quan niệm sai lạc rằng, "Không có điều gì là bố thí cả..." v.v... Đứa con gái của ông ta tên là Uttarā, là một tín nữ và đã được gả cho một gia đình thích hợp.

Bấy giờ khi Nandaka chết, ông ta tái sanh làm một vị Vimāna Peta trong một cây đa to trong khu rừng Viñjha. Vào lúc ông ta chết, Uttarā cúng dường đến một vị Trưởng lão đã đoạn trừ các lậu hoặc một đĩa đựng đầy bánh, có hương vị thơm ngon, được làm bằng sữa đông, và một bình nước được đổ đầy nước sạch, mát và thơm và hồi hướng chúng khi nói rằng, "Xin cho phước thí này đem lại lợi ích cho cha của tôi." Do nhờ phước thí ấy, cô hiện ra cho ông ta nước của chư Thiên và vô số bánh. Khi ông ta trông thấy những thứ này, ông ta suy nghĩ rằng, "chắc chắn ta đã làm một ác nghiệp trong việc khiến cho mọi người chấp theo quan kiến sai lầm rằng không có cái gì là bố thí cả.." v.v... Tuy nhiên, bây giờ vua Piṅgalaka đã đi và khuyên vua Dhammāsoka và sẽ trở về khi vị ấy đã cho lời khuyên này đến vị Vua kia. thôi được, tốt hơn ta nên đoạn trừ tà kiến ấy đi .

Chẳng bao lâu sau, khi vua Piṅgalaka đang đi dọc theo con đường, trở về sau khi đã cho lời khuyên đến vua Dhammāsoka, vị Peta khiến cho con đường dẫn đến chỗ ngụ của vị ấy. Đức vua đi dọc theo con đường ấy trong khoảng thời gian giữa trưa. Khi vị ấy đi dọc theo con đường thì đằng trước của vị ấy có thể được trông thấy, nhưng ở đằng sau của vị ấy thì biến mất. Khi người đàn ông mà ở sau cùng hết trông thấy con đường mà đã biến mất thì ông ta hoảng sợ và, khi kêu lên trong đau khổ, chạy đến báo tin cho đức vua.

Khi nghe qua điều này thì đức vua, hoảng sợ và tâm bị giao động, đứng ở trên lưng con voi của vị ấy dò xét ở bốn hướng. Khi vị ấy trông thấy chỗ ngụ là cây đa của vị Peta, vị ấy đi đến đó, được tháp tùng bởi bốn đội binh. Khi đã đến lúc đức vua đi đến chỗ ấy thì

vị Peta, ăn mặc rực rỡ, đi đến đức vua và nói lời chào hỏi thân mật với vị ấy, sai đem nước và bánh đến mời vị ấy. Đức vua và những quân hầu tắm, ăn bánh và uống nước, và khi cơn mệt của vị ấy do đi đường xa đã lắng dịu, đức vua hỏi vị Peta rằng, "Ngài có phải là một Devatā, một Gandhabba không?" v.v...

Khi vị Peta đã nói cho đức vua nghe câu chuyện của mình ngay từ đầu và đã đoạn trừ tà kiến cho đức vua, bèn an trú cho đức vua trong tam quy và ngũ giới. Để chứng minh điều này, những vị kiết tập Tam Tạng đã nói lên những câu kệ này:

1. Đức vua tên là Piṅgalaka, là người cai trị của dân tộc Suraṭṭha, đang trở về lại Suraṭṭha sau khi đã đi hầu những vị Moriya.

2. Vào lúc ban trưa nóng cháy, đức vua đến ở một bãi lầy và trông thấy một con đường khả ái, là con đường cát của vị Peta ấy.

3. Đức vua nói với người đánh xe ngựa rằng, "Con đường này thật là khả ái, an lành, an toàn và báo điềm tốt. Này xa phu, chúng ta hãy đi dọc theo con đường này từ đây đến vùng lân cận của nước Soraṭṭha."

4. Vị Soraṭṭha khởi sự đi cùng với bốn đội binh của vị ấy. Một người đàn ông mà xem ra bối rối nói điều này với Soraṭṭha.

5. "Chúng ta đã đi sai con đường, là con đường đáng sợ và làm tóc dựng đứng, ở đằng trước con đường có thể được trông thấy, nhưng ở đằng sau nó không được trông thấy.

6. Chúng ta đã đi sai con đường để vào cộng trú với những người của Yama; mùi hôi thối của phi nhân thổi ra và những tiếng kêu than hãi hùng sẽ được nghe".

7. Vua Soraṭṭha, bị giao động, nói điều này với người đánh xe: "Chúng ta đã đi sai vào con đường đáng sợ và làm dựng tóc, ở đằng trước con đường có thể được trông thấy, nhưng ở đằng sau thì không được trông thấy.

8. Chúng ta đã đi sai con đường dẫn đến cộng trú với thần dân của Yama; mùi hôi thối của phi nhân thổi ra và những tiếng kêu rùng rợn sẽ được nghe".

9. Vị ấy trèo lên trên lưng voi và, khi quan sát ở bốn hướng, trông thấy một cây đa, "Kẻ uống nước từ cái chân", có đầy bóng mát, về hình thể thì giống như một đám mây đen, giống như sự hùng vĩ của một trận mưa giông.

10. Đức vua nói với người đánh xe của vị ấy rằng, "Cái vật đồ sộ mà được trông thấy là cái gì, nó giống như một đám mây đen, giống như vẻ hùng vĩ của một trận mưa giông."

11. "Tâu Đại vương, đó là một cây đa, là kẻ uống nước từ cẳng chân, là cây có đầy bóng mát, giống như sự hùng vĩ của một trận mưa giông".

12. Soraṭṭha lên đường đi về hướng mà cái vật được trông thấy, giống như một đám mây đen, giống như sự hùng vĩ của một trận mưa giông.

13. Đức vua xuống khỏi lưng voi và đi đến cây ấy, rồi ngồi xuống ở gốc cây cùng với vị Tư tế quan và những tùy tùng của vị ấy, và trông thấy một lu nước đầy và một số bánh thơm ngon.

14. Người đàn ông có tướng mạo của một vị chư Thiên, khắp thân hình có trang sức, và trang phục lộng lẫy, đi đến và nói điều này với vua Soraṭṭha.

15. "Tâu Đại vương, ngài cứ tự nhiên, ngài thật sự không phải đi đến chỗ xấu; hãy uống nước, tâu đức vua, hãy ăn những cái bánh, hỡi bậc chiến thắng kẻ thù".

16. Đức vua cùng với những vị Tư tế quan và những tùy tùng của vị ấy uống nước và ăn những cái bánh; sau khi uống nước, Soraṭṭha nói điều này.

17. "Ngài là một Devatā, một Gandabba hay là Sakkhapuriṇḍada?" Vì không nhận ra ngài nên chúng tôi hỏi ngài "làm sao chúng tôi có thể nhận ra ngài?"

18. "Tôi không phải là Deva, hay Gandhabba hay ngay cả Sakkhapuriṇḍada, tâu đại vương, tôi là một Peta đã đến đây từ Soraṭṭha."

20. "Ngài đã có hạnh kiểm gì, hạnh nghiệp gì, trước kia khi còn ở Soraṭṭha. Do bởi phạm hạnh nào khiến oai lực này của ngài hiện ra?"

21. "Tâu Đại vương, tôi là người của Soraṭṭha, và là một người có tâm ác, có tà kiến và cư xử xấu xa, bỏn sẻn và hay mắng nhiếc.

22. "Tôi có thói quen ngăn cản nhiều người mà đang bố thí và đang thực hành các thiện sự; trong khi những người khác đang bố thí thì tôi hành động như một vật chướng ngại.

23. Khi nói rằng, "Không có kết quả từ sự bố thí; Từ đâu có quả của sự tự chế? Quả thật không có Đạo sư, như vậy ai sẽ điều phục những người chưa được điều phục?

24. Tất cả chúng sanh đều giống như nhau; thế thì tại sao cúng dường những bậc trưởng thượng? Không có năng lực hay sự tinh tấn; vậy sự tinh tấn của người có lợi ích gì?

25. Quả thật không có kết quả từ sự bố thí. Người mang hận thì không thể được tẩy sạch. Kẻ phàm phu nhận lãnh cái gì phải lãnh của người ấy qua sự thăng trầm của số phận.

26. Không có mẹ, cha hay anh em. Không có thế giới bên kia. Không có cái gì được cho ra, không có sự cúng dường hy sinh. Không có sự để dành được biết đến.

27. Nếu người đi giết chết một người hay cắt đầu một người khác, thì đó không phải là người giết người; cây kiếm chỉ đi vào bên trong giữa bảy nguyên chất đó thôi.

28. Cái gọi là linh hồn thì không thể hoại diệt hay chia chẻ được; nó có hình tám cạnh, hay hình cầu như trái banh, và cao năm trăm do tuần. Như vậy ai có thể tiêu diệt linh hồn được.

29. Cũng như cuộn chỉ khi được quăng đi thì chạy tiếp và tự nó nhả chỉ ra, cũng vậy trong cùng cách ấy linh hồn tiếp tục chạy, tự nó trải ra.

30. Cũng như người rời bỏ một ngôi làng và đi vào một ngôi làng khác, dường thế ấy, linh hồn cũng đi vào một thân khác.

31. Cũng như người rời bỏ một ngôi nhà và đi vào một ngôi nhà khác, dường thế ấy, linh hồn cũng đi vào một thân khác.

32. Trong tám mươi bốn ngàn đại kiếp, những người ngu và những kẻ trí đều phải bị trôi lăn trong vòng luân hồi trước khi họ chấm dứt đau khổ.

33. Hạnh phúc và đau khổ đều được đong lường bằng cái thùng Dona và cái thúng; Đấng Trị Vì biết rõ tất cả, trong khi những người dân khác thì lúng túng.

34. Trong quá khứ, tôi đã có tri kiến như vậy; tôi lúng túng và bị che phủ bởi vô minh, đầy những tà kiến và đã cư xử tệ bạc, bỏn sẻn và hay chê bai.

35. Cái chết của tôi sẽ đến trong sáu tháng nữa,và tôi sẽ rơi xuống địa ngục kinh khủng dữ dội.

36. Có bốn góc và bốn cổng, nó được chia thành những phần bằng nhau, được bao quanh bởi một bức tường sắt với mái bằng sắt ở bên trên.

37. Cái nền nóng sáng của nó được làm bằng sắt chảy đỏ; Nó trải rộng khắp quanh một trăm do tuần, đứng mãi mãi như thế.

38. Sau một trăm ngàn năm, có một âm thanh sẽ được nghe. Đây là Lakkha, tâu Đại vương, sau một phần trăm của một Koṭi (10.000.000) năm.

39. Trong một trăm ngàn Koṭi, người mà có những tà kiến, là những người sống ác và là những người hay phỷ báng những bậc Thánh, bị nấu sôi trong địa ngục.

40. Ở đó trong một thời gian dài, tôi sẽ thọ lãnh những cảm thọ đau đớn, là những ác nghiệp của tôi. Vì lý do này tôi vô cùng sầu khổ.

41. Hãy lắng nghe điều này, tâu Đại vương, hỡi đấng chinh phục những kẻ thù và đấng mở rộng bờ cõi, xin chúc lành đến Đại vương. Tôi có một đứa con gái tên Uttarā, tâu Đại vương,

42. Là người làm những thiện nghiệp và là người chuyên tâm thọ trì với ngũ giới và Bát Quan Trai giới, có tự chế, bàn tay mở rộng, nhã nhặn và không bỏn sẻn.

43. Nàng là người thọ trì ngũ giới không bị sức mẻ và là một nàng dâu đối với những người trong một gia đình khác. Nàng là một tín nữ của bậc hiền trí Sakya, của Đức Phật, Đức Thế Tôn.

44. Một vị Sa-môn có giới đức, có đôi mắt nhìn xuống, có chánh niệm, các căn của vị ấy được hộ phòng, khéo kiểm soát, đi vào làng để khất thực theo từng nhà và đã đến chỗ ngụ của nàng.

45. Xin chúc lành đến Bệ hạ, tâu đại vương. Khi Uttarā trông thấy vị ấy, nàng đã cúng dường đến vị ấy một bình nước và một số bánh ngon khi nói rằng, "Cha của con đã chết, bạch Ngài, xin cho phước thí này đem lại lợi ích cho vị ấy."

46. Ngay khi nàng hồi hướng phước thí này thì kết quả hiện ra. Tôi hưởng thụ bất cứ dục lạc nào mà tôi thích giống như vua Vessavana .

47. Hãy nghe đây, tâu Đại vương, hỡi bậc chiến thắng kẻ thù và kẻ mở rộng lãnh thổ. Hỡi bậc chiến thắng kẻ thù, bệ hạ và gia đình của bệ hạ hãy quy y Phật. Đức Phật là bậc được công bố trong thế gian này cùng với chư Thiên là vô thượng.

48. Hỡi đấng chiến thắng những kẻ thù, bệ hạ và gia đình của bệ hạ nên quy y Pháp, là Bát chánh đạo mà nhờ đó người ta đạt đến trạng thái bất tử.

49. Hỡi Đấng chiến thắng những kẻ thù, Bệ hạ và gia đình của bệ hạ nên quy y Tăng, có bốn bậc, là những người đã đi vào các đạo và bốn bậc là những người đứng trong các quả, đây là Tăng gồm những bậc chánh trực, là những bậc đã an trú trong giới đức và tuệ quán.

50. Bệ hạ nên từ bỏ ngay sự sát sanh và hãy tránh xa trong đời này cái gì không được cho đến; Bệ hạ không nên làm người uống những chất say, bệ hạ cũng không nên nói dối, trong khi đó bệ hạ nên vừa lòng với chính vợ của bệ hạ".

51. "Hỡi Yakkha, ngài muốn cho tôi được tốt đẹp, ngài muốn cho tôi được lợi ích. Hỡi Devatā, tôi sẽ làm điều gì mà ngài nói, ngài là thầy của tôi.

52. Tôi sẽ quy y Đức Phật, Đức Pháp, và tôi cũng sẽ quy y Tăng, vô thượng đối với chư Thiên và nhân loại.

53. Tôi sẽ tránh xa ngay sự sát sanh và tránh xa trong đời này cái gì không được cho; tôi sẽ không làm người uống chất say, tôi cũng sẽ không nói dối và tôi sẽ vừa lòng với chính vợ của tôi.

54. Tôi sẽ rủ bỏ như bỏ vào một cơn gió mạnh hay trong một dòng nước đang chảy nhanh, tôi sẽ từ bỏ ác kiến ấy, sẽ nhiệt tâm với giáo pháp của chư Phật".

55. Khi Suraṭṭha đã nói điều này, vị ấy từ bỏ ác kiến của mình, tỏ sự tôn kính đến Đức Thế Tôn, và rồi bước lên chiếc long xa xoay mặt về hướng đông."

*

IV.4 QUỶ SỰ REVATĪ (REVATĪ PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Hãy dậy, này Revatī, này kẻ có tánh rất ác."

Đây là quỷ sự Revatī. Bởi vì không có sự khác biệt nào giữa câu chuyện này với thiên cung sự Revatī, do đó điều gì được nói đến ở đây về nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và về những câu kệ, tất cả phải được hiểu đúng như đã được nêu ra trong bộ chú giải Thiên cung sự. Câu chuyện này được xem là được bao gồm trong bài kinh của bộ thiên cung sự. Bởi vì Devaputta Naṇḍiya là một vị chư Thiên và cũng được bao gồm trong bài kinh này như là quỷ sự Revatī vì những câu kệ có liên quan đến Revatī (một nữ Ngạ quỷ).

*

IV.5 CAM GIÁ QUỶ SỰ (UCCHU PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Khu vườn mía rộng lớn này của tôi".

Đây là quỷ sự về cây mía. Chuyện bắt nguồn như thế nào?

Khi Đức Thế Tôn đang ngụ ở Veḷuvana thì có một người đàn ông nọ đặt một bó mía trên vai của ông ta và vừa đi vừa nhai một cây mía. Bấy giờ một thiện tín nọ có giới đức và có tánh thiện đang đi sau anh ta với đứa con nhỏ. Đứa bé trông thấy cây mía và kêu lên rằng, "Hãy cho con mía!" Vị thiện nam trông thấy đứa bé đang khóc và, khi đuổi kịp người đàn ông kia, ra sức bắt chuyện với ông ta. Nhưng người đàn ông không nói chuyện với anh chút nào cả. Ông ta cũng không cho đứa bé ngay cả một miếng mía do bởi ác ý của ông ta. Vị thiện nam chỉ về đứa con của anh ta và nói rằng, "đứa bé này đang khóc quá đỗi. Xin làm ơn cho nó một khúc mía. Khi nghe qua điều này người đàn ông, không thể chịu được điều này, tỏ vẻ khinh bỉ và với tánh cách làm nhục quăng một cây mía ở đằng sau ông ta. Đến đúng lúc ông ta chết và tái sanh trong cõi Ngạ quỷ vì đã lâu ông ta bị nhiễm tánh tham lam rồi. Quả của điều này quả thật theo đúng với nghiệp ấy, vì có sanh lên cho ông ta một khu rừng mía mà được che phủ dày đặc bởi những cây mía đen huyền có cỡ bằng cái chày và trải ra che khắp một vùng đến tám mẫu. Nhưng ngay khi ông ta đi đến vườn mía ấy vì muốn ăn một ít, bèn nghĩ rằng, "Ta sẽ lấy một ít mía." thì cây mía ấy lại đánh vào đầu của Ngạ quỷ, vì thế mà nó té xuống và ngất xỉu. Rồi vào một hôm nọ, khi Đại Đức Mahā Moggallāna đang đi đến thành Rājagaha để khất thực, ngài trông thấy Ngạ quỷ ấy trên đường đi. Khi nó trông thấy Trưởng lão, nó bèn hỏi Ngài về nghiệp mà nó đã làm và theo sau đó là cuộc trao đổi đàm thoại bằng câu kệ giữa Peta và Trưởng lão.

1. Khu rừng mía lớn này của con sanh lên là quả của những việc phước không nhỏ, nhưng bây giờ nó không có ích gì cho con. Bạch Ngài, hãy nói cho con rõ rằng đây là kết quả của điều gì?

2. Con đã đến trạng thái khổ ưu và con bị băm xác khi con cố gắng, khi con tha thiết muốn ăn một ít mía. Sức mạnh của con đã mất và khi chịu sự khó khăn lớn, con kêu khóc. Đây là kết quả của điều gì?

3. Trong nỗi thất vọng, con nằm sấp trên đất và quằn quại trong sức nóng như kẻ sống trong nước; nước mắt của con chảy xuống khi con khóc. Bạch Ngài, hãy nói cho con biết đây là kết quả của điều gì?

4. Con bị đói, mệt và khát nước; con bị khô cháy và không tìm ra sự thoải mái hay an nhàn nào. Con hỏi Ngài về vấn đề này, bạch Ngài, làm sao con có thể dùng được cây mía này?"

5. "Trong quá khứ, chính ngươi đã tạo ra một nghiệp, trong một kiếp quá khứ trong khi còn ở trong cõi người. Bây giờ ta sẽ nói cho ngươi biết vấn đề này, nếu ngươi lắng nghe, ngươi sẽ hiểu vấn đề này.

6. Ngươi đã khởi sự lên đường, đang nhai một cây mía, khi ấy một người đàn ông đi đến đằng sau ngươi, ông ta nói với người bằng sự mong mỏi nhưng ngươi không chịu nói chuyện với ông ta một chút nào cả.

7. Và trước con người khinh khỉnh nín lặng của ngươi, ông ta đã nài xin rằng, "Thưa Ngài, xin vui lòng cho một ít mía". ông ta đã nói với ngươi. Ngươi cho ông ta một ít mía từ sau lưng của ngươi. Đây chính là kết quả của nghiệp ấy.

8. Hãy nhìn đây, ngươi có thể lấy một ít mía từ đằng sau, khi ngươi đã lấy một ít rồi ngươi có thể nhai nó đến chừng nào ngươi thích, bằng cách này ngươi sẽ trở nên hoan hỉ, vui sướng, phấn khởi và được thoả mãn".

9. Ngạ quỷ đến lấy một ít mía từ đằng sau, khi đã lấy một ít mía rồi, Ngạ quỷ nhai số mía ấy đến thoả thích, bằng cách này, nó trở nên hoan hỉ, vui sướng, phấn chấn và được thoả mãn.

Tuy nhiên biến cố liên quan đến Ngạ quỷ này được biết rõ trong cõi nhân loại. Dân chúng đi đến Bậc Đạo sư và hỏi ngài về biến cố ấy. Bậc Đạo sư giải thích đầy đủ chi tiết vấn đề ấy và rồi thuyết giảng chánh Pháp. Khi họ đã nghe qua Pháp thoại này thì hội chúng ấy bèn từ bỏ bợn nhơ của lòng bỏn sẻn.

*

IV.6 TIỂU NHI QUỶ SỰ (KUMĀRA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Thành phố có tên là Sāvatthi".

Bậc Đạo sư khi đang ngụ ở Jetavana, đã kể lại quỷ sự này, liên quan đến hai con Ngạ quỷ.

Tương truyền rằng tại Sāvatthi, có hai đứa con trai của vua Kosala, cả hai đều đẹp trai và đang ở trong thời kỳ thanh xuân của cuộc đời, nhưng lại say mê với sự ngã mạn về tuổi trẻ, chúng đi đến với những người vợ của những người đàn ông khác. Khi chúng chết, chúng tái sanh làm những con Ngạ quỷ trong cái hào, và vào lúc ban đêm, chúng thường kêu than bằng tiếng kêu khủng khiếp. Khi dân chúng nghe tiếng này, họ bị khiếp đảm. Họ bố thí vật thực đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu với ý nghĩ rằng, "khi đã hành động như vậy, điều xấu này có thể bị vơi dịu đi", và nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói rằng, "Này các thiện tín, không có tai hoạ nào có thể đến với các ngươi do nghe tiếng kêu ấy". Và rồi Ngài nói lên những câu kệ này để giải thích nguyên nhân của nó và để thuyết pháp cho họ:

1. Thành phố mang tên là Sāvatthi nằm ở bên sườn của dãy núi Himālaya. Ta đã nghe rằng ở đó có hai cậu con trai của vua.

2. Say mê trong sự quyến rủ và đang tìm khoái lạc trong sự thoả mãn các căn của chúng, chúng thèm khát hạnh phúc hiện tại và không quan tâm đến tương lai.

3. Và, khi lìa bỏ kiếp người, chúng đi từ đây đến thế giới bên kia, bây giờ không được trông thấy, chúng than phiền về điều ác mà chúng đã làm trong quá khứ khi nói rằng:

4. "Dầu vật tặng và những vật thí cúng dường có nhiều, đã được sửa soạn rồi, nhưng chúng ta đã không thể làm ngay cả đến một chừng mức có giới hạn để đem lại hạnh phúc cho chúng ta.

5. Điều ác nào có thể lớn hơn điều ác này, khiến chúng ta rơi khỏi gia đình của vua và sanh trong cõi Ngạ quỷ, chịu đói và khát?"

6. Sau khi đã làm những người cai trị ở chỗ này, chúng không còn là những người cai trị ở chỗ kia nữa. Chúng đi lang thang trong sự đói khát; trong khi còn làm người, chúng đã từng có địa vị cao tột. Bây giờ chúng ở địa vị thấp nhất.

7. Khi sự bất lợi bắt nguồn từ sự say mê với quyền lực được nhận ra và sự say mê quyền lực này được từ bỏ, thì con người đi về thiên giới; vào lúc thân hoại mạng chung, con người có trí tuệ như vậy sẽ sanh trong cõi chư Thiên.

Khi Bậc Đạo sư đã giải thích như vậy vấn đề về các Ngạ quỷ ấy, và khiến cho sự bố thí vật thực mà những người ấy đã làm đem hồi hướng đến những Ngạ quỷ ấy, Ngài thuyết giảng chánh pháp thích hợp với những căn tánh của hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

*

IV.7 VƯƠNG NHI QUỶ SỰ (RĀJAPUTTA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Những ác nghiệp được làm trong quá khứ".

Bậc Đạo sư khi đang ngụ ở Jetavana, đã kể lại quỷ sự này, liên quan đến một Peta mà đã từng làm con trai của một vị vua.

Liên quan đến điều này, Ngạ quỷ kia là kẻ mà đã lâu là con trai của một vị vua tên là Kitava và cách đây đã lâu nó cũng đã xúc phạm đến một vị Phật Độc Giác, nên phải tái sanh trong cõi Ngạ quỷ như là một dư báo của chính nghiệp ấy; do bởi nghiệp ấy, nó đã bị nấu sôi trong địa ngục trong nhiều ngàn năm rồi, và chính nó là kẻ được nêu ra ở đầy bằng câu kệ "Vị Peta ấy là kẻ đã từng làm con trai của Đức vua".

Câu chuyện về Ngạ quỷ này đúng như câu chuyện đã được nêu ra đầy đủ chi tiết trong quỷ sự Sānu-vāsiṃ và do đó câu chuyên ấy nên được xem theo cùng cách như nó đã được nêu ra ở đó. Khi Trưởng lão đang giải thích vấn đề về những quyến thuộc Ngạ quỷ của vị ấy thì Bậc Đạo sư nói rằng, "đây không chỉ là trường hợp đối với quyến thuộc của ngươi, vì ngươi cũng từng làm một Peta trong kiếp ngay trước của ngươi và đã chịu đau khổ lớn", và theo lời thỉnh cầu của vị ấy, Bậc Đạo sư kể lại Vương nhi quỷ sự.

1. Kết quả của những nghiệp được làm trong quá khứ thường làm nhiễu loạn tâm; đó là sắc, thinh, hương, vị, và xúc, tất cả đều làm cho tâm hoan hỷ.

2. Khi vị ấy đã hưởng sự nhảy múa, ca hát, khoái lạc và sự vui chơi đến một giới hạn không nhỏ, vị ấy vui chơi trong vườn Ngự uyển. Khi vị ấy đi vào Giribbaja.

3. Vị ấy trông thấy ẩn sĩ Sunetta, bậc đã nhiếp phục tự ngã và đã tập trung, thiểu dục, có sự độ lượng và thoả thích trong bất cứ cái gì phát sanh đến trong bát khất thực của Ngài.

4. Hoàng tử đi xuống khỏi lưng voi và nói rằng, "Thưa Ngài, Ngài có kiếm được cái gì không?" Khi ấy vị Sát-đế-lỵ giựt lấy cái bát của Ngài và đưa nó lên.

5. Rồi đập vỡ cái bát xuống đất cứng và rồi vừa đi vừa cười to, khi nói rằng, "Ta là con trai của vua Kitava. Ngươi có thể làm gì được ta, hỡi con người ăn xin như ngươi?". Kết quả của ác nghiệp ấy mà đứa con trai của đức vua phải lãnh chịu trong khi bị giam hãm trong địa ngục thật ác liệt.

7. Trong bốn lần tám mươi bốn của mười ngàn năm Nahuta, kẻ làm ác ấy chịu đau đớn dữ dội trong địa ngục.

8. Nó bị nấu sôi khi nằm ngưỡng mặt lên và úp mặt xuống dưới, ở bên trái và bên phải; hai chân bị treo ngược và chỉ đứng, kẻ ngu ấy bị nấu trong một thời gian dài.

9. Trong nhiều Nahuta và trong nhiều ngàn năm nữa, kẻ làm ác ấy chịu đau khổ mãnh liệt trong địa ngục.

10. Đó là tính khốc liệt dành cho những kẻ làm hại những kẻ vô tội. những người làm những ác nghiệp như lăng mạ một vị ẩn sĩ có tâm đạo nhiệt thành, thì phải bị nấu sôi.

11. Nó lãnh chịu nhiều đau khổ ở đó trong nhiều năm và khi nó rơi khỏi đó, nó làm một Ngạ quỷ thực sự bị đói và khát.

12. Khi điều bất lợi bắt nguồn từ sự say mê với quyền lực được nhận ra và sự say mê với quyền lực này được từ bỏ, thì người ta sẽ hành động bằng cách khiêm nhường.

13. Người mà có đầy đủ sự tôn kính đối với chư Phật thì trong chính đời sống này sẽ được khen ngợi; và vào lúc thân hoại mạng chung, con người có trí tuệ này sẽ sanh lên trong thiên giới.

Như vậy bằng bài pháp thoại này, liên quan đến Ngạ quỷ mà đã từng là con trai của một vị vua, Đức Thế Tôn đã làm xúc động những người đã hội họp ở đó, và sau đó giảng giải tứ đế và vào lúc kết thúc của thời Pháp ấy, nhiều người chứng đắc quả thánh Tu-đà-huờn v.v...

*

IV.8 PHẨN THỰC QUỶ SỰ (GŪTHAKHĀDAKA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Sau khi đứng dậy khỏi nhà xí".

Bậc Đạo sư khi đang ngụ tại Jetavana, đã kể lại quỷ sự này liên quan đến một Ngạ quỷ ăn phẩn.

Tương truyền rằng trong một ngôi làng nọ không cách xa thành Sāvatthi, một người đàn ông giàu có đã sai dựng lên một tịnh xá dành cho một vị Tỳ khưu mà sống nhờ vào vật thí trong gia đình của ông ta. Các vị Tỳ khưu từ nhiều vùng khác nhau thường đến và trú ngụ ở đó. Khi trông thấy các Ngài thì dân chúng, với lòng tịnh tín trong tâm, bèn dâng cúng đến các Ngài bốn món vật dụng tốt nhất. Bấy giờ vị Tỳ khưu mà sống nhờ vào vật thí của gia đình ấy không thể chịu đựng điều này và, bị chế ngự bởi lòng ganh tỵ, bèn chọc tức vị gia chủ giàu có ấy bằng cách nói cho vị gia chủ biết những lỗi lầm

của những vị Tỳ khưu mà sống nhờ vào vật thí trong gia đình của ông ta, lăng mạ họ.

Rồi vị Tỳ khưu sống nhờ vào vật thí của gia đình chết và tái sanh làm một Ngạ quỷ trong nhà xí của chính tịnh xá ấy, trong khi người đàn ông giàu có chết, ông ta tái sanh làm một Ngạ quỷ ở ngay trên đầu của con Ngạ quỷ kia. Khi Đại Đức Mahā Moggal-lāna trông thấy nó, Ngài bèn hỏi nó bằng câu kệ này:

1. "Ai mà đứng trong trạng thái khốn khổ sau khi đứng dậy khỏi nhà xí? Không nghi ngờ gì, ngươi là một kẻ làm ác - tại sao ngươi tạo ra tiếng ồn ấy".

Khi nghe qua điều này, Ngạ quỷ ấy bèn để lộ chơn tướng của mình bằng câu kệ này:

2. "Bạch Ngài, con là một Ngạ quỷ đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama. Sau khi đã làm ác nghiệp, con đã ra đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỷ".

Rồi Trưởng lão hỏi nó về nghiệp mà nó đã làm bằng câu kệ này:

3. "Vậy ác nghiệp nào được làm bởi ngươi bằng thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của ác nghiệp nào khiến ngươi bây giờ phải chịu đau khổ này?"

Rồi Ngạ quỷ ấy nói cho Trưởng lão biết về nghiệp mà nó đã làm bằng hai câu kệ này:

4. "Con đã từng cúng dường một người thường trú, là người có tánh ganh tỵ và bỏn sẻn, ở quanh gia đình của con; vị ấy luyến ái với gia đình của con, là người bần tiện và hay lăng mạ.

5. Khi con đã nghe điều mà vị ấy đã phải nói ra, con lăng mạ các vị Tỳ khưu, chính do kết quả của nghiệp ấy khiến con phải đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỷ".

Khi nghe qua điều này, Trưởng lão bèn nói lên câu kệ này để hỏi về số phận của vị Tỳ khưu kia:

6. Người mà sống nhờ vào gia đình của ngươi về vật thực, là một kẻ thù mang lốt một người bạn. Con người ngu si ấy đã đi đến sanh thú nào khi thân hoại mạng chung?

Chú giải:

6. Ở đây, TRONG LỐT CỦA MỘT NGƯỜI BẠN (Mitta vaṇṇena): Bằng tướng mạo của một người bạn, cải trang làm một người bạn.

Ngạ quỷ ấy lại giải thích vấn đề ấy với Trưởng lão:

7. Con đang đứng ở trên đầu, ở trên đỉnh đầu của chính người làm ác nghiệp ấy. Vị ấy đã đi đến cõi kia và làm một người hầu cho riêng con.

8. Bạch Ngài, cái gì mà những người khác thải ra thì cái đó trở thành vật thực của con; trong khi đó cái gì chính con thải ra thì Ngạ quỷ hầu ấy phải sống bằng cái đó".

Đại Đức Mahā Moggallāna nêu lên vấn đề với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và, sau khi chỉ ra những qủa khổ của sự nói lăng mạ, bèn thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

*

IV.9 THỰC PHẨN QUỶ SỰ (GŪDHAKĀDAKA PETAVATTHU VAṆṆANĀ)

"Sau khi đứng dậy khỏi nhà xí".

Quỷ sự này được nói đến khi Bậc Đạo sư đang ngụ tại Jetavana, liên quan đến một nữ Ngạ quỷ ăn phẩn.

Câu chuyện của nàng tương tự như câu chuyện trước. Ở đó, vì tịnh xá được dựng lên bởi nàng tín nữ ấy, nên nó đã được kể lại liên quan đến tín nữ ấy. Tuy nhiên ở đây, đó là một tín nữ. Đây là sự khác biệt duy nhất. Trong phần còn lại của câu chuyện này và những câu kệ thì không có cái gì mà không có ở trong câu chuyện trước.

*

IV.10 QUẦN TẬP QUỶ SỰ (GAṆA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Các ngươi trần truồng và có hình tướng xấu xí".

Quỷ sự này được kể lại trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Jetavana, liên quan đến một số đông những Ngạ quỷ.

Tương truyền rằng, tại Sāvatthi có một số đông những người nọ làm thành một nhóm người không có đức tin cũng không có lòng tịnh tín, tâm của họ bị ám ảnh bởi bợn nhơ của lòng bỏn sẻn và chống lại các thiện hạnh như bố thí v.v... Chúng sống một thời gian dài và vào lúc thân hoại mạng chung, chúng tái sanh vào trong cõi Ngạ quỷ, ở gần với thành phố ấy. Bấy giờ vào một hôm nọ, khi Đại Đức Mahā Moggal-lāna đang đi đến Sāvatthi để khất thực, Ngài trông thấy những Ngạ quỷ ấy trên đường đi của Ngài và hỏi chúng bằng câu kệ này:

1. Các ngươi trần truồng và có hình tướng thô xấu, gầy ốm với những đường gân lộ ra. Các ngươi là những người ốm yếu với những xương sườn lồi ra, bây giờ các ngươi là ai, thưa các ngài?

Khi chúng nghe qua điều này, thì những Ngạ quỷ ấy bèn nói câu kệ này để cho biết rằng chúng là những Ngạ quỷ.

2. Bạch Ngài, chúng con là những Ngạ quỷ, đã đi đến kiếp sống đau khổ trong thế giới của Yama. Sau khi đã làm những ác nghiệp, chúng con đã đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỷ.

Trưởng lão lại hỏi một lần nữa về nghiệp mà chúng đã làm bằng câu kệ này:

3. "Vậy ác nghiệp nào được làm bởi các người bằng thân khẩu hay ý? Do quả của ác nghiệp nào khiến các ngươi phải đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỷ?"

Rồi chúng giải thích nghiệp mà chúng đã làm:

4. Ở những chỗ tắm công cộng, chúng con tìm kiếm những đồng tiền nhỏ; dầu những thí vật ở trong tầm tay nhưng chúng con không làm làm nơi nương tựa cho chính chúng con.

5. Chúng con đi đến con sông, cổ họng bị khô cháy, nhưng nó lại trở nên trống rỗng; giữa sức nóng, chúng con đi đến bóng mát nhưng nó trở nên bị thiêu đốt bởi mặt trời.

6. Và một làn gió như lửa thổi vào chúng con, đốt cháy chúng con, nhưng chúng con đáng bị điều này, bạch Ngài, và đau khổ khác còn kinh khủng hơn thế này.

7. Hơn nữa, chúng con đi xa những do tuần, bị đói và muốn vật thực, nhưng lại quay lui mà không kiếm được gì cả. Phước của chúng con thật là mỏng manh.

8. Bị đói, mệt lả, lảo đảo và chìm xuống đất, chúng con nằm ngửa xoài người ra hay chúng con té ngã úp mặt xuống đất.

9. Khi chúng con té ngay chỗ ấy, lịm người xuống đất, chúng con đánh rầm những cái đầu và ngực của chúng con. Quả thật phước của chúng con thật là mỏng manh.

10. nhưng chúng con đáng bị điều này, bạch Ngài, và đau khổ khác còn kinh khủng hơn thế này, vì dầu thí vật ở trong tầm tay, nhưng chúng con không làm chỗ nương tựa cho chính chúng con.

11. Rồi sau đó, khi chúng con đã ra đi khỏi đây và có được kiếp người trở lại, chúng con sẽ niềm nở, có giới đức và quyết tâm làm nhiều thiện nghiệp.

Trưởng lão nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã hội họp ở đó. Khi nghe qua pháp thoại này mọi người đều từ bỏ bợn nhơ của lòng bỏn sẻn và thiên về thiện hạnh, thực hành những việc phước như bố thí v.v...

*

IV.11 HOA TỬ QUỶ SỰ (PĀṬALIPUTTA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Ngươi đã trông thấy những địa ngục và cõi súc sanh".

Quỷ sự này được kể lại khi Bậc Đạo sư đang ngụ tại Jetavana, liên quan đến một Vimāna Peta nọ.

Tương truyền rằng nhiều thương nhân mà là những dân cư của thành Sāvatthi và thành Pāṭali- putta đang đi bằng những chiếc thuyền đến Suvaṇ-ṇabhūmi. Khi ấy một vị thiện nam nọ, luyến ái với một người đàn bà, bị ngã bệnh và chết. Dầu anh ta đã làm những thiện nghiệp nhưng anh ta không sanh trong cõi Devaloka mà lại sanh làm một vị Vimāna Peta ở dưới đại dương, do bởi lòng luyến ái của anh ta với người đàn bà ấy. Người đàn bà mà anh ta đã luyến ái đang trên đường đi trong chiếc thuyền đến Suvaṇṇabhūmi. Bấy giờ, vị Peta vì muốn bắt người đàn bà ấy, bèn ngăn chặn không cho chiếc thuyền di chuyển. Rồi những thương nhân ấy khi tự hỏi lý do gì có thể khiến cho chiếc thuyền không di chuyển, bèn chuyền quanh cái thăm mà có điềm xấu và, do bởi năng lực thần thông của phi nhân, cái thăm đến nằm với người đàn bà không dưới ba lần, chính người đàn bà mà vị ấy ái luyến. Khi trông thấy điều này thì những thương nhân thả xuống một bó tre trong biển và để người đàn bà xuống ở trên bó tre ấy, và ngay khi người đàn bà đã được để xuống thì chiếc thuyền di chuyền đi nhanh đến Suvaṇṇabhūmi. Vị phi nhân dẫn người dẫn người đàn bà lên đến cung điện của vị

ấy và hưởng những thú vui tình ái với nàng. Khi nàng đã trải qua một năm ở đó, nàng trở nên bất mãn và xin vị Peta ấy khi nói rằng, "Chừng nào em còn sống ở đây thì em không thể hành động cho lợi ích của em ở thế giới sau. Xin hãy đưa em đến Pāṭaliputta, thưa Ngài"; Khi bị nài xin như vậy bởi nàng, vị ấy bèn nói lên câu kệ này:

1. Nàng đã trông thấy địa ngục và cõi súc sanh, những Ngạ quỷ, những vị A-tu-la, cũng như người và chư thiên; chính nàng đã trông thấy những quả nghiệp của một người rồi. Ta sẽ đưa nàng an toàn đến Pāṭaliputta. Khi nàng đã đi đến đó rồi, nàng phải làm những việc thiện.

Khi người đàn bà đã nghe điều mà vị ấy đã phải nói ra, nàng lấy làm hoan hỷ và nói lên câu kệ này:

2. Ngài muốn cho tôi được tốt, hỡi Yak-kha, Ngài muốn cho tôi được lợi ích. Hỡi Devatā, tôi sẽ làm điều gì mà ngài nói, Ngài là thầy của tôi. Tôi đã trông thấy những địa ngục và cõi súc sanh, những vị Peta, những vị Asura cũng như loài người và chư thiên; chính tôi đã trông thấy những quả nghiệp của một người. Những việc phước mà tôi quyết định sẽ làm không phải nhỏ.

Rồi vị Peta ấy dẫn người đàn bà đi xuyên qua hư không và đặt nàng ở giữa thành phố Pāṭaliputta rồi ra đi. Khi những người bạn và những quyến thuộc v.v.. của nàng trông thấy nàng, thì họ vui mừng nghĩ rằng, dầu họ đã nghe trước kia rằng nàng đã bị thả vào trong biển và đã chết, tuy nhiên bây giờ nàng được trông thấy và, đầy biết ơn, đã trở về an toàn. Và sau khi xúm lại quanh nàng hỏi nàng về biến cố. Nàng đã kể cho họ nghe mọi chuyện mà nàng đã thấy và đã trải qua, ngay từ đầu. Hơn nữa, những thương nhân mà là những dân cư của thành Sāvatthi đúng lúc đã đến tại Sāvatthi. Họ đi đến Bậc Đạo sư trong thời gian thích hợp, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống ở một bên, nêu lên vấn đề với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết giảng Chánh Pháp cho tứ chúng. Dân chúng, đầy xúc động, trở nên thiên về những thiện nghiệp như bố thí v.v...

*

IV.12 ÂM-BA QUỶ SỰ (AMBA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Hồ sen này của ngươi thật vô cùng khả ái".

Quỷ sự này được Bậc Đạo sư kể lại khi Ngài đang ngụ ở Sāvatthi, liên quan đến một Ambapeta.

Tương truyền rằng, tại Sāvatthi có một gia chủ nọ có của cải đã bị khánh kiệt. Vợ của ông ta đã chết và ông ta có một đứa con gái duy nhất, là người mà ông ta bỏ lại ở nhà của một người bạn và rồi, khi mang hàng hóa mà ông ta đã mua với số tiền vay một trăm Kahāpana, ông ta lên đường với một đoàn thương nhân để buôn bán, và chẳng bao lâu quay về nhà với đoàn thương nhân sau khi đã kiếm được một món tiền lời gồm năm trăm Kahāpana, phụ thêm với số tiền vốn. Trên đường đi, những tên cướp đi đến đoàn thương nhân và bao vây họ, và những người trong đoàn thương buôn bỏ chạy tứ tán. Tuy nhiên, vị gia chủ, để những đồng Kahāpana trong một cái bị và giấu gần đó,

nhưng những tên cướp lại bắt và giết ông ta. Vì lòng tham lam của cải nên ông ta phải tái sanh làm một Peta trong chính chỗ ấy.

Khi những vị thương nhân trở lại Sāvatthi, họ thuật lại biến cố ấy với đứa con gái của ông ta, nàng đầy bất an và khóc than thảm thiết cho cả cái chết của cha nàng và khóc vì lòng mong mỏi phương tiện kiếm sống của chính nàng. Một người đàn ông giàu có mà đã từng là bạn của cha nàng khi ấy an ủi nàng, nói rằng, "Cũng như những cái nồi của người thợ gốm, tất cả đều có sự hoại diệt khi chúng kết thúc; do đó đời sống của chúng sanh cũng có sự hoại diệt vì sự kết thúc, cũng vậy đời sống của chúng sanh cũng có sự hoại diệt vì sự kết thúc của nó. Cái chết là thông thường đối với tất cả và không có loại thuốc chữa trị nào. Bởi vậy, con đừng nên ưu bi và ta thán quá mức cho cha của con. Ta sẽ làm cha của con và con sẽ là con gái của ta. Ta sẽ làm điều gì phải được làm cho cha của con. Con có thể sống hạnh phúc trong ngôi nhà này, không lo lắng, cũng như nó là nhà của cha con vậy". Nỗi sầu khổ của nàng được lắng dịu khi nghe những lời dạy này của ông ta và nàng trở nên có đầy sự tôn kính và tôn trọng đối với ông ta, tựa như ông ta chính là cha của nàng vậy; và do những hoàn cảnh khốn khổ của nàng, nàng trở thành người giữ nhà cho ông ta.

Khi thời gian trôi qua, nàng muốn tổ chức những lễ cúng cho người chết đến cha của nàng. Nàng nấu một ít cháo và trong một cái bát bằng đồng, nàng đặt một số trái xoài ngọt và đã chín lụng và có màu đỏ của chất tỳ sương, nàng sai người tớ gái mang cháo, những trái xoài đi theo nàng đến tịnh xá, vào đảnh lễ Bậc Đạo sư và rồi nói như vầy, "Cầu xin Bậc Đạo sư rũ lòng bi mẫn mà thọ

nhận vật thí này của con". Bậc Đạo sư, tâm của Ngài bị rung động bởi lòng đại bi, khi làm cho ước muốn của nàng được thành tựu viên mãn, bèn tỏ ý muốn rằng Ngài sắp ngồi xuống. Quá vui sướng,nàng trải ra một tấm vải sạch và mới mà nàng đã đem theo, và sửa soạn một chỗ ngồi cho đức Phật cao quý, rồi dâng cúng chỗ ngồi này. Đức Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được sửa soạn. Rồi nàng dâng món cháo đến Đức Thế Tôn và Đức Thế Tôn nhận lãnh món cháo. Rồi nàng cũng dâng cháo đến Chư Tăng, dành cho Chư Tăng. Sau khi nàng đã bố thí món cháo, một lần nữa với hai tay sạch sẽ, nàng dâng đến Đức Thế Tôn những trái xoài và rồi Đức Thế Tôn thọ thực. Nàng đảnh lễ Đức Thế Tôn và tác bạch như vầy, "Bạch Đức Thế Tôn, sự bố thí này mà con đã làm bằng vật thí gồm cái toạ cụ được trải ra, món cháo và những trái xoài, cầu xin cho vật thí ấy thấu đến cha của con"; Đức Thế Tôn nói rằng, "chúc thành tựu như ý" và ban lời phúc chúc. Nàng đảnh lễ Đức Thế Tôn, đi vòng quanh Ngài và hướng về hướng phải rồi ra đi.

Ngay khi nàng hồi hướng phước thí ấy thì vị Peta ấy có được một rừng xoài, một công viên, một lâu đài, một cây như ý và một hồ sen như là sự vinh quang của chư Thiên. Rồi vào một dịp khác nọ, khi những thương nhân ấy đang đi để buôn bán, họ đi đến chính con đường ấy và cắm trại qua đêm ở chỗ mà họ đã ngụ lúc trước. Khi trông thấy họ, vị Vimāna Peta hiện ra trước mặt họ cùng với công viên lâu đài v.v... của vị ấy. Khi trông thấy vị Peta ấy, những vị thương nhân bèn nói lên hai câu kệ này để hỏi về sự vinh quang mà vị ấy đã nhận được:

1. Hồ sen này của ngài thật vô cùng khả ái. Những bờ hồ xinh đẹp của nó bằng phẳng và nó có nhiều nước. Nó có nhiều hoa và lấm tấm khắp nơi những đàn ong. Làm sao Ngài sanh ra mà có được cái hồ khả ái này?

2. Và khu rừng xoài này của ngài thật vô cùng khả ái và có trái suốt bốn mùa. Nó đang nở hoa và lấm tấm khắp nơi những đàn ong. Làm sao Ngài sanh ra mà có được lâu đài này?

Khi nghe qua điều này, vị Peta bèn nói lên câu kệ này để giải thích cái gì là nguyên nhân khiến vị ấy có được hồ sen ấy v.v...:

3. Một vật thí bằng những trái xoài chín, nước và cháo, được cho ra bởi con gái của tôi. Chính do bởi điều này khiến cho tôi nhận được bóng che mát mẻ và khả ái này ở đây.

Khi đã nói như vậy, vị Peta dẫn những thương nhân đi và chỉ cho họ thấy năm trăm Kahapana khi nói rằng, "Các người có thể lấy một nửa của số tiền này và cho nửa kia đến con gái của tôi, bảo nàng hãy làm sạch món nợ của tôi và sống thanh thản".

Đến đúng lúc, những thương nhân đi đến Sāvatthi, kể cho đứa con gái của ông ta biết và cho nàng mọi thứ bao gồm phần tiền mà ông ta đã trao cho họ. Nàng trả một trăm Kahāpana đến những chủ nợ của ông ta và cho phần còn lại đến người đàn ông giàu có mà đã là bạn của cha nàng và, đối với chính nàng, vẫn ở lại làm người giữ nhà cho ông ta. Nhưng ông ta cho lại nàng món tiền ấy khi nói rằng, "Tất cả món tiền này là của riêng con". Và cho nàng làm nữ chủ trong ngôi nhà của đứa con trai đầu lòng của ông ta. thời gian sau, nàng có một đứa con trai và nàng thường nói câu kệ này khi nàng chăm sóc nó:

4. Hãy xem kết quả, ngay trong đời sống này, của sự bố thí, của sự thu thúc và tự chế. Tôi là một nữ nô lệ trong gia đình của chủ tôi, và bây giờ là nàng dâu của ông ta, cũng là nữ gia chủ.

Rồi một hôm nọ Bậc Đạo sư, sau khi đã xem kỹ sự chín muồi trong tâm của nàng, bèn phóng ra hào quang của Ngài và hiện ra tựa như đang đứng đối diện với nàng, và rồi nói lên câu kệ này:

5. Người mà không siêng năng, bị chinh phục bởi sắc khả ái của những kẻ không khả ái, bởi sắc tướng dễ thương của những kẻ không dễ thương và bởi sắc tướng khả ái của cái đem lại đau khổ.

Nghĩa là: Những người nào mà không siêng năng và chánh niệm không hiện hữu trong họ, thì bị ngự trị, bị chiến thắng và bị che mờ bởi sắc tướng hảo huyền của ba cái này.

Vào lúc kết thúc của câu kệ này, nàng được an trú trong quả Thánh Tu-đà-hườn; và ngày hôm sau, nàng bố thí vật thực đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu, và rồi nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp ấy đem lại lợi ích cho những người ấy.

*

IV.13 MỘC TRỤC QUỶ SỰ (AKKHARUKKHA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Khi một người cho ra thì không phải ngay ở đó".

Đây là quỷ sự về người bố thí một cái trục xe. Câu chuyện bắt nguồn như thế nào?

Khi Đức Thế Tôn đang ngụ ở Sāvatthi, thì có một vị thiện nam nọ, là dân cư của thành Sāvatthi chất đầy hàng hóa vào một số cỗ xe và đi đến Videha để buôn bán. Ông ta bán hàng hóa của ông ta ở đó và chất đầy những hàng hóa mà ông ta đã mua lại, cho vào trong những cỗ xe của ông và rồi đi vào con đường dẫn đến Sāvatthi. Khi ông đang đi dọc theo con đường ấy ở trong khu rừng thì cái trục xe của một trong những chiếc xe của ông bị gãy. Bấy giờ có một người đàn ông nọ mà sau khi đã rời khỏi ngôi làng của ông ta và đang cho người mang theo cái rìu và búa để đốn cây đem về, đang lang thang trong rừng và đi đến chỗ ấy. Ông ta trông thấy tâm trạng chán nản của vị thiện nam do vì cái trục xe bị gãy ấy, bèn nghĩ rằng, "Vị thương nhân này đang sầu khổ ở trong rừng do vì cái trục xe bị gãy ấy". Và khi đem lòng thương hại vị thương nhân ấy, ông ta đốn hạ một cây, làm một cái trục xe cứng cáp, tặng nó cho vị thương nhân và gắn nó vào cỗ xe. Đến đúng lúc, ông ta chết và sanh làm một vị chư thiên địa cầu trong cùng chỗ ấy ở trong khu rừng.

Khi đã quán xét về những nghiệp của mình vào lúc ban đêm, ông ta đi đến nhà của vị thiện nam ấy và nói lên câu kệ này khi đứng ở cửa nhà:

1. Khi người bố thí thì nó không phải chỉ nằm ở đó thôi đâu, người nên cho ra những vật thí đi. Khi người đã bố thí rồi thì người sẽ vượt qua cả hai, người đi đến cả hai bằng phương tiện này. Hãy giác tỉnh! Đừng dễ duôi!

Khi vị thương nhân đã làm xong điều gì ông ta cần phải làm, ông ta quay về và đúng lúc đến tại Sāvatthi vào ngày hôm sau. Ông ta đi đến Bậc Đạo sư, đảnh lễ Ngài, và khi ngồi xuống ở một bên, ông ta nêu lên vấn đề với Đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Thời pháp đã đem lại lợi ích cho những người đã tụ họp ở đó.

*

IV.14 SÚC TÀI QUỶ SỰ (BHOGASAṂHARAṆA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Chúng ta tích lũy của cải".

Đây là quỷ sự về sự tích lũy. Nó bắt nguồn như thế nào?

Tương truyền rằng khi Đức Thế Tôn đang ngụ tại Veḷuvana, có bốn người đàn bà ở thành Rājagaha đang bận rộn trong việc buôn bán thục tô, mật ong, dầu và ngũ cốc v.v... kiếm lợi một cách phi pháp bằng sự đong lường gian dối và bằng những mánh khóe bịp bợm khác. Vào lúc

thân hoại mạng chung sau khi chết, họ sanh làm những nữ Ngạ quỷ trong một cái hào ở bên ngoài thành phố. Vào lúc ban đêm, họ bị hành hạ bởi nỗi đau khổ và đi lang thang phát ra tiếng kêu to lớn và kinh khủng khi gào lên rằng:

1. "Chúng ta tích lũy của cải đúng pháp và phi pháp. Bây giờ của cải này được hưởng bởi những người khác, trong khi số phận của chúng ta là đau khổ".

Dân chúng lấy làm khiếp đảm khi họ nghe tiếng gào la này; và khi trời hừng sáng, họ tổ chức một cuộc bố thí vật thực lớn đến Chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu và khi thỉnh Bậc Đạo sư và Tăng chúng đến, họ phục vụ các Ngài bằng vật thực thượng vị loại cứng loại mềm. Khi Đức Thế Tôn đã thọ thực xong và tay rời khỏi bát, họ ngồi xuống ở gần kề và kể lại biến cố ấy. Đức Thế Tôn nói rằng, "Nầy chư thiện tín, không có tai hoạ nào đến với các ngươi trong tiếng ấy cả. Đó chỉ là bốn nữ Ngạ quỷ bị hành hạ đau khổ, đang ta thán kêu to trong nỗi thất vọng của chúng sau khi nói về ác nghiệp mà chúng đã làm, chúng đã nói câu kệ này:

2. Chúng ta tích lũy của cải đúng Pháp và không đúng pháp. Bây giờ của cải này được hưởng bởi những người khác, trong khi đó số phần của chúng ta là đau khổ".

Khi Đức Thế Tôn đã nói câu kệ như vậy mà được thốt lên bởi những Ngạ quỷ và kể lại biến cố ấy, Ngài lấy đó làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và thuyết pháp đến hội chúng đã tụ họp ở đó. Sau khi giải thích bốn chân lý cao thượng và sau khi kết thúc thời pháp ấy, nhiều người chứng đắc quả thánh Tu-đà-hườn v.v...

*

IV.15 THƯƠNG TỬ QUỶ SỰ (SEṬṬHIPUTTA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Trong sáu chục ngàn năm".

Đây là quỷ sự về những đứa con trai của vị phú thương. Câu chuyện bắt nguồn như thế nào?

Đức Thế Tôn đang ngụ ở Jetavana, tại Sāvatthī. Lúc bấy giờ vua nước Kosala là Pāsenadi, đang đi quanh thành phố trong uy quyền vĩ đại của vua, trong sự rực rỡ vĩ đại của vua, trang phục oai phong và cỡi trên con voi kiết tường nhất. Vị ấy trông thấy một người đàn bà có sắc đẹp giống như một nữ thần, nàng mở các cửa sổ ở gác trên của một ngôi nhà nọ và đang nhìn xuống xem sự vinh quang của vua. Với tâm bị ngự trị bởi sự tấn công dồn dập của những ô nhiễm đã nhanh chóng sanh lên trước một cảnh sắc mà vị ấy chưa hề trông thấy trước kia và dầu vị ấy đã có một hậu cung mà ở trong đó những cung nữ có những đặc tánh nổi bật như gia đình quý phái, sắc đẹp và thiện hạnh v.v.. Tuy nhiên đức vua vẫn đem lòng yêu thương người đàn bà ấy vì tâm của vị ấy dao động và khó nhiếp phục. Đức vua ra hiệu cho người đàn ông ngồi ở gần tựa như muốn nói rằng, "Ngươi hãy để ý chỗ ngụ có tầng gác ấy và người đàn bà ấy", và rồi đi vào hoàng cung. Mọi điều khác sẽ được hiểu như đã giải thích ở trước rồi trong quỷ sự Ambasakkhara nhưng có sự khác biệt này. Ở đây, người đàn ông đi đến ngay trước khi mặt trời lặn, khi cổng thành bị đóng lại, và treo đất sét đỏ và những hoa súng mà anh ta đã mang về ở trên cột của cái cổng, và rồi đi đến Jetavana để ngủ. Trong khi đó đức vua, là người đã đi ngủ trong phòng ngủ của vua, vào canh giữa nghe bốn tiếng, "Du, sa, na, so", tựa như được thốt ra trong nỗi thất vọng từ cuống họng.

Tương truyền rằng đây là những chữ đầu của những câu kệ được thốt ra bởi bốn đứa con trai của vị phú thương mà đã lâu là những dân cư của thành Sāvatthi, và là những người mà trong thời thanh xuân của chúng đã say mê với sự ngã mạn về của cải và đi chung với vợ của những người đàn ông khác, nên đã gây ra nhiều tội lỗi. Về sau chúng chết và sanh ra trong một cái vạc sắt gần chính thành phố ấy. Khi chúng đang bị nấu sôi, chúng thường nổi lên ở bờ miệng của cái vạc sắt,

mỗi người nói lên một câu kệ, nhưng ngay khi chúng thốt ra chữ đầu thì chúng bị những cảm thọ đau đớn giáng xuống và chìm vào cái vạc sắt.

Khi Đức vua nghe tiếng ồn ào ấy, vị ấy đầy kinh hãi, bị giao động và tóc dựng đứng. Vị ấy trải qua phần còn lại của đêm trong đau khổ, và vào lúc trời rạng sáng sai gọi vị Tư tế quan đến và kể cho ông ta nghe biến cố ấy. Khi vị Tư tế quan ấy biết được sự sợ hãi của đức vua, thì vị ấy, vì tham lam lợi lộc, suy nghĩ rằng, "một cách kiếm lợi dành cho ta và những Bà-la-môn đã sanh lên", Và nói rằng, "Tâu đại vương, một tai hoạ lớn chắc chắn đã sanh lên. Ngài phải cúng tế bốn cái của mỗi loài sinh vật".

Khi nghe qua lời đáp lại này, đức vua bèn truyền lịnh cho những vị quan cố vấn đặc biệt rằng, "hãy sai sửa soạn bất cứ cái gì cần thiết cho cuộc cúng tế bốn vật của mỗi loại": Khi nghe qua lệnh truyền này, hoàng hậu Mallikā nói với đức vua rằng, "Tâu đại vương, tại sao ngài lắng nghe những lời của những vị Bà-la-môn ấy và bây giờ muốn tổ chức những buổi lễ mà trong đó vô số chúng sanh sẽ phải bị giết hại? Chắc chắn chính Đức Thế Tôn là người vận dụng trí tuệ vô ngại trong tất cả các pháp, là người nên được hỏi đến và sau đó bệ hạ nên hành động đúng theo lời đáp lại của Đức Thế Tôn".

Khi đức vua nghe qua điều mà nàng đã phải nói ra, vị ấy đi đến yết kiến Bậc Đạo sư và nên lên vấn đề với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói rằng, "Tâu đại vương, không có tai hoạ nào đến với với bệ hạ dù bất cứ điều gì từ nguyên nhân ấy". Và rồi giải thích vấn đề ngay từ đầu về những chúng sanh mà đã sanh trong địa ngục vạc dầu bằng sắt. Rồi Ngài làm cho đầy đủ những câu kệ mà mỗi chúng sanh ấy bắt đầu nói ra, khi nói rằng:

1. Cả thảy chúng ta đều bị nấu sôi trong địa ngục đủ sáu chục ngàn năm, khi nào mới hết bị như thế này?

2. Sẽ không có sự chấm dứt. Tại sao có sự chấm dứt? Không có sự chấm dứt ấy được vì đó là cách mà những ác nghiệp được làm bởi các bạn và tôi, thưa các Ngài.

3. Chúng ta đã sống một cuộc sống ác; dầu ở trong tầm tay nhưng chúng ta đã không bố thí từ đó - Dầu những vật thí ở trong tầm tay nhưng chúng ta không làm chỗ nương tựa cho chính chúng ta.

4. Như vậy, khi chúng ta đã đi khỏi đây và được sanh trong cõi người, tôi sẽ tỏ ra cởi mở, có giới đức và quyết tâm làm nhiều việc thiện.

Khi Bậc Đạo sư đã nói những câu kệ này, Ngài thuyết giảng chánh pháp đầy đủ các chi tiết. Vào lúc kết thúc của thời pháp ấy, người đàn ông mà đã kiếm về đất sét đỏ được an trú trong quả thánh Tu- Đà- hườn. Đức vua đầy xúc động, bèn từ bỏ sự tham luyến vợ của người đàn ông khác và thoả mãn với vợ của chính mình.

*

IV.16 QUỶ SỰ VỀ SÁU CHỤC NGÀN CÁI BÚA (SAṬṬHIKŪṬA SAHASSA PETAVATTHUVAṆṆANĀ)

"Tại sao ngươi, như một người điên?"

Quỷ sự này được kể lại trong khi Bậc Đạo sư đang ngụ ở Veḷuvana, liên quan đến một Ngạ quỷ nọ.

Tương truyền rằng, cách đây đã lâu ở trong thành phố Ba-la-nại, có một người què nọ có tài trong việc búng sỏi. Khi ông ta đã đạt đến sự toàn hảo như vậy về nghệ thuật búng sỏi, ông ta thường ngồi ở gốc của một cây đa ở cổng thành và bằng cách bắn vào những ngọn lá của cây đa bằng

những viên sỏi, ông ta thường tạo ra những mẫu hình về những con voi, những con ngựa, chiếc xe, người, những ngôi nhà tháp nhọn với những lá cờ, những cái lu đầy nước v.v... khiến cho chúng hiện ra trên những ngọn lá ấy. Những đứa trẻ của thành phố ấy thường trả công cho ông ta bằng những đồng tiền bỏ túi của chúng và bảo ông ta trổ tài theo ý thích của chúng.

Rồi một hôm nọ, khi đức vua của thành Ba-la-nại rời khỏi thành phố, vị ấy đi đến gốc của cây đa ấy. Đức vua trông thấy nhiều hình thức và mẫu mã khác nhau như hình của con voi v.v... dính vào những ngọn lá của cây đa ấy và hỏi mọi người rằng, "ai đã tạo ra những hình thể và những mẫu mã khác nhau bằng cách này trên những ngọn lá đa này?" Dân chúng chỉ về người què mà nói rằng, "Tâu bệ hạ, chúng được làm bởi người đàn ông ấy". Đức vua gọi người đàn ông ấy đến và nói rằng, "Hãy nhìn đây, có thể nào để ngươi làm đầy bụng một người đàn ông bằng những viên phân dê trong khi ông ta đang nói chuyện, mà không để cho ông ta biết, nếu ta chỉ cho thấy ông ta?" "Tâu bệ hạ, điều ấy có thể được". Ông ta đáp lại.

Đức vua dẫn ông ta đi đến hoàng cung và, chán nghe những lời lãi nhãi của vị Tư tế quan, đã cho gọi vị Tư tế quan ấy đến. Đức vua ngồi chung với vị Tư tế quan trong một chỗ cách biệt được bao quanh bởi một vách màng, và trong khi tham khảo ý kiến với vị Tư tế quan, bèn cho gọi người què đến. Người què đi đến mang theo một ống tre chứa đầy những viên phân dê, khi lưu ý chỗ ngồi của đức vua, ngồi xuống xoay mặt về phía vị Tư tế quan, và khi miệng của vị Tư tế quan hả ra thì ông ta bắn vào những viên phân dê xuyên qua một lỗ hở trên bức màng, viên này đến viên khác, đến đầy cuống họng của vị Tư tế quan.

Do xấu hổ, không thể nôn ra trước mặt của đức vua, vị Tư tế quan đành phải nuốt hết tất cả những viên phân dê. Khi cái bao tử của vị Tư tế quan đã chứa đầy phân dê thì đức vua cho vị ấy ra về khi nói rằng, "Hãy đi, này ông Bà-la-môn, ông đã nhận lãnh kết quả của sự nói lảm nhảm của ông rồi đó. Khi ông đã uống thứ nước được làm từ trái cây được nghiền nát và những loại lá v.v... của cây Piyaṅgu thì ông sẽ nôn ra. Bằng cách này ông sẽ hoàn toàn khỏe lại", và, thoả thích với điều mà người què kia đã làm, bèn cho ông ta mười bốn ngôi làng.

Sau khi có được những ngôi làng này, chính ông ta được hạnh phúc và vui sướng luôn. Cả những người hầu của ông ta. Ông ta sống đầy đủ tiện nghi, nhưng không quên lãng những điều lợi ích trong cả đời sống này và thế giới bên kia và ông ta thường cho bất cứ cái gì cần thiết đến những ai cần đến như những vị Sa-môn và những vị Bà-la-môn; trong khi đó ông ta cho vật thực và sự hưởng công đến những người mà đã đến với ông ta khi họ học nghề của ông ta.

Rồi một người đàn ông nọ, đi đến với ông ta và nói như vầy, "Xin hãy làm thầy của con và dạy cho con về môn này, nhưng con không dùng gì đến vật thực của thầy gọi là sự trả công". Ông ta dạy cho người đàn ông ấy về môn búng sỏi của mình. Sau khi trở thành lão luyện trong nghệ thuật búng sỏi bằng cách bắn sỏi vào người, anh ta đã làm bể đầu của Đức Phật Độc Giác Sumetta khi ngài đang ngồi trên bờ sông và Đức Phật Độc Giác nhập Niết bàn ngay tại đó ở trên bờ sông. Khi dân chúng nghe tin về biến cố này, họ đánh anh ta ngay tại đó bằng những cục đất và những cây gậy v.v... Và đã giết chết anh ta.

Khi anh ta chết, anh ta tái sanh trong đại địa ngục Avīci và bị nấu sôi trong nhiều ngàn năm trong địa ngục ấy. Trong suốt thời kỳ của Đức Phật này anh ta sanh lên, do bởi dư báo của nghiệp ấy, làm một Ngạ quỷ không cách xa thành Vương xá.

Vì kết quả phải theo đúng với nghiệp, sáu chục ngàn cái búa được đưa lên vào buổi sáng, trưa và tối do bởi lực thôi thúc của nghiệp ấy và rồi giáng xuống trên đầu của hắn; nhân đó, cái đầu của hắn bị đánh và bị bể ra khiến hắn phải lãnh chịu những cảm thọ đau đớn cùng cực. Hắn thường té xuống đất, nhưng ngay khi những cái búa đã đi khỏi rồi thì hắn đứng dậy với cái đầu của hắn trở lại như cũ. Rồi một hôm nọ, Đại Đức Mahā Moggallāna đi xuống từ núi Kỳ-Xà-Quật, trông thấy hắn và hỏi hắn bằng câu kệ này:

1. Tại sao ngươi, như một người điên, lao đi chỗ này chỗ kia như một con nai bị khiếp đảm vậy? Không nghi ngờ gì ngươi là một kẻ làm ác . Tại sao ngươi tạo ra tiếng ồn ấy?

Khi nghe qua điều này, Ngạ quỷ bèn đáp lại bằng hai câu kệ này:

2. Bạch Ngài, con là một Ngạ quỷ đã đi đến kiếp sống đau khổ của Yamma. Sau khi đã làm ác nghiệp, con đã đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỷ.

3. Cả thảy đủ sáu chục ngàn cái búa rơi xuống trên dầu của con và những cái búa này đập vỡ cái đầu của con.

Rồi Trưởng lão dò hỏi về nghiệp mà hắn đã làm bằng hai câu kệ:

4. Bây giờ ác nghiệp nào được làm bởi ngươi do thân, khẩu hoặc ý? Do kết quả của nghiệp nào khiến ngươi đã đi từ đây đến thế giới của những Ngạ quỷ?

5. Tại sao đủ cả thảy sáu chục ngàn cái búa rơi xuống trên đầu của ngươi, và tại sao những cái búa này đập bể cái đầu của ngươi?

Ngạ quỷ ấy nói lên ba câu kệ để giải thích nghiệp mà hắn đã làm:

6. Con đã trông thấy Đức Phật Sumetta, là người mà trong đó các căn đã được tu tập, đang ngồi dưới một cội cây, đang thiền quán và không sợ gì từ bất cứ hướng nào.

7. Do một cú búng những viên sỏi của con, con đã làm bể cái đầu của Ngài, chính do kết quả của nghiệp ấy khiến con phải chịu đau khổ.

8. Đủ cả thảy sáu chục ngàn cái búa rơi xuống trên đầu của con và những cái búa này đập bể cái đầu của con.

Khi nghe qua điều này Trưởng lão bèn nói lên câu kệ kết thúc, để cho thấy rằng quả của nghiệp trước mà bây giờ hắn đang nhận lãnh thật hoàn toàn đúng với việc mà hắn đã làm:

9. Thật đáng đời cho ngươi, một kẻ hèn hạ như ngươi, rằng cả thảy đủ sáu chục ngàn cái búa giáng xuống trên đầu của ngươi và những cái búa này đập bể cái đầu của ngươi.

Bấy giờ, khi Trưởng lão đã nói như vậy, ngài bèn đi từ đó đến thành phố để khất thực và khi ngài đã thọ thực xong, Ngài đi đến Bậc Đạo sư vào buổi chiều và nêu lên vấn đề ấy với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn lấy vấn đề ấy làm nguyên nhân cần thiết đã sanh lên và, trong khi thuyết giảng Chánh Pháp đến tứ chúng, cho biết những đức tánh kỳ diệu của Chư Phật Độc Giác và tánh cách mà các nghiệp không bị vô hiệu. Mọi người đầy xúc động, đầy niềm tin; Họ từ bỏ những ác nghiệp và thiên về những việc phước như bố thí v.v...

Phần trình bày quỷ sự về sáu chục ngàn cái búa đã kết thúc- Như vậy phần trình bày về ý nghĩa của phẩm thứ tư, Đại phẩm, gồm có mười sáu câu chuyện trong những câu chuyện Ngạ quỷ này của bộ Khuddaka Nikāya đã kết thúc.

-ooOoo-

NHỮNG LỜI NHẬN XÉT ĐỂ KẾT LUẬN

Như vậy:

1. Những kẻ mà đã sanh trong cõi Ngạ quỷ tất cả đều là những người đã làm ác nghiệp. Do bởi những ác nghiệp ấy, quả dành cho chúng là xấu và khốc liệt.

2. Sự chứng minh và giải thích điều này bằng lối vấn đáp là giáo lý cần thiết, khiến cho chúng sanh phải kinh cảm.

3. Bộ Ngạ quỷ ấy hình thành một thiện luận sự và được khéo thành lập trên một sự hiểu biết toàn diện về đề tài, nghĩa là, những quỷ sự mà đã được kiết tập bởi những bậc thầy vĩ đại.

4. Khi dựa vào trên đó, theo cách của bộ chú giải cổ xưa của chúng, để làm trong sáng ý nghĩa của chúng, tôi đã thực hiện phần trình bày này về ý nghĩa của chúng.

5. Nghĩa là, phần giải thích về ý nghĩa bên trong, làm sáng tỏ một cách đúng đắn những ý nghĩa bên trong ở nhiều chỗ trong đó.

6. Sự phân tích có thứ lớp này về những ý nghĩa vi tế mà bao gồm đến mười lăm phần tụng đọc về kinh bây giờ đã đến chỗ kết thúc rồi.

7-8. Do nhờ oai lực của bất cứ phước báu nào mà tôi đã làm được qua sự biên soạn bộ chú giải bằng cách này, cầu mong tất cả chúng sanh đều được thấm nhuần giáo pháp của Đấng Cứu Rỗi Thế Gian và cầu mong tất cả chúng sanh được nếm hương vị giải thoát qua hạnh kiểm thanh tịnh và giới đức đầy đủ v.v...

9. Cầu mong cho giáo pháp của Đức Phật Toàn Giác được trường tồn trong thế gian và cầu mong cho tất cả chúng sanh luôn luôn có lòng kính mộ giáo pháp ấy.

10. Cầu mong thần mưa cũng rơi xuống thích hợp và đúng lúc, và cầu mong chúa của quả đất sùng mộ giáo pháp chân chánh và trị vì thế gian theo đúng với chánh pháp.

Như vậy phần trình bày về ý nghĩa của những Ngạ quỷ sự được thực hiện bởi Đại đức Ācariya Dhammapāla, là vị Tỳ khưu và là bậc hiền trí cao quý và cũng là vị Sa-môn trú ngụ trong tịnh xá Badara-tittha, đã kết thúc.

Kết thúc bộ Chú giải Ngạ quỷ sự

-ooOoo-

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.